

Số: 171/2024/TT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ HDBank, Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử, Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HDBANK

Căn cứ:

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01/07/2024);
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết bằng văn bản của các thành viên Hội đồng Quản trị ngày 04/04/2024,

Ngày 18/01/2024, Quốc hội ban hành Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật Các tổ chức tín dụng 2024), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2024.

Theo đó, Luật Các tổ chức tín dụng 2024 với nhiều quy định mới, quy định thay đổi so với Luật Các tổ chức tín dụng 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tổ chức và hoạt động của HDBank cũng như các cơ quan quản trị, kiểm soát, điều hành của HDBank. Với các quy định mới, quy định thay đổi này thì các nội dung quy định tương ứng tại Điều lệ HDBank; Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử; Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng; Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát hiện hành đã không còn phù hợp.

Nhằm đảm bảo sự tuân thủ pháp luật đối với các quy định mới của Luật tổ chức tín dụng 2024 khi Luật này có hiệu lực thi hành, đồng thời nhằm phù hợp với tình hình thực tế của HDBank trong giai đoạn hiện nay, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều lệ HDBank; Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử; Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng; Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, dưới các hình thức phù hợp sau:
 - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ HDBank (các sửa đổi, bổ sung Điều lệ sẽ được hợp nhất với Điều lệ hiện hành thành Dự thảo Điều lệ HDBank);
 - Ban hành mới lại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử (thay thế Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử số 01/2021/QC-ĐHĐCĐ ngày 16/09/2021);
 - Ban hành mới lại Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng HDBank (thay thế Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng HDBank số 02/2021/QC-ĐHĐCĐ ngày 16/09/2021);

- Ban hành mới lại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị HDBank (thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị HDBank số 03/2021/QC-ĐHĐCĐ ngày 16/09/2021);
 - Ban hành mới lại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát HDBank (thay thế Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát HDBank ban hành kèm theo Quyết định số 01/2021/QĐ-BKS ngày 16/09/2021).
2. Giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục theo quy định để hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, ban hành mới lại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử, Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị như nêu trên, bao gồm cả việc công bố thông tin và thông báo đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.
3. Giao cho Ban Kiểm soát thực hiện các thủ tục theo quy định để hoàn thành việc ban hành mới lại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, bao gồm cả việc công bố thông tin và thông báo đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

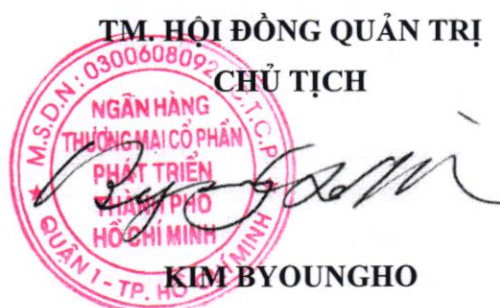
Tài liệu đính kèm:

- *Bản dự thảo Điều lệ HDBank hợp nhất (bao gồm cả nội dung sửa đổi, bổ sung);*
- *Bản dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử;*
- *Bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng;*
- *Bản dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị;*
- *Bản dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;*
- *Phụ lục các nội dung sửa đổi, bổ sung của từng văn bản trên.*

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông HDBank;
- HĐQT, BKS;
- Website HDBank – Nhà Đầu tư;
- Lưu VP HĐQT.



PHỤ LỤC 01
NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG ĐIỀU LỆ HDBANK
(Căn cứ tình hình thực tế, Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và các quy định pháp luật điều chỉnh liên quan)

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Khoản 1 Điều 1 về Định nghĩa	<p>y. “<i>Bên nhận chuyển giao</i>” là <u>Ngân hàng trong trường hợp đề nghị được nhận chuyển giao bắt buộc đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo phương án chuyển giao bắt buộc và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định được nhận chuyển giao bắt buộc.</u></p> <p>s. “<i>Can thiệp sớm</i>” là việc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu Ngân hàng khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều 14 của Điều lệ này.</p> <p>p. “<i>Cổ đông lớn</i>” là cổ đông sở hữu <u>trực tiếp, gián tiếp</u> từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.</p>	<p>a. “<i>Bên nhận chuyển giao bắt buộc</i>” <u>có nghĩa là một hoặc một số tổ chức sau đây đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng:</u></p> <p>i. <u>Tổ chức tín dụng trong nước, tổ chức tín dụng nước ngoài;</u></p> <p>ii. <u>Doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài;</u></p> <p>iii. <u>Tổ chức khác.</u></p> <p>b. “<i>Can thiệp sớm</i>” có nghĩa là việc <u>NHNN áp dụng các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với Ngân hàng</u> và yêu cầu Ngân hàng thực hiện phương án khắc phục <u>dưới sự giám sát của NHNN</u> nhằm khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều 14 của Điều lệ này <u>và quy định của pháp luật hiện hành.</u></p> <p>c. “<i>Cổ đông lớn</i>” có nghĩa là cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, <u>bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.</u></p>	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại Điều 184; khoản 3, 8, 24, 33 và 42 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; khoản 4 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>i. “<i>Người có liên quan</i>” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>i. Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;</p> <p>ii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;</p>	<p>s. “<i>Người có liên quan</i>” có nghĩa là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>i. Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; <u>công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại;</u> tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; <u>tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại;</u> các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; <u>các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau;</u> người quản lý, <u>kiểm soát viên,</u> thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;</p> <p>ii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, <u>kiểm soát viên,</u> thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>iii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;</p> <p>iv. Cá nhân với vợ, chồng, <u>cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này</u>;</p> <p>v. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân theo quy định tại tiết (iv) điểm này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ</p>	<p>iii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;</p> <p>iv. Cá nhân với vợ, chồng; <u>cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột</u>;</p> <p>v. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân <u>có mối quan hệ</u> theo quy định tại tiết (iv) điểm này với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;</p> <p>vi. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết (i), (ii), (iii), (iv) và (v) điểm này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;</p> <p>vii. Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát <u>đối với từng trường hợp cụ thể</u>.</p> <p>Không quy định</p> <p>a. “Vốn điều lệ” Vốn điều lệ của Ngân hàng là <u>vốn đã được chủ sở hữu thực</u></p>	<p>trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;</p> <p>vi. Cá nhân được ủy quyền đại diện <u>phần vốn góp</u> cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết (i), (ii), (iii), (iv) và (v) điểm này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau; và</p> <p>vii. Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN thông qua hoạt động thanh tra, giám sát.</p> <p>dd. <u>“Sở hữu gián tiếp” có nghĩa là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ của Ngân hàng thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ.</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<u><i>cấp hoặc vốn đã được các cổ đông thực góp và được ghi trong Điều lệ Ngân hàng.</i></u>	gg. “Vốn điều lệ” có nghĩa là <u><i>tổng mệnh giá cổ phần của Ngân hàng đã bán cho cổ đông.</i></u>	
	Không quy định	<p>v. “Người nội bộ” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên khác của Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên khác của Ban kiểm soát; thư ký ngân hàng, người phụ trách quản trị ngân hàng, người được ủy quyền công bố thông tin.</p> <p>z. “Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng” có nghĩa là quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng hiện hành được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>aa. “Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị” có nghĩa là quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng hiện hành được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Bổ sung định nghĩa về các Quy chế có liên quan mà nội dung Điều lệ có tham chiếu đến.</p> <p>Bổ sung định nghĩa về Rút tiền hàng loạt là khái niệm mới được quy định tại khoản 31 Điều 4 Luật Các TCTD.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>bb. “Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát” có nghĩa là quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng hiện hành được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>cc. “Rút tiền hàng loạt” có nghĩa là việc Ngân hàng bị nhiều người gửi tiền cùng rút tiền dẫn đến Ngân hàng có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất khả năng chi trả theo quy định của Thống đốc NHNN.</p>	
	<p>v. “Phương án phục hồi” là phương án áp dụng các biện pháp để Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt tự khắc phục tình trạng dẫn đến Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt.</p> <p>w. “Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp” là phương án áp dụng khi có tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, hợp nhất, có nhà đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.</p>	Bãi bỏ	Các định nghĩa này không còn được ghi nhận tại Luật Các tổ chức tín dụng 2024
Khoản 5 và khoản 7 Điều 2 về Tên, địa chỉ, hình thức, người đại	5. <u>Các Chi nhánh, Phòng Giao dịch của Ngân hàng được thành lập theo sự cho phép của NHNN và được thể hiện</u>	5. Ngân hàng có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các hình thức hiện diện thương mại khác	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại khoản 1

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
<p>diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và con dấu của Ngân hàng</p>	<p><u>tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Ngân hàng.</u></p> <p>Ngân hàng có thể thành lập Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các hình thức hiện diện thương mại khác <u>khi được các cơ quan có thẩm quyền</u> và NHNN cho phép theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. Ngân hàng có con dấu riêng, được lưu giữ bảo quản và sử dụng theo quy định của pháp luật.</p>	<p>sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản theo quy định của Thống đốc NHNN và quy định pháp luật.</p> <p><u>Văn bản chấp thuận việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước của Ngân hàng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.</u></p> <p>7. Ngân hàng có con dấu riêng, được lưu giữ bảo quản, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật <u>và Quy chế quản lý và sử dụng con dấu do Hội đồng quản trị ban hành.</u></p>	<p>và 3 Điều 38 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.</p>
<p>Điều 5 về Nội dung hoạt động của Ngân hàng</p>	<p>Điều 5. Nội dung hoạt động của Ngân hàng</p> <p>1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.</p> <p>2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, <u>kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy</u></p>	<p>Điều 5. Nội dung hoạt động của Ngân hàng</p> <p>Phụ thuộc vào nội dung của Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng và quy định của pháp luật áp dụng, Ngân hàng được thực hiện các hoạt động sau đây:</p> <p>1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.</p> <p>2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại Điều 107 đến Điều 114, Điều 137 và Điều 144 Luật Các TCTD</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>động vốn trong nước và nước ngoài.</u></p> <p>3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:</p> <p>a. Cho vay;</p> <p><u>b. Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;</u></p> <p>c. Bảo lãnh ngân hàng;</p> <p>d. Phát hành thẻ tín dụng;</p> <p>e. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế khi được NHNN cho phép;</p> <p><u>f. Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được NHNN chấp thuận.</u></p> <p>4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.</p> <p>5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.</p> <p>6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:</p> <p>a. Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy</p>	<p>3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:</p> <p>a. Cho vay;</p> <p>b. Chiết khấu, tái chiết khấu;</p> <p>c. Bảo lãnh ngân hàng;</p> <p>d. Phát hành thẻ tín dụng;</p> <p>e. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế khi được NHNN cho phép thực hiện;</p> <p><u>f. Thư tín dụng;</u></p> <p>g. Các hình thức cấp tín dụng khác <u>theo quy định của Thống đốc NHNN.</u></p> <p>4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.</p> <p>5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.</p> <p>6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán <u>qua tài khoản</u> sau đây:</p> <p>a. Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu,</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>nhiệm thu, <u>thư tín dụng</u>, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;</p> <p>b. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác <u>sau khi được NHNN chấp thuận</u>.</p> <p>7. Vay vốn của NHNN</p> <p>Ngân hàng được vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN Việt Nam.</p> <p>8. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính</p> <p>Ngân hàng được vay vốn của tổ chức tín dụng khác, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p> <p>9. Mở tài khoản</p> <p>a. Ngân hàng mở <u>tài khoản tiền gửi</u> tại NHNN và duy trì trên tài khoản tiền gửi này <u>số dư bình</u></p>	<p><u>chuyển tiền</u>, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;</p> <p>b. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế <u>sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản</u>; dịch vụ thanh toán khác <u>theo quy định của Thống đốc NHNN</u>.</p> <p>7. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá:</p> <p>a. Ngân hàng được vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN Việt Nam.</p> <p>b. Ngân hàng được <u>mua, bán giấy tờ có giá với NHNN theo quy định của Luật NHNN Việt Nam</u>.</p> <p>c. Ngân hàng được <u>cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá</u> với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc NHNN.</p> <p>d. Ngân hàng được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Mở tài khoản:</p> <p>1. Ngân hàng phải mở <u>tài khoản thanh toán</u> tại NHNN và duy trì <u>số</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc. Chi nhánh của Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại Chi nhánh NHNN Tỉnh, Thành phố, nơi đặt trụ sở của Chi nhánh.</u></p> <p>b. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại <u>các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.</u></p> <p>c. Ngân hàng được mở <u>tài khoản tiền gửi</u>, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p> <p>10. Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán</p> <p>a. Ngân hàng được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.</p> <p>b. Ngân hàng được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận.</p> <p>11. Tham gia thị trường tiền tệ</p> <p>Ngân hàng được tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc; mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính</p>	<p><u>tiền dự trữ bắt buộc</u> trên tài khoản này.</p> <p>2. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại <u>tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.</u></p> <p>3. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p> <p>9. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán:</p> <p>a. Ngân hàng được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.</p> <p>b. Ngân hàng được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế <u>khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ</u> và được NHNN chấp thuận <u>bằng văn bản.</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.</p> <p>12. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh</p> <p>a. Ngân hàng thương mại được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản:</p> <p>i. Ngoại hối;</p> <p>ii. Phái sinh về <u>tỷ giá</u>, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.</p> <p>b. Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p> <p>13. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý</p> <p>Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, <u>kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản</u> theo quy định của NHNN.</p>	<p><u>10. Góp vốn, mua cổ phần:</u></p> <p><u>Ngân hàng thực hiện góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Error! Reference source not found. Điều lệ này.</u></p> <p>11. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh:</p> <p>a. Ngân hàng được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các <u>dịch vụ</u>, sản phẩm sau đây khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản:</p> <p>i. Ngoại hối;</p> <p>ii. Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.</p> <p>b. Việc <u>kinh doanh ngoại hối</u>, cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p> <p>12. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, <u>giao đại lý</u>:</p> <p>a. Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>Được ủy thác và nhận ủy thác cho vay theo quy định của NHNN.</u></p> <p>14. Kinh doanh bất động sản</p> <p>Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;</p> <p>b. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng;</p> <p>c. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn <u>03 năm</u>, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định</p>	<p>động ngân hàng, <u>giao đại lý thanh toán</u> theo quy định của Thống đốc NHNN.</p> <p>b. Ngân hàng được thực hiện <u>hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc NHNN.</u></p> <p>13. Kinh doanh bất động sản:</p> <p>Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;</p> <p>b. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của Ngân hàng chưa sử dụng hết;</p> <p>c. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn <u>05 (năm) năm</u>, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>phục vụ trực tiếp cho hoạt động không quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đối với Ngân hàng.</p> <p>15. Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng</p> <p>a. Dịch vụ quản lý tiền mặt, dịch vụ môi giới tiền tệ, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.</p> <p><u>b. Tư vấn tài chính doanh nghiệp; tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.</u></p> <p><u>c. Mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán trái phiếu với mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN; mua trái phiếu với mục đích đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN.</u></p> <p>d. Hoạt động mua nợ.</p>	<p>này. <u>Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại điểm a khoản này</u> và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng, bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không được vượt quá 50% Vốn điều lệ <u>và quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán.</u></p> <p>14. Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng:</p> <p>a. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc NHNN:</p> <p>i. Dịch vụ quản lý tiền mặt; <u>dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</u>; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;</p> <p>ii. <u>Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p><u><i>dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;</i></u></p> <p>iii. Mua, bán <u><i>tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại tiết (i) điểm b khoản này;</i></u></p> <p>iv. Dịch vụ môi giới tiền tệ;</p> <p>v. <u><i>Kinh doanh vàng;</i></u></p> <p>vi. <u><i>Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;</i></u></p> <p>vii. <u><i>Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng.</i></u></p> <p>viii. <u><i>Mua nợ.</i></u></p> <p>b. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:</p> <p>i. Mua, bán <u><i>công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính</i></u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p><u>phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</u></p> <p>ii. Phát hành trái phiếu;</p> <p>iii. <u>Lưu ký chứng khoán;</u></p> <p>iv. <u>Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;</u></p> <p>v. <u>Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</u></p> <p>c. <u>Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại điểm a và b khoản này theo quy định của Thống đốc NHNN, quy định khác của pháp luật có liên quan.</u></p>	
Khoản 3, 4, 5, và 7 Điều 6 về Góp vốn, mua cổ phần	3. Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, <u>kinh doanh ngoại hối</u> , vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng	3. Ngân hàng được thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại Điều 111 và Điều 137. Luật Các tổ chức tín dụng 2024

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p> <p>4. Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:</p> <p>a. Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, <u>kinh doanh ngoại hối</u>, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;</p> <p>b. Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>5. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và việc góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của NHNN <u>và tuân thủ điều kiện, thủ tục và trình tự theo quy định của pháp luật có liên quan.</u></p> <p>7. Ngân hàng không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của Ngân hàng</p>	<p>tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p> <p>4. Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:</p> <p>a. Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;</p> <p>b. Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>5. Ngân hàng thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>7. Ngân hàng, <u>công ty con của Ngân hàng</u> không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sau đây:</p> <p>a. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		khác là cổ đông của Ngân hàng; b. <u>Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn của Ngân hàng.</u>	
	Không quy định	8. Ngoài ra, tổng mức góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng vào các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng và mức góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng và các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng vào doanh nghiệp khác không được vượt quá tỷ lệ tối đa theo quy định của pháp luật.	Bổ sung để nhằm tuân thủ quy định pháp luật về tổng mức góp vốn, mua cổ phần tối đa mà Ngân hàng được phép thực hiện.
Điều 7 về Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý	<p>Điều 7. Xét duyệt <u>cho vay</u>, kiểm tra và xử lý</p> <p>1. Ngân hàng được quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, <u>biện pháp bảo đảm tiền vay</u> trước khi quyết định cấp tín dụng.</p>	<p>Điều 7. Xét duyệt <u>cấp tín dụng</u>, kiểm tra và xử lý</p> <p>1. Ngân hàng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, <u>dữ liệu</u> chứng minh khả năng tài chính của khách hàng, phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</u></p> <p>2. <u>Ngân hàng phải có tối thiểu thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp, khả năng tài chính của khách hàng trước khi quyết định cấp tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng</u></p>	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại Điều 102 và Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>2. Ngân hàng phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.</p> <p>3. Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.</p> <p>4. Trong trường hợp <u>khách hàng không trả được nợ đến hạn</u>, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì Ngân hàng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của Ngân hàng thực hiện theo quy định của NHNN.</p> <p>5. Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của</p>	<p><u>có mức giá trị nhỏ theo quy định của Thống đốc NHNN.</u></p> <p>3. Ngân hàng phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.</p> <p>4. <u>Ngân hàng có quyền thỏa thuận với khách hàng về việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm trong hoạt động cấp tín dụng.</u></p> <p>5. Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng, <u>hợp đồng bảo đảm.</u></p> <p>6. Trường hợp các bên không có thỏa thuận khác thì Ngân hàng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của Ngân hàng thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.</p> <p>7. Trường hợp khách hàng hoặc bên bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản,</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>6. Ngân hàng có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của Ngân hàng.</p>	<p>việc thu hồi nợ của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>8. Ngân hàng có quyền quyết định miễn, giảm lãi, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của Ngân hàng.</p>	
Khoản 1 Điều 9 về Vốn điều lệ	1. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).	1. Vốn điều lệ <u>là tổng mệnh giá cổ phần của Ngân hàng đã bán cho cổ đông</u> , được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại khoản 42 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.
Khoản 1 Điều 10 về Thay đổi vốn điều lệ	1. Việc thay đổi vốn điều lệ của Ngân hàng (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ theo quy định của pháp luật hiện hành. Văn bản chấp thuận việc thay đổi mức vốn điều lệ của Ngân hàng có hiệu lực trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày ký. <u>Trường hợp việc tăng vốn điều lệ chưa hoàn tất trong thời hạn cho phép, nếu Đại hội đồng cổ đông thông qua</u>	1. Việc thay đổi Vốn điều lệ (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi Vốn điều lệ theo quy định của pháp luật hiện hành. Văn bản chấp thuận của NHNN về việc thay đổi mức Vốn điều lệ có hiệu lực trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký.	Điều chỉnh để phù hợp với thực tế thực hiện và Thông tư 50/2018/TT-NHNN.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<u><i>việc thay đổi phương án tăng vốn điều lệ đã được NHNN chấp thuận, văn bản trên hết hiệu lực pháp lý.</i></u>		
Điều 12 về Sử dụng vốn, tài sản	<p>Điều 12. Sử dụng vốn, tài sản</p> <p>Ngân hàng được quyền chủ động thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh.</p> <p>Việc điều động vốn, tài sản nội bộ của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 12. Sử dụng vốn, tài sản</p> <ol style="list-style-type: none"> <u><i>Ngân hàng được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.</i></u> Ngân hàng được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh <u><i>theo nhu cầu thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.</i></u> <u><i>Ngân hàng được điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh hoặc giữa các Công ty con có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập theo nhu cầu thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.</i></u> Việc điều động vốn, tài sản nội bộ của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị. 	Chuyển các quy định tại Điều 74 lên bổ sung trong Điều khoản này để thống nhất và tuân thủ quy định tại Điều 6 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP.
Khoản 1, 2 và 3 Điều 13 về bảo đảm an toàn vốn	1. Ngân hàng phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:	<ol style="list-style-type: none"> Ngân hàng phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây theo quy định của pháp luật: <ol style="list-style-type: none"> Tỷ lệ khả năng chi trả; 	Điều chỉnh để phù hợp với Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; Khoản 3,

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>a. Tỷ lệ khả năng chi trả;</p> <p>b. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ;</p> <p>c. <u>Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;</u></p> <p>d. Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;</p> <p>e. <u>Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;</u></p> <p>f. Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.</p> <p>2. Ngân hàng tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.</p> <p>3. Tổng số vốn của Ngân hàng đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của Ngân hàng dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần <u>nhằm nắm quyền kiểm soát</u> các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng</p>	<p>b. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ;</p> <p>c. Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;</p> <p>d. Tỷ lệ mua, <u>nắm giữ</u>, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;</p> <p>e. <u>Tỷ lệ bảo đảm an toàn khác.</u></p> <p>2. Ngân hàng tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải <u>ký quỹ tiền tại NHNN</u>, nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ.</p> <p>3. Tổng số vốn của Ngân hàng đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, Công ty con của Ngân hàng dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán không được tính vào</p>	4 Điều 8 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	khoản phải trừ khỏi vốn tự có khi tính các tỷ lệ an toàn.	vốn tự có khi tính tỷ lệ bảo đảm an toàn.	
Điều 14 về Áp dụng can thiệp sớm đối với Ngân hàng	<p>Điều 14. Áp dụng can thiệp sớm đối với Ngân hàng</p> <p><u>1. Các trường hợp Ngân hàng được xem xét áp dụng can thiệp sớm nhưng chưa được đặt vào kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 82 của Điều lệ này:</u></p> <p><u>a. Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này trong thời gian 03 tháng liên tục;</u></p> <p><u>b. Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này trong thời gian 06 tháng liên tục;</u></p> <p><u>c. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p><u>2. Ngân hàng phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước thực trạng, nguyên nhân, phương án khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này và tổ chức triển khai thực hiện trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng</u></p>	<p>Điều 14. Thực hiện can thiệp sớm đối với Ngân hàng</p> <p><u>1. Các trường hợp Ngân hàng được NHNN xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm:</u></p> <p><u>a. Số lỗ lũy kế của Ngân hàng lớn hơn 15% giá trị của Vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này;</u></p> <p><u>b. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN;</u></p> <p><u>c. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này trong thời gian 30 ngày liên tục;</u></p> <p><u>d. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản</u></p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 156 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>Nhà nước, Ngân hàng phải điều chỉnh lại phương án khắc phục trong trường hợp nhận được văn bản yêu cầu điều chỉnh của Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p><u>Thời hạn thực hiện phương án khắc phục tối đa là 01 năm, kể từ ngày có văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p><u>3. Phương án khắc phục bao gồm một hoặc một số biện pháp sau đây:</u></p> <p>a. <u>Thu hẹp nội dung, phạm vi hoạt động, hạn chế các giao dịch lớn;</u></p> <p>b. <u>Tăng vốn điều lệ, vốn được cấp; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và thực hiện các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;</u></p> <p>c. <u>Hạn chế chi trả cổ tức, phân phối lợi nhuận;</u></p> <p>d. <u>Cắt giảm chi phí hoạt động, chi phí quản lý; hạn chế trả thù lao, lương, thưởng đối với người quản lý, người điều hành;</u></p>	<p><u>1 Điều 13 của Điều lệ này trong thời gian 06 tháng liên tục;</u></p> <p>e. <u>Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN.</u></p> <p><u>2. Ngân hàng phải xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.</u></p> <p><u>3. Ngân hàng có trách nhiệm thực hiện ngay các nội dung sau đây theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN:</u></p> <p>a. <u>Một hoặc một số yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm theo quy định tại Điều 157 của Luật Các tổ chức tín dụng và thời hạn thực hiện;</u></p> <p>b. <u>Cập nhật, thực hiện ngay phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định tại Điều 143 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc xây dựng phương án khắc phục theo quy định tại Điều 158 của Luật Các tổ chức tín dụng, thời</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>e. <u>Tăng cường quản trị rủi ro; tổ chức lại bộ máy quản lý, cắt giảm nhân sự;</u></p> <p>f. <u>Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p><u>hạn hoàn thành xây dựng và thông qua phương án khắc phục.</u></p> <p><u>3. Ngân hàng thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính, đánh giá thực trạng tài chính để làm cơ sở xây dựng phương án khắc phục trong trường hợp có yêu cầu của NHNN.</u></p>	
Khoản 8 Điều 15 về Vốn điều lệ hiện hành, cổ phần, cổ đông của Ngân hàng	8. Ngân hàng phải có tối thiểu 100 cổ đông <u>(không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp)</u> và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt và đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định tại Chương 20 Điều lệ này và Mục 1đ Chương VIII của Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).	8. Ngân hàng phải có tối thiểu 100 (một trăm) cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt và <u>được chuyển giao bắt buộc</u> đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định tại Mục 4 Chương X của Luật Các tổ chức tín dụng.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 60 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.
Khoản 2, 3 và 4 Điều 16 về Giới hạn sở hữu cổ phần	<p>2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá <u>15% vốn điều lệ</u> của Ngân hàng, trừ các trường hợp:</p> <p>a. Ngân hàng đang được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt;</p>	<p>2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá <u>10% (mười phần trăm) Vốn điều lệ.</u></p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>b. Sở hữu cổ phần của Ngân hàng tại công ty con, công ty liên kết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 6 của Điều lệ này;</p> <p>c. Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định theo quy định của pháp luật¹.</p> <p>3. Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa <u>20% vốn điều lệ</u> của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.</p> <p>Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó chỉ được sở hữu dưới 5% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng khác.</p>	<p>3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá <u>15% (mười lăm phần trăm) Vốn điều lệ.</u></p> <p>Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.</p> <p>4. <u>Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. <u>Sở hữu cổ phần tại Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 6 của Điều lệ này;</u></p>	

¹ Điều 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.</p>	<p><u>b. Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều này.</u></p> <p>5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả <u>số cổ phần sở hữu gián tiếp</u>. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần <u>và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng.</u></p>	
Khoản 2, 3, 4 và 8 Điều 17 về Cổ phiếu	<p><u>2. Mỗi cổ đông sẽ được Ngân hàng cấp cổ phiếu theo từng loại cổ phần để ghi nhận số vốn góp. Cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn, cổ đông sáng lập và cổ đông nước ngoài được phát hành dưới hình thức cổ phiếu có ghi tên.</u></p> <p><u>3. Mỗi cổ phiếu được cấp phát không được ghi nhận nhiều loại cổ phần.</u></p> <p><u>4. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ</u></p>	Bãi bỏ	<p>- Bãi bỏ khoản 2, 3 và 4 Điều 17 nhằm phù hợp với thực tế hiện nay khi cổ phiếu của HDBank đã được niêm yết và lưu ký tập trung tại VSDC (và cũng không ngoại lệ đối với cổ phiếu do thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>dăng ký cổ đông liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp miễn phí một giấy chứng nhận sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng ba mươi (30) ngày (hoặc thời hạn lâu hơn theo quy định của điều khoản phát hành hoặc của Hội đồng quản trị về việc chuyển nhượng). Các cổ phần do thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các cổ đông lớn sở hữu, cổ đông sáng lập và cổ đông nước ngoài phải được đăng ký.</u></p> <p>8. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, Ngân hàng phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua đối với Ngân hàng.</p>	<p>2. <u>Cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.</u> Trường hợp phát hành dưới hình thức chứng chỉ, Ngân hàng phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ số tiền cam kết mua cổ phần.</p>	<p>kiểm soát, cổ đông lớn, cổ đông sáng lập và cổ đông nước ngoài nắm giữ). Hiện tại, chỉ còn một số ít cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu của HDBank thì HDBank mới cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông để chứng nhận quyền sở hữu cổ phần HDBank cho các cổ đông này.</p> <p>- Điều chỉnh khoản 8 Điều 17 nhằm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp và Điều 66 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.</p>
Khoản 1, 4, 5, 10 và 11 Điều 18 về Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	1. <u>Cổ phần phổ thông phát hành thêm để tăng vốn phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Ngân</u>	1. <u>Ngân hàng có thể tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng Vốn điều lệ. Chào bán</u>	<p>Điều chỉnh để:</p> <p>- Áp dụng bao quát cho các hình thức chào bán cổ phần</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>hàng, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Ngân hàng quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</u></p> <p>4. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Thống đốc NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:</p> <p><i>a. <u>Các giao dịch mua bán cổ phần của cổ đông lớn;</u></i></p> <p><i>b. <u>Các giao dịch mua bán cổ phần dẫn đến cổ đông đang là cổ đông lớn trở thành cổ đông bình thường và ngược lại.</u></i></p> <p>5. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. <u>Hình thức</u></p>	<p><u>cổ phần được thực hiện theo các hình thức sau:</u></p> <p><i>a. <u>Chào bán cổ phần ra công chúng;</u></i></p> <p><i>b. <u>Phát hành cổ phần riêng lẻ;</u></i></p> <p><i>c. <u>Chào bán, phát hành cổ phần theo các hình thức khác theo quy định của pháp luật.</u></i></p> <p><u>2. Việc chào bán cổ phần theo khoản 1 Điều này được Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</u></p> <p>5. Việc <u>mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn</u> phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.</p>	<p>mà HDBank được phép thực hiện phù hợp với quy định pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với quy định tại khoản điểm đ khoản 1 Điều 37, khoản 1 và 2 Điều 64 Luật Các tổ chức tín dụng 2024. - Tình hình thực tế thực hiện tại HDBank.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>chuyển nhượng được xác lập bằng văn bản do Hội đồng quản trị quy định cụ thể. Văn bản chuyển nhượng được người chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng hay đại diện được uỷ quyền hợp pháp của những người này ký. Cổ phiếu được coi là đã được chuyển nhượng khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 22 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người nhận chuyển nhượng cổ phần được công nhận là cổ đông của Ngân hàng. Việc đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan được thực hiện trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu.</u></p> <p>10. Cổ đông cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.</p>	<p>6. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành liên quan.</p> <p>9. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện <u>phần vốn góp</u> là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>11. Trong thời gian đang xử lý các hậu quả theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp các thành viên này:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật; b. Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án; c. Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện <u>phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</u> 	<p>của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ, <u>trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng.</u></p> <p>10. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp các thành viên này:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật; b. Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo <u>bản án</u>, quyết định của Tòa án <u>đã có hiệu lực pháp luật;</u> c. Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện <u>phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</u> 	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
<p>Điều 22 về Sổ đăng ký cổ đông</p>	<p>Điều 22. Sổ đăng ký cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngân hàng lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Ngân hàng. 2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng; b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp; d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; 	<p>Bãi bỏ</p>	<p>Nhằm phù hợp với thực tế hiện nay, cổ phiếu của HDBank đã được niêm yết và lưu ký tập trung tại VSDC nên danh sách cổ đông của HDBank do VSDC lập và quản lý và HDBank không còn lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.</p> <p>3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông.</p> <p>4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.</p> <p>5. Ngân hàng cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>6. Xác lập danh sách cổ đông:</p> <p>a. Ngân hàng quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các cổ đông được hưởng các quyền của cổ đông và phải đảm bảo cổ đông có đủ thời gian để đăng ký</p>		

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>những thay đổi về bản thân và số cổ phần mà mình sở hữu với Ngân hàng trước thời điểm nói trên;</p> <p>b. Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách cổ đông đến ngày quyền của cổ đông được thực hiện, người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền của cổ đông.</p>		
Điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 23 về Quyền của cổ đông	<p>Điều 23. Quyền của Cổ đông</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:</p> <p>a. Các quyền theo quy định tại <u>Điều 53</u> Luật các Tổ chức tín dụng, cụ thể như sau:...</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:...</p> <p>c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị,</u></p>	<p>Điều 22. Quyền của Cổ đông</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:</p> <p>a. Các quyền theo quy định tại <u>Điều 61</u> Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể như sau:...</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền theo quy định <u>tại khoản 10 Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng</u> và khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:...</p> <p>iii. <u>Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</u> Việc đề cử người vào Hội đồng</p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>Ban kiểm soát</u>. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được theo quy định tại <i>khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</i> nhưng danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định:...</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ này.</p>	<p>quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp nhưng danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định....</p> <p>c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 0 Error! Reference source not found. Điều lệ này.</p>	
Điểm c khoản 1 Điều 24 về Nghĩa vụ của cổ đông	<p>Điều 24. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông của ngân hàng phải thực hiện các nghĩa vụ sau:</p> <p>c. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do Ngân hàng cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn,</p>	<p>Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông <u>phổ thông</u> của Ngân hàng phải thực hiện các nghĩa vụ sau:</p> <p>c. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do Ngân hàng <u>và/hoặc các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác</u> cấp tín dụng, <u>nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh</u></p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật	<u>nghiệp</u> để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.	
Điểm b, c khoản 3, khoản 4 và 5 Điều 25 về ĐHĐCĐ, thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ	<p>Điều 25. Đại hội đồng cổ đông, thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị <u>đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Ngân hàng;</u></p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát về <u>quản lý Ngân hàng của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</u></p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;</p>	<p>Điều 24. Đại hội đồng cổ đông, thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị <u>về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát về <u>kết quả kinh doanh của Ngân hàng, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</u></p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;</p>	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều 139 và khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp; khoản 2 Điều 50, khoản 6 Điều 51 và khoản 2 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>b. Số thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, bao gồm cả trường hợp vi phạm về số thành viên độc lập, thành viên không phải là người điều hành của Ngân hàng tối thiểu theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;</p> <p>c. <u>Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này và/hoặc số lượng thành viên nhiệm kỳ đó đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p>d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ</p>	<p>b. Số thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật <u>và/hoặc Điều lệ này</u>, bao gồm cả trường hợp vi phạm về số thành viên độc lập của Hội đồng quản trị, thành viên không phải là Người điều hành ngân hàng tối thiểu theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Điều lệ này; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp này phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>f. Theo yêu cầu của NHNN;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>ba mươi (30) ngày</u>, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b, c khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 4 Điều này.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng.</p>	<p>bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>e. <u>Quyết định nội dung</u> theo yêu cầu của NHNN <u>khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng</u>;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn:</p> <p>c. <u>90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 4 Điều này</u>;</p> <p>d. 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu họp lệ quy định tại điểm c, điểm d và điểm e khoản 4 Điều này.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên khác của</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng.	
Khoản 1 Điều 26 về Danh sách cổ đông có quyền dự họp	<p>Điều 26. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên <u>Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng</u>. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên <u>Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập và cấp theo yêu cầu của Ngân hàng</u>. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng (tức ngày chốt danh sách cổ đông). Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này.</u></p>	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với thực tế vận hành hiện nay và đáp ứng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC.
Khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 27 về Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ	<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p>	<p>Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nhằm tuân thủ:</p> <p>- Quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<ul style="list-style-type: none"> a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng; b. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; c. Phê chuẩn/phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế/quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng; e. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; f. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt 	<ul style="list-style-type: none"> a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng; b. Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; c. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; e. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; f. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho 	<p>mẫu tại Phụ lục I và khoản 17 Điều 11, khoản 8 Điều 16 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định tại khoản 2 và 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp. - Quy định tại khoản 3 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;</p> <p>g. Quyết định cơ cấu tổ chức, <u>bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng</u>;</p> <p>h. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</p> <p>i. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;</p> <p>j. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>k. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;</p> <p>l. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc</p>	<p>Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;</p> <p>g. Quyết định cơ cấu tổ chức <u>quản lý của Ngân hàng</u>;</p> <p>h. Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</p> <p>i. Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;</p> <p>j. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>k. <u>Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp Ngân hàng được can thiệp sớm</u>;</p> <p>l. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm <u>đã được kiểm toán</u>; thông qua phương án phân phối lợi nhuận <u>và mức cổ tức được trả</u> sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;</p> <p>m. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</p> <p>m. Quyết định thành lập công ty con;</p> <p>n. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>o. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	<p>thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</p> <p>n. Quyết định thành lập <u>hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài</u>, công ty con của Ngân hàng;</p> <p>o. Thông qua phương án góp vốn, mua, <u>bán</u> cổ phần, <u>phần vốn góp của Ngân hàng</u> tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác <u>mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp</u> có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>p. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản <u>cổ định</u> của Ngân hàng <u>mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cổ định</u> có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>p. Thông qua các hợp đồng có giá trị <u>trên 20% vốn điều lệ</u> của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng;</p> <p>q. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, tổ chức lại, giải thể (thanh lý và chỉ định người thanh lý) hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;</p> <p>r. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;</p> <p>s. Chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính</p>	<p>q. Thông qua các hợp đồng, <u>giao dịch khác</u> có giá trị <u>từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên</u> ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng được quy định tại khoản 1 0 Điều lệ này, <u>trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc</u>;</p> <p>r. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, tổ chức lại, giải thể (thanh lý và chỉ định người thanh lý) hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;</p> <p>s. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;</p> <p>t. Quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập theo đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này làm tổ chức kiểm toán độc lập</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại điểm p khoản 3 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan đến cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p>	<p>của Ngân hàng để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng <u>và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính</u> trong năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị; bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>u. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại điểm p khoản 3 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan đến cổ đông đó là một bên của hợp đồng <u>hoặc có lợi ích liên quan đến hợp đồng, hoặc có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng;</u></p>	
Khoản 5 và 7 Điều 29 về Thông qua Nghị	Điều 29. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 28. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
quyết của Đại hội đồng cổ đông	<p>5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:</p> <p>a. Trừ trường hợp quy định tại điểm b và c khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện <u>trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</u></p> <p>b. Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm b, h, o và q khoản 3 Điều 27 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p>	<p>5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp hoặc <u>lấy ý kiến bằng văn bản</u> khi bảo đảm các điều kiện sau đây:</p> <p>a. Trừ trường hợp quy định tại các điểm b, c, d khoản này <u>và khoản 6 Điều này</u>, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện <u>trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p> <p>b. Đối với quyết định về nội dung quy định tại các điểm h và p khoản Error! Reference source not found. Error! Reference source not found. Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận <u>hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất</u></p>	Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>c. Đối với quyết định làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên chấp thuận.</p> <p>7. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ này. <u>Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</u></p>	<p><u>cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p> <p>c. <u>Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm r khoản 3 Điều 26 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</u></p> <p>d. Đối với quyết định làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên chấp thuận hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>7. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Error!</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<u><i>nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận.</i></u>	Reference source not found. Điều lệ này.	
Tiết v điểm a khoản 1 Điều 30 về Chương trình và nội dung họp, mời họp ĐHĐCĐ	Điều 30. Chương trình và nội dung họp, mời họp Đại hội đồng cổ đông 1. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông: <ul style="list-style-type: none"> a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp, gồm: <ul style="list-style-type: none"> v. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; 	Điều 29. Chương trình và nội dung họp, mời họp Đại hội đồng cổ đông 1. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông: <ul style="list-style-type: none"> a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp, gồm: <ul style="list-style-type: none"> v. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; <u><i>danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</i></u> 	Bổ sung đề đầy đủ theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
Điểm j khoản 2 Điều 31 về Điều kiện tiến hành họp, thể thức tiến hành họp và biểu quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 31. Điều kiện tiến hành họp, thể thức tiến hành họp và biểu quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 2. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:	Điều 30. Điều kiện tiến hành họp, thể thức tiến hành họp và biểu quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 2. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:	Điều chỉnh nhằm phù hợp với quy định tại điểm b khoản 4 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	j. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại điểm i khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp (theo tỷ lệ thông qua <u>trên 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết</u>) cho đến lúc kết thúc, tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.	j. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại điểm i khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp (theo tỷ lệ thông qua <u>trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp</u>) cho đến lúc kết thúc, tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.	
Khoản 2 và 3 Điều 35 về Nhiệm vụ chung	<p>Điều 35. Nhiệm vụ chung</p> <p>2. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>3. <u>Hội đồng quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng giám đốc hoặc thuê Tổng giám đốc.</u> Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản</p>	<p>Điều 34. Nhiệm vụ chung</p> <p>2. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát, <u>đánh giá</u> việc chấp hành quy định của pháp luật, <u>quy định nội bộ</u>, Điều lệ và <u>nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị</u>; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>3. <u>Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</u> Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 52, khoản 1 và 2 Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng 2024. Bổ sung căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</p> <p>Không quy định</p>	<p>5. <u>Ngân hàng phải thông báo cho NHNN danh sách người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.</u></p>	
<p>Điều 36 về Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ, tiêu chuẩn để được bầu, bổ nhiệm</p>	<p>Điều 36. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ, tiêu chuẩn để được bầu, bổ nhiệm</p> <p>1. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ:</p> <p>a. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con của Ngân hàng:</p> <p>i. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>ii. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; <u>đang chấp hành bản án, quyết</u></p>	<p>Điều 35. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ, tiêu chuẩn để được bầu, bổ nhiệm</p> <p>1. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ:</p> <p>a. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty con của Ngân hàng:</p> <p>i. Người chưa thành niên; <u>người có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi;</u> người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>ii. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; <u>đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định tại Điều 41, 42 và 43 Luật Các TCTD.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>định về hình sự của Tòa án; đang có án tích;</u></p> <p>iii. Người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;</p> <p>iv. Cán bộ, công chức <u>theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ</u> trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ những người được cử làm đại diện <u>theo ủy quyền</u> để quản lý phần vốn góp nhà nước tại Ngân hàng;</p>	<p><u>hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;</u></p> <p>iii. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;</p> <p>iv. <u>Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;</u></p> <p>v. Cán bộ, công chức, <u>viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên</u> trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, <u>của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên</u> tại Ngân hàng <u>hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát Ngân hàng theo yêu cầu nhiệm vụ;</u></p> <p>vi. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân,</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>v. Sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam; trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng;</p> <p>vi. Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của ngân hàng.</p> <p>b. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm</p>	<p><u>viên chức</u> quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp, <u>công nhân công an</u> trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, <u>của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên</u> tại Ngân hàng;</p> <p>vii. <u>Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.</u></p> <p>b. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng.</p> <p>c. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương <u>theo</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng:</p> <p>i. Thuộc đối tượng quy định tại điểm a của khoản này;</p> <p>ii. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;</p> <p>iii. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, <u>Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;</u></p>	<p><u>quy định tại Điều lệ này</u> của Ngân hàng:</p> <p>i. Người thuộc đối tượng quy định tại điểm a của khoản này;</p> <p>ii. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành <u>doanh nghiệp, hợp tác xã</u> theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;</p> <p>iii. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, <u>kiểm soát viên,</u> thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, <u>thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>iv. <u>Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;</u></p> <p>v. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức</p>	<p><u>phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;</u></p> <p>iv. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>vi. <u>Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em</u> của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc <u>không được là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;</u></p> <p>vii. <u>Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của Chủ tịch Hội đồng quản trị không được là Tổng giám đốc của Ngân hàng.</u></p> <p>viii. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc <u>Ngân hàng</u> bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành</p>	<p>v. <u>Người có liên quan</u> của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 44 của Điều lệ này;</u></p> <p>vi. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc <u>tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</u> bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.</p> <p>2. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ:</p> <p>a. Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng:</p> <p>i. <u><i>Không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;</i></u></p> <p>ii. Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng;</p> <p>iii. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời là người điều hành của Ngân hàng; <u><i>không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng.</i></u></p>	<p>2. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời là người điều hành, <u><i>thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.</i></u></p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng <u><i>không phải là thành viên độc lập</i></u> không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>i. Người điều hành của Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của Ngân hàng;</p> <p>ii. Người quản lý, <u><i>người điều hành</i></u> của tổ chức tín dụng khác, <u><i>người quản lý doanh nghiệp khác</i></u>, trừ trường hợp là người quản lý, <u><i>người điều hành</i></u> Công ty con của Ngân hàng <u><i>hoặc của công ty mẹ của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</i></u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>b. Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng:</p> <p>i. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;</p> <p>ii. Không được đồng thời là <u>thành viên Hội đồng quản trị, người</u></p>	<p>iii. <u>Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.</u></p> <p>c. <u>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</u></p> <p>i. <u>Người điều hành của Ngân hàng;</u></p> <p>ii. <u>Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;</u></p> <p>iii. <u>Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.</u></p> <p>d. Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, <u>trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhân chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại Ngân hàng;</u></p> <p>iii. <u>Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác.</u></p> <p>c. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng.</p> <p>Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p>	<p>i. Người quản lý, Người điều hành của Ngân hàng, <u>tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác</u>; nhân viên của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng;</p> <p>ii. <u>Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.</u></p> <p>e. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương <u>theo quy định tại Điều lệ này</u> của Ngân hàng không được đồng thời là người quản lý, <u>người điều hành, kiểm soát viên</u>, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, <u>trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này của Ngân hàng là người quản lý, người điều hành</u> Công ty con của Ngân hàng <u>hoặc của công ty mẹ của Ngân hàng</u>.</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>d. Các trường hợp khác không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 34 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD 2017).</u></p> <p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm:</p> <p>a. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này;</p> <p>ii. Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>iii. Có bằng đại học trở lên;</p> <p>iv. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, <u>người điều hành</u> của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, <u>ngân hàng</u>, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định</p>	<p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm:</p> <p>a. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;</p> <p>ii. Có đạo đức nghề nghiệp <u>theo quy định của Thống đốc NHNN</u>;</p> <p>iii. Có trình độ từ đại học trở lên;</p> <p>iv. <u>Có một trong các điều kiện sau đây</u>: có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định <u>đối với Ngân hàng</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>của Ngân hàng</u> hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p> <p>v. Đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại điểm này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại khoản 4 của Điều này.</p> <p>b. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này;</p> <p>ii. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng; không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>iii. Có đạo đức nghề nghiệp;</p>	<p><u>thương mại</u>; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p> <p>v. Đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại điểm này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại khoản 4 của Điều này.</p> <p>b. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;</p> <p>ii. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng; không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền trước đó;</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>iv. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>v. Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng;</p> <p>vi. Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Ngân hàng, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Ngân hàng;</p> <p>vii. <u>Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách</u> phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>c. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc:</p>	<p>iii. Có đạo đức nghề nghiệp <u>theo quy định của Thống đốc NHNN</u>;</p> <p>iv. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành <u>tài chính, ngân hàng</u>, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;</p> <p>v. Có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực <u>tài chính</u>, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>vi. Không phải là người có liên quan của Người quản lý ngân hàng;</p> <p>vii. Không phải là người có quan hệ gia đình của Người quản lý ngân hàng, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Ngân hàng;</p> <p>viii. <u>Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Ngân hàng</u>;</p> <p>ix. <u>Trưởng ban kiểm soát</u> phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<ul style="list-style-type: none"> i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này; ii. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Ngân hàng; iii. Có đạo đức nghề nghiệp; iv. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; v. Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định <u>của Ngân hàng</u> và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm 	<ul style="list-style-type: none"> c. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc: <ul style="list-style-type: none"> i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; ii. Không được là người có quan hệ gia đình của Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Ngân hàng; iii. Có đạo đức nghề nghiệp <u>theo quy định của Thống đốc NHNN</u>; iv. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành <u>tài chính, ngân hàng</u>, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, <u>kế toán, kiểm toán</u>; v. <u>Có một trong các điều kiện sau đây</u>: có ít nhất 05 (năm) năm là người điều hành tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối 	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>vi. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>d. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương:</p> <p>i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này; đối với Phó Tổng giám đốc không thuộc đối tượng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này.</p> <p>ii. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm: Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng</p>	<p>thiếu bằng mức vốn pháp định <u>đối với ngân hàng thương mại</u> và có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>vi. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>d. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, <u>Tổng giám đốc</u> (Giám đốc) Công ty con và các chức danh tương đương <u>theo quy định tại Điều lệ này</u> của Ngân hàng:</p> <p>i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, <u>Tổng Giám đốc</u> (Giám đốc) Công ty con; không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này đối với Phó Tổng giám đốc.</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;</p> <p>iii. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>4. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:</p> <p>a. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;</p> <p>b. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản</p>	<p>ii. <u>Có một trong các điều kiện sau đây:</u> có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành <u>tài chính, ngân hàng</u>, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, <u>kế toán, kiểm toán</u> hoặc <u>ngành khác thuộc</u> lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;</p> <p>iii. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</p> <p>iv. <u>Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.</u></p> <p>4. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>phụ cấp</u> của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;</p> <p>d. Không <u>trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc</u> đại diện <u>sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên</u> của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở <u>hữu từ 5%</u> vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;</p> <p>e. Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liên tiếp trước đó.</p>	<p>con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;</p> <p>b. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng, ngoài những khoản <u>thù lao</u> của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;</p> <p>c. Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn, Người quản lý ngân hàng hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng;</p> <p>d. Không đại diện <u>sở hữu cổ phần</u> của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu <u>trực tiếp, gián tiếp từ 01% (một phần trăm)</u> Vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		e. Không phải là Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.	
Điều 37 về Công khai các lợi ích có liên quan	<p>Điều 37. Công khai các lợi ích có liên quan</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh</u> của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;</p>	<p>Điều 36. Cung cấp, công bố công khai thông tin</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương <u>theo quy định tại Điều lệ này</u> của Ngân hàng phải <u>cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng văn bản</u> cho Ngân hàng các thông tin sau đây trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin:</p> <p>a. Tên, <u>mã số doanh nghiệp</u>, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và Người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên;</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 49 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và khoản 5 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh</u> của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.</p> <p>2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p>	<p>b. Tên, <u>mã số doanh nghiệp</u>, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, <u>kiểm soát viên</u>, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p> <p>c. <u>Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;</u></p> <p>d. <u>Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</u></p> <p>2. <u>Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng phải cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng văn bản cho Ngân hàng các thông tin sau đây trong</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p><u>thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin:</u></p> <p>a. <u>Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;</u></p> <p>b. <u>Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</u></p> <p>c. <u>Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại Ngân hàng;</u></p> <p>d. <u>Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại Ngân hàng.</u></p> <p><u>Đối với thông tin tại điểm c và d Khoản này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho Ngân hàng khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng so với lần cung cấp liên trước.</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>3. Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại <u>khoản 1 Điều này</u> định kỳ hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</p> <p>4. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại <u>khoản 1 Điều này</u> trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này</p>	<p>3. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại <u>khoản 1 và khoản 2 Điều này</u> tại trụ sở chính của Ngân hàng và gửi báo cáo bằng văn bản cho NHNN trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp.</p> <p>4. Định kỳ hàng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại <u>các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này</u> với Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.</p> <p>5. <u>Ngân hàng phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp.</u></p> <p>6. <u>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<u>trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Ngân hàng.</u>	
Điều 38 về Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc	<p>Điều 38. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc</p> <p>Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định; của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị xem xét, quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 163, Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 48 Điều lệ này.</p>	<p>Điều 37. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng, thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của từng thành viên Hội đồng quản trị <u>do Hội đồng quản trị quyết định</u>, của từng thành viên Ban kiểm soát <u>do Ban kiểm soát quyết định trên cơ sở tổng mức thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định; tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị xem xét, quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này.</u></p> <p>2. Thù lao, tiền lương, thưởng và các lợi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung để làm rõ thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của từng thành viên HĐQT do HĐQT quyết định, của từng thành viên BKS do BKS quyết định trên cơ sở tổng mức thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của HĐQT, BKS đã được ĐHCĐ xem xét, quyết định. - Bổ sung nội dung về căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>ích khác của Thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 47 Điều lệ này. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 61 Điều lệ này.</p> <p>3. <u>Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng, thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo chính sách của HDBank trong từng thời kỳ và do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quyết định (tùy theo thẩm quyền).</u></p>	<p>thưởng cho các chức danh này để đảm bảo tuân thủ quy định tại điểm m khoản 1 Điều 31 Luật Các TCTD và điểm i khoản 2 Điều 24 Luật Doanh nghiệp về nội dung tối thiểu phải có trong Điều lệ của TCTD.</p>
Khoản 1 và 3 Điều 39 về Đương nhiên mất tư cách	<p>Điều 39. Đương nhiên mất tư cách</p> <p>1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết; b. Vi phạm quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 36 của Điều lệ này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ; 	<p>Điều 38. Đương nhiên mất tư cách</p> <p>1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 35 Điều lệ này; 	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 45 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>c. Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức (mà người đó là đại diện vốn góp) chấm dứt;</p> <p>d. Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;</p> <p>e. Bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>f. Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>g. Hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực.</p> <p>3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của ngân hàng sau khi bị xác định mất tư cách đương nhiên vẫn phải chịu <u>trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình</u> trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>b. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;</p> <p>c. Không còn là người đại diện <u>phần vốn góp</u> theo ủy quyền của <u>cổ đông là tổ chức</u>;</p> <p>d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>e. Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>f. Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;</p> <p>g. Chết.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng vẫn phải chịu <u>trách nhiệm về các quyết định của mình</u> trong thời gian đương nhiệm.</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Điều 40 về Miễn nhiệm, bãi nhiệm	<p>Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm</p> <p>1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng bị xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p><i>a. <u>Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;</u></i></p> <p>b. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng;</p> <p>c. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>d. Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập;</p>	<p>Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm</p> <p>1. Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng;</p> <p>b. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ này;</p> <p>c. Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 35 Điều lệ này;</p> <p>d. <i><u>Bãi nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công, vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;</u></i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 46 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; điểm a và c khoản 2 Điều 174 Luật Doanh nghiệp; Khoản 4 Điều 29 Phụ lục I và khoản 4 Điều 7 Phụ lục III Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>e. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với thành viên Hội đồng quản trị), Ban kiểm soát (đối với thành viên Ban kiểm soát) trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>f. Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 36, Điều 42 của Điều lệ này;</p> <p>g. Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;</p> <p>h. Các trường hợp khác do pháp luật quy định (nếu có).</p>	<p>e. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với thành viên Hội đồng quản trị), Ban kiểm soát (đối với thành viên Ban kiểm soát) trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>f. Bãi nhiệm khi bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 35, Điều 36, Điều 41 của Điều lệ này;</p> <p>g. Miễn nhiệm/bãi nhiệm khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;</p> <p>h. Các trường hợp khác do pháp luật quy định (nếu có) hoặc theo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (tùy theo thẩm quyền).</p> <p>2. <u>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ tạm thay thế và đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu <u>trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình</u> trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>3. Trong thời hạn <u>mười (10) ngày làm việc</u>, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.</p>	<p><u>trong thời hạn chậm nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện trên.</u></p> <p>3. Chủ tịch, thành viên khách của Hội đồng quản trị, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng vẫn phải chịu <u>trách nhiệm về các quyết định của mình</u> trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>4. Trong thời hạn <u>10 (mười) ngày</u>, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Khoản 2 Điều 41 về Đình chỉ, tạm đình chỉ	<p>Điều 41. Đình chỉ, tạm đình chỉ</p> <p>2. Trường hợp Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành của Ngân hàng vi phạm quy định tại khoản 2, Điều 36 của Điều lệ này, vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, NHNN có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của những đối tượng vi phạm này; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.</p>	<p>Điều 40. Đình chỉ, tạm đình chỉ</p> <p>2. Trường hợp Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Người điều hành ngân hàng vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 35, khoản 11 Điều 41 của Điều lệ này, vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao <u>hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 35 của Điều lệ này.</u> NHNN có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của các nhân sự vi phạm này; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.</p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.
Khoản 9 Điều 42 về Quyền, Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành của Ngân hàng	<p>Điều 42. Quyền, Nghĩa vụ của <u>thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát</u>, Người điều hành của Ngân hàng</p> <p>Không quy định</p>	<p>Điều 41. Quyền, nghĩa vụ của <u>Người quản lý</u>, Người điều hành Ngân hàng</p> <p>4. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của Ngân hàng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.</p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 48 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>9. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi Ngân hàng bị lỗ</p> <p>Không quy định</p>	<p>10. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng <u>cho Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng</u> khi Ngân hàng bị lỗ</p> <p>11. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của NHNN đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của NHNN. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.</p>	
Điều 43 về Trách xung đột quyền lợi	<p>Điều 43. Trách xung đột quyền lợi</p> <p>1. Các Hợp đồng giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn các Luật này với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn và người có liên quan của Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng, công ty con, công ty liên kết của ngân hàng, chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:</p>	<p>Điều 42. Trách xung đột quyền lợi và giao dịch với Người có liên quan</p> <p>1. Các hợp đồng, <u>giao dịch khác</u> của Ngân hàng với các đối tượng sau: (i) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Cổ đông lớn; (ii) người có liên quan của Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, Cổ đông lớn; (iii) Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn Luật này chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:</p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại điểm r khoản 3 Điều 67, khoản 9 Điều 70, điểm c khoản 2 Điều 165 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; Điều 167 Luật Doanh nghiệp; Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>a. Đối với hợp đồng có giá trị <u>lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ</u> của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất (theo quy định của NHNN) thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>b. Đối với hợp đồng có giá trị <u>bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi</u></p>	<p>a. Đối với hợp đồng, giao dịch khác có giá trị <u>từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên</u> ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký kết hoặc xác lập, <u>trừ các hợp đồng, giao dịch khác quy định tại điểm b khoản này. Trong trường hợp này, Người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</u> Và trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>b. Đối với hợp đồng, <u>giao dịch khác</u> có giá trị <u>từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>phần trăm</u>) <u>vốn điều lệ</u> của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất (theo quy định của NHNN) thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.</p>	<p><u>toán gần nhất phát sinh trong trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc</u> hoặc hợp đồng, <u>giao dịch khác</u> có giá trị <u>dưới 20% (hai mươi phần trăm)</u> <u>Vốn điều lệ</u> ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký kết hoặc xác lập. <u>Trong trường hợp này, Người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo.</u> Và trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị có liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được xác lập mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>2. Trường hợp, hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. <u>Những người gây thiệt hại cho Ngân hàng phải có trách nhiệm bồi thường.</u></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc</p>	<p>định tại khoản 1 Điều này thì hợp đồng, giao dịch đó vô hiệu theo <u>quyết định của tòa án</u> và được xử lý theo quy định của pháp luật. <u>Người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Ngân hàng khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</u></p> <p>3. <u>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, Công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, <u>Người quản lý ngân hàng khác và Người có liên quan của các đối tượng này: (i) chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<u>và các chức danh Người điều hành khác không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng hay của các Công ty con khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.</u>	<u>vu của mình để phục vụ lợi ích của Ngân hàng; (ii) không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</u>	
Khoản 2, 3, 4, 5 và 8 Điều 45 về Thành phần và nhiệm kỳ của HĐQT	<p>Điều 45. Thành phần và nhiệm kỳ</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên trong đó có <u>tối thiểu một (01) thành viên độc lập</u>. Hội đồng quản trị phải có <u>ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.</u></p> <p>3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người</p>	<p>Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó phải có <u>tối thiểu hai (02) thành viên độc lập Hội đồng quản trị</u>. Hội đồng quản trị phải có <u>ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên không phải là Người điều hành ngân hàng.</u></p> <p>3. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập Hội đồng quản trị <u>nhưng không được kiêm Tổng giám đốc.</u></p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; Khoản 1 và 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp; khoản 2 Điều 29, Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này <u>không được quá một phần ba (1/3) tổng số thành viên của Hội đồng quản trị của Ngân hàng.</u></p> <p>4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Ngân hàng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</u></p> <p><u>5. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của nhiệm kỳ</u></p>	<p>4. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này <u>được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.</u></p> <p>5. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị <u>không quá</u> 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này thì trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, Ngân hàng phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.</u></p> <p><u>8. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</u></p>	Bãi bỏ	Bãi bỏ khoản 5 và 8 Điều 45 nhằm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 50, Điều 69, khoản 5 Điều 72 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.
Điều 46 về Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	<p>Điều 46. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p>	<p>Điều 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>1. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và hoạt động của Ngân hàng.</p> <p>2. <u>Đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.</u></p> <p>3. <u>Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế, quy định nội bộ của Ngân hàng.</u></p>	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp và đầy đủ so với quy định tại Điều 50, Điều 70, khoản 1 và 3 Điều 135, điểm c khoản 2 Điều 165 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; Điều 139, Điều 153 Luật Doanh nghiệp; Điều 28 Nghị định 93/2017/NĐ-CP; Điều 278, Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. <u>Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Ngân hàng lên Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>3. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng.</p> <p>4. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>5. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</p> <p>6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích</p>	<p>4. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này. <u>Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Ngân hàng lên Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>5. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng.</p> <p>6. <u>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.</u></p> <p>7. <u>Phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch ngân sách, kế hoạch xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản, kế hoạch lao động và tiền lương hàng năm.</u></p> <p>8. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>9. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng.</p> <p>10. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm người phụ trách quản trị ngân hàng;</u></p>	<p>Điều 27 Phụ lục I, Điều 11, Điều 14 Phụ lục III Thông tư số 116/2020/TT-BTC; Điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 22/2019/TT-NHNN; Điểm a khoản 2 Điều 18 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN; Khoản 2 Điều 65 Thông tư số 13/2018/TT-NHNN.</p> <p>Đưa một số nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên giao và ủy quyền cho HĐQT tại Điều lệ để có cơ sở thực hiện và không phải trình lại ủy quyền mỗi năm.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, <u>Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị và người quản lý</u>, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị. <u>Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</u></p> <p>7. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p> <p>8. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.</p>	<p>bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Người điều hành ngân hàng khác <u>thuộc thẩm quyền</u> theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.</p> <p>11. <u>Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị nội bộ và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý khác.</u></p> <p>12. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, <u>phần vốn góp của Ngân hàng</u> tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác <u>mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp</u> có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p> <p>13. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác. <u>Cử nhân sự tham gia vào các cơ quan quản trị, điều hành, kiểm soát tại các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng.</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng <u>từ 10% trở lên so với vốn điều lệ</u> của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, <u>trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại điểm o khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này.</u></p> <p>10. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung), trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này.</p> <p>11. Thông qua các hợp đồng của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị <u>bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ</u> của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p>	<p>14. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản <u>cổ định</u> của Ngân hàng <u>mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cổ định</u> có giá trị <u>từ 10% đến dưới 20% Vốn điều lệ</u> ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p> <p>15. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng <u>và thông qua các khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 của Luật Các tổ chức tín dụng</u>, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.</p> <p>16. Thông qua các hợp đồng, <u>giao dịch khác</u> của Ngân hàng với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ này có giá trị <u>từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất phát sinh trong trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc</u> hoặc hợp đồng, <u>giao dịch khác</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.</p>	<p>có giá trị <u>dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ</u> ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>17. <u>Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% Vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</u></p> <p>18. <u>Trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần theo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>19. <u>Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Ngân hàng sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.</u></p> <p>20. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc <u>và Người quản lý ngân hàng khác</u> trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và <u>điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng</u>; đánh giá hằng</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>13. Trực tiếp giám sát phê duyệt tín dụng <u>đối với các khoản cấp tín dụng do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt cho Khách hàng hoặc Khách hàng và Người có liên quan có giá trị từ 5% vốn điều lệ của Ngân hàng hoặc mức giá trị khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.</u></p> <p>14. Ban hành quy chế tài chính, các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>15. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.</p> <p>16. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.</p> <p>17. <u>Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại</u></p>	<p>năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.</p> <p>21. Giám sát phê duyệt tín dụng <u>trong một số trường hợp theo quy định của HDBank trong từng thời kỳ.</u></p> <p>22. Ban hành quy chế tài chính, các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông. <u>Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u></p> <p>23. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.</p> <p>24. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>tê tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>18. <u>Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>19. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.</p> <p>20. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng <u>trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.</u></p> <p>21. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của Ngân hàng.</p>	<p>25. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán. <u>Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác, trừ trường hợp huy động vốn thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Tổng giám đốc.</u></p> <p>26. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng <u>theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.</u></p> <p>27. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của Ngân hàng, <u>trừ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>28. <u>Triển khai, thực hiện việc mua lại cổ phần của Ngân hàng theo nghị quyết/quyết định mua lại cổ phần đã</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>22. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng, <u>gồm cả quyết định về giá.</u></p> <p>23. <u>Đề xuất việc phát hành cổ phần, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền.</u></p> <p>24. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng. Phê duyệt và triển khai các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu theo quy định pháp luật và NHNN.</p> <p>25. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu tại Công ty con của Ngân hàng, quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty con.</p> <p>26. Quyết định việc điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong nội bộ Ngân hàng hoặc giữa các Công ty con, liên kết độc lập của Ngân hàng.</p> <p>27. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết</p>	<p><u>được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.</u></p> <p>29. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng <u>theo phương án được duyệt.</u></p> <p>30. <u>Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>31. <u>Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại.</u></p> <p>32. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng. Phê duyệt và triển khai các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu theo quy định pháp luật và NHNN.</p> <p>33. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu tại Công ty con của Ngân hàng, quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty con của Ngân hàng.</p> <p>34. Quyết định việc điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong nội bộ Ngân hàng hoặc giữa các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng.</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quyết định việc tạm ứng cổ tức căn cứ theo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính gần nhất của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ điều kiện được phép chi trả cổ tức theo quy định của pháp luật.</p> <p>28. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p>29. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>30. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p>	<p>35. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quyết định việc tạm ứng cổ tức căn cứ theo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính gần nhất của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ điều kiện được phép chi trả cổ tức theo quy định pháp luật.</p> <p>36. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p>37. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>38. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>31. Thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện các kiến nghị này.</p> <p>32. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.</p> <p>33. Giải quyết các khiếu nại của Ngân hàng đối với người điều hành doanh</p>	<p>của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p>39. <u>Thành lập các ủy ban chuyên môn và/hoặc cơ quan giúp việc khác trực thuộc Hội đồng quản trị để đề xuất, tham mưu, giúp Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định pháp luật và Điều lệ. Hội đồng quản trị quyết định về việc thành lập, giải thể, quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của các ủy ban chuyên môn và/hoặc cơ quan giúp việc này.</u></p> <p>40. <u>Phối hợp với Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị;</u> Thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ, báo cáo của Ban kiểm soát (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện các kiến nghị này.</p> <p>41. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Ngân hàng để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó.</p> <p>34. Quyết định mức bồi thường mà người gây ra tổn thất về tài sản đối với khoản nợ có trách nhiệm phải bồi thường cho Ngân hàng trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh các tổn thất này theo quy định pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p>thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.</p> <p>42. Giải quyết các khiếu nại của Ngân hàng đối với Người điều hành ngân hàng cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Ngân hàng để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành ngân hàng đó.</p> <p>43. Quyết định mức bồi thường mà người gây ra tổn thất về tài sản đối với khoản nợ có trách nhiệm phải bồi thường cho Ngân hàng trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh các tổn thất này theo quy định pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p><u>Quyết định việc phân cấp thẩm quyền về quyết định mức bồi thường mà người gây ra tổn thất về tài sản khác (ngoài tổn thất về tài sản đối với khoản nợ) có trách nhiệm phải bồi thường cho Ngân hàng theo quy định pháp luật.</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>44. <u>Lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các công ty kiểm toán độc lập được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị, theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>45. <u>Xây dựng, cập nhật, điều chỉnh, thông qua và gửi NHNN phương án khắc phục dư kiến trong trường hợp Ngân hàng được can thiệp sớm theo đúng yêu cầu quy định pháp luật.</u></p> <p>46. <u>Quyết định việc chuyển nhượng/bán phần vốn góp/cổ phần của Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng; quyết định việc mua lại, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc mở thủ tục phá sản Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, của NHNN và Ủy ban Chứng khoán.</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>35. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền, phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, quy định của pháp luật (nếu có).</p> <p>Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác <u>đại diện xử lý công việc thay mặt cho Ngân hàng.</u></p>	<p>47. <u>Xem xét và quyết định việc xuất toán khỏi ngoại bảng đối với các khoản nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.</u></p> <p>48. <u>Tổ chức công tác theo dõi quản lý cổ đông của Ngân hàng.</u></p> <p>49. <u>Quản lý và sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của Ngân hàng.</u></p> <p>36. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền, phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, quy định của pháp luật (nếu có).</p> <p>Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền và/hoặc giao cho <u>Người điều hành ngân hàng</u> hoặc nhân viên cấp dưới <u>thực hiện, xử lý một hoặc một số công việc cụ thể để triển khai và thực hiện một vấn đề mà Hội đồng quản trị đã thông qua.</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Điểm a, b, j khoản 1 và điểm b, g khoản 2 Điều 47 về Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	<p>Điều 47. <u>Quyền hạn, nhiệm vụ</u> của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. <u>Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp;</u> triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>j. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>không làm việc được</u> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ</p>	<p>Điều 46. <u>Quyền, nghĩa vụ</u> của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng có các quyền, nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; <u>chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;</u></p> <p>b. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c. <u>Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</u></p> <p>k. <u>Chỉ</u> được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt <u>hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình.</u></p> <p>Trường hợp Chủ tịch HĐQT <u>hoàn toàn không còn khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình</u> thì các thành viên còn lại bầu một người</p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 71 và Điều 72 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; Điều 156 Luật Doanh nghiệp; khoản 5 và 6 Điều 41 Luật Chứng khoán; Điều 29 Phụ lục I, Điều 3, Điều 4 và Điều 7 Phụ lục III Thông tư số 116/2020/TT-BTC; Điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 22/2019/TT-NHNN.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán;</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>b. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của ngân hàng.</p> <p>g. Tham gia thực hiện chức năng giám sát phê duyệt tín dụng <u>đối với các khoản cấp tín dụng do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt cho Khách hàng hoặc Khách</u></p>	<p>trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán <u>cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.</u></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền, nghĩa vụ sau đây:</p> <p>b. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế, quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, <u>cẩn trọng</u>, vì lợi ích của Ngân hàng <u>và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</u></p> <p>g. <u>Không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 4, 10, 12, 14, 15, 16, 17, 22, 23, 24 và 34 Điều 45 của Điều lệ này.</u></p> <p>h. Tham gia thực hiện chức năng giám sát phê duyệt tín dụng <u>trong một</u></p>	<p>Chỉ ghi nhận chung thực hiện chức năng giám sát phê duyệt tín dụng, còn các khoản</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u><i>hàng và Người có liên quan có giá trị từ 5% vốn điều lệ của Ngân hàng hoặc mức giá trị khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.</i></u></p> <p>Không quy định</p>	<p><u><i>số trường hợp theo quy định của HDBank trong từng thời kỳ.</i></u></p> <p>k. <u><i>Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được (nếu có) từ Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác.</i></u></p> <p>l. <u><i>Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Ngân hàng, Công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý của doanh nghiệp trong thời gian 3 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</i></u></p>	<p>tín dụng thực hiện giám sát sẽ theo chính sách, chủ trương và quy định của HĐQT trong từng thời kỳ nhằm phù hợp với thực tế thực hiện.</p> <p>Bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại điểm a khoản 6 Điều 41 Luật Chứng khoán và điểm d khoản 2 Điều 3 Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p><u><i>m. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</i></u></p> <p><u><i>n. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</i></u></p> <p><u><i>o. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</i></u></p>	
Khoản 1, 2 và 4 Điều 49 về Thay thế thành viên Hội đồng quản trị	<p>Điều 49. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trong thời hạn <u><i>không quá mười lăm (15) ngày</i></u> kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều</p>	<p>Điều 48. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trong thời hạn <u><i>10 (mười) ngày</i></u> kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp</p>	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; khoản 4 Điều 29 Phụ lục I và khoản 4 Điều 7 Phụ lục III Thông tư 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.</p> <p>4. Trường hợp <u>bi giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Điều lệ này</u>, thì trong thời hạn <u>không quá sáu mươi (60) ngày</u> kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, Ngân hàng tiến hành các thủ tục để bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>luật và Điều lệ này) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn <u>10 (mười) ngày</u> kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới theo quy định pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị <u>ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Điều lệ này</u>, thì trong thời hạn <u>90 (chín mươi) ngày</u> kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải tiến hành bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, <u>trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt</u>.</p>	
Khoản 3, 7, 9 và 10 Điều 50 về Cuộc họp của HĐQT	<p>Điều 50. Cuộc họp của HĐQT</p> <p>3. Các cuộc họp bất thường:</p> <p>Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một</p>	<p>Điều 49. Cuộc họp của HĐQT</p> <p>3. Các cuộc họp bất thường:</p> <p><u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường khi xét thấy cần thiết để</u></p>	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế vận hành và quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 12 Điều 157 Luật Doanh nghiệp,

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;</p> <p>b. Hai thành viên Hội đồng quản trị trở lên;</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>e. <u>Trưởng Ban kiểm soát;</u></p> <p>f. <u>Hai phần ba (2/3) thành viên Ban kiểm soát trở lên;</u></p> <p>g. <u>Giám đốc NHNN Chi nhánh TP. HCM.</u></p> <p>7. Số thành viên tham dự tối thiểu:</p>	<p><u>thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</u> Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày rõ mục đích cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận <u>và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</u></p> <p>a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;</p> <p>b. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. <u>Ban kiểm soát;</u></p> <p>f. <u>Kiểm toán viên độc lập đang kiểm toán Ngân hàng (liên quan đến báo cáo tài chính được kiểm toán và tình hình tài chính của Ngân hàng);</u></p> <p>g. <u>NHNN.</u></p> <p>6. Số thành viên tham dự tối thiểu:</p>	<p>điểm a khoản 3 và khoản 12 Điều 30 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. <u>Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản.</u></p> <p><u>Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.</u></p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>a. Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p><u>Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị, nếu vắng mặt phải (i) báo cáo Hội đồng quản trị bằng văn bản và (ii) gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản về cuộc họp hoặc ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự và biểu quyết.</u></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự cuộc họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.</p> <p>b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại điểm a khoản này, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn ½ (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. <u>Sau 02 (hai) lần triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không đủ số thành viên tham dự,</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>9. Công khai lợi ích:</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Ngân hàng và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó <u>trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</u></p>	<p><u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p>8. Công khai lợi ích:</p> <p>a. Trước khi thực hiện biểu quyết, nếu Thành viên HĐQT theo sự hiểu biết của mình, thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận đang dự kiến ký kết hoặc đã được ký kết với HDBank, phải công bố bản chất quyền lợi liên quan <u>tại cuộc họp HĐQT để HĐQT xem xét việc có quyền lợi, lợi ích liên quan tại các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không và quyết định về quyền biểu quyết của thành viên đó.</u></p> <p>b. <u>Trường hợp nếu sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo cho HĐQT ngay lập tức sau khi biết được đã có quyền lợi liên quan</u> và việc này sẽ được thảo luận tại cuộc họp HĐQT đầu tiên sau</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>10. Biểu quyết đa số:</p> <p>Hội đồng quản trị thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 1/2), bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và phiếu biểu quyết theo uỷ quyền. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, <u>thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.</u></p>	<p>khi HĐQT nhận được thông báo về mối liên hệ giữa quyền lợi liên quan của thành viên HĐQT với một thỏa thuận hay một hợp đồng mà HDBank là một bên giao kết đề HĐQT có quyết định phù hợp.</p> <p>9. Biểu quyết đa số:</p> <p>Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số quá bán (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và phiếu biểu quyết theo uỷ quyền. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, <u>thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không tham gia cuộc họp và không uỷ quyền biểu quyết hoặc không gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.</u></p>	
Điều 51 về Bộ máy giúp việc của HĐQT	Điều 51. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị	Điều 50. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị	- Chuyển quy định về sử dụng con dấu của HĐQT lên điều khoản về quyền hạn và nhiệm vụ

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>1. <u>Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban để tư vấn, tham mưu Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có tối thiểu 02 Ủy ban là: Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị có thể thành lập các ủy ban khác <u>để giúp Hội đồng quản trị phụ trách về chính sách phát triển, lương thưởng, ... theo quy định pháp luật về chứng khoán.</u> Hội đồng quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các ủy ban giúp việc.</p> <p>3. Giúp việc cho Hội đồng quản trị có <u>Thư ký Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm và quy định chức năng, nhiệm vụ của Thư ký. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký vào bất cứ thời điểm nào tuy</u></p>	<p>1. <u>Ủy ban chuyên môn:</u> Hội đồng quản trị phải thành lập các ủy ban để tư vấn, tham mưu, giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có tối thiểu 02 ủy ban là: Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị có thể thành lập các ủy ban chuyên môn khác <u>để giúp Hội đồng quản trị tùy theo nhu cầu công việc, quản trị của từng thời kỳ theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc thành lập, hoạt động, thành phần, vai trò và nhiệm vụ chính của các ủy ban chuyên môn được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.</u> Hội đồng quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các ủy ban chuyên môn <u>theo hướng dẫn của NHNN (nếu có).</u></p> <p>2. <u>Văn phòng Hội đồng quản trị:</u> Hội đồng quản trị có cơ quan giúp việc chuyên trách là <u>Văn phòng HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quy định.</u></p>	<p>của HĐQT để thống nhất.</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung quy định về cơ quan giúp việc của HĐQT, Người phụ trách quản trị ngân hàng nhằm phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều 32 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u><i>nhiên không được làm phương hại đến các yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng lao động giữa Thư ký và Ngân hàng. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký bao gồm:</i></u></p> <p><i>a. <u>Thông báo việc triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay của Ban kiểm soát;</u></i></p> <p><i>b. <u>Ghi biên bản cuộc họp;</u></i></p> <p><i>c. <u>Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;</u></i></p> <p><i>d. <u>Cung cấp thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Cổ đông;</u></i></p> <p><i>e. <u>Một số nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng quản trị.</u></i></p>	<p><i>3. <u>Người phụ trách quản trị ngân hàng: Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một người phụ trách quản trị ngân hàng để hỗ trợ công tác quản trị nội bộ tại Ngân hàng. Người phụ trách quản trị không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng. Quyền hạn, nhiệm vụ và yêu cầu cụ thể đối với</u></i></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<u>người phụ trách quản trị ngân hàng được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng.</u>	
Khoản 1 và 2 Điều 53 về Tổng giám đốc	<p>Điều 53. Tổng giám đốc</p> <p>1. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị <u>và Ban Kiểm soát</u>; đồng thời Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.</p> <p>2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm <u>trong số thành viên của mình hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc</u> và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định lương, bồi thường, các quyền lợi, nghĩa vụ và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng giám đốc được thực hiện theo Luật các Tổ chức Tín dụng, Quy định của NHNN. Lương, bồi thường và các quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo</p>	<p>Điều 52. Tổng giám đốc</p> <p>1. Tổng giám đốc là Người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; đồng thời chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng <u>và việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị <u>bổ nhiệm Tổng giám đốc</u> và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định lương, thưởng bồi thường, các quyền lợi, nghĩa vụ và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng giám đốc được thực hiện theo Luật Các tổ chức tín dụng, và các quy định có liên quan của NHNN. Lương, bồi thường và các quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng cổ đông và ghi tại Báo cáo thường niên của Ngân hàng.</p>	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	với Đại hội đồng cổ đông và ghi tại Báo cáo năm của Ngân hàng.	3. <u>Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.</u>	
Khoản 1 và 8 Điều 55 về Quyền, nghĩa vụ của TGD	<p>Điều 55. Quyền, nghĩa vụ của TGD</p> <p>1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>8. Kiến nghị, đề xuất <u>cơ cấu tổ chức và hoạt động</u> của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.</p> <p>Không quy định</p>	<p>Điều 54. Quyền, nghĩa vụ của TGD</p> <p>1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. <u>Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng.</u></p> <p>8. Kiến nghị, đề xuất <u>cơ cấu tổ chức quản lý</u> của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.</p> <p>14. <u>Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng và các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng có giá trị dưới 10% Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ này.</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và khoản 8 Điều 56 Luật Các tổ chức tín dụng 2024. - Bổ sung để có cơ sở xác định thẩm quyền của TGD trong việc quyết định các hợp đồng, giao dịch nhất định của HDBank.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Khoản 2 Điều 56 về Thành phần và nhiệm kỳ của BKS	<p>Điều 56. Thành phần và nhiệm kỳ</p> <p>1. <u>Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</u></p> <p>2. Ban kiểm soát của Ngân hàng có <u>ít nhất 03 thành viên</u>, trong đó phải có <u>ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác.</u></p> <p>3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, <u>được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài</u> để thực hiện nhiệm vụ của mình.</p> <p>4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. <u>Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại</u></p>	<p>Điều 55. Thành phần và nhiệm kỳ</p> <p>1. Ban kiểm soát của Ngân hàng có <u>tối thiểu 05 (năm) thành viên</u>, trong đó phải có <u>hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát thường trú tại Việt Nam.</u></p> <p>2. <u>Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.</u></p> <p>3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận Kiểm toán nội bộ để thực hiện nhiệm vụ của mình.</p> <p>4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban</p>	<p>- Chuyển các quy định liên quan đến thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS... xuống điều khoản về nhiệm vụ quyền hạn của BKS để thống nhất.</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định tại Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; Điều 168 Luật Doanh nghiệp; Điều 38 Phụ lục I và Điều 6 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>với số nhiệm kỳ không hạn chế</u>. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát <u>giảm quá một phần ba (1/3) trên tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này</u> thì trong thời hạn <u>sáu mươi (60) ngày</u>, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát <u>ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này</u> thì trong thời hạn <u>90 (chín mươi) ngày</u>, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu, <u>trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt</u>.</p>	
Điều 57 về Nhiệm vụ và quyền hạn của BKS	<p>Điều 57. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát</p> <p>1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành</p>	<p>Điều 56. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát</p> <p>1. <u>Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</u></p> <p>2. Giám sát <u>hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng</u> trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, <u>quy định nội bộ</u>, Điều lệ này <u>và nghị quyết,</u></p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Điều 52 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; Điều 170 Luật Doanh nghiệp; Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Điều 39, Phụ lục I và Điều 11 Phụ lục IV

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.</p> <p>3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.</p> <p>4. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p>	<p><u>quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị</u>; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao <u>theo quy định pháp luật và Điều lệ này</u>.</p> <p>3. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo. <u>Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua</u>.</p> <p>4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.</p> <p>5. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành và <u>hoạt động kinh doanh</u> của Ngân hàng, có quyền <u>sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia</u>, tư vấn độc lập và <u>tổ chức bên ngoài</u> để thực hiện nhiệm vụ <u>nhưng vẫn phải chịu trách</u></p>	<p>Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>5. Thẩm định báo cáo tài chính sáu (06) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><u><i>nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.</i></u></p> <p>6. <u><i>Giám sát thực trạng tài chính</i></u>, thẩm định <u><i>tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh</i></u>, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng đầu năm của Ngân hàng, <u><i>báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị</i></u> và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định các báo cáo này; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>7. <u><i>Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</i></u></p> <p>8. <u><i>Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về các hạn chế để bảo</i></u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>6. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.</p>	<p><u>đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.</u></p> <p>9. <u>Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng.</u></p> <p>10. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:</p> <p>c. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Theo yêu cầu <u>của NHNN</u> hoặc của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>7. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý Ngân hàng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.</p> <p>8. Lập danh sách cổ đông sáng lập, <u>cổ đông lớn</u> và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc</p>	<p>thức kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.</p> <p><u><i>Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</i></u></p> <p>11. <u><i>Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</i></u></p> <p>12. Kịp thời thông báo cho <u><i>Đại hội đồng cổ đông</i></u>, Hội đồng quản trị khi phát hiện Người quản lý ngân hàng, <u><i>Người điều hành ngân hàng</i></u> có hành vi vi phạm <u><i>pháp luật, vi phạm Điều lệ này, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị</i></u>; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).</p> <p>13. Lập danh sách cổ đông sáng lập <u><i>trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% Vốn điều lệ trở lên</i></u> và người có</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.</p> <p>9. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ này.</p> <p>10. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định <u>của pháp luật</u> hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng, <u>cổ đông sở hữu từ 01% Vốn điều lệ trở lên</u>; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.</p> <p>14. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định <u>của Luật Các tổ chức tín dụng</u> và Điều lệ này.</p> <p>15. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định <u>của Luật Các tổ chức tín dụng</u> hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>16. <u>Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</u></p> <p>17. <u>Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Ngân hàng.</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>18. <u>Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ của Ngân hàng và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</u></p> <p>19. <u>Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng.</u></p> <p>20. <u>Kịp thời báo cáo NHNN về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 8, 12 và 15 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phân vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.</u></p> <p>21. <u>Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>22. <u>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	11. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này, của pháp luật (nếu có).	23. <u>Ban kiểm soát có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.</u> 24. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật.	
Điểm a, b, j khoản 1 và điểm a, e khoản 2 Điều 58 về Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát	Điều 58. <u>Nhiệm vụ, quyền hạn</u> của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát 1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát: a. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ này. b. <u>Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;</u> triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát. j. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện <u>nhiệm vụ của mình</u> trong thời gian vắng mặt.	Điều 57. <u>Quyền, nghĩa vụ</u> của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát 1. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát: a. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ này <u>và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</u> b. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát. j. <u>Chỉ</u> được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát <u>thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát</u> trong thời gian vắng	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại Điều 53 và Điều 54 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; Điều 173 Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>2. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>a. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.</p>	<p>mặt <u>hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.</u></p> <p>2. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>a. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này, <u>ngghi quyết, quyết định của ĐHĐCĐ</u>, quy định nội bộ của Ban kiểm soát, <u>đạo đức nghề nghiệp</u> và <u>thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát</u> một cách trung thực, cẩn trọng, <u>tốt nhất</u> vì lợi ích <u>hợp pháp tối đa</u> của Ngân hàng và của cổ đông; <u>chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</u></p> <p>b. <u>Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</u></p> <p>f. <u>Yêu cầu Người quản lý ngân hàng báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty con, kế hoạch, dự án,</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>e. Được quyền yêu cầu <u>cán bộ</u>, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p>Không quy định</p>	<p><u>chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.</u></p> <p>g. Yêu cầu <u>Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng</u>, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p><u>5. Trường hợp vi phạm các quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được từ hành vi vi phạm phải hoàn trả cho Ngân hàng.</u></p>	
Khoản 2, 3 và 5 Điều 59 về Thay thế thành viên Ban kiểm soát	<p>Điều 59. Thay thế thành viên Ban kiểm soát</p> <p>2. Trong thời hạn không quá <u>mười lăm (15) ngày</u> kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách</p>	<p>Điều 58. Thay thế thành viên Ban kiểm soát</p> <p>2. Trong thời hạn không quá <u>10 (mười) ngày</u> kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức</p>	- Vì quy định pháp luật hiện hành cũng không quy định bắt buộc Trưởng BKS và các thành viên khác của BKS phải là cổ đông nên các quy định liên quan

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện <u><i>theo quy định hiện hành</i></u>) làm Trưởng Ban kiểm soát. <u><i>Trường hợp không có thành viên Ban kiểm soát là cổ đông, các thành viên Ban kiểm soát còn lại cử một thành viên đảm bảo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của NHNN tạm thời đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban kiểm soát và đề nghị Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu mươi (60) ngày (kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách) tiến hành triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong số các cổ đông của Ngân hàng thay thế và tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.</i></u></p> <p>3. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn <u><i>sáu mươi (60) ngày</i></u> kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban</p>	<p>họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện <u><i>theo quy định pháp luật và Điều lệ này</i></u> làm Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>3. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức thì phải gửi đơn đến Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị. Trong thời hạn <u><i>10 (mười) ngày</i></u> kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu</p>	<p>này cần được bãi bỏ để phù hợp, đảm bảo thuận tiện trong vận hành.</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>kiểm soát <u>theo quy định hiện hành</u>. <u>Trường hợp các thành viên Ban kiểm soát còn lại không phải là cổ đông, trong thời hạn sáu mươi (60) ngày (kể từ ngày nhận đơn xin từ chức Trưởng Ban kiểm soát), Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để quyết định số thành viên Ban kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ này và bầu thành viên Ban kiểm soát trong số các cổ đông của Ngân hàng, sau đó tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.</u></p> <p>5. Trường hợp <u>bị giảm quá một phần ba số thành viên Ban kiểm soát trên tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ này</u>, trong thời hạn không quá <u>sáu mươi (60) ngày</u> kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>Trưởng Ban kiểm soát theo <u>quy định pháp luật và Điều lệ này</u>.</p> <p>5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát <u>ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật và/hoặc Điều lệ này</u>, trong thời hạn <u>không quá 90 (chín mươi) ngày</u> kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, đảm bảo số thành viên tối thiểu, <u>trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt</u>.</p>	
Khoản 1, khoản 2, khoản 5, khoản 6, điểm	Điều 60. Cuộc họp của Ban kiểm soát	Điều 59. Cuộc họp của Ban kiểm soát	Sửa đổi bổ sung nhằm phù hợp với thực tế

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
a khoản 7, khoản 9 và khoản 11 Điều 60 về Cuộc họp của Ban kiểm soát	<p>1. Cuộc họp thường kỳ: Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất <u>mỗi quý một lần</u> và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.</p> <p>a. Cuộc họp Bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:</p> <p>b. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị;</u></p> <p>c. <u>Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>d. Trưởng Ban kiểm soát;</p> <p>e. <u>Ít nhất hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên;</u></p> <p>f. <u>Tổng giám đốc hoặc những người khác do Điều lệ quy định;</u></p> <p>g. <u>Giám đốc NHNN Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.</u></p> <p>5. Thông báo và Chương trình họp: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau năm (5) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát <u>được làm bằng văn bản tiếng Việt</u>, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những</p>	<p>1. Cuộc họp thường kỳ: Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất <u>02 (hai) lần trong một năm</u>.</p> <p>2. Cuộc họp bất thường: Ban kiểm soát có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của <u>Trưởng Ban kiểm soát hoặc bất kỳ thành viên Ban kiểm soát.</u></p> <p>5. Thông báo và Chương trình họp: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 05 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát <u>được gửi qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc phương tiện khác do Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành</u></p>	<p>vận hành và quy định tại khoản 1 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; khoản 1 Điều 14 và Điều 15 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và <u>cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban kiểm soát trước khi họp.</u></p> <p>6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ <u>ba phần tư (3/4)</u> tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Ban Kiểm soát có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Ban Kiểm soát khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.</p> <p>7. Biểu quyết:</p> <p>a. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp</p>	<p><u>viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền triệu tập cuộc họp quyết định</u>, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và <u>phiếu biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát.</u></p> <p>6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ <u>2/3 (hai phần ba)</u> tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Ban Kiểm soát có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Ban Kiểm soát khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản <u>về cuộc họp.</u> Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.</p> <p>7. Biểu quyết:</p> <p>a. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.</p> <p>9. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Ban kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).</p> <p>11. Biên bản: Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác</p>	<p>Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay <u>hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản về cuộc họp.</u></p> <p>9. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát dự họp có quyền tham gia biểu quyết chấp thuận <u>(bao gồm cả trường hợp ủy quyền biểu quyết và gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản về cuộc họp).</u> Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Ban kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).</p> <p>11. Biên bản: Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được <u>người ghi biên bản</u> và tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>và trung thực của Biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi Biên bản.</p>	<p>đổi chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí <u>người ghi</u> và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành và vấn đề được thảo luận tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.</p> <p><u>Biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</u></p>	
<p>Điều khoản về Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS</p>	<p>Không quy định</p>	<p><u>Điều 60. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</u></p> <p>1. <u>Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác trong tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua hằng năm.</u></p> <p>2. <u>Thành viên Ban kiểm soát được</u></p>	<p>Bổ sung để đáp ứng quy định tại điểm m khoản 1 Điều 31 Luật Các TCTD; Điều 41 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p><u>thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</u></p> <p>3. <u>Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng.</u></p>	
Chương 13 về Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng	<p>Chương 13.</p> <p>Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng</p> <p>Điều 61. Cơ cấu tổ chức mạng lưới của Ngân hàng</p> <p>Điều 62. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng</p> <p>Điều 63. Bộ máy giúp việc của Tổng giám đốc</p>	Bãi bỏ	Bãi bỏ vì đã được quy định lồng ghép trong các Điều 2, Điều 21 và Điều 52 của Điều lệ.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Khoản 1 Điều 64 về Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	<p>Điều 64. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. <u>Cổ đông lớn được quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các Cổ đông của Ngân hàng và các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở kinh doanh của Ngân hàng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó.</u> Một yêu cầu của người được uỷ quyền phải được kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	<p>Điều 61. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. <u>Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</u></p> <p>a. <u>Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết, quyết định Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>b. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ngân hàng.</u></p> <p>2. Trường hợp người đại diện được uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông</p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 5 và 6 Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; khoản 1 và 2 Điều 49 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và <u>nhóm cổ đông</u> mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	
Khoản 2 và 3 Điều 67 về Hệ thống kiểm toán nội bộ	<p>Điều 67. Hệ thống kiểm toán nội bộ</p> <p>2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan <u>đối với hệ thống kiểm soát nội bộ</u>; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, <u>thủ tục</u>, quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.</p> <p>3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được <u>báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi Tổng giám đốc của Ngân hàng</u>.</p>	<p>Điều 64. Kiểm toán nội bộ</p> <p>2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ <u>cơ chế</u>, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.</p> <p>3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được <u>báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng</u>.</p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.
Điều 68, Điều 69 và Điều 70 về Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của Kiểm toán nội bộ; Trách nhiệm và quyền	<p>Điều 68. Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của kiểm toán nội bộ</p> <p>Điều 69. Trách nhiệm của Bộ phận Kiểm toán nội bộ</p>	Bãi bỏ	Điều lệ không quy định cụ thể, chi tiết các nội dung này. Các nội dung này sẽ được quy định trong quy định nội bộ của BKS

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
hạn của bộ phận Kiểm toán nội bộ	Điều 70. Quyền hạn của Bộ phận Kiểm toán nội bộ		(cụ thể: Quy chế kiểm toán nội bộ do BKS ban hành).
Điều 71 và Điều 72 về Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; Các yêu cầu và nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ	Điều 71. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ Điều 72. Các yêu cầu và nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ	<u>Điều 65. Hệ thống kiểm soát nội bộ</u> 1. <u>Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.</u> 2. <u>Ngân hàng phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:</u> a. <u>Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;</u> b. <u>Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;</u> c. <u>Tuân thủ pháp luật và các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ.</u> 3. <u>Ngân hàng phải thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ</u>	Điều lệ chỉ quy định chung về Hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định tại Điều 57 Luật Các tổ chức tín dụng 2024. Các yêu cầu, nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ sẽ được quy định cụ thể, chi tiết trong các văn bản, quy định về các hoạt động, nghiệp vụ có liên quan thuộc thẩm quyền ban hành của HĐQT, TGD.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p><u>trong trường hợp có yêu cầu của NHNN.</u></p> <p>4. <u>Việc xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ được thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.</u></p>	
Điều 74 về sử dụng vốn	<p>Điều 74. Sử dụng Vốn</p> <ol style="list-style-type: none"> Ngân hàng được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật. Ngân hàng được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật. Ngân hàng được điều động vốn và tài sản giữa các công ty con có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. 	Bãi bỏ	Gộp các quy định của Điều khoản này lên Điều 12 để thống nhất.
Khoản 6 Điều 79 về Báo cáo Tài chính, Báo cáo thường niên	<p>Điều 79. Báo cáo Tài chính, Báo cáo thường niên</p> <ol style="list-style-type: none"> Ngoài những báo cáo định kỳ, Ngân hàng báo cáo ngay với NHNN trong những trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> Diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể 	<p>Điều 71. Báo cáo Tài chính, Báo cáo thường niên</p> <ol style="list-style-type: none"> Ngoài những báo cáo định kỳ, Ngân hàng báo cáo kịp thời cho NHNN trong những trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> Phát sinh diễn biến bất thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể 	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 152 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Ngân hàng;</p> <p>b. Thay đổi <u>lớn về cơ cấu tổ chức của Ngân hàng;</u></p> <p>c. Thay đổi tên chi nhánh của Ngân hàng; tạm ngừng <u>hoạt động kinh doanh</u> dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.</p>	<p>ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Ngân hàng;</p> <p>b. Thay đổi <u>về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của cổ đông lớn;</u></p> <p>c. Thay đổi tên chi nhánh của Ngân hàng; tạm ngừng <u>giao dịch</u> dưới 05 (năm) ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.</p>	
Khoản 1 Điều 80 về Công bố và thông báo	<p>Điều 80. Công bố và Thông báo</p> <p>1. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được gửi cho cơ quan thuế có thẩm quyền và NHNN, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, Cơ quan đăng ký kinh doanh cũng như phải được công bố trong vòng một trăm hai mươi (120) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 72. Công bố thông tin</p> <p>1. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được gửi cho cơ quan thuế có thẩm quyền và NHNN, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, Cơ quan đăng ký kinh doanh cũng như phải được công bố công khai trong vòng 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật, <u>trừ trường hợp</u></p>	Điều chỉnh nhằm phù hợp với quy định tại Điều 154 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<u><i>Ngân hàng đang được kiểm soát đặc biệt.</i></u>	
Khoản 1 và 3 Điều 81 về Kiểm toán độc lập	<p>Điều 81. Kiểm toán độc lập</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông <u><i>giao cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này</i></u> tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Ngân hàng phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. <u><i>Ngân hàng phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.</i></u></p>	<p>Điều 73. Kiểm toán độc lập</p> <p>1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Đại hội đồng cổ đông <u><i>quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc giao cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt (theo đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát)</i></u> để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng <u><i>và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính</i></u> trong năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Ngân hàng phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho tổ chức kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>Bãi bỏ</p>	Điều chỉnh phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; khoản 1 Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; khoản 1 Điều 39 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I và khoản 17 Điều 11 Mẫu Quy chế hoạt động của BKS tại Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC.
Điều 82 về Kiểm soát đặc biệt	Điều 82. Kiểm soát đặc biệt	Điều 74. Kiểm soát đặc biệt	- Điều chỉnh phù hợp với quy định tại

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>1. Các trường hợp Ngân hàng được xem xét đặt vào kiểm soát đặc biệt:</p> <p>a. <u>Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</u></p> <p>b. <u>Khi số lỗ lũy kế của Ngân hàng lớn hơn 50% giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</u></p> <p>c. <u>Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Điều lệ này trong thời gian 12 tháng liên tục</u> hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% trong thời gian sáu (06) tháng liên tục.</p>	<p>1. Các trường hợp Ngân hàng được xem xét đặt vào kiểm soát đặc biệt:</p> <p>a. <u>Ngân hàng được can thiệp sớm không có phương án khắc phục gửi NHNN hoặc không điều chỉnh phương án khắc phục theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN;</u></p> <p>b. <u>Trong thời hạn thực hiện phương án khắc phục, Ngân hàng được can thiệp sớm không có khả năng thực hiện phương án khắc phục;</u></p> <p>c. <u>Hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà Ngân hàng không khắc phục được tình trạng dẫn đến thực hiện can thiệp sớm;</u></p> <p>d. <u>Bị rút tiền hàng loạt và có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;</u></p> <p>e. Tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng thấp hơn 4% (bốn phần trăm) trong thời gian 06 (sáu) tháng liên tục.</p> <p>f. <u>Ngân hàng bị giải thể không có khả năng thanh toán đầy đủ các</u></p>	<p>Điều 162 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.</p> <p>- Chuyển các quy định về vay đặc biệt, xử lý khoản vay đặc biệt xuống quy định trong Chương 20 của Điều lệ về Rút tiền hàng loạt, vay đặc biệt theo đúng quy định tại Chương XI Luật Các tổ chức tín dụng 2024.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>d. <u>Xếp hạng yếu kém trong hai (02) năm liên tục theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p>2. <u>Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng thanh toán, Ngân hàng phải kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về thực trạng, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng, các biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục và các đề xuất, kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p>3. Dự nợ gốc, lãi của khoản cho vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước đối với Ngân hàng được chuyển thành dự nợ cho vay đặc biệt kể từ ngày có Quyết định của Ngân hàng Nhà nước đặt Ngân hàng vào kiểm soát đặc biệt.</p> <p>4. Trường hợp cấp bách, để đảm bảo khả năng chi trả tiền gửi hoặc tiền lãi của khách hàng hoặc để hỗ trợ Ngân hàng phục hồi theo phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt, Ngân hàng có thể được Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, <u>Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức</u></p>	<p><u>khoản nợ trong quá trình thanh lý tài sản.</u></p> <p>2. <u>Cổ đông của Ngân hàng phải báo cáo việc sử dụng cổ phần; không được chuyển nhượng cổ phần; không được sử dụng cổ phần để làm tài sản bảo đảm kể từ ngày Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt, trừ trường hợp thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u></p> <p>3. Dự nợ gốc, lãi của khoản vay tái cấp vốn của Ngân hàng tại NHNN được chuyển thành dự nợ gốc, lãi của khoản vay đặc biệt <u>và tiếp tục thực hiện theo cơ chế vay tái cấp vốn của các khoản vay tái cấp vốn này</u> kể từ ngày Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt.</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u><i>tín dụng khác</i></u> cho vay đặc biệt theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Khoản vay đặc biệt này sẽ được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác của Ngân hàng, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm của Ngân hàng trong trường hợp sau:</p> <p>a. Khi đến hạn trả nợ, trừ trường hợp trong thời gian phương án cơ cấu lại chưa được phê duyệt hoặc trường hợp thay đổi phương án cơ cấu lại nhưng chưa được phê duyệt;</p> <p>b. Khi giải thể, phá sản tổ chức tín dụng.</p>		
Điều 83 về Trách nhiệm của Ngân hàng, Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt	<p>Điều 83. Trách nhiệm của Ngân hàng, Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt</p> <p>1. Ngân hàng, cổ đông của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau:</p> <p>a. <u><i>Thuê tổ chức kiểm toán độc lập rà soát, đánh giá thực trạng tài chính, xác định giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ với các nội dung cụ thể theo yêu</i></u></p>	<p>Điều 75. Trách nhiệm của Ngân hàng, cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng khi Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt</p> <p>1. Ngân hàng, cổ đông của Ngân hàng khi Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau:</p>	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại Điều 165 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u><i>cầu của Ban kiểm soát đặc biệt trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt để tư đánh giá tổng thể thực trạng của Ngân hàng; gửi kết quả tư đánh giá và đề xuất chủ trương cơ cấu lại Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.</i></u></p> <p>b. <u><i>Sau khi đã có quyết định chủ trương cơ cấu lại Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt của cấp có thẩm quyền, theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt phải xây dựng phương án cơ cấu lại (phương án phục hồi/phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần/phương án giải thể/phương án chuyển giao bắt buộc/phương án phá sản). Việc xây dựng phương án cơ cấu lại và nội dung phương án cơ cấu lại phải đảm bảo tuân thủ các quy định có liên quan tại Mục 1, 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ và 1e Chương VIII Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).</i></u></p>	<p>a. Xây dựng phương án cơ cấu lại <u><i>theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt.</i></u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>c. Thực hiện chủ trương, phương án cơ cấu lại <u>và biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án cơ cấu lại</u> đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt;</p> <p>d. Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước quy định tại Điều 146a Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung);</p> <p>e. Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 146b Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b. Quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, bảo đảm an toàn tài sản của Ngân hàng.</p>	<p>b. Thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>c. Thực hiện quyết định, yêu cầu của NHNN quy định tại Điều 163 Luật Các tổ chức tín dụng;</p> <p>d. Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 164 Luật Các tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng khi Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b. Quản trị, điều hành, kiểm soát hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, bảo đảm an toàn tài sản của Ngân hàng.</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		c. <u>Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và thông qua phương án cơ cấu lại theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.</u>	
Điều 84 về Chấm dứt kiểm soát đặc biệt	Điều 84. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt Không quy định	Điều 77. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt 2. <u>Ngân hàng hoàn thành phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt theo quy định tại Mục 2, 3 và 4 Chương X Luật Các tổ chức tín dụng;</u>	Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 168 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.
Khoản 1 và 2 Điều 85 về Quản trị, điều hành và hoạt động của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt	Điều 85. Quản trị, điều hành và hoạt động của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt 1. <u>Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt thực hiện hoạt động kinh doanh theo phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quyết định, trừ một số hoạt động kinh doanh bị Ban kiểm soát đặc biệt đình chỉ vì có thể gia tăng rủi ro cho Ngân hàng hoặc không phù hợp với phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt.</u>	Điều 76. Quản trị, điều hành và hoạt động của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt Bãi bỏ	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 166 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>2. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt không phải tuân thủ quy định về giới hạn cấp tín dụng, tỷ lệ đảm bảo an toàn, <u>dự phòng rủi ro và mua, đầu tư vào tài sản cố định</u> theo quy định tại Điều lệ này và tại các Điều 128, 130, 131 và 140 của Luật Các Tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) <u>mà thực hiện theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể</u>; trường hợp số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro lớn hơn chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm (chưa bao gồm số tiền dự phòng rủi ro đã tạm trích trong năm) thì mức trích lập dự phòng rủi ro <u>tối thiểu</u> bằng mức chênh lệch thu chi.</p>	<p>1. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng không phải tuân thủ quy định về giới hạn cấp tín dụng, <u>giới hạn góp vốn, mua cổ phần</u>, tỷ lệ đảm bảo an toàn, <u>tỷ lệ còn lại của tài sản cố định</u> theo quy định tại Điều lệ này và tại các Điều 136, 137, 138 và khoản 3 Điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng. Trường hợp số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro lớn hơn chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm, chưa bao gồm số tiền dự phòng rủi ro đã tạm trích trong năm, thì số tiền trích lập dự phòng rủi ro bằng chênh lệch thu chi.</p>	
Điều 88 về Giải thể Ngân hàng	<p>Điều 88. Giải thể Ngân hàng</p> <p>Không quy định</p>	<p>Điều 80. Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng</p> <p>4. <u>Khi Ngân hàng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng khác tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.</u></p>	Bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 202 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Khoản 1 và 2 Điều 89 về Thanh lý tài sản của Ngân hàng	<p>Điều 89. Thanh lý tài sản của Ngân hàng</p> <ol style="list-style-type: none"> <u><i>Trường hợp Ngân hàng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý tài sản của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật phá sản doanh nghiệp.</i></u> Khi giải thể theo Điều 88 của Điều lệ này, Ngân hàng tiến hành thanh lý ngay dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do NHNN quy định. 	<p>Điều 81. Thanh lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động</p> <ol style="list-style-type: none"> Khi giải thể, <u><i>chấm dứt hoạt động</i></u> theo 0 của Điều lệ này, Ngân hàng phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc NHNN quy định. <u><i>Ngân hàng phải chấm dứt thanh lý tài sản và thực hiện phương án phá sản theo theo quyết định của NHNN trong trường hợp Ngân hàng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ.</i></u> 	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 204 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.
Chương quy định về rút tiền hàng loạt, vay đặc biệt	Không quy định	<p>Chương 20.</p> <p>Rút tiền hàng loạt, vay đặc biệt</p> <p>Điều 83. Xử lý trường hợp Ngân hàng bị rút tiền hàng loạt</p> <ol style="list-style-type: none"> <u><i>Ngân hàng phải báo cáo NHNN và thực hiện ngay các biện pháp sau đây khi bị rút tiền hàng loạt:</i></u> 	- Bổ sung Điều khoản về Xử lý trường hợp Ngân hàng bị rút tiền hàng loạt theo quy định tại Điều 191 Luật Các tổ chức tín dụng 2024. Đây

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>a. <u>Không chia cổ tức bằng tiền mặt; tạm dừng hoặc hạn chế các hoạt động cấp tín dụng và các hoạt động khác có sử dụng nguồn tiền của Ngân hàng; các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu chi trả tiền gửi cho khách hàng;</u></p> <p>b. <u>Thực hiện các biện pháp tại phương án khắc phục trong tình huống bị rút tiền hàng loạt quy định tại Điều 143 Luật Các tổ chức tín dụng; cập nhật, điều chỉnh phương án trong trường hợp cần thiết.</u></p> <p>2. <u>Ngân hàng phải báo cáo NHNN về tình trạng rút tiền hàng loạt và rà soát, đánh giá lại thực trạng để xây dựng, điều chỉnh phương án khắc phục theo quy định tại Điều 158 và Điều 160 Luật Các tổ chức tín dụng và thực hiện phương án khắc phục đã được xây dựng, điều chỉnh trong trường hợp Ngân hàng đang được can thiệp sớm mà bị rút tiền hàng loạt.</u></p>	<p>là quy định mới bổ sung của Luật Các Tổ chức tín dụng 2024.</p> <p>- Chuyển các quy định về vay đặc biệt, xử lý khoản vay đặc biệt xuống quy định trong Chương 20 này theo đúng quy định tại Chương XI Luật Các tổ chức tín dụng 2024.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>Đã được quy định tại khoản 4 và 5 Điều 82 về Kiểm soát đặc biệt</p>	<p>3. <u>Ngân hàng được áp dụng biện pháp hỗ trợ sau đây khi bị rút tiền hàng loạt:</u></p> <p>a. <u>Bán giấy tờ có giá cho NHNN trên nghiệp vụ thị trường mở với lãi suất 0%;</u></p> <p>b. <u>Thực hiện giao dịch ngoại tệ với NHNN để bảo đảm thanh khoản theo quy định của Thống đốc NHNN;</u></p> <p>c. <u>Được vay đặc biệt từ NHNN; vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; vay đặc biệt từ tổ chức tín dụng khác.</u></p> <p>Điều 84. Vay đặc biệt, xử lý khoản vay đặc biệt</p> <p>1. Ngân hàng được vay đặc biệt từ NHNN, tổ chức tín dụng khác trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền theo quy định tại Điều 84 Điều lệ này;</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>b. Để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc.</p> <p>2. Ngân hàng được vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.</p> <p>3. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ, <u>nghĩa vụ tài chính khác</u>, kể cả các khoản nợ, <u>nghĩa vụ tài chính</u> có tài sản bảo đảm của Ngân hàng.</p>	
Điều 93 về Nghĩa vụ bảo mật	<p>Điều 93. Nghĩa vụ bảo mật</p> <p>1. Nhân viên của Ngân hàng và những người có liên quan không được tiết lộ <u>bí mật quốc gia</u>, bí mật kinh doanh của Ngân hàng và <u>bí mật tài khoản của khách hàng</u> mà mình biết, trừ trường hợp theo yêu cầu của các cơ quan pháp luật.</p> <p>2. Ngân hàng <u>được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt</u></p>	<p>Điều 87. Nghĩa vụ bảo mật</p> <p>1. Nhân viên, <u>Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng</u> không được tiết lộ <u>thông tin khách hàng</u>, bí mật kinh doanh của Ngân hàng.</p> <p>2. Ngân hàng <u>phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng theo quy định của Chính phủ, không được cung cấp thông tin khách hàng cho tổ chức, cá nhân khác</u>, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có</p>	Điều chỉnh lại nhằm phù hợp với quy định tại Điều 13 Luật Các tổ chức tín dụng.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<u>đồng của Ngân hàng</u> , trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng bằng văn bản.	thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.	
Điều khoản về chuyển tiếp	Không quy định	<p>Điều 89. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>1. <u>Hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận được ký kết trước ngày Điều lệ này có hiệu lực, Ngân hàng và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Các tổ chức tín dụng, trừ trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ của hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận cấp tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân hàng.</u></p> <p><u>Đối với hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận không xác định thời hạn</u></p>	Bổ sung để áp dụng phù hợp với Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p><u>có nội dung không phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Các tổ chức tín dụng được ký kết trước ngày Điều lệ này có hiệu lực, Ngân hàng và khách hàng được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 30/6/2025. Sau thời điểm này, Ngân hàng và khách hàng phải thực hiện chấm dứt hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch khác, thoả thuận bảo đảm phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Các tổ chức tín dụng.</u></p> <p>2. <u>Ngân hàng phải xây dựng và thực hiện lộ trình để bảo đảm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này và Luật Các tổ chức tín dụng theo quy định của Thống đốc NHNN trong trường hợp Ngân hàng có các khoản góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác quy định tại điểm b khoản 7 Điều 6 Điều lệ này.</u></p> <p>3. <u>Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng và chức danh khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại Điều 35 Điều lệ này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p><u>nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.</u></p> <p><u>Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Điều lệ này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 44 Điều lệ này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>Đến ngày Điều lệ này có hiệu lực, Ban kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 55 Điều lệ này được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.</u></p> <p>4. <u>Kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực, Cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần Ngân hàng vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 16 Điều lệ này được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<u>tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.</u>	

- Nội dung được in nghiêng đậm, gạch chân là các nội dung thay đổi, điều chỉnh, bổ sung.

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

PHẦN MỞ ĐẦU

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (sau đây gọi tắt là “**HDBank**” hoặc “**Ngân hàng**”) là một ngân hàng thương mại cổ phần thực hiện các hoạt động ngân hàng, kinh doanh tiền tệ và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục đích lợi nhuận, góp phần phát triển kinh tế đất nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này (sau đây gọi tắt là “**Điều lệ**”), các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là “**NHNN**”) và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng quyết định thông qua theo Nghị quyết số/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ HDBank, đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều lệ này bao gồm 23 Chương, 89 Điều.

Chương 1

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

- Trong Điều lệ này, những thuật ngữ nằm trong ngoặc kép dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - “**Bên nhận chuyển giao bắt buộc**” có nghĩa là một hoặc một số tổ chức sau đây đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng:¹
 - Tổ chức tín dụng trong nước, tổ chức tín dụng nước ngoài;
 - Doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài;
 - Tổ chức khác.
 - “**Can thiệp sớm**” có nghĩa là việc NHNN áp dụng các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với Ngân hàng và yêu cầu Ngân hàng thực hiện phương án khắc phục dưới sự giám sát của NHNN nhằm khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều 14 của Điều lệ này và quy định của pháp luật hiện hành.²
 - “**Cổ đông lớn**” có nghĩa là cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.³

¹ Điều 184 Luật Các tổ chức tín dụng.

² Khoản 3 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

³ Khoản 8 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

- d. “**Cổ đông sáng lập**” có nghĩa là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Ngân hàng⁴.
- e. “**Cổ phiếu**” có nghĩa là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng.⁵
- f. “**Công ty con của Ngân hàng**” hoặc “**Công ty con**” (tùy từng ngữ cảnh) có nghĩa là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:⁶
- i. Ngân hàng hoặc Ngân hàng và Người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty con đó;
 - ii. Ngân hàng có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của Công ty con đó;
 - iii. Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty con đó;
 - iv. Ngân hàng hoặc Ngân hàng và Người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của Công ty con đó.
- g. “**Công ty liên kết của Ngân hàng**” hoặc “**Công ty liên kết**” (tùy từng ngữ cảnh) có nghĩa là công ty trong đó Ngân hàng hoặc Ngân hàng và Người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 11% (mười một phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 11% (mười một phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là Công ty con của Ngân hàng.⁷
- h. “**Công ty mẹ**” có nghĩa là một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác (“**công ty con**”) nếu Công ty mẹ thuộc một trong các trường hợp sau đây:⁸
- i. Sở hữu hoặc cùng với người có liên quan sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã phát hành của công ty con;
 - ii. Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty con;
 - iii. Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con; và
 - iv. Có quyền trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát hoặc cùng với người có liên quan kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.
- i. “**Điều lệ**” có nghĩa là bản Điều lệ này, bao gồm cả các bản Điều lệ sửa đổi và bổ sung sau này (nếu có).
- j. “**Địa chỉ liên lạc**” có nghĩa là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc.

⁴ Khoản 4 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

⁵ Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

⁶ Khoản 9 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁷ Khoản 11 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁸ Khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp, Khoản 9 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

- k. “**Giấy tờ pháp lý của cá nhân**” có nghĩa là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp.
- l. “**Giấy tờ pháp lý của tổ chức**” có nghĩa là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.
- m. “**Kiểm soát đặc biệt**” có nghĩa là việc NHNN quyết định đặt Ngân hàng dưới sự kiểm soát trực tiếp của NHNN.⁹
- n. “**Luật Các tổ chức tín dụng**” có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.
- o. “**Luật Chứng khoán**” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.
- p. “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.
- q. “**Luật NHNN Việt Nam**” có nghĩa là Luật NHNN Việt Nam số 46/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.
- r. “**Ngày thành lập**” có nghĩa là ngày Ngân hàng được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu tiên, cụ thể là ngày 6 tháng 6 năm 1992.
- s. “**Người có liên quan**” có nghĩa là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:¹⁰
 - i. Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - ii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - iii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

⁹ Khoản 19 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁰ Khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

- iv. Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;
- v. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại tiết (iv) điểm này với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
- vi. Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết (i), (ii), (iii), (iv) và (v) điểm này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau; và
- vii. Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN thông qua hoạt động thanh tra, giám sát.
- t. **“Người có quan hệ gia đình”** bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.¹¹
- u. **“Người điều hành ngân hàng”** hoặc **“Người điều hành”** (tùy từng ngữ cảnh) bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này (nếu có).¹²
- v. **“Người nội bộ”** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên khác của Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên khác của Ban kiểm soát; thư ký ngân hàng, người phụ trách quản trị ngân hàng, người được ủy quyền công bố thông tin.
- w. **“Người quản lý ngân hàng”** hoặc **“Người quản lý”** (tùy từng ngữ cảnh) bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ này (nếu có).¹³
- x. **“Phương án chuyển giao bắt buộc”** có nghĩa là phương án cổ đông của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt phải chuyển giao toàn bộ cổ phần cho Bên nhận chuyển giao.¹⁴

¹¹ Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

¹² Khoản 25 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹³ Khoản 26 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁴ Khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

- y. “**Phương án cơ cấu lại Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt**” hoặc “**phương án cơ cấu lại**” có nghĩa là một trong các phương án sau đây:¹⁵
- i. Phương án phục hồi;
 - ii. Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần;
 - iii. Phương án chuyển giao bắt buộc;
 - iv. Phương án giải thể;
 - v. Phương án phá sản.
- z. “**Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng**” có nghĩa là quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng hiện hành được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan.¹⁶
- aa. “**Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị**” có nghĩa là quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng hiện hành được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan.¹⁷
- bb. “**Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát**” có nghĩa là quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng hiện hành được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan.¹⁸
- cc. “**Rút tiền hàng loạt**” có nghĩa là việc Ngân hàng bị nhiều người gửi tiền cùng rút tiền dẫn đến Ngân hàng có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất khả năng chi trả theo quy định của Thống đốc NHNN.¹⁹
- dd. “**Sở hữu gián tiếp**” có nghĩa là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ của Ngân hàng thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ.
- ee. “**Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**” có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 của Điều lệ này, nằm trong danh sách nhân sự dự kiến đã được NHNN chấp thuận và được bổ nhiệm hợp lệ bởi Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
- ff. “**Tổ chức lại Ngân hàng**” có nghĩa là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.²⁰
- gg. “**Vốn điều lệ**” có nghĩa là tổng mệnh giá cổ phần của Ngân hàng đã bán cho cổ đông²¹.
2. Trong Điều lệ này, các dẫn chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế của quy định hoặc văn bản khác đó.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

¹⁵ Khoản 29 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁶ Khoản 2 Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là “Nghị định số 155/2020/NĐ-CP”).

¹⁷ Khoản 4 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

¹⁸ Khoản 6 Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

¹⁹ Khoản 31 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

²⁰ Khoản 1 Điều 201 Luật Các tổ chức tín dụng.

²¹ Khoản 42 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn các Luật này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự như được quy định trong Điều lệ này.

Chương 2

TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Điều 2. Tên, địa chỉ, hình thức, người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và con dấu của Ngân hàng

1. Tên ngân hàng
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt: **Ngân hàng Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh**
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: **Ho Chi Minh City Development Joint Stock
Commercial Bank**
 - Tên viết tắt : **HDBank**
2. Trụ sở chính đăng ký và thông tin liên hệ của Ngân hàng
 - Địa chỉ : **25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
 - Điện thoại : **028 6291 5916**
 - Fax : **028 6291 5900**
 - E-mail : **ho@hdbank.com.vn**
 - Website : **www.hdbank.com.vn**
3. Ngân hàng là một ngân hàng thương mại cổ phần có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.
4. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác làm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng theo cơ chế ủy quyền nội bộ do Hội đồng quản trị Ngân hàng quy định tại Quy chế hoạt động của Tổng Giám đốc để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ phạm vi và thời hạn đại diện theo ủy quyền. Người đại diện theo ủy quyền chỉ được thực hiện giao dịch trong phạm vi đại diện.
5. Ngân hàng có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các hình thức hiện diện thương mại khác sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản theo quy định của Thống đốc NHNN và quy định pháp luật.

Văn bản chấp thuận việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước của Ngân hàng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện²².
6. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 (chín mươi chín) năm kể từ Ngày thành lập.

²² Điều 38 Luật Các tổ chức tín dụng.

7. Ngân hàng có con dấu riêng, được lưu giữ bảo quản, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý và sử dụng con dấu do Hội đồng quản trị ban hành.²³

Chương 3

MỤC TIÊU CỦA NGÂN HÀNG, PHẠM VI VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Mục tiêu của Ngân hàng

Ngân hàng hướng đến phát triển cung cấp các sản phẩm tài chính ngân hàng đa dạng, tiện ích cho tất cả các đối tượng khách hàng trong và ngoài nước, thực hiện mục tiêu trở thành Ngân hàng bán lẻ đa năng và có giá trị cao trên thị trường; thực hiện các nội dung yêu cầu chung của Chính phủ, NHNN trong mục tiêu xây dựng, vận hành và đảm bảo hệ thống kinh tế, tài chính tiền tệ quốc gia lành mạnh và phát triển bền vững. Ngân hàng thực hiện tất cả các chiến lược cần thiết để phát triển nhanh, bền vững, có lợi nhuận cao trên cơ sở cân đối hài hòa lợi ích của Ngân hàng và các cổ đông cũng như với xã hội.

Điều 4. Phạm vi hoạt động

Ngân hàng được tiến hành các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do NHNN cấp cho Ngân hàng phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Thống đốc NHNN.²⁴

Điều 5. Nội dung hoạt động của Ngân hàng

Phụ thuộc vào nội dung của Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng và quy định của pháp luật áp dụng, Ngân hàng được thực hiện các hoạt động sau đây:²⁵

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a. Cho vay;
 - b. Chiết khấu, tái chiết khấu;
 - c. Bảo lãnh ngân hàng;
 - d. Phát hành thẻ tín dụng;
 - e. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế khi được NHNN cho phép thực hiện;
 - f. Thư tín dụng;
 - g. Các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc NHNN.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

²³ Điều 43 Luật Doanh nghiệp.

²⁴ Điều 8 và Điều 99 Luật Các tổ chức tín dụng.

²⁵ Từ Điều 107 đến Điều 114, Điều 137, Điều 139 và Điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng.

- a. Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - b. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc NHNN.
7. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá:
- a. Ngân hàng được vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN Việt Nam.
 - b. Ngân hàng được mua, bán giấy tờ có giá với NHNN theo quy định của Luật NHNN Việt Nam.
 - c. Ngân hàng được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc NHNN.
 - d. Ngân hàng được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.
8. Mở tài khoản:
- a. Ngân hàng phải mở tài khoản thanh toán tại NHNN và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.
 - b. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
 - c. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
9. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán:
- a. Ngân hàng được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
 - b. Ngân hàng được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
10. Góp vốn, mua cổ phần:
- Ngân hàng thực hiện góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.
11. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh:
- a. Ngân hàng được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản:
 - i. Ngoại hối;
 - ii. Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.
 - b. Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
12. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý:²⁶

²⁶ Điều 106 Luật Các tổ chức tín dụng.

- a. Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc NHNN.
- b. Ngân hàng được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc NHNN.

13. Kinh doanh bất động sản:²⁷

Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

- a. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;
- b. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của Ngân hàng chưa sử dụng hết;
- c. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại điểm a khoản này và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng, bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không được vượt quá 50% Vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán.

14. Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng:

- a. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc NHNN:
 - i. Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
 - ii. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;
 - iii. Mua, bán tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại tiết (i) điểm b khoản này;
 - iv. Dịch vụ môi giới tiền tệ;
 - v. Kinh doanh vàng;
 - vi. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;
 - vii. Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng.
 - viii. Mua nợ.
- b. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:

²⁷ Điều 139 Luật Các tổ chức tín dụng.

- i. Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - ii. Phát hành trái phiếu;
 - iii. Lưu ký chứng khoán;
 - iv. Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;
 - v. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- c. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại điểm a và b khoản này theo quy định của Thống đốc NHNN, quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần²⁸

1. Ngân hàng chỉ được dùng Vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này và tuân thủ các giới hạn để bảo đảm an toàn trong hoạt động đầu tư, góp vốn theo quy định của pháp luật.
2. Ngân hàng phải thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a. Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - b. Cho thuê tài chính;
 - c. Bảo hiểm.
3. Ngân hàng được thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a. Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b. Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
5. Ngân hàng thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
6. Ngân hàng, Công ty con của Ngân hàng được mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc NHNN.
7. Ngân hàng, công ty con của Ngân hàng không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sau đây:²⁹
 - a. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của Ngân hàng;

²⁸ Điều 111 và Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng.

²⁹ Khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng.

- b. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn của Ngân hàng.
8. Ngoài ra, tổng mức góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng vào các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng và mức góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng và các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng vào doanh nghiệp khác không được vượt quá tỷ lệ tối đa theo quy định của pháp luật.³⁰

Điều 7. Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra và xử lý³¹

1. Ngân hàng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh khả năng tài chính của khách hàng, phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Ngân hàng phải có tối thiểu thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp, khả năng tài chính của khách hàng trước khi quyết định cấp tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng có mức giá trị nhỏ theo quy định của Thống đốc NHNN.
3. Ngân hàng phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.
4. Ngân hàng có quyền thỏa thuận với khách hàng về việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm trong hoạt động cấp tín dụng.
5. Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm.
6. Trường hợp các bên không có thỏa thuận khác thì Ngân hàng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của Ngân hàng thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.
7. Trường hợp khách hàng hoặc bên bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.
8. Ngân hàng có quyền quyết định miễn, giảm lãi, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 8. Bảo đảm an toàn

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VII của Luật Các tổ chức tín dụng và theo quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản “Có” và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương 4

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

³⁰ Khoản 1 và khoản 2 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng.

³¹ Điều 102 và 103 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 9. Vốn điều lệ³²

1. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần của Ngân hàng đã bán cho cổ đông, được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
2. Ngân hàng phải đảm bảo mức Vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
3. Vốn điều lệ có thể được tăng từ các nguồn sau:
 - a. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ;
 - b. Quỹ thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
 - c. Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
 - d. Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
 - e. Vốn do cổ đông góp thêm;
 - f. Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.
4. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích sau:
 - a. Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Ngân hàng không quá tỷ lệ quy định của NHNN;
 - b. Thành lập, tham gia góp vốn thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết; góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;
 - c. Cấp tín dụng cho khách hàng;
 - d. Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thay đổi Vốn điều lệ

1. Việc thay đổi Vốn điều lệ (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi Vốn điều lệ theo quy định của pháp luật hiện hành. Văn bản chấp thuận của NHNN về việc thay đổi mức Vốn điều lệ có hiệu lực trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký.
2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi Vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.
3. Hội đồng quản trị Ngân hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của Thống đốc NHNN và Điều lệ của Ngân hàng.

Điều 11. Vốn hoạt động của Ngân hàng

Vốn hoạt động của Ngân hàng gồm các nguồn vốn sau:³³

³² Khoản 42 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 29 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định v/v cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.

³³ Điều 4 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước (sau đây gọi tắt là “Nghị định số 93/2017/NĐ-CP”).

1. Vốn chủ sở hữu:
 - a. Vốn điều lệ;
 - b. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá theo quy định của pháp luật;
 - c. Thặng dư vốn cổ phần;
 - d. Các quỹ: quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;
 - e. Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý; và
 - f. Vốn khác thuộc sở hữu hợp pháp của Ngân hàng.
2. Vốn huy động:
 - a. Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân; vốn huy động thông qua phát hành các loại giấy tờ có giá;
 - b. Vốn nhận ủy thác đầu tư;
 - c. Vốn vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và ngoài nước; và
 - d. Vốn vay từ NHNN.
3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Sử dụng vốn, tài sản³⁴

1. Ngân hàng được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.
2. Ngân hàng được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh theo nhu cầu thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Ngân hàng được điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh hoặc giữa các Công ty con có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập theo nhu cầu thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Việc điều động vốn, tài sản nội bộ của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị.

Điều 13. Bảo đảm an toàn vốn³⁵

1. Ngân hàng phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây theo quy định của pháp luật:
 - a. Tỷ lệ khả năng chi trả;
 - b. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ;
 - c. Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;
 - d. Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;
 - e. Tỷ lệ bảo đảm an toàn khác.

³⁴ Điều 6 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP.

³⁵ Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng; Khoản 3, 4 Điều 8 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP.

2. Ngân hàng tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải ký quỹ tiền tại NHNN, nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ.
3. Tổng số vốn của Ngân hàng đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, Công ty con của Ngân hàng dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán không được tính vào vốn tự có khi tính tỷ lệ bảo đảm an toàn.
4. Mua bảo hiểm tài sản đối với các tài sản quy định phải mua bảo hiểm.
5. Tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Bảo hiểm tiền gửi, các quy định pháp luật khác có liên quan và công khai việc tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi tại trụ sở và chi nhánh.

Điều 14. Thực hiện can thiệp sớm đối với Ngân hàng³⁶

1. Các trường hợp Ngân hàng được NHNN xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm:
 - a. Số lỗ lũy kế của Ngân hàng lớn hơn 15% giá trị của Vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này;
 - b. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN;
 - c. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này trong thời gian 30 ngày liên tục;
 - d. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này trong thời gian 06 tháng liên tục;
 - e. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN.
2. Ngân hàng phải xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.
3. Ngân hàng có trách nhiệm thực hiện ngay các nội dung sau đây theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN:
 - a. Một hoặc một số yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm theo quy định tại Điều 157 của Luật Các tổ chức tín dụng và thời hạn thực hiện;
 - b. Cập nhật, thực hiện ngay phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định tại Điều 143 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc xây dựng phương án khắc phục theo quy định tại Điều 158 của Luật Các tổ chức tín dụng, thời hạn hoàn thành xây dựng và thông qua phương án khắc phục.
4. Ngân hàng thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính, đánh giá thực trạng tài chính để làm cơ sở xây dựng phương án khắc phục trong trường hợp có yêu cầu của NHNN.

³⁶ Khoản 1 Điều 143 và Điều 156 Luật Các tổ chức tín dụng.

Chương 5

CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 15. Vốn điều lệ hiện hành, cổ phần, cổ đông của Ngân hàng

1. Vốn điều lệ hiện có của Ngân hàng là 29.076.321.320.000 VND (hai mươi chín nghìn không trăm bảy mươi sáu tỷ ba trăm hai mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn Đồng).
2. Tổng số Vốn điều lệ được chia thành nhiều cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND (mười nghìn Đồng).
3. Ngân hàng có thể thay đổi Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được NHNN chấp thuận phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Ngân hàng là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 22 và Điều 23 của Điều lệ này.
5. Ngân hàng có thể phát hành các loại cổ phần khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Ngân hàng có thể mua cổ phần do chính Ngân hàng đã phát hành và đang giao dịch trên thị trường chứng khoán theo các quy định của pháp luật hiện hành. Việc Ngân hàng mua lại cổ phần đã phát hành phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện vì dẫn đến việc giảm Vốn điều lệ.
7. Ngân hàng có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (tùy theo thẩm quyền) thông qua bằng văn bản, phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định tại Điều lệ này.
8. Ngân hàng phải có tối thiểu 100 (một trăm) cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt và được chuyển giao bắt buộc đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định tại Mục 4 Chương X của Luật Các tổ chức tín dụng.³⁷

Điều 16. Giới hạn sở hữu cổ phần³⁸

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 05% (năm phần trăm) Vốn điều lệ.
2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% (mười phần trăm) Vốn điều lệ.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) Vốn điều lệ.

Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.

³⁷ Khoản 6 Điều 60 Luật Các tổ chức tín dụng.

³⁸ Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 5 Điều 7 Nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 v/v nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; điểm e khoản 1 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:
 - a. Sở hữu cổ phần tại Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 6 của Điều lệ này;
 - b. Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều này.
5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng.
6. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi (nếu có), khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.
7. Tỷ lệ sở hữu cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Ngân hàng tối đa là 20% (hai mươi phần trăm). Tỷ lệ này có thể được điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 17. Cổ phiếu³⁹

1. Cổ phiếu của Ngân hàng bao gồm các thông tin chủ yếu sau:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
 - b. Số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - e. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
 - f. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng;
 - g. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;
 - h. Các thông tin khác (nếu có).
2. Cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử. Trường hợp phát hành dưới hình thức chứng chỉ, Ngân hàng phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ số tiền cam kết mua cổ phần.
3. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký trong một cổ phiếu thì cổ phiếu cũ sẽ bị huỷ bỏ và cổ phiếu mới sẽ ghi nhận số cổ phần còn lại sau khi chuyển nhượng. Cổ phiếu mới sẽ được cấp miễn phí.
4. Ngân hàng có thể quản lý cổ phiếu thay cho cổ đông hoặc cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu có ghi tên bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay và đề nghị Ngân hàng cấp lại cổ phiếu khác và phải trả phí theo quy định của Ngân hàng.

³⁹ Điều 66 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

5. Cổ phiếu của Ngân hàng không được dùng để cầm cố tại chính Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
6. Các nội dung khác liên quan đến cổ phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 18. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Ngân hàng có thể tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng Vốn điều lệ. Chào bán cổ phần được thực hiện theo các hình thức sau:⁴⁰
 - a. Chào bán cổ phần ra công chúng;
 - b. Phát hành cổ phần riêng lẻ;
 - c. Chào bán, phát hành cổ phần theo các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc chào bán cổ phần theo khoản 1 Điều này được Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
5. Việc mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.⁴¹
6. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành liên quan.
7. Trong trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.
8. Trong trường hợp cổ đông là tổ chức bị giải thể, phá sản, chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật làm chấm dứt hình thức tồn tại pháp lý thì việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng.
9. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng.⁴²
10. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN, thành viên Hội đồng quản trị, thành

⁴⁰ Khoản 2 Điều 123 Luật Doanh nghiệp.

⁴¹ Điểm d khoản 1 Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁴² Khoản 1 Điều 64 Luật Các tổ chức tín dụng.

viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp các thành viên này:

- a. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;
 - b. Bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
 - c. Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.⁴³
11. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập tham gia góp vốn thành lập Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật.
12. Việc phát hành, chào bán và chuyển nhượng cổ phần, mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn luật có liên quan, các quy định của các cơ quan quản lý, cơ quan chức năng và Điều lệ này.

Điều 19. Mua lại cổ phần, cổ phiếu⁴⁴

1. Việc Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình phải đáp ứng các điều kiện sau đây:⁴⁵
 - a. Có nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm Vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại;
 - b. Có đủ nguồn để mua lại cổ phiếu từ các nguồn sau đây: thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung Vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;
 - c. Có công ty chứng khoán được chỉ định thực hiện giao dịch;
 - d. Đáp ứng các điều kiện đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật;
 - e. Không thuộc các trường hợp không được mua lại cổ phiếu của chính mình sau đây:
 - i. Ngân hàng đang có nợ phải trả quá hạn căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; trường hợp thời điểm dự kiến mua lại cổ phiếu quá 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, việc xác định nợ quá hạn được căn cứ vào báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được kiểm toán;
 - ii. Ngân hàng đang trong quá trình chào bán, phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn;
 - iii. Cổ phiếu của Ngân hàng đang là đối tượng chào mua công khai, trừ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này; hoặc

⁴³ Khoản 2 Điều 64 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁴⁴ Điều 65 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 36 Luật Chứng khoán; khoản 5 Điều 112, các Điều 132, 133 và 134 của Luật Doanh nghiệp.

⁴⁵ Các khoản 1, 3 và 4 Điều 36 Luật Chứng khoán.

- iv. Ngân hàng đã thực hiện việc mua lại cổ phiếu của chính mình trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày báo cáo kết quả mua lại hoặc vừa kết thúc đợt chào bán, phát hành cổ phiếu để tăng vốn không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành, trừ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.
- f. Trừ trường hợp mua lại cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ sở hữu trong Ngân hàng hoặc mua lại cổ phiếu theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc mua lại cổ phiếu thông qua giao dịch thực hiện theo phương thức khớp lệnh, Ngân hàng không được mua lại cổ phiếu của các đối tượng sau đây:
- Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ;
 - Người sở hữu cổ phiếu có hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; và
 - Cổ đông lớn của Ngân hàng.
2. Các trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu:
- a. Mua lại cổ phần, cổ phiếu theo quyết định của Ngân hàng:⁴⁶
- Ngân hàng có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông thông qua việc mua lại cổ phần đã bán, hoặc phê duyệt phương án mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị trình. Nghị quyết, quyết định mua lại cổ phần của Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm những nội dung được xác định như sau: số lượng cổ phần hoặc tỷ lệ cổ phần sẽ mua lại; nguồn vốn dùng mua lại cổ phần; cách thức mua lại cổ phần; giá mua lại cổ phần; nguyên tắc xác định giá mua lại cổ phần; thời gian thực hiện; quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông và các vấn đề khác phù hợp quy định của pháp luật.
- b. Mua lại cổ phần, cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông:⁴⁷
- Cổ đông đã biểu quyết không thông qua quyết định về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Trụ sở chính của Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
 - Ngân hàng phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 2 nêu trên trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu với mức giá do hai bên thỏa thuận. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Ngân hàng sẽ giới thiệu ít nhất ba tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn một trong ba tổ chức đó và quyết định định giá của tổ chức thẩm định giá được lựa chọn này là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên. Chi phí thẩm định giá sẽ do Ngân hàng và cổ đông chi trả đồng đều.

⁴⁶ Điều 133 Luật Doanh nghiệp.

⁴⁷ Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

- c. Mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Ngân hàng, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn sở hữu.⁴⁸
 - d. Việc mua lại cổ phiếu được nêu tại điểm b, c khoản 2 Điều này được miễn trừ điều kiện quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này.⁴⁹
3. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại
- a. Ngân hàng chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của Vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định.⁵⁰
 - b. Cổ phiếu được mua lại theo quy định tại Điều này được bán ra ngay sau khi mua lại trong các trường hợp sau đây:⁵¹
 - i. Ngân hàng mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn sở hữu;
 - ii. Ngân hàng mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông.
 - c. Việc mua lại theo Điều này các cổ phần đã lưu ký và niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và sàn giao dịch chứng khoán liên quan.
 - d. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Ngân hàng giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.⁵²
 - e. Khi thực hiện mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định tại các điểm a đến d Khoản 1 và điểm b Khoản 2 Điều này, Ngân hàng phải thực hiện thủ tục giảm Vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được Ngân hàng mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu.⁵³
 - f. Khi thực hiện mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, Ngân hàng phải (i) báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên về tổng số lượng cổ phiếu của người lao động đã được Ngân hàng mua lại để giảm Vốn điều lệ và (ii) thực hiện thủ tục giảm Vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được Ngân hàng mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại tiết (i) bên trên.⁵⁴

⁴⁸ Khoản 4 Điều 36 Luật Chứng khoán.

⁴⁹ Khoản 2 Điều 36 Luật Chứng khoán.

⁵⁰ Điều 65 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁵¹ Khoản 7 Điều 36 Luật Chứng khoán.

⁵² Khoản 4 Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

⁵³ Khoản 2 Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

⁵⁴ Khoản 6 Điều 36 Luật Chứng khoán.

- g. Ngân hàng phải tiêu hủy ngay Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ.⁵⁵
4. Báo cáo mua lại cổ phiếu, công bố thông tin và thực hiện việc mua lại cổ phiếu: thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định do cấp có thẩm quyền của Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ.

Điều 20. Phát hành trái phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác⁵⁶

1. Ngân hàng có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi (là loại trái phiếu do Ngân hàng phát hành và có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng theo các điều kiện, điều khoản đã được xác định trong phương án phát hành trái phiếu), trái phiếu kèm chứng quyền (là loại trái phiếu được Ngân hàng phát hành kèm theo chứng quyền, cho phép người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu) và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định về phát hành giấy tờ có giá của Ngân hàng có hiệu lực tại từng thời điểm.
2. Việc phát hành các loại trái phiếu của Ngân hàng phải tuân thủ các quy định có liên quan của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.
3. Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền:
 - a. Phải được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thông qua và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản (nếu áp dụng).
 - b. Trong phương án phát hành trái phiếu phải có nội dung về chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện chứng quyền như sau:
 - i. Người mua trái phiếu phải đáp ứng quy định pháp luật hiện hành về giới hạn góp vốn, mua cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu và/hoặc thực hiện chứng quyền đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền;
 - ii. Việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, thực hiện chứng quyền đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền chỉ được thực hiện sau khi NHNN chấp thuận cho Ngân hàng tăng Vốn điều lệ theo quy định của NHNN về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.
 - c. Hội đồng quản trị Ngân hàng quy định cụ thể các nội dung chưa được quy định chi tiết trong phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các nội dung khác liên quan đến việc phát hành trái phiếu.
4. Thủ tục, hồ sơ xin phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền được thực hiện theo các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

⁵⁵ Khoản 3 Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

⁵⁶ Khoản 2 Điều 107 và điểm b khoản 2 Điều 114 Luật Các tổ chức tín dụng; Luật Chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

5. Khi thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và/hoặc thực hiện chứng quyền đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền, Ngân hàng và người sở hữu trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền thực hiện theo quy định của NHNN về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.
6. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Ngân hàng được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng.⁵⁷

Chương 6

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát⁵⁸

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Ngân hàng gồm các cơ quan:
 - a. Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Hội đồng quản trị;
 - c. Ban kiểm soát;
 - d. Tổng giám đốc;
 - e. Bộ máy giúp việc.
2. Hội đồng quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
3. Ban Kiểm soát quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chương 7

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 22. Quyền của cổ đông⁵⁹

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - a. Các quyền theo quy định tại Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể như sau:
 - i. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - ii. Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - iii. Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của Ngân hàng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - iv. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Ngân hàng;

⁵⁷ Điều 8 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là “Thông tư số 116/2020/TT-BTC”).

⁵⁸ Khoản 1 Điều 40 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 11 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

⁵⁹ Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

- v. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - vi. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - vii. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - viii. Khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Ngân hàng sau khi Ngân hàng đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Ngân hàng theo quy định của pháp luật;
 - ix. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;
 - x. Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật;
 - xi. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ này (nếu có) có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; và
 - xii. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền theo quy định tại khoản 10 Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:
- i. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ngân hàng;
 - ii. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - iii. Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp nhưng danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định:
 - Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05 % (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm và các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Cơ chế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
 - Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ngân hàng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
 - + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - + Trình độ chuyên môn;
 - + Quá trình công tác;
 - + Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - + Lợi ích có liên quan tới Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng;
 - + Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;
 - + Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có).
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
- iv. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Điều lệ này.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết (nếu có) có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Doanh nghiệp.
3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức (nếu có) có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Luật Doanh nghiệp.

Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông⁶⁰

1. Cổ đông phổ thông của Ngân hàng phải thực hiện các nghĩa vụ sau:
 - a. Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào Ngân hàng;
 - b. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
 - c. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do Ngân hàng và/hoặc các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
 - d. Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng;
 - e. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - ii. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - iii. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - v. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp với quy định pháp luật;
 - f. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - g. Cung cấp địa chỉ và thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần hoặc khi nhận chuyển nhượng cổ phần;
 - h. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác và thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Ngân hàng;

⁶⁰ Điều 62 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 13 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

- i. Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
 - j. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.
2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Ngân hàng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Ngân hàng; nếu không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đúng, không chính xác, không đầy đủ cho Ngân hàng, trong trường hợp Ngân hàng phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, Ngân hàng có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư liên quan đến số cổ phần không công khai hoặc công khai không đúng chủ sở hữu thực sự.

Điều 24. Đại hội đồng cổ đông, thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông⁶¹

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được gia hạn theo quyết định của Hội đồng Quản trị, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, đặc biệt là để thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Ngân hàng có các ý kiến ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Ngân hàng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Ngân hàng.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Ngân hàng, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại, mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

⁶¹ Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 139, Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều 14 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:
- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;
 - Số thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và/hoặc Điều lệ này, bao gồm cả trường hợp vi phạm về số thành viên độc lập của Hội đồng quản trị, thành viên không phải là Người điều hành ngân hàng tối thiểu theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Điều lệ này; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp này phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn:
- 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 4 Điều này⁶²;
 - 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu họp lệ quy định tại điểm c, điểm d và điểm e khoản 4 Điều này⁶³.
- Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên khác của Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng.
6. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này⁶⁴.
- Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng.
7. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền đại diện Ngân hàng triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này⁶⁵.

⁶² Khoản 2 Điều 50 và khoản 6 Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁶³ Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

⁶⁴ Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

⁶⁵ Điểm d khoản 2 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

8. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện các công việc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 Điều lệ này.
9. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại các khoản 5, 6 và 7 Điều này sẽ được Ngân hàng hoàn lại, với điều kiện là các chi phí này phải có chứng từ hợp lệ. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông⁶⁶

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập và cấp theo yêu cầu của Ngân hàng.⁶⁷ Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng (tức ngày chốt danh sách cổ đông). Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng.
2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Ngân hàng trong thời hạn sớm nhất và chỉ có hiệu lực đối với Ngân hàng kể từ ngày Ngân hàng nhận được văn bản thông

⁶⁶ Điều 141 Luật Doanh nghiệp.

⁶⁷ Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

báo này hoặc theo thời điểm khác được ghi nhận cụ thể trong thông báo. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
 - b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Ngân hàng;
 - c. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
 - e. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền, trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
 - f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông;
3. Đại hội đồng cổ đông có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:⁶⁸
- a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
 - b. Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
 - c. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - e. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - f. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
 - g. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng;
 - h. Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - i. Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;
 - j. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;
 - k. Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp Ngân hàng được can thiệp sớm;
 - l. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; thông qua phương án phân phối lợi nhuận và mức cổ tức được trả sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;

⁶⁸ Khoản 3 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp.

- m. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - n. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;
 - o. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - q. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ này, trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;
 - r. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, tổ chức lại, giải thể (thanh lý và chỉ định người thanh lý) hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
 - s. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
 - t. Quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập theo đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này làm tổ chức kiểm toán độc lập của Ngân hàng để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị; bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;⁶⁹
 - u. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:⁷⁰
- a. Các hợp đồng quy định tại điểm q khoản 3 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan đến cổ đông đó là một bên của hợp đồng hoặc có lợi ích liên quan đến hợp đồng, hoặc có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ

⁶⁹ Điểm m khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp; khoản 2 Điều 7 Thông tư số 39/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 57 Phụ lục I và khoản 17 Điều 11, khoản 8 Điều 16 Phụ lục IV của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

⁷⁰ Khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

đồng hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

5. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua tối thiểu các vấn đề quy định tại điểm l và điểm m khoản 3 Điều này và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 27. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông⁷¹

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm e khoản 1 Điều 23 Điều lệ này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và theo mẫu của Ngân hàng và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Ngân hàng), trong đó nêu rõ cổ đông đồng ý cho phép việc ủy quyền lại.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
4. Quy định tại khoản 3 Điều này không áp dụng nếu Ngân hàng nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.⁷²

Điều 28. Thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

⁷¹ Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

⁷² Điều 16 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.⁷³
3. Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng⁷⁴.
4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về nội dung quy định tại các điểm a, d, f và r khoản 3 Điều 26 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.⁷⁵
5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản khi bảo đảm các điều kiện sau đây:⁷⁶
 - a. Trừ trường hợp quy định tại các điểm b, c, d khoản này và khoản 6 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên **50% (năm mươi phần trăm)** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên **50% (năm mươi phần trăm)** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.
 - b. Đối với quyết định về nội dung quy định tại các điểm h và p khoản 3 Điều 26 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên **65% (sáu mươi lăm phần trăm)** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên **65% (sáu mươi lăm phần trăm)** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.
 - c. Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm r khoản 3 Điều 26 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên **65% (sáu mươi lăm phần trăm)** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - d. Đối với quyết định làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ **75% (bảy mươi lăm phần trăm)** tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên chấp thuận hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ **75% (bảy mươi lăm phần trăm)** tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.
6. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên

⁷³ Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

⁷⁴ Khoản 5 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

⁷⁵ Khoản 5 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁷⁶ Khoản 4 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được thông qua tại đại hội hoặc theo Điều lệ này.

7. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này.

Điều 29. Chương trình và nội dung họp, mời họp Đại hội đồng cổ đông⁷⁷

1. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp, gồm:
 - i. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
 - ii. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - iii. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - iv. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - v. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;⁷⁸
 - vi. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - vii. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - viii. Các công việc khác phục vụ đại hội.
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05% (năm phần trăm)** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - c. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản này thì chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - i. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm b khoản này;

⁷⁷ Điều 140 và Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

⁷⁸ Điểm đ khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

- ii. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông kiến nghị không nắm giữ đủ từ **05% (năm phần trăm)** tổng số cổ phần phổ thông trở lên;
 - iii. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - iv. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm b khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
2. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:⁷⁹
- a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.
- Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp (nếu có).
- b. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu sử dụng thảo luận trong cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp và phiếu biểu quyết.
 - c. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại điểm b khoản này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 30. Điều kiện tiến hành họp, thể thức tiến hành họp và biểu quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:⁸⁰
- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên **50% (năm mươi phần trăm)** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ **33% (ba mươi ba phần trăm)** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
 - c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba

⁷⁹ Điều 143 Luật Doanh nghiệp; khoản 3 Điều 18 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

⁸⁰ Điều 145 Luật Doanh nghiệp.

được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- d. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Điều lệ này.
 - e. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã đủ điều kiện tiến hành nhưng (i) Đại hội đồng cổ đông không thông qua được chương trình họp; hoặc (ii) Đại hội đồng cổ đông không thông qua được nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; hoặc (iii) cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị dừng lại vì lý do bất khả kháng và không thông qua được việc tiếp tục tiến hành vào thời gian khác thì được xem là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã không đủ điều kiện tiến hành và được tính là một lần triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, các lần triệu tập họp tiếp theo tương tự theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này.
2. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:⁸¹
- a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Ngân hàng phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
 - b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng cấp cho từng cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, tên đầy đủ của cổ đông, họ và tên người đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
 - c. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
 - i. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - ii. Trừ trường hợp quy định trên, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - iii. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - iv. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
 - d. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Chương trình và nội dung họp có thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn bộ hoặc một phần và nếu chỉ thông qua được một phần thì

⁸¹ Điều 146 Luật Doanh nghiệp; Điều 20 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

- cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành với một phần chương trình và nội dung được thông qua, phần nội dung không được thông qua sẽ được xem xét thông qua trong một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khác tiếp theo.
- e. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều hành cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua, phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp và phải bảo đảm:
- i. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - ii. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - iii. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- f. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- g. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không thay đổi.
- h. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
- i. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - ii. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - i. Chủ tọa có quyền hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn/tạm dừng cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp sau đây:
 - i. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - ii. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - iii. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

- j. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại điểm i khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp (theo tỷ lệ thông qua trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp) cho đến lúc kết thúc, tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
 - k. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
 - l. Trường hợp Ngân hàng áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Ngân hàng có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định pháp luật và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử của Ngân hàng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.⁸²
- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính;
 - ii. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - iii. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - iv. Chủ tọa và thư ký;
 - v. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - vi. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - vii. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - viii. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - ix. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định từ tiết (i) đến tiết (viii) điểm này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

⁸² Điều 150 Luật Doanh nghiệp.

- b. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
- c. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.⁸³
- e. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông⁸⁴

- 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, quyết định và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng⁸⁵ chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết, quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông.
- 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Ngân hàng phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

⁸³ Khoản 5 Điều 150 Luật Doanh nghiệp.

⁸⁴ Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

⁸⁵ Điểm b khoản 3 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức sau đây:
- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
 - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến của bất kỳ cổ đông nào không được gửi về Ngân hàng vì bất kỳ lý do nào được coi là cổ đông đó không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết, quyết định phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết, quyết định có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.⁸⁶
2. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN.⁸⁷

Điều 33. Hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông⁸⁸

1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết, quyết định hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết, quyết định hoặc một phần nội dung nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 28 Điều lệ này;
 - b. Nội dung nghị quyết, quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết, quyết định đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương 8

ĐIỀU KHOẢN CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ MỘT SỐ CHỨC DANH KHÁC

Điều 34. Nhiệm vụ chung

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.⁸⁹
2. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.⁹⁰

⁸⁶ Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

⁸⁷ Điều 68 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁸⁸ Điều 151, Khoản 3 Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020.

⁸⁹ Khoản 1 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

⁹⁰ Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 52 Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.⁹¹
4. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận.⁹²
5. Ngân hàng phải thông báo cho NHNN danh sách người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm⁹³.
6. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng thực hiện theo các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và phải báo cáo NHNN bằng văn bản kèm tài liệu liên quan trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự này.⁹⁴
7. Ngân hàng phải xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công trong nội bộ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc phù hợp với các quy định của pháp luật để đảm bảo việc quản trị, điều hành Ngân hàng được an toàn, hiệu quả và thông suốt.

Điều 35. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ, tiêu chuẩn để được bầu, bổ nhiệm⁹⁵

1. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ⁹⁶:

- a. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty con của Ngân hàng:
 - i. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - ii. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
 - iii. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - iv. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
 - v. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ

⁹¹ Khoản 1 và 2 Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁹² Khoản 1 Điều 44 Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/9/2018 hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là “Thông tư 22/2018/TT-NHNN”).

⁹³ Khoản 3 Điều 44 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁹⁴ Khoản 3 Điều 46 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁹⁵ Điều 41, 42 và 43 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁹⁶ Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát Ngân hàng theo yêu cầu nhiệm vụ;

vi. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;

vii. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

b. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng.

c. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này của Ngân hàng:

i. Người thuộc đối tượng quy định tại điểm a của khoản này;

ii. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

iii. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;

iv. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

v. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 44 của Điều lệ này;

vi. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

2. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ⁹⁷:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - i. Người điều hành của Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của Ngân hàng;
 - ii. Người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành Công ty con của Ngân hàng hoặc của công ty mẹ của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
 - iii. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - i. Người điều hành của Ngân hàng;
 - ii. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
 - iii. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
- d. Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:
 - i. Người quản lý, Người điều hành của Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng;
 - ii. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.
- e. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này của Ngân hàng không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này của Ngân hàng là người quản lý, người điều hành Công ty con của Ngân hàng hoặc của công ty mẹ của Ngân hàng.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm:⁹⁸

- a. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị:

⁹⁷ Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁹⁸ Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng.

- i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;
 - ii. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN;
 - iii. Có trình độ đại học trở lên;
 - iv. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với Ngân hàng thương mại; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
 - v. Đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại điểm này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại khoản 4 của Điều này.
- b. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát:
- i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;
 - ii. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng; không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền trước đó;⁹⁹
 - iii. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN;
 - iv. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
 - v. Có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - vi. Không phải là người có liên quan của Người quản lý ngân hàng;
 - vii. Không phải là người có quan hệ gia đình của Người quản lý ngân hàng, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Ngân hàng;¹⁰⁰
 - viii. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Ngân hàng;¹⁰¹
 - ix. Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- c. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc:
- i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;
 - ii. Không được là người có quan hệ gia đình của Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Ngân hàng;¹⁰²
 - iii. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN;

⁹⁹ Khoản 2 Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

¹⁰⁰ Khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp.

¹⁰¹ Khoản 1 Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; khoản 2 Điều 4 Phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹⁰² Điểm b khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

- iv. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
 - v. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 (năm) năm là người điều hành tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại và có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - vi. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- d. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) Công ty con và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này của Ngân hàng:
- i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty con; không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này đối với Phó Tổng giám đốc;
 - ii. Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
 - iii. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
 - iv. Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.
4. **Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị:**¹⁰³
- a. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;
 - b. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;
 - c. Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn, Người quản lý ngân hàng hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng;
 - d. Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% (một phần trăm) Vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;
 - e. Không phải là Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.

¹⁰³ Khoản 2 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 36. Cung cấp, công bố công khai thông tin¹⁰⁴

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này của Ngân hàng phải cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng văn bản cho Ngân hàng các thông tin sau đây trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và Người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).
 - c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng phải cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng văn bản cho Ngân hàng các thông tin sau đây trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin:
 - a. Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;
 - b. Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
 - c. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại Ngân hàng;
 - d. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại Ngân hàng.

Đối với thông tin tại điểm c và d Khoản này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho Ngân hàng khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng so với lần cung cấp liền trước.
3. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của Ngân hàng và gửi báo cáo bằng văn bản cho NHNN trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp.
4. Định kỳ hàng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.
5. Ngân hàng phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng và thông tin quy định tại

¹⁰⁴ Điều 49 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Ngân hàng.¹⁰⁵

Điều 37. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng, thành viên Ban kiểm soát

1. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của từng thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định, của từng thành viên Ban kiểm soát do Ban kiểm soát quyết định trên cơ sở tổng mức thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định; tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị xem xét, quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này.¹⁰⁶
2. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 47 Điều lệ này. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 60 Điều lệ này.
3. Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác cho Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng, thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo chính sách của HDBank trong từng thời kỳ và do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quyết định (tùy theo thẩm quyền).

Điều 38. Đương nhiên mất tư cách¹⁰⁷

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:
 - a. Thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 35 Điều lệ này;
 - b. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
 - c. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - e. Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - f. Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;
 - g. Chết.

¹⁰⁵ Khoản 5 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; khoản 3 Điều 20, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹⁰⁶ Điểm đ, khoản 3 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm k, khoản 2 Điều 138, điểm i khoản 2 Điều 153, điểm c khoản 2 Điều 163 và khoản 1 Điều 172 Luật Doanh nghiệp.

¹⁰⁷ Điều 45 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, f và g khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm¹⁰⁸

1. Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng;
 - b. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ này;
 - c. Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 35 Điều lệ này;
 - d. Bãi nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công, vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;
 - e. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với thành viên Hội đồng quản trị), Ban kiểm soát (đối với thành viên Ban kiểm soát) trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - f. Bãi nhiệm khi bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 35, Điều 36, Điều 41 của Điều lệ này;
 - g. Miễn nhiệm/bãi nhiệm khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;
 - h. Các trường hợp khác do pháp luật quy định (nếu có) hoặc theo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (tùy theo thẩm quyền).
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ tạm thay thế và đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời hạn chậm nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện trên.¹⁰⁹
3. Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính

¹⁰⁸ Điều 46 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 160, Điều 174 Luật Doanh nghiệp.

¹⁰⁹ Khoản 4 Điều 29, Phụ lục I và khoản 4 Điều 7, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Đình chỉ, tạm đình chỉ¹¹⁰

1. Trường hợp Ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt do NHNN thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Người điều hành ngân hàng nếu xét thấy cần thiết.
2. Trường hợp Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Người điều hành ngân hàng vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 35, khoản 11 Điều 41 của Điều lệ này, vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 35 của Điều lệ này, NHNN có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của các nhân sự vi phạm này; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
3. Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Người điều hành ngân hàng có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

Chương 9**NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ NGÂN HÀNG, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG VÀ NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT QUYỀN LỢI****Điều 41. Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng¹¹¹**

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng.
3. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng.
4. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của Ngân hàng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
5. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Ngân hàng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.

¹¹⁰ Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹¹¹ Điều 48 Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng.
7. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.
8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Ngân hàng.
9. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng.
10. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng cho Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng khi Ngân hàng bị lỗ.
11. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của NHNN đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của NHNN. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.
12. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

Điều 42. Tránh xung đột quyền lợi và giao dịch với Người có liên quan

1. Các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng với các đối tượng sau: (i) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Cổ đông lớn; (ii) người có liên quan của Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, Cổ đông lớn; (iii) Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn Luật này chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký kết hoặc xác lập, trừ các hợp đồng, giao dịch khác quy định tại điểm b khoản này. Trong trường hợp này, Người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Và trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết.¹¹²
 - b. Đối với hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất phát sinh trong trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc hoặc hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký kết hoặc xác lập. Trong trường hợp này, Người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng

¹¹² Điểm r khoản 3 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng; Khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp .

có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Và trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị có liên quan không có quyền biểu quyết.¹¹³

2. Trường hợp hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được xác lập mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều này thì hợp đồng, giao dịch đó vô hiệu theo quyết định của tòa án và được xử lý theo quy định của pháp luật. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Ngân hàng khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.¹¹⁴
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, Công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.¹¹⁵
4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý ngân hàng khác và Người có liên quan của các đối tượng này: (i) chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Ngân hàng; (ii) không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.¹¹⁶

Điều 43. Trách nhiệm và bồi thường

1. Trách nhiệm:

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các chức danh Người điều hành khác phải có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Ngân hàng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.

2. Bồi thường:

Ngân hàng sẽ bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý về việc khiếu nại, tố tụng liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ, nhân viên của Ngân hàng mà những người này phải tham gia, với điều kiện những người này hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng; đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này đối với các trách nhiệm đó.

Chương 10

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ¹¹⁷

¹¹³ Khoản 9 Điều 70 và điểm c khoản 2 Điều 165 Luật Các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

¹¹⁴ Khoản 5 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

¹¹⁵ Khoản 3 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

¹¹⁶ Khoản 2 và 5 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

¹¹⁷ Điều 69 đến Điều 72 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 154 đến Điều 160, Điều 163 Luật Doanh nghiệp.

Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó phải có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên không phải là Người điều hành ngân hàng¹¹⁸.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhưng không được kiêm Tổng giám đốc.¹¹⁹
4. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc¹²⁰.
5. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc¹²¹.
6. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị NHNN chấp thuận nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN.¹²²
7. Trong thời gian cổ phiếu Ngân hàng đã niêm yết, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) hoặc người đại diện phần vốn của cổ đông nước ngoài tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:
 - a. Tỷ lệ số cổ đông nước ngoài hoặc người đại diện phần vốn của cổ đông nước ngoài tham gia thành viên Hội đồng quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng;

¹¹⁸ Khoản 1 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹¹⁹ Khoản 1, 2 Điều 156 và khoản 1, 12 Điều 157 Luật Doanh nghiệp; khoản 2 Điều 29, Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹²⁰ Khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹²¹ Khoản 2 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹²² Thông tư số 22/2018/TT-NHNN.

- b. Cổ đông nước ngoài hoặc người đại diện phần vốn của cổ đông nước ngoài không đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị tại nhiều hơn 02 (hai) tổ chức tín dụng tại Việt Nam;
- c. Cổ đông nước ngoài hoặc người đại diện phần vốn của cổ đông nước ngoài không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng.

Điều 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 1. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và hoạt động của Ngân hàng.¹²³
- 2. Đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.¹²⁴
- 3. Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế, quy định nội bộ của Ngân hàng.¹²⁵
- 4. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Ngân hàng lên Đại hội đồng cổ đông.¹²⁶
- 5. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng.¹²⁷
- 6. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.¹²⁸
- 7. Phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch ngân sách, kế hoạch xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản, kế hoạch lao động và tiền lương hàng năm.
- 8. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 9. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng.¹²⁹
- 10. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị¹³⁰; bổ nhiệm người phụ trách quản trị ngân hàng¹³¹; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Người điều hành ngân hàng khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.¹³²
- 11. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị nội bộ và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý khác.¹³³

¹²³ Khoản 1 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

¹²⁴ Khoản 2 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

¹²⁵ Khoản 3 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

¹²⁶ Khoản 2 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp; và khoản 3 Điều 27, Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹²⁷ Điểm a khoản 2 Điều 11, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹²⁸ Điểm g khoản 2 Điều 11, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹²⁹ Khoản 3 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹³⁰ Điểm i khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp; điểm i khoản 2 Điều 11 Phụ lục III Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹³¹ Khoản 7 Điều 278 Nghị định số 155/NĐ-CP.

¹³² Khoản 4 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹³³ Khoản 8 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

12. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.¹³⁴
13. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.¹³⁵ Cử nhân sự tham gia vào các cơ quan quản trị, điều hành, kiểm soát tại các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng.
14. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% đến dưới 20% Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.¹³⁶
15. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng và thông qua các khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.¹³⁷
16. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ này có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất phát sinh trong trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc hoặc hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.¹³⁸
17. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% Vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.¹³⁹
18. Trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần theo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
19. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Ngân hàng sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.¹⁴⁰
20. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.¹⁴¹

¹³⁴ Khoản 6 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹³⁵ Khoản 5 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹³⁶ Khoản 7 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹³⁷ Khoản 8 Điều 70, khoản 1 và khoản 3 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹³⁸ Điểm c khoản 2 Điều 165 và Khoản 9 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹³⁹ Khoản 10 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁴⁰ Khoản 5 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

¹⁴¹ Khoản 11 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm k khoản 2 Điều 27 Phụ lục I và điểm k khoản 2 Điều 11, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

21. Giám sát phê duyệt tín dụng trong một số trường hợp theo quy định của HDBank trong từng thời kỳ.¹⁴²
22. Ban hành quy chế tài chính, các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông. Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.¹⁴³
23. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.¹⁴⁴
24. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.¹⁴⁵
25. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.¹⁴⁶ Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác, trừ trường hợp huy động vốn thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Tổng giám đốc.¹⁴⁷
26. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.¹⁴⁸
27. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của Ngân hàng, trừ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.
28. Triển khai, thực hiện việc mua lại cổ phần của Ngân hàng theo nghị quyết/quyết định mua lại cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
29. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo phương án được duyệt.¹⁴⁹
30. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.¹⁵⁰
31. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại.¹⁵¹
32. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng. Phê duyệt và triển khai các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu theo quy định pháp luật và NHNN.

¹⁴² Điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là “Thông tư số 22/2019/TT-NHNN”).

¹⁴³ Khoản 12 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 28 Nghị định 93/2017/NĐ-CP; Khoản 4 và khoản 6 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

¹⁴⁴ Khoản 13 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁴⁵ Khoản 14 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁴⁶ Khoản 15 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁴⁷ Điểm c khoản 2 Điều 11, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹⁴⁸ Khoản 16 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm d khoản 2 Điều 11, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹⁴⁹ Khoản 17 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁵⁰ Điểm e khoản 2 Điều 27 Phụ lục I và điểm e khoản 2 Điều 11, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹⁵¹ Điểm b khoản 2 Điều 11, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

33. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu tại Công ty con của Ngân hàng, quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty con của Ngân hàng.
34. Quyết định việc điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong nội bộ Ngân hàng hoặc giữa các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng.
35. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.¹⁵² Quyết định việc tạm ứng cổ tức căn cứ theo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính gần nhất của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ điều kiện được phép chi trả cổ tức theo quy định pháp luật.
36. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.¹⁵³
37. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.¹⁵⁴
38. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.¹⁵⁵
39. Thành lập các ủy ban chuyên môn và/hoặc cơ quan giúp việc khác trực thuộc Hội đồng quản trị để đề xuất, tham mưu, giúp Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định pháp luật và Điều lệ. Hội đồng quản trị quyết định về việc thành lập, giải thể, quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của các ủy ban chuyên môn và/hoặc cơ quan giúp việc này.¹⁵⁶
40. Phối hợp với Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị; Thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ, báo cáo của Ban kiểm soát (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện các kiến nghị này.¹⁵⁷
41. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.¹⁵⁸
42. Giải quyết các khiếu nại của Ngân hàng đối với Người điều hành ngân hàng cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Ngân hàng để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành ngân hàng đó.
43. Quyết định mức bồi thường mà người gây ra tổn thất về tài sản đối với khoản nợ có trách nhiệm phải bồi thường cho Ngân hàng trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh các tổn thất này theo quy định pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương

¹⁵² Khoản 18 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁵³ Khoản 19 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁵⁴ Khoản 20 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm m khoản 2 Điều 11, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹⁵⁵ Khoản 21 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁵⁶ Khoản 4 và 5 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 14, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹⁵⁷ Khoản 2 Điều 65 Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là “Thông tư số 13/2018/TT-NHNN”).

¹⁵⁸ Khoản 22 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.

pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.¹⁵⁹

Quyết định việc phân cấp thẩm quyền về quyết định mức bồi thường mà người gây ra tổn thất về tài sản khác (ngoài tổn thất về tài sản đối với khoản nợ) có trách nhiệm phải bồi thường cho Ngân hàng theo quy định pháp luật.

44. Lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các công ty kiểm toán độc lập được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị, theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.
45. Xây dựng, cập nhật, điều chỉnh, thông qua và gửi NHNN phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp Ngân hàng được can thiệp sớm theo đúng yêu cầu quy định pháp luật.
46. Quyết định việc chuyển nhượng/bán phần vốn góp/cổ phần của Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng; quyết định việc mua lại, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc mở thủ tục phá sản Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, của NHNN và Ủy ban Chứng khoán.
47. Xem xét và quyết định việc xuất toán khỏi ngoại bảng đối với các khoản nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.
48. Tổ chức công tác theo dõi quản lý cổ đông của Ngân hàng.
49. Quản lý và sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của Ngân hàng.¹⁶⁰
50. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền, phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, quy định của pháp luật (nếu có).

Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền và/hoặc giao cho Người điều hành ngân hàng hoặc nhân viên cấp dưới thực hiện, xử lý một hoặc một số công việc cụ thể để triển khai và thực hiện một vấn đề mà Hội đồng quản trị đã thông qua.

Điều 46. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng có các quyền, nghĩa vụ sau đây:¹⁶¹

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;
- b. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

¹⁵⁹ Điểm a khoản 2 Điều 18 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

¹⁶⁰ Khoản 3 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁶¹ Điều 71 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 156 Luật Doanh nghiệp; Điều 29 Phụ lục I và Điều 7 Phụ lục III Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

- d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- f. Làm chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- g. Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
- h. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- i. Giám sát thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công;
- j. Định kỳ hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các ủy ban chuyên môn của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;
- k. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình.

Trường hợp Chủ tịch HĐQT hoàn toàn không còn khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

- l. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - m. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày;
 - n. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền, nghĩa vụ sau đây:¹⁶²**
- a. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ, các quy chế và quy định nội bộ của Ngân hàng.
 - b. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế, quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

¹⁶² Điều 72 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 5 và 6 Điều 41 Luật Chứng khoán; Điều 3 và khoản 1 Điều 4 Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

- c. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
- d. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và pháp luật.
- e. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- f. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được tham gia biểu quyết vì có xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.
- g. Không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 4, 10, 12, 14, 15, 16, 17, 22, 23, 24 và 34 Điều 45 của Điều lệ này.
- h. Tham gia thực hiện chức năng giám sát phê duyệt tín dụng trong một số trường hợp theo quy định của HDBank trong từng thời kỳ.
- i. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.
- j. Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
- k. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được (nếu có) từ Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác.
- l. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Ngân hàng, Công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý của doanh nghiệp trong thời gian 3 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch¹⁶³.
- m. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.
- n. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- o. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.¹⁶⁴
- p. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

¹⁶³ Điểm d khoản 2 Điều 3 Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC

¹⁶⁴ Điểm a khoản 6 Điều 41 Luật Chứng khoán.

Điều 47. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị¹⁶⁵

1. Thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời là Người điều hành ngân hàng và Thành viên độc lập Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và tiền thưởng. Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Người điều hành ngân hàng được hưởng lương và tiền thưởng. Tổng mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị và Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban chuyên môn của Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban chuyên môn của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 48. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị¹⁶⁶

1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị NHNN chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN¹⁶⁷.
2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ này) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
4. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
5. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Điều lệ này, thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ

¹⁶⁵ Điều 163 Luật Doanh nghiệp; Điều 28, Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹⁶⁶ Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 160 Luật Doanh nghiệp; Điều 29 Phụ lục I và Điều 7 Phụ lục III Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹⁶⁷ Thông tư 22/2018/TT-NHNN.

số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải tiến hành bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.

6. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
7. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm đối với các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 49. Cuộc họp của Hội đồng quản trị¹⁶⁸

1. Cuộc họp đầu tiên:

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ:

Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, chuẩn bị chương trình nghị sự, xác định thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến.

3. Các cuộc họp bất thường:

Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường khi xét thấy cần thiết để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày rõ mục đích cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;
- b. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- e. Ban kiểm soát;

¹⁶⁸ Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 279 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; và Điều 30, Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

- f. Kiểm toán viên độc lập đang kiểm toán Ngân hàng (liên quan đến báo cáo tài chính được kiểm toán và tình hình tài chính của Ngân hàng);
 - g. NHNN.
4. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số quá bán.

5. Thông báo và chương trình họp:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp bằng giấy mời qua đường bưu điện, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quyết định. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- b. Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quyết định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.

6. Số thành viên tham dự tối thiểu:

- a. Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị, nếu vắng mặt phải (i) báo cáo Hội đồng quản trị bằng văn bản và (ii) gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản về cuộc họp hoặc ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự và biểu quyết.

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự cuộc họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.

- b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại điểm a khoản này, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Sau 02 (hai) lần triệu tập họp

Hội đồng quản trị mà không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị.

7. Biểu quyết:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó và/hoặc Người có liên quan của thành viên đó có lợi ích liên quan;
- b. Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và quyết định của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

Cho mục đích của đoạn b bên trên, thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc Người có liên quan của thành viên đó hưởng lợi (một cách gián tiếp hoặc trực tiếp) từ một hợp đồng bất kỳ mà Ngân hàng là một bên ký kết sẽ được coi là có lợi ích liên quan trong hợp đồng đó;

- c. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người trực tiếp dự họp.

8. Công khai lợi ích:

- a. Trước khi thực hiện biểu quyết, nếu Thành viên HĐQT theo sự hiểu biết của mình, thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận đang dự kiến ký kết hoặc đã được ký kết với HDBank, phải công bố bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT để HĐQT xem xét việc có quyền lợi, lợi ích liên quan tại các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không và quyết định về quyền biểu quyết của thành viên đó.
- b. Trường hợp nếu sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo cho HĐQT ngay lập tức sau khi biết được đã có quyền lợi liên quan và việc này sẽ được thảo luận tại cuộc họp HĐQT đầu tiên sau khi HĐQT nhận được thông báo về mối liên hệ giữa quyền lợi liên quan của thành viên HĐQT với một thỏa thuận hay một hợp đồng mà HDBank là một bên giao kết để HĐQT có quyết định phù hợp.

9. Biểu quyết đa số:

Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số quá bán (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và phiếu biểu quyết theo uỷ quyền. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không tham gia cuộc họp và

không ủy quyền biểu quyết hoặc không gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.¹⁶⁹

10. Tham dự và biểu quyết:

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:¹⁷⁰

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 6 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quyết định;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp với quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

11. Biên bản họp Hội đồng quản trị:

- a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - iii. Thời gian, địa điểm họp;
 - iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - viii. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - ix. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.
- b. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định từ tiết (i) đến tiết (viii) điểm a khoản này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu

¹⁶⁹ Khoản 12 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

¹⁷⁰ Khoản 9 Điều 30 Phụ lục I Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng do từ chối ký biên bản họp theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

- c. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- d. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành và thông qua hợp lệ tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành nghị quyết của Hội đồng quản trị.¹⁷¹ Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Ngân hàng.
- e. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

Điều 50. Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị

1. **Ủy ban chuyên môn:** Hội đồng quản trị phải thành lập các ủy ban để tư vấn, tham mưu, giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có tối thiểu 02 ủy ban là: Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự.¹⁷² Ngoài ra, Hội đồng Quản trị có thể thành lập các ủy ban chuyên môn khác để giúp Hội đồng quản trị tùy theo nhu cầu công việc, quản trị của từng thời kỳ theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc thành lập, hoạt động, thành phần, vai trò và nhiệm vụ chính của các ủy ban chuyên môn được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các ủy ban chuyên môn theo hướng dẫn của NHNN (nếu có).
2. **Văn phòng Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị có cơ quan giúp việc chuyên trách là Văn phòng HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quy định.¹⁷³
3. **Người phụ trách quản trị ngân hàng:** Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một người phụ trách quản trị ngân hàng để hỗ trợ công tác quản trị nội bộ tại Ngân hàng. Người phụ trách quản trị không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng. Quyền hạn, nhiệm vụ và yêu cầu cụ thể đối với người phụ trách quản trị ngân hàng được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng.¹⁷⁴

Điều 51. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

¹⁷¹ Khoản 2 Điều 279 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

¹⁷² Khoản 5 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 9 Thông tư số 13/2018/TT-NHNN.

¹⁷³ Khoản 4 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁷⁴ Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều 32, Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

- a. Mục đích lấy ý kiến;
 - b. Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - d. Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - e. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Văn phòng Hội đồng quản trị;
 - f. Họ và tên, chữ ký của Chánh/Phó Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Văn phòng Hội đồng quản trị theo phương thức được quy định trong phiếu lấy ý kiến.
5. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của ngân hàng;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - c. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e. Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc thu nhận và kiểm tra phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và cùng với người giám sát kiểm phiếu chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu và các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Chương 11

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 52. Tổng giám đốc¹⁷⁵

¹⁷⁵ Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

1. Tổng giám đốc là Người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; đồng thời chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng và việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định lương, thưởng, bồi thường, các quyền lợi, nghĩa vụ và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng giám đốc được thực hiện theo Luật Các tổ chức tín dụng, và các quy định có liên quan của NHNN. Lương, bồi thường và các quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng cổ đông và ghi tại Báo cáo thường niên của Ngân hàng.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không quá 05 (năm) năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.
5. Giúp việc cho Tổng giám đốc có (các) Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, những Người điều hành khác và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Hội đồng quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc.
6. Phó Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công của Tổng giám đốc. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc và tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc

1. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị NHNN chấp thuận nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của NHNN.¹⁷⁶
2. Tổng giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trường hợp Tổng giám đốc bị cơ quan quản lý nhà nước xác định có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc điều hành hoạt động Ngân hàng đảm bảo ngân hàng hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm của Tổng giám đốc gửi NHNN giải quyết theo quy định pháp luật.
4. Trong thời gian Tổng giám đốc chưa được bổ nhiệm, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về mọi hoạt động của Ngân hàng.

¹⁷⁶ Thông tư số 22/2018/TT-NHNN.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp) hoặc đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết (trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản) tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 54. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc¹⁷⁷

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng.¹⁷⁸
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
4. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý.
6. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng.
7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.
8. Kiến nghị, đề xuất phương án cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng, quy chế/quy định quản lý nội bộ của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
9. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
11. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng.
12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng.
13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền (kể cả Người quản lý ngân hàng thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc).
14. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng và các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng có giá trị dưới 10% Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

¹⁷⁷ Điều 56 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

¹⁷⁸ Điểm b và c khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

15. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, tại Điều lệ này, các quy chế/quy định nội bộ của Ngân hàng, các quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Ngân hàng.

Chương 12

BAN KIỂM SOÁT

Điều 55. Thành phần và nhiệm kỳ¹⁷⁹

1. Ban kiểm soát của Ngân hàng có tối thiểu 05 (năm) thành viên, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát thường trú tại Việt Nam.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận Kiểm toán nội bộ để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.

Điều 56. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát¹⁸⁰

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
3. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của HDBank về kế toán và báo cáo. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
5. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền

¹⁷⁹ Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 168 Luật Doanh nghiệp; Điều 38 Phụ lục I và Điều 6 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC

¹⁸⁰ Khoản 1 Điều 51 và Điều 52 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 170 Luật Doanh nghiệp; Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Điều 39, Phụ lục I và Điều 11 Phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

6. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng đầu năm của Ngân hàng, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định các báo cáo này; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
7. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
8. Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.
9. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng.
10. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

11. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
12. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ này, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
13. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% Vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% Vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

14. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.
15. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
16. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
17. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Ngân hàng.
18. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ của Ngân hàng và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
19. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng, tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết.
20. Kịp thời báo cáo NHNN về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 8, 12 và 15 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
21. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
22. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
23. Ban kiểm soát có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.
24. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật.

Điều 57. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát

1. **Quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát:**¹⁸¹
 - a. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
 - b. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
 - c. Thay mặt Ban kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
 - d. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại khoản 15 Điều 2456 Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
 - e. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

¹⁸¹ Điều 53 Luật Các tổ chức tín dụng.

- f. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
- g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát.
- h. Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
- i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
- j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
- k. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật.

2. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát:¹⁸²

- a. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định nội bộ của Ban kiểm soát, đạo đức nghề nghiệp và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
- b. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- c. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng ban kiểm soát.
- d. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.
- e. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
- f. Yêu cầu Người quản lý ngân hàng báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.
- g. Yêu cầu Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- h. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.
- i. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.

¹⁸² Điều 54 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 173 Luật Doanh nghiệp.

- j. Được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này và quy định pháp luật.
 - k. Được thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những Người điều hành ngân hàng cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát; được Văn phòng Hội đồng quản trị cung cấp tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
 - l. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật.
3. Trường hợp vi phạm các quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được từ hành vi vi phạm phải hoàn trả cho Ngân hàng.
4. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 58. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

- 1. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị NHNN chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của NHNN.¹⁸³
- 2. Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ này làm Trưởng Ban kiểm soát.
- 3. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức thì phải gửi đơn đến Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
- 4. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
- 5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật và/hoặc Điều lệ này, trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, đảm bảo số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt¹⁸⁴.

¹⁸³ Thông tư 22/2018/TT-NHNN.

¹⁸⁴ Khoản 6 Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Trong các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu tại cuộc họp gần nhất.

Điều 59. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. **Cuộc họp thường kỳ:** Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất 02 (hai) lần trong một năm¹⁸⁵.
2. **Cuộc họp bất thường:** Ban kiểm soát có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát hoặc bất kỳ thành viên Ban kiểm soát.¹⁸⁶
3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường theo khoản 2 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo NHNN Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện và tiêu chuẩn giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát, trình NHNN chấp thuận nhân sự dự kiến được bầu theo đúng quy định hiện hành,¹⁸⁷ hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
4. **Địa điểm họp:** Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đăng ký của Ngân hàng.
5. **Thông báo và Chương trình họp:** Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 05 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được gửi qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc phương tiện khác do Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền triệu tập cuộc họp quyết định, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát.
6. **Số thành viên tham dự yêu cầu:** Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên trở lên dự họp¹⁸⁸. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Ban Kiểm soát có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Ban Kiểm soát khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản về cuộc họp. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.
7. **Biểu quyết:**
 - a. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban

¹⁸⁵ Khoản 1 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; khoản 1 Điều 14 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC.

¹⁸⁶ Khoản 3 Điều 54 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁸⁷ Thông tư 22/2018/TT-NHNN.

¹⁸⁸ Khoản 1 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; khoản 1 Điều 14 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC.

- kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản về cuộc họp.
- b. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - c. Nếu có nghi ngờ nào phát sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
 - d. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp hoặc các nội dung tương tự tại những văn bản kế thừa Luật này và các văn bản hướng dẫn khác sẽ được coi là có quyền lợi liên quan đối với hợp đồng đó.
8. **Công khai lợi ích:** Thành viên Ban kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng hoặc giao dịch đang dự kiến ký kết hoặc đã được ký kết với Ngân hàng phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi liên quan cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc công khai này phải được thực hiện trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét việc có giao kết các hợp đồng, giao dịch hoặc thỏa thuận đó không. Trong trường hợp thành viên đó biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan sau khi Ngân hàng đã ký kết hợp đồng, giao dịch đó, thành viên đó phải ngay lập tức thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ngay sau khi thành viên đó biết được mình có quyền lợi hoặc sẽ có quyền lợi trong giao dịch hoặc hợp đồng đó.
9. **Biểu quyết đa số:** Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát dự họp có quyền tham gia biểu quyết chấp thuận (bao gồm cả trường hợp ủy quyền biểu quyết và gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản về cuộc họp). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Ban kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).
10. Trường hợp lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
- a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - b. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

11. **Biên bản:** Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được người ghi biên bản và tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí người ghi và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành và vấn đề được thảo luận tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

Biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát¹⁸⁹.

Điều 60. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát¹⁹⁰

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác trong tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua hằng năm.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng.

Chương 13

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG

Điều 61. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ¹⁹¹

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết, quyết định Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ngân hàng.

¹⁸⁹ Khoản 1 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 15 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC.

¹⁹⁰ Điều 41 Phụ lục I và Điều 17 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC.

¹⁹¹ Khoản 5 và 6 Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 49, Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-BTC.

2. Trường hợp người đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành ngân hàng khác có quyền kiểm tra sổ cái của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Ngân hàng vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Ngân hàng phải lưu giữ Điều lệ này và các bản sửa đổi, bổ sung của Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo tài chính hàng năm đã được xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa bàn hoạt động của trụ sở chính với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
5. Mỗi cổ đông sẽ có quyền nhận được một bản sao Điều lệ này miễn phí. Điều lệ sẽ được công bố trên website của Ngân hàng.

Chương 14

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 62. Người lao động và công đoàn

Tổng Giám đốc trong thẩm quyền của mình ban hành hoặc xây dựng đề trình Hội đồng quản trị ban hành các văn bản, quy chế, quy định liên quan đến việc tuyển dụng, thuê lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Ngân hàng cũng như quan hệ của Ngân hàng với tổ chức công đoàn.

Chương 15

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 63. Cổ tức¹⁹²

1. Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Ngân hàng. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Ngân hàng nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức sẽ được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các Cổ đông,

¹⁹² Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 51 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC.

chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau:

- a. Tên Ngân hàng và địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
 - b. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
 - c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
 - e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
 - f. Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.
3. Ngân hàng sẽ không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
4. Bất cứ cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam (VND) và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và cổ đông đó phải chịu rủi ro. Ngoài ra, bất kỳ cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Ngân hàng đã được cung cấp chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Ngân hàng thực hiện được việc chuyển khoản những khoản tiền đó trực tiếp vào tài khoản tại ngân hàng của cổ đông. Ngân hàng sẽ không bị truy đòi đối với bất kỳ khoản tiền nào được Ngân hàng chuyển bằng chuyển khoản ngân hàng nhưng cổ đông thụ hưởng không nhận được nếu Ngân hàng đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do chính cổ đông đó cung cấp.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu của Ngân hàng niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương 16

KIỂM TOÁN NỘI BỘ, HỆ THỐNG

KIỂM SOÁT NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 64. Kiểm toán nội bộ¹⁹³

1. Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, là đơn vị chuyên trách thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ của Ngân hàng và trực thuộc, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban kiểm soát.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng.

Điều 65. Hệ thống kiểm soát nội bộ¹⁹⁴

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.
2. Ngân hàng phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:
 - a. Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - b. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
 - c. Tuân thủ pháp luật và các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ.
3. Ngân hàng phải thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ trong trường hợp có yêu cầu của NHNN.
4. Việc xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ được thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 66. Chế độ tài chính¹⁹⁵

1. Ngân hàng chấp hành chế độ tài chính, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận theo quy định của pháp luật, Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. Báo cáo quyết toán hàng năm phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và của NHNN, của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Số liệu trong báo cáo phải đảm bảo tính trung thực, khách quan tình hình hoạt động của Ngân hàng cho đến thời điểm lập báo cáo.

Điều 67. Mua, đầu tư vào tài sản cố định¹⁹⁶

Ngân hàng được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không được vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) Vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán.

Điều 68. Các quỹ dự trữ

Ngân hàng phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ dự trữ sau:

¹⁹³ Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁹⁴ Điều 57 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁹⁵ Điều 151 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁹⁶ Khoản 3 Điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng.

1. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ được trích hàng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế, mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức Vốn điều lệ Ngân hàng;
2. Quỹ dự phòng tài chính;
3. Các quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng không được dùng các quỹ nói trên để trả cổ tức cho cổ đông hoặc phân chia lợi nhuận cho các cổ đông.

Điều 69. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng¹⁹⁷

Ngân hàng tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 70. Kế toán và thuế¹⁹⁸

1. Ngân hàng thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.
2. Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.
3. Ngân hàng phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán.
4. Ngân hàng phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt, phải lập sổ kế toán theo loại hình kinh doanh. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
5. Ngân hàng thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN quy định.

Chương 17

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 71. Báo cáo tài chính, báo cáo thường niên¹⁹⁹

1. Ngân hàng phải thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp, công bố thông tin theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, điều tra thống kê, công bố thông tin và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Thống đốc NHNN, các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Ngân hàng trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Ngân hàng tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

¹⁹⁷ Điều 151 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁹⁸ Điều 149 và 150 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁹⁹ Điều 152 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 56 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

3. Ngân hàng phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của pháp luật.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
6. Ngoài những báo cáo định kỳ, Ngân hàng báo cáo kịp thời cho NHNN trong những trường hợp sau:
 - a. Phát sinh diễn biến bất thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Ngân hàng;
 - b. Thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của cổ đông lớn;
 - c. Thay đổi tên chi nhánh của Ngân hàng; tạm ngừng giao dịch dưới 05 (năm) ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.
7. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải gửi cho NHNN các báo cáo hàng năm theo quy định của pháp luật.
8. Ngân hàng phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 72. Công bố thông tin²⁰⁰

1. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được gửi cho cơ quan thuế có thẩm quyền và NHNN, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, Cơ quan đăng ký kinh doanh cũng như phải được công bố công khai trong vòng 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp Ngân hàng đang được kiểm soát đặc biệt.
2. Ngân hàng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Chương 18

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Điều 73. Kiểm toán độc lập²⁰¹

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Đại hội đồng cổ đông quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc giao cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt (theo đề xuất,

²⁰⁰ Điều 154 Luật Các tổ chức tín dụng.

²⁰¹ Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng.

kiến nghị của Ban kiểm soát) để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Ngân hàng phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho tổ chức kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. Tổ chức kiểm toán độc lập của Ngân hàng sẽ kiểm tra, xác nhận tính trung thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của Ngân hàng và phải chuẩn bị báo cáo kiểm toán và trình báo cáo cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
4. Kiểm toán viên của tổ chức kiểm toán độc lập sẽ được phép tham dự bất kỳ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nào và thu thập các thông báo, thông tin khác liên quan đến bất kỳ cuộc họp nào mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề của cuộc họp có liên quan đến kiểm toán viên.
5. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN.

Chương 19

KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 74. Kiểm soát đặc biệt²⁰²

1. Các trường hợp Ngân hàng được xem xét đặt vào kiểm soát đặc biệt:
 - a. Ngân hàng được can thiệp sớm không có phương án khắc phục gửi NHNN hoặc không điều chỉnh phương án khắc phục theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN;
 - b. Trong thời hạn thực hiện phương án khắc phục, Ngân hàng được can thiệp sớm không có khả năng thực hiện phương án khắc phục;
 - c. Hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà Ngân hàng không khắc phục được tình trạng dẫn đến thực hiện can thiệp sớm;
 - d. Bị rút tiền hàng loạt và có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống tổ chức tín dụng;
 - e. Tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng thấp hơn 4% (bốn phần trăm) trong thời gian 06 (sáu) tháng liên tục.
 - f. Ngân hàng bị giải thể không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ trong quá trình thanh lý tài sản.
2. Cổ đông của Ngân hàng phải báo cáo việc sử dụng cổ phần; không được chuyển nhượng cổ phần; không được sử dụng cổ phần để làm tài sản bảo đảm kể từ ngày Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt, trừ trường hợp thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

²⁰² Điều 162 Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Dư nợ gốc, lãi của khoản vay tái cấp vốn của Ngân hàng tại NHNN được chuyển thành dư nợ gốc, lãi của khoản vay đặc biệt và tiếp tục thực hiện theo cơ chế vay tái cấp vốn của các khoản vay tái cấp vốn này kể từ ngày Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt.

Điều 75. Trách nhiệm của Ngân hàng, cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng khi Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt²⁰³

1. Ngân hàng, cổ đông của Ngân hàng khi Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau:
 - a. Xây dựng phương án cơ cấu lại theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt.
 - b. Thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
 - c. Thực hiện quyết định, yêu cầu của NHNN quy định tại Điều 163 Luật Các tổ chức tín dụng;
 - d. Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 164 Luật Các tổ chức tín dụng.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng khi Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này;
 - b. Quản trị, điều hành, kiểm soát hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, bảo đảm an toàn tài sản của Ngân hàng.
 - c. Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và thông qua phương án cơ cấu lại theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 76. Quản trị, điều hành và hoạt động của Ngân hàng khi được kiểm soát đặc biệt²⁰⁴

1. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng không phải tuân thủ quy định về giới hạn cấp tín dụng, giới hạn góp vốn, mua cổ phần, tỷ lệ đảm bảo an toàn, tỷ lệ còn lại của tài sản cố định theo quy định tại Điều lệ này và tại các Điều 136, 137, 138 và khoản 3 Điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng. Trường hợp số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro lớn hơn chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm, chưa bao gồm số tiền dự phòng rủi ro đã tạm trích trong năm, thì số tiền trích lập dự phòng rủi ro bằng chênh lệch thu chi.
2. Ngân hàng không phải thực hiện dự trữ bắt buộc.
3. Ngân hàng được miễn nộp phí bảo hiểm tiền gửi.
4. Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, công bố thông tin được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN phù hợp với mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng.
5. Số lượng thành viên, cơ cấu, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng do NHNN quyết định phù hợp với thực trạng hoạt động của Ngân hàng khi được kiểm soát đặc biệt.

Trường hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng hết nhiệm kỳ mà Ngân hàng chưa bầu, bổ nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới thì Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục thực hiện việc quản trị, kiểm soát Ngân

²⁰³ Điều 165 Luật Các tổ chức tín dụng.

²⁰⁴ Điều 166 Luật Các tổ chức tín dụng.

hàng theo quy định của pháp luật cho đến khi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 77. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt²⁰⁵

Ngân hàng được chấm dứt kiểm soát đặc biệt bởi quyết định của NHNN trong các trường hợp sau:

1. Ngân hàng khắc phục được tình trạng dẫn đến Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 13 của Điều lệ này và Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng;
2. Ngân hàng hoàn thành phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt theo quy định tại Mục 2, 3 và 4 Chương X Luật Các tổ chức tín dụng;
3. Ngân hàng bị giải thể hoặc sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại Mục 5 Chương X, chương XIII Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan;
4. Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để tiến hành thủ tục phá sản Ngân hàng.

Điều 78. Tổ chức lại Ngân hàng²⁰⁶

1. Ngân hàng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
2. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại Ngân hàng theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 79. Phá sản Ngân hàng²⁰⁷

1. Sau khi NHNN có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc không áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà Ngân hàng vẫn mất khả năng thanh toán, Ngân hàng phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Việc phá sản của Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.
3. Ngân hàng bị NHNN thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản của Ngân hàng.

Điều 80. Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng²⁰⁸

Ngân hàng giải thể, chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

1. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản;
2. Ngân hàng không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động;
3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

²⁰⁵ Điều 168 Luật Các tổ chức tín dụng.

²⁰⁶ Điều 201 Luật Các tổ chức tín dụng.

²⁰⁷ Điều 203 Luật Các tổ chức tín dụng.

²⁰⁸ Điều 202 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Khi Ngân hàng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng khác tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.

Điều 81. Thanh lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động²⁰⁹

1. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo Điều 80 của Điều lệ này, Ngân hàng phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc NHNN quy định.
2. Ngân hàng phải chấm dứt thanh lý tài sản và thực hiện phương án phá sản theo theo quyết định của NHNN trong trường hợp Ngân hàng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ.
3. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Ngân hàng hoặc sau khi có quyết định giải thể Ngân hàng, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một tổ chức kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Ngân hàng hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Ngân hàng ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Ngân hàng.
4. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về Ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Ngân hàng trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Ngân hàng trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
5. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Ngân hàng;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 82. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Ngân hàng theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương 20

²⁰⁹ Điều 204 Luật Các tổ chức tín dụng.

RÚT TIỀN HÀNG LOẠT, VAY ĐẶC BIỆT

Điều 83. Xử lý trường hợp Ngân hàng bị rút tiền hàng loạt²¹⁰

1. Ngân hàng phải báo cáo NHNN và thực hiện ngay các biện pháp sau đây khi bị rút tiền hàng loạt:
 - a. Không chia cổ tức bằng tiền mặt; tạm dừng hoặc hạn chế các hoạt động cấp tín dụng và các hoạt động khác có sử dụng nguồn tiền của Ngân hàng; các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu chi trả tiền gửi cho khách hàng;
 - b. Thực hiện các biện pháp tại phương án khắc phục trong tình huống bị rút tiền hàng loạt quy định tại Điều 143 Luật Các tổ chức tín dụng; cập nhật, điều chỉnh phương án trong trường hợp cần thiết.
2. Ngân hàng phải báo cáo NHNN về tình trạng rút tiền hàng loạt và rà soát, đánh giá lại thực trạng để xây dựng, điều chỉnh phương án khắc phục theo quy định tại Điều 158 và Điều 160 Luật Các tổ chức tín dụng và thực hiện phương án khắc phục đã được xây dựng, điều chỉnh trong trường hợp Ngân hàng đang được can thiệp sớm mà bị rút tiền hàng loạt.
3. Ngân hàng được áp dụng biện pháp hỗ trợ sau đây khi bị rút tiền hàng loạt:
 - a. Bán giấy tờ có giá cho NHNN trên nghiệp vụ thị trường mở với lãi suất 0%;
 - b. Thực hiện giao dịch ngoại tệ với NHNN để bảo đảm thanh khoản theo quy định của Thống đốc NHNN;
 - c. Được vay đặc biệt từ NHNN; vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; vay đặc biệt từ tổ chức tín dụng khác.

Điều 84. Vay đặc biệt, xử lý khoản vay đặc biệt²¹¹

1. Ngân hàng được vay đặc biệt từ NHNN, tổ chức tín dụng khác trong trường hợp sau đây:
 - a. Để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền theo quy định tại Điều 84 Điều lệ này;
 - b. Để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc.
2. Ngân hàng được vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.
3. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính khác, kể cả các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính có tài sản bảo đảm của Ngân hàng.

Chương 21

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 85. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại liên quan tới hoạt động của Ngân hàng, quyền hoặc nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định của Điều lệ này, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan hoặc theo thỏa thuận giữa:

²¹⁰ Điều 191 Luật Các tổ chức tín dụng.

²¹¹ Khoản 1, khoản 2 Điều 192 và khoản 1 Điều 194 Luật Các tổ chức tín dụng.

- a. Cổ đông với Ngân hàng; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc Người quản lý ngân hàng và Người điều hành ngân hàng khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi một) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, các bên có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của hoà giải viên không được các bên chấp nhận, các bên có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án hoặc trọng tài có thẩm quyền giải quyết.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Toà án hoặc trọng tài sẽ thực hiện theo phán quyết, và quyết định của Tòa án hoặc trọng tài có liên quan.

Chương 22

THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 86. Thông tin

1. Ngân hàng thông tin định kỳ cho chủ tài khoản về những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại Ngân hàng.
2. Ngân hàng được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng và về khách hàng, phù hợp với quy định pháp luật.
3. Ngân hàng có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho NHNN về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự theo yêu cầu của NHNN và được NHNN cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động ngân hàng của những khách hàng có quan hệ tín dụng với Ngân hàng.

Điều 87. Nghĩa vụ bảo mật²¹²

1. Nhân viên, Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của Ngân hàng.
2. Ngân hàng phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng theo quy định của Chính phủ, không được cung cấp thông tin khách hàng cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Chương 23

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 88. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế các Điều lệ, các bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ đã được ban hành trước 01/07/2024.

²¹² Điều 13 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Các bản sao hoặc trích lục của bản Điều lệ này thực hiện theo quy định của Ngân hàng và pháp luật có liên quan.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Ngân hàng.
4. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định thông qua. Trừ khi pháp luật có quy định khác, trong trường hợp pháp luật có liên quan đến việc tổ chức và hoạt động của Ngân hàng có sự thay đổi hoặc có những quy định mới khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

Điều 89. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận được ký kết trước ngày Điều lệ này có hiệu lực, Ngân hàng và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Các tổ chức tín dụng, trừ trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ của hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận cấp tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân hàng.

Đối với hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận không xác định thời hạn có nội dung không phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Các tổ chức tín dụng được ký kết trước ngày Điều lệ này có hiệu lực, Ngân hàng và khách hàng được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 30/6/2025. Sau thời điểm này, Ngân hàng và khách hàng phải thực hiện chấm dứt hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận bảo đảm phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Ngân hàng phải xây dựng và thực hiện lộ trình để bảo đảm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này và Luật Các tổ chức tín dụng theo quy định của Thống đốc NHNN trong trường hợp Ngân hàng có các khoản góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác quy định tại điểm b khoản 7 Điều 6 Điều lệ này.
3. Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng và chức danh khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại Điều 35 Điều lệ này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.

Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Điều lệ này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 44 Điều lệ này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Đến ngày Điều lệ này có hiệu lực, Ban kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 55 Điều lệ này được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.

4. Kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực, Cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần Ngân hàng vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 16 Điều lệ này được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ

lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày.... tháng năm 2024

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

KIM BYOUNGHO

MỤC LỤC

ĐIỀU LỆ	1
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1.....	1
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Định nghĩa	1
CHƯƠNG 2.....	6
TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG.....	6
Điều 2. Tên, địa chỉ, hình thức, người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và con dấu của Ngân hàng.....	6
CHƯƠNG 3.....	7
MỤC TIÊU CỦA NGÂN HÀNG, PHẠM VI.....	7
VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	7
Điều 3. Mục tiêu của Ngân hàng.....	7
Điều 4. Phạm vi hoạt động.....	7
Điều 5. Nội dung hoạt động của Ngân hàng	7
Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần	10
Điều 7. Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra và xử lý.....	11
Điều 8. Bảo đảm an toàn.....	11
CHƯƠNG 4.....	11
VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG.....	11
Điều 9. Vốn điều lệ.....	12
Điều 10. Thay đổi Vốn điều lệ.....	12
Điều 11. Vốn hoạt động của Ngân hàng.....	12
Điều 12. Sử dụng vốn, tài sản.....	13
Điều 13. Bảo đảm an toàn vốn	13
Điều 14. Thực hiện can thiệp sớm đối với Ngân hàng	14
CHƯƠNG 5.....	15
CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN	15
VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	15
Điều 15. Vốn điều lệ hiện hành, cổ phần, cổ đông của Ngân hàng.....	15
Điều 16. Giới hạn sở hữu cổ phần.....	15
Điều 17. Cổ phiếu.....	16
Điều 18. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.....	17
Điều 19. Mua lại cổ phần, cổ phiếu.....	18
Điều 20. Phát hành trái phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác.....	21
CHƯƠNG 6.....	22
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	22
Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát.....	22

CHƯƠNG 7.....	22
CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG.....	22
Điều 22. Quyền của cổ đông	22
Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông	25
Điều 24. Đại hội đồng cổ đông, thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 27. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 28. Thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 29. Chương trình và nội dung họp, mời họp Đại hội đồng cổ đông	33
Điều 30. Điều kiện tiến hành họp, thể thức tiến hành họp và biểu quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	34
Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	38
Điều 32. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	39
Điều 33. Hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	40
CHƯƠNG 8.....	40
ĐIỀU KHOẢN CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ MỘT SỐ CHỨC DANH KHÁC	40
Điều 34. Nhiệm vụ chung	40
Điều 35. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ, tiêu chuẩn để được bầu, bổ nhiệm	41
Điều 36. Cung cấp, công bố công khai thông tin	46
Điều 37. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng, thành viên Ban kiểm soát	47
Điều 38. Đương nhiên mất tư cách.....	47
Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm.....	48
Điều 40. Đình chỉ, tạm đình chỉ.....	49
CHƯƠNG 9.....	49
NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ NGÂN HÀNG, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG VÀ NGÂN NGŨA XUNG ĐỘT QUYỀN LỢI.....	49
Điều 41. Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng	49
Điều 42. Tránh xung đột quyền lợi và giao dịch với Người có liên quan.....	50
Điều 43. Trách nhiệm và bồi thường.....	51
CHƯƠNG 10.....	51
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	51
Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ	52
Điều 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	53
Điều 46. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	57
Điều 47. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	60
Điều 48. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị	60

Điều 49.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	61
Điều 50.	Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị.....	65
Điều 51.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	65
CHƯƠNG 11.....		66
TỔNG GIÁM ĐỐC.....		66
Điều 52.	Tổng giám đốc.....	66
Điều 53.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc và tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc.....	67
Điều 54.	Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc.....	68
CHƯƠNG 12.....		69
BAN KIỂM SOÁT.....		69
Điều 55.	Thành phần và nhiệm kỳ.....	69
Điều 56.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.....	69
Điều 57.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát.....	71
Điều 58.	Thay thế thành viên Ban kiểm soát.....	73
Điều 59.	Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	74
Điều 60.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	76
CHƯƠNG 13.....		76
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG.....		76
Điều 61.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	76
CHƯƠNG 14.....		77
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN.....		77
Điều 62.	Người lao động và công đoàn.....	77
CHƯƠNG 15.....		77
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....		77
Điều 63.	Cổ tức.....	77
CHƯƠNG 16.....		78
KIỂM TOÁN NỘI BỘ, HỆ THỐNG.....		78
KIỂM SOÁT NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH,.....		78
HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....		78
Điều 64.	Kiểm toán nội bộ.....	79
Điều 65.	Hệ thống kiểm soát nội bộ.....	79
Điều 66.	Chế độ tài chính.....	79
Điều 67.	Mua, đầu tư vào tài sản cố định.....	79
Điều 68.	Các quỹ dự trữ.....	79
Điều 69.	Tự chủ về tài chính của Ngân hàng.....	80
Điều 70.	Kế toán và thuế.....	80
CHƯƠNG 17.....		80
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....		80

Điều 71.	Báo cáo tài chính, báo cáo thường niên	80
Điều 72.	Công bố thông tin	81
CHƯƠNG 18.....		81
KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP		81
Điều 73.	Kiểm toán độc lập.....	81
CHƯƠNG 19.....		82
KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG		82
VÀ THANH LÝ		82
Điều 74.	Kiểm soát đặc biệt.....	82
Điều 75.	Trách nhiệm của Ngân hàng, cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng khi Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.....	83
Điều 76.	Quản trị, điều hành và hoạt động của Ngân hàng khi được kiểm soát đặc biệt	83
Điều 77.	Chấm dứt kiểm soát đặc biệt.....	84
Điều 78.	Tổ chức lại Ngân hàng.....	84
Điều 79.	Phá sản Ngân hàng.....	84
Điều 80.	Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng	84
Điều 81.	Thanh lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động	85
Điều 82.	Gia hạn hoạt động	85
CHƯƠNG 20.....		85
RÚT TIỀN HÀNG LOẠT, VAY ĐẶC BIỆT		86
Điều 83.	Xử lý trường hợp Ngân hàng bị rút tiền hàng loạt.....	86
Điều 84.	Vay đặc biệt, xử lý khoản vay đặc biệt.....	86
CHƯƠNG 21.....		86
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....		86
Điều 85.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	86
CHƯƠNG 22.....		87
THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT		87
Điều 86.	Thông tin.....	87
Điều 87.	Nghĩa vụ bảo mật.....	87
CHƯƠNG 23.....		87
NGÀY HIỆU LỰC.....		87
Điều 88.	Ngày hiệu lực	87
Điều 89.	Điều khoản chuyển tiếp.....	88

PHỤ LỤC 02

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BIỂU QUYẾT, BỎ PHIẾU BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ

(Căn cứ tình hình thực tế và các quy định pháp luật điều chỉnh liên quan)

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Điểm c, n và u khoản 1 Điều 3 về Giải thích từ ngữ và viết tắt	Không quy định	<p><u>a. “Ban tổ chức đại hội” có nghĩa là ban tổ chức được HĐQT thành lập để triển khai các thủ tục, công việc theo Quy chế này nhằm phục vụ việc tổ chức Đại hội trực tuyến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.</u></p> <p><u>j. “Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến/Đại hội trực tuyến” là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng Phương tiện điện tử để kết nối, truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet cho phép các Đại biểu ở nhiều địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp. <u>Đại biểu tham dự họp trực tuyến có thể theo dõi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông từ các địa điểm khác nhau, trong và ngoài nước thông qua các phương tiện điện tử như máy tính, điện thoại thông minh hoặc các thiết bị công nghệ khác phù hợp.</u></u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung định nghĩa cho cụm từ “Ban tổ chức đại hội” vì được sử dụng và lặp lại nhiều lần trong Quy chế. - Các sửa đổi, bổ sung khác nhằm phù hợp với thực tế vận hành.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>n. “Mật khẩu xác thực 1 lần (OTP)” là mật khẩu/mật mã được HDBank <u>nhắn tin</u> vào số điện thoại di động/email của Đại biểu đã cung cấp theo Quy chế này để cổ đông xác nhận thông tin và đồng ý thực hiện các thao tác trên <u>hệ thống</u> khi tham dự Đại hội trực tuyến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.</p> <p>u. “Ngày đăng ký cuối cùng” là ngày làm việc do HDBank hoặc <u>Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam</u>/Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam <u>trên cơ sở ủy quyền của HDBank</u> ấn định để xác định danh sách cổ đông có quyền dự họp/ biểu quyết.</p>	<p>r. “Mật khẩu xác thực 1 lần (OTP)” là mật khẩu/mật mã xác thực 1 lần được HDBank <u>gửi</u> vào số điện thoại di động/email của Đại biểu đã cung cấp theo Quy chế này để Đại biểu xác nhận thông tin và đồng ý thực hiện các thao tác trên <u>Hệ thống trực tuyến</u> khi tham dự Đại hội trực tuyến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử. <u>Đại biểu chỉ cần nhập OTP một lần tại bước đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến để tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.</u></p> <p>s. “Ngày đăng ký cuối cùng” là ngày làm việc do HDBank hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam <u>theo thông báo của HDBank</u> ấn định để xác định danh sách cổ đông có quyền dự họp/ biểu quyết.</p>	
Khoản 5 Điều 4 về Tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử	5. Việc gửi thư mời/thông báo mời họp/phiếu lấy ý kiến bằng văn bản và các tài liệu có liên quan để tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện thông qua các hình thức như thư, fax, thư điện tử hoặc các hình thức khác đến cổ đông đảm bảo cổ đông nhận	5. Việc gửi thư mời/thông báo mời họp/phiếu lấy ý kiến bằng văn bản và các tài liệu có liên quan để tổ chức Đại hội trực tuyến, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện thông qua các hình thức như thư, fax, thư điện tử hoặc các hình thức khác đến cổ đông đảm bảo cổ đông nhận được thông tin,	Bổ sung để đầy đủ và tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 18 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC đồng thời phù hợp với thực tế vận hành.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	được thông tin, tài liệu, đồng thời thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử của HDBank.	tài liệu, đồng thời thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử của HDBank, <u>Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của HDBank niêm yết hoặc đăng ký giao dịch theo quy định.</u>	
Khoản 2 và điểm a, b, c, tiết iv điểm e, điểm g, h khoản 3 Điều 7 về Điều kiện tham dự và ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến, ủy quyền thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử	<p>2. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.</p> <p>3. Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử được thực hiện như sau:</p> <p>a. <u>Cổ đông là cá nhân:</u></p> <p>Cổ đông <u>là cá nhân</u> sở hữu dưới 1% tổng số cổ phần phổ thông: ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu cho một <u>cá nhân khác</u> thay mặt tham dự và biểu quyết, bỏ phiếu.</p> <p>Cổ đông <u>là cá nhân</u> sở hữu từ 1% tổng số cổ phần phổ thông: ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu cho <u>tối đa 03 cá nhân khác</u> thay mặt tham dự và</p>	<p>2. Cổ đông, <u>người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</u> có thể trực tiếp hoặc ủy quyền <u>bằng văn bản</u> cho tổ chức, cá nhân khác tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, thực hiện quyền biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.</p> <p>3. Việc ủy quyền tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử được thực hiện như sau:</p> <p>a. Cổ đông sở hữu dưới 01 (một) % tổng số cổ phần phổ thông: ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu cho 01 (một) <u>đại diện khác</u> thay mặt tham dự và biểu quyết, bỏ phiếu.</p> <p>Cổ đông sở hữu từ 01 (một) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên: ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu cho <u>một hoặc nhiều đại diện khác</u> thay mặt tham dự và biểu quyết, bỏ phiếu.</p>	Điều chỉnh, bãi bỏ nhằm phù hợp với thực tế vận hành, hệ thống trực tuyến triển khai và đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 16 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>biểu quyết, bỏ phiếu.</p> <p>b. <u>Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông: ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu tối đa cho 03 người đại diện thay mặt tham dự và biểu quyết, bỏ phiếu tại Đại hội. Đối với cổ đông tổ chức sở hữu dưới 10% chỉ được ủy quyền cho 1 người đại diện.</u></p> <p>c. Trường hợp ủy quyền cho <u>một hay nhiều người khác</u> phải nêu rõ số lượng cổ phần ủy quyền, số phiếu bầu được ủy quyền tương ứng với mỗi người được ủy quyền.</p> <p>e. Hiệu lực của việc ủy quyền: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:</p> <p>iv. <u>Đối với trường hợp chỉ ủy quyền thực hiện việc biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử, việc ủy quyền được gửi đến Ban tổ chức đại hội/HĐBank trước khi kết thúc việc biểu quyết, bỏ phiếu.</u></p> <p>g. Hủy bỏ/chấm dứt việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến,</p>	<p>b. Trường hợp ủy quyền cho <u>nhiều đại diện khác</u> thay mặt tham dự và biểu quyết, bỏ phiếu phải nêu rõ số lượng cổ phần ủy quyền, số phiếu bầu được ủy quyền tương ứng với mỗi đại diện được ủy quyền.</p> <p>Bãi bỏ</p> <p>f. Hủy bỏ/chấm dứt việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử: cổ đông phải gửi văn bản</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử: cổ đông phải gửi văn bản chính thức đề nghị hủy việc ủy quyền đến HDBank. Việc hủy bỏ/chấm dứt ủy quyền này chỉ có hiệu lực khi HDBank nhận được văn bản hủy bỏ/chấm dứt này <u>trước khi Đại hội trực tuyến khai mạc chính thức, trước 01 (một) ngày khi kết thúc việc biểu quyết đối với hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</u></p> <p>h. Kết quả biểu quyết, bỏ phiếu do đại diện theo ủy quyền đã thực hiện sẽ có giá trị. <u>Cổ đông chỉ được biểu quyết, bỏ phiếu những vấn đề đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó chưa biểu quyết, bỏ phiếu tính từ thời điểm HDBank nhận được văn bản hủy bỏ/chấm dứt việc ủy quyền. HDBank không chịu trách nhiệm về việc cập nhật hủy bỏ/chấm dứt ủy quyền của cổ đông vào hệ thống làm ảnh hưởng đến quyền biểu quyết của cổ đông.</u></p>	<p>chính thức đề nghị hủy việc ủy quyền đến HDBank. Việc hủy bỏ/chấm dứt ủy quyền này chỉ có hiệu lực khi HDBank nhận được văn bản hủy bỏ/chấm dứt này <u>trong thời hạn được quy định theo từng lần tổ chức đại hội/từng lần lấy ý kiến bằng văn bản (đối với cổ đông là tổ chức, cá nhân nước ngoài có thể gửi trước bản scan và gửi bổ sung bản chính sau).</u></p> <p>g. Kết quả biểu quyết, bỏ phiếu do đại diện theo ủy quyền đã thực hiện sẽ có giá trị.</p>	
Khoản 4 và 5 Điều 8 về Cung cấp thông tin và cách thức đăng nhập để tham dự Cuộc họp	Điều 8. <u>Cung cấp thông tin</u> và cách thức đăng nhập để tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện biểu	Điều 8. Cách thức đăng nhập để tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế vận hành và hệ

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử	<p>quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử</p> <p>4. Cổ đông không đăng ký số điện thoại liên lạc hoặc email với VSDC/<u>Ban tổ chức đại hội</u> thì sẽ không thể tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến được <u>nhưng vẫn có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ trực tiếp (nếu cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức trực tiếp kết hợp với trực tuyến), thực hiện biểu quyết bằng phương thức truyền thống, phương thức từ xa hoặc gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời về HDBank theo phương thức truyền thống.</u></p> <p>5. Trường hợp cổ đông muốn đăng ký mới/thay đổi số điện thoại hoặc email, thay đổi thông tin định danh khác so với thông tin đã đăng ký thì liên hệ với thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản để cập nhật thông tin trước Ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của VSDC <u>hoặc liên hệ Ban tổ chức đại hội</u> để được cập nhật phục vụ cho việc tham dự Đại hội trực tuyến, biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử <u>hoặc thực hiện cập nhật thông tin theo phương thức eKYC</u> (theo tài liệu hướng dẫn được đăng tải trên website của HDBank và website của</p>	<p>thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử</p> <p>4. Cổ đông không đăng ký số điện thoại liên lạc hoặc email với VSDC sẽ không thể tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến <u>và không thể thực hiện việc biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.</u></p> <p>5. Trường hợp cổ đông muốn đăng ký mới/thay đổi số điện thoại hoặc email, thay đổi thông tin định danh khác so với thông tin đã đăng ký thì liên hệ với thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản để cập nhật thông tin trước Ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của VSDC để được cập nhật phục vụ cho việc tham dự Đại hội trực tuyến, biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử (theo tài liệu hướng dẫn được đăng tải trên website của HDBank và website của Sở Giao dịch</p>	thống trực tuyến đang triển khai.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (Hose)).	Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (Hose)).	
Khoản 4 Điều 9 về Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến	4. Túc số tham dự Đại hội trực tuyến <u>toàn phần</u> là số lượng Đại biểu đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo cách thức đăng ký tham dự quy định tại Điều 8 Quy chế này. <u>Túc số tham dự đại hội trực tuyến một phần kết hợp trực tiếp là tổng số Đại biểu đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và Đại biểu tham dự Đại hội trực tiếp. Trong trường hợp Đại biểu tham dự đại hội trực tiếp thực hiện đăng ký bỏ phiếu, biểu quyết theo phương thức điện tử được Ban tổ chức đại hội hướng dẫn thì túc số tham dự đại hội sẽ tính theo số lượng Đại biểu đã đăng ký vào hệ thống.</u>	4. Túc số tham dự Đại hội trực tuyến là số lượng Đại biểu đăng nhập tham dự Đại hội trực tuyến theo cách thức đăng nhập tham dự quy định tại Điều 8 Quy chế này.	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế thực hiện.
Điểm c và d khoản 3 Điều 10 về Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu bầu cử bằng phương thức điện tử	c. Trường hợp Đại biểu không biểu quyết hết các nội dung cần biểu quyết thì các vấn đề chưa được biểu quyết được xem như Đại biểu không tiến hành biểu quyết vấn đề đó <u>và được xem là phương án không có ý kiến đối với vấn đề không được Đại biểu biểu quyết.</u> Đối với trường hợp biểu quyết khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì trường hợp này	c. Trường hợp Đại biểu không biểu quyết hết các nội dung cần biểu quyết <u>tại Đại hội trực tuyến</u> và khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì các vấn đề chưa được biểu quyết được xem như Đại biểu không tham gia biểu quyết vấn đề đó.	Điều chỉnh để phân biệt và tách trường hợp không tham gia biểu quyết với trường hợp tham gia biểu quyết theo phương án không có ý kiến (không tính gộp chung).

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>được xem như Đại biểu không tham gia biểu quyết.</p> <p>d. <u>Trường hợp Hệ thống trực tuyến cho phép, Đại biểu có thể thay đổi phương án biểu quyết, hình thức bầu cử trong thời gian biểu quyết, bỏ phiếu bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết). Khi đó, Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết, bỏ phiếu cuối cùng tại thời điểm kết thúc biểu quyết, bỏ phiếu.</u></p>	Bãi bỏ	Bãi bỏ nhằm phù hợp với hệ thống trực tuyến đang triển khai.
Khoản 3 Điều 12 về Cách thức kiểm phiếu	<p>3. Trường hợp biểu quyết bằng Hệ thống trực tuyến, phương thức điện tử đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì kết quả biểu quyết được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. <u>Hệ thống trực tuyến sẽ gửi mã đăng nhập và mật khẩu cho thành viên HĐQT/thành viên khác tổ chức kiểm phiếu đã đăng ký vào số điện thoại và địa chỉ email đã được cài đặt trên hệ thống để đăng nhập khi thực hiện kiểm phiếu và kết xuất kết quả biểu quyết hoặc có thể thiết lập nguyên tắc, phương thức khác phù hợp từng thời điểm thực hiện để đảm bảo giữ bí mật kết quả biểu quyết theo quy định.</u></p>	<p>3. Trường hợp biểu quyết bằng Hệ thống trực tuyến, phương thức điện tử đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì kết quả biểu quyết được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Việc tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu biểu quyết được thực hiện dưới sự chứng kiến, giám sát của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý tại HDBank.</p>	Điều chỉnh nhằm tạo sự linh hoạt trong vận hành, tùy theo sự đáp ứng của hệ thống trực tuyến triển khai trong từng thời kỳ.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	Việc tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu biểu quyết được thực hiện dưới sự chứng kiến, giám sát của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý tại HDBank.		
Điều 13 về Thông báo kết quả kiểm phiếu, kết quả bầu cử	<p>Căn cứ biên bản kiểm phiếu được ghi nhận như quy định tại Điều 12 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội, kết quả bầu cử đối với từng ứng viên. Kết quả kiểm phiếu, kết quả bầu cử sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.</p> <p>Đối với trường hợp kiểm phiếu khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết sẽ được đăng tải lên trang thông tin điện tử của HDBank <u>trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</u></p>	<p>Căn cứ biên bản kiểm phiếu được ghi nhận như quy định tại Điều 12 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo chủ tọa/<u>người điều hành biểu quyết thuộc đoàn chủ tọa</u> kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội, kết quả bầu cử đối với từng ứng cử viên. Kết quả kiểm phiếu, kết quả bầu cử sẽ được chủ tọa/<u>người điều hành biểu quyết thuộc đoàn chủ tọa</u> công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.</p> <p>Đối với trường hợp kiểm phiếu khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết sẽ được đăng tải lên trang thông tin điện tử của HDBank <u>trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua.</u></p>	Sửa đổi, bổ sung nhằm thống nhất với quy định tương ứng tại Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng, phù hợp với thực tế vận hành và tuân thủ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC, theo đó, đối với TCTD là công ty đại chúng niêm yết thì phải công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm thông qua nghị quyết, quyết định ĐHĐCĐ.
Điều 14 về Tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCĐ		<p>1. <u>Công thức xác định tỷ lệ biểu của ĐHĐCĐ tại Đại hội trực tuyến:</u></p> <p>a. <u>Đối với nội dung được biểu quyết:</u></p> <p><u>Tỷ lệ biểu quyết = Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông</u></p>	Bổ sung để có cơ sở cụ thể và thống nhất trong áp dụng và vận hành, đồng thời đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 4 Điều 67

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	Không quy định	<p><u><i>đur hop tán thành/Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dư hop.</i></u></p> <p>b. Đối với bầu cử:</p> <p><u><i>Tỷ lệ bầu cử = Tổng số phiếu bầu cử được bỏ cho mỗi ứng cử viên/Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dư hop.</i></u></p> <p><u><i>Trong đó: Tổng số phiếu bầu cử của mỗi cổ đông = Tổng số cổ phần sở hữu của mỗi cổ đông x (nhân với) số thành viên được bầu.</i></u></p> <p>2. Công thức xác định tỷ lệ biểu quyết của ĐHĐCĐ khi lấy ý kiến bằng văn bản:</p> <p><u><i>Tỷ lệ biểu quyết = Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tán thành/Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.</i></u></p>	Luật Các TCTD 2024 và khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
Khoản 4 Điều 16 về Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử	4. <u><i>Đăng ký thông tin số CMND/CCCD/Hộ chiếu, số đăng ký thành lập/hoạt động/dăng ký doanh nghiệp, số điện thoại di động, địa chỉ thư điện tử chính xác và phản hồi kịp thời cho HDBank để Ban tổ chức đại hội gửi thư mời họp, phiếu lấy ý kiến và/hoặc tài</i></u>	Bãi bỏ	Bãi bỏ nhằm phù hợp với thực tế triển khai vì hiện tại cổ phiếu HDBank đã được đăng ký tập trung tại VSDC nên VSDC sẽ quản lý danh sách cổ đông của HDBank và HDBank chỉ

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<u>liệu hướng dẫn tham dự Đại hội trực tuyến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin đã đăng ký.</u>		sử dụng các thông tin cổ đông do VSDC cung cấp.

- Nội dung được in nghiêng đậm, gạch chân là các nội dung thay đổi, điều chỉnh, bổ sung.

Số:/2024/QĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh hiện hành;
- Căn cứ Căn cứ Nghị quyết số...../2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày...../...../2024 của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử; và
- Căn cứ tình hình thực tế,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử”.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024.
- Điều 3.** Toàn thể cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, các Đơn vị và cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống HDBank có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website HDBank – Nhà đầu tư;
- Lưu VPLĐ.

KIM BYOUNGHO

QUY CHẾ
Tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và biểu quyết,
bỏ phiếu bằng phương thức điện tử
(Ban hành kèm theo Quyết định số/2024/QĐ-HĐQT ngày/...../2024
của Hội đồng Quản trị HDBank)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc:
 - a. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”) theo hình thức trực tuyến;
 - b. Thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử áp dụng đối với:
 - i. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp;
 - ii. Hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Quy chế này áp dụng đối với toàn bộ cổ đông của HDBank.

Điều 2. Tài liệu liên quan

1. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024.
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
3. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
5. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
6. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
7. Điều lệ của HDBank.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

1. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. **“Ban tổ chức đại hội”** có nghĩa là ban tổ chức được HĐQT thành lập để triển khai các thủ tục, công việc theo Quy chế này nhằm phục vụ việc tổ chức Đại hội trực tuyến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.
- b. **“Bầu dồn đều”** là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà khi đó Đại biểu chia đều số phiếu bầu cho tất cả các ứng cử viên được bầu.
- c. **“Bầu dồn hết phiếu bầu”** là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà khi đó Đại biểu dồn hết toàn bộ số phiếu bầu của mình cho 01 (một) ứng cử viên.

- d. **“Bầu dồn phiếu”** là phương thức biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ. Đại biểu thực hiện Bầu dồn phiếu cho các ứng cử viên trong phạm vi tổng số phiếu bầu của Đại biểu.
- e. **“Bầu ghi số”** là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà khi đó Đại biểu sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên, và đảm bảo tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên bằng tổng số phiếu bầu của Đại biểu.
- f. **“Biểu quyết bằng phương thức điện tử”** là hình thức Đại biểu thực hiện biểu quyết các nội dung của cuộc họp trực tuyến/trực tiếp thông qua Hệ thống trực tuyến hoặc hình thức Cổ đông thực hiện trả lời/biểu quyết và gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến HDBank (đối với hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) thông qua Hệ thống trực tuyến.
- g. **“Biểu quyết, bỏ phiếu bằng hình thức bỏ phiếu truyền thống”** là việc Đại biểu tham gia biểu quyết, bỏ phiếu trực tiếp bằng phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử được phát tại cuộc họp.
- h. **“Biểu quyết, bỏ phiếu từ xa”** là việc Đại biểu gửi phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử thông qua gửi thư/fax/thư điện tử (email) hoặc hình thức khác đề cập trong Quy chế biểu quyết, Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.
- i. **“Bỏ phiếu bằng phương thức điện tử”** là hình thức Đại biểu thực hiện bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát thông qua Hệ thống trực tuyến.
- j. **“Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến/Đại hội trực tuyến”** là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng Phương tiện điện tử để kết nối, truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet cho phép các Đại biểu ở nhiều địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp. Đại biểu tham dự họp trực tuyến có thể theo dõi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông từ các địa điểm khác nhau, trong và ngoài nước thông qua các phương tiện điện tử như máy tính, điện thoại thông minh hoặc các thiết bị công nghệ khác phù hợp.
- k. **“Đại biểu”** là cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền dự họp/có quyền biểu quyết.
- l. **“Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến”** là việc Đại biểu sử dụng Tài khoản đăng nhập được cấp tự động để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến để tham dự Đại hội trực tuyến theo Quy chế này và tài liệu hướng dẫn đại hội.
- m. **“Địa điểm chính”** là địa điểm nơi chủ tọa tham dự và chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
- n. **“Điều lệ”** là Điều lệ hoạt động hiện hành đang được áp dụng của HDBank.
- o. **Định danh trực tuyến (eKYC):** là phương thức định danh trực tuyến các thông tin nhân thân của Đại biểu bằng phương thức điện tử, không gặp mặt trực tiếp Đại biểu mà sử dụng ứng dụng công nghệ để thu thập, kiểm tra, đối chiếu, đảm bảo sự khớp đúng giữa thông tin nhận biết Đại biểu, dữ liệu sinh trắc học của Đại biểu qua camera với các thông tin, yếu tố sinh trắc học tương ứng trên giấy tờ tùy thân của Đại biểu được cung cấp.
- p. **“Gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời theo hình thức truyền thống”** là việc cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã được cổ đông trả lời về HDBank bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử.

- q. **“Hệ thống trực tuyến”** là tổng hợp các cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tổ chức, vận hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thực hiện việc biểu quyết, bỏ phiếu, được HDBank lựa chọn và thông báo nhằm cung cấp cho Đại biểu các công cụ để thực hiện quyền tham dự Đại hội trực tuyến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.
- r. **“Mật khẩu xác thực 1 lần (OTP)”** là mật khẩu/mật mã xác thực 1 lần được HDBank gửi vào số điện thoại di động/email của Đại biểu đã cung cấp theo Quy chế này để Đại biểu xác nhận thông tin và đồng ý thực hiện các thao tác trên Hệ thống trực tuyến khi tham dự Đại hội trực tuyến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử. Đại biểu chỉ cần nhập OTP một lần tại bước đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến để tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.
- s. **“Ngày đăng ký cuối cùng”** là ngày làm việc do HDBank hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo thông báo của HDBank ấn định để xác định danh sách cổ đông có quyền dự họp/ biểu quyết.
- t. **“Phương tiện điện tử”** là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự.
- u. **“Sự kiện bất khả kháng”** là những sự kiện xảy ra một cách khách quan, ngoài ý chí và khả năng kiểm soát của người triệu tập đại hội, người điều hành đại hội và không thể lường trước và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.
- v. **“Thời gian mở Hệ thống trực tuyến”** là thời điểm bắt đầu để Đại biểu có thể truy cập, đọc tài liệu và đăng ký tham dự Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.
- w. **“Tài khoản đăng nhập”** bao gồm tên/mã số đăng nhập và mật khẩu được HDBank cấp duy nhất cho từng Đại biểu.

2. Các từ viết tắt:

- a. **HDBank:** Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố. Hồ Chí Minh.
- b. **ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng cổ đông của HDBank.
- c. **HĐQT:** Hội đồng Quản trị của HDBank.
- d. **BKS:** Ban Kiểm soát của HDBank.
- e. **VSDC:** Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

3. Trong Quy chế này các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó. Các thuật ngữ được viết hoa nhưng không được định nghĩa tại Quy chế này có nghĩa như được quy định tại Điều lệ, các quy chế và văn bản có liên quan khác.

Điều 4. Tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử

1. Căn cứ tình hình thực tế, HĐQT quyết định:

- a. Áp dụng hình thức tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ là Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với trực tiếp;
- b. Triển khai thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử đối với Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến/cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp;

- c. Áp dụng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phù hợp với Điều lệ và triển khai thực hiện biểu quyết/trả lời phiếu lấy ý kiến bằng phương thức điện tử khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. HĐQT thành lập Ban tổ chức đại hội để triển khai các thủ tục, công việc theo Quy chế này để phục vụ tổ chức Đại hội trực tuyến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.
3. Việc tổ chức Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến có giá trị pháp lý như cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp. Hình thức biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử có giá trị pháp lý như hình thức biểu quyết, bỏ phiếu, gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời bằng phương thức truyền thống.
4. HĐQT/Tổng Giám đốc/Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm ban hành các hướng dẫn cần thiết cho công tác tổ chức Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.
5. Việc gửi thư mời/thông báo mời họp/phiếu lấy ý kiến bằng văn bản và các tài liệu có liên quan để tổ chức Đại hội trực tuyến, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện thông qua các hình thức như thư, fax, thư điện tử hoặc các hình thức khác đến cổ đông đảm bảo cổ đông nhận được thông tin, tài liệu, đồng thời thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử của HDBank, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của HDBank niêm yết hoặc đăng ký giao dịch theo quy định.
6. ĐHĐCĐ giao HĐQT lựa chọn Hệ thống trực tuyến hỗ trợ việc tổ chức Đại hội trực tuyến, việc triển khai biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử và thông báo tới các cổ đông khi quyết định thực hiện căn cứ theo tình hình và điều kiện thực tế.
7. Nguyên tắc biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử:
 - a. Không phụ thuộc vào hình thức tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ (trực tuyến hay trực tiếp) hoặc hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; căn cứ vào phần mềm/hệ thống công nghệ của HDBank cũng như bên thứ ba cung cấp dịch vụ cho HDBank, HĐQT sẽ quyết định hình thức biểu quyết gồm phương thức điện tử, hình thức truyền thống, từ xa, hình thức biểu quyết khác được pháp luật cho phép hoặc kết hợp các hình thức này.
 - b. Đối với trường hợp bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS, việc bỏ phiếu bầu cử được thực hiện tại Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và có thể thực hiện bầu cử thông qua hình thức Bỏ phiếu bằng phương thức điện tử, không bị giới hạn phải thực hiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp và thông qua hình thức bỏ phiếu truyền thống, bỏ phiếu từ xa.

Điều 5. Điều kiện tiến hành Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.

1. Đại biểu tham dự Đại hội trực tuyến đạt tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ.
2. Hệ thống trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện:
 - a. Đường truyền tại Địa điểm chính phải liên tục, ổn định. Trường hợp bị gián đoạn tại Địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến của phần gián đoạn.
 - b. Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, nguồn điện, Phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp.
 - c. Đảm bảo an toàn thông tin, bí mật Tài khoản đăng nhập. Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến, việc biểu quyết, bỏ phiếu phải được lưu giữ, bảo mật, trích xuất được từ hệ thống có đầy đủ các thông tin liên quan để tổng hợp lập Biên bản họp.

Điều 6. Trình tự, thủ tục tổ chức Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử

Việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử đảm bảo về trình tự, thủ tục, thời gian tương tự như tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và pháp luật có liên quan (triệu tập họp ĐHĐCĐ, chốt và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; gửi thông báo mời họp và chương trình, tài liệu cuộc họp; đăng ký cổ đông tham dự cuộc họp/đăng ký ủy quyền cho người đại diện dự họp; xác định chủ tọa cuộc họp, thông qua chương trình, nội dung cuộc họp và cử thư ký, bầu Ban kiểm phiếu; thảo luận và biểu quyết; lập và thông qua Biên bản họp và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ; công bố thông tin liên quan...).

Điều 7. Điều kiện tham dự và ủy quyền tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, ủy quyền thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử

1. Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ HDBank/có quyền biểu quyết được VSDC lập và chốt vào Ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo thực hiện quyền dự họp/quyền biểu quyết của HDBank đều được tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến/đều được gửi phiếu lấy ý kiến bằng văn bản và thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử theo Quy chế này.
2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân khác tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, thực hiện quyền biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.
3. Việc ủy quyền tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử được thực hiện như sau:
 - a. Cổ đông sở hữu dưới 01 (một) % tổng số cổ phần phổ thông: ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu cho 01 (một) đại diện khác thay mặt tham dự và biểu quyết, bỏ phiếu.
Cổ đông sở hữu từ 01 (một) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên: ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu cho một hoặc nhiều đại diện khác thay mặt tham dự và biểu quyết, bỏ phiếu.
 - b. Trường hợp ủy quyền cho nhiều đại diện khác thay mặt tham dự và biểu quyết, bỏ phiếu phải nêu rõ số lượng cổ phần ủy quyền, số phiếu bầu được ủy quyền tương ứng với mỗi đại diện được ủy quyền.
 - c. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền, gồm: họ và tên, số giấy chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân/mã số doanh nghiệp, số điện thoại liên hệ, địa chỉ email. Đây là cơ sở để nhận OTP, thông tin khác để đăng nhập tham dự Đại hội trực tuyến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.
 - d. Hiệu lực của việc ủy quyền: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - i. Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền của HDBank mà đã được thông báo đến cổ đông hoặc được công bố trên website của HDBank.
 - ii. Văn bản ủy quyền có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền. Văn bản ủy quyền có thể được ký bằng chữ ký số theo quy định pháp luật.

- iii. HDBank nhận được bản chính Văn bản ủy quyền trong thời hạn được quy định theo từng lần tổ chức đại hội/từng lần lấy ý kiến bằng văn bản (đối với cổ đông là tổ chức, cá nhân nước ngoài có thể gửi trước bản scan và gửi bổ sung bản chính sau).
- e. Khi ủy quyền có hiệu lực theo quy định tại khoản này thì bên nhận ủy quyền sẽ nhận được thông tin truy cập để tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử thông qua số điện thoại hoặc email theo thông tin được cung cấp tại văn bản ủy quyền.
- f. Hủy bỏ/chấm dứt việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử: cổ đông phải gửi văn bản chính thức đề nghị hủy việc ủy quyền đến HDBank. Việc hủy bỏ/chấm dứt ủy quyền này chỉ có hiệu lực khi HDBank nhận được văn bản hủy bỏ/chấm dứt này trong thời hạn được quy định theo từng lần tổ chức đại hội/từng lần lấy ý kiến bằng văn bản (đối với cổ đông là tổ chức, cá nhân nước ngoài có thể gửi trước bản scan và gửi bổ sung bản chính sau).
- g. Kết quả biểu quyết, bỏ phiếu do đại diện theo ủy quyền đã thực hiện sẽ có giá trị.
- h. Việc biểu quyết thông qua người được ủy quyền trong trường hợp người được ủy quyền nhận ủy quyền từ nhiều cổ đông thì có thể biểu quyết, bỏ phiếu theo hai hình thức (i) thống nhất một nội dung biểu quyết cho tất cả các cổ đông ủy quyền hoặc (ii) biểu quyết linh hoạt theo quyết định của từng cổ đông ủy quyền.

Điều 8. Cách thức đăng nhập để tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử

- 1. Đại biểu được nhận thư mời họp trực tuyến/phiếu lấy ý kiến bằng văn bản có thông tin hướng dẫn và đường dẫn để truy cập đăng ký tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử cũng như tra cứu các tài liệu cho Đại hội trực tuyến.
- 2. Đại biểu tham dự theo hình thức Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện truy cập Hệ thống trực tuyến của HDBank với đường dẫn được thông báo và điền các thông tin của cổ đông và đại diện theo ủy quyền (nếu tham gia bởi người được ủy quyền) đã được đăng ký, bao gồm:
 - a. Họ và tên.
 - b. Số điện thoại.
 - c. Số Đăng ký sở hữu (*Số giấy chứng minh nhân dân/Số thẻ căn cước công dân; Mã số doanh nghiệp; Mã số nhà đầu tư nước ngoài và/hoặc các giấy tờ khác theo quy định của VSDC*).
 - d. Địa chỉ email (nếu có).(các thông tin này có thể thay đổi theo từng lần tổ chức ĐHĐCĐ/từng lần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và được thông báo, hướng dẫn đến các cổ đông có quyền dự họp)
- 3. Hệ thống trực tuyến sẽ gửi OTP vào số điện thoại hoặc email của Đại biểu sau khi đăng ký tham dự thành công. Đại biểu nhập OTP được cấp để bắt đầu tham dự Đại hội trực tuyến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.

4. Cổ đông không đăng ký số điện thoại liên lạc hoặc email với VSDC sẽ không thể tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và không thể thực hiện việc biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.
5. Trường hợp cổ đông muốn đăng ký mới/thay đổi số điện thoại hoặc email, thay đổi thông tin định danh khác so với thông tin đã đăng ký thì liên hệ với thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản để cập nhật thông tin trước Ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của VSDC để được cập nhật phục vụ cho việc tham dự Đại hội trực tuyến, biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử (theo tài liệu hướng dẫn được đăng tải trên website của HDBank và website của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (Hose)).
6. Trường hợp HDBank đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình liên quan đến thông báo và hướng dẫn để cổ đông có thể tham dự Đại hội trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng hình thức điện tử, HDBank không chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin của cổ đông với VSDC và không chịu trách nhiệm đối với việc cổ đông không cập nhật kịp thời dẫn đến không nhận được thông tin đăng nhập để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và không tiến hành biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.

Điều 9. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Đại biểu được hệ thống trực tuyến ghi nhận là tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống trực tuyến bằng các thông tin và theo cách thức đăng ký tham dự quy định tại Điều 8 Quy chế này. Kết quả hệ thống ghi nhận là cơ sở để xác định tỷ lệ Đại biểu tham dự để tiến hành tổ chức đại hội.
2. Việc Đại biểu tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu trực tuyến thông qua hệ thống trực tuyến được xem là Đại biểu trực tiếp tham dự, biểu quyết, bỏ phiếu và kết quả biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử cũng có giá trị để tính tỷ lệ thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, Đại biểu chịu trách nhiệm về kết quả biểu quyết của mình.
3. Hệ thống trực tuyến sẽ mở để ghi nhận việc Đại biểu đăng ký tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến trước thời điểm khai mạc 60 phút so với chương trình dự kiến hoặc một thời gian khác sớm hơn theo thông báo mà HDBank đã gửi cho cổ đông.
4. Túc số tham dự Đại hội trực tuyến là số lượng Đại biểu đăng nhập tham dự Đại hội trực tuyến theo cách thức đăng nhập tham dự quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 10. Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu bầu cử bằng phương thức điện tử

1. Cách thức biểu quyết:
 - a. Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết đã được cài đặt tại hệ thống trực tuyến.
 - b. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống trực tuyến ghi nhận kết quả.
2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:
 - a. Đại biểu sử dụng hình thức Bầu dồn phiếu để thực hiện bầu cử đối với các ứng viên HĐQT/BKS được bầu cử tại đại hội. Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào các hình thức bầu cử đã được cài đặt tại Hệ thống trực tuyến.

Trường hợp Đại biểu chọn hình thức Bầu ghi số, Đại biểu nhập số phiếu bầu vào các phiếu bầu của các ứng viên trên Phiếu bầu cử trong phạm vi số phiếu bầu của Đại biểu. Đại biểu có quyền ghi số phiếu bầu thấp hơn số phiếu bầu của Đại biểu.

Trường hợp Đại biểu chọn Bầu dồn phiếu theo hình thức Bầu dồn đều hệ thống sẽ tự nhập số phiếu bầu đã được cài đặt sẵn tương ứng với các ứng viên.

Trường hợp Đại biểu chọn Bầu dồn phiếu theo hình thức Bầu dồn hết phiếu bầu thì Đại biểu chọn phiếu bầu của 01 ứng viên được chọn và hệ thống sẽ tự nhập toàn bộ số phiếu bầu đã được cài đặt sẵn cho ứng viên được chọn đó.

Trường hợp Hệ thống trực tuyến có thay đổi chức năng hỗ trợ, Đại biểu thực hiện bầu cử theo các chức năng của hệ thống trong từng thời kỳ (theo tài liệu hướng dẫn/Quy chế bầu cử) trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc, hình thức bầu cử theo quy định của Điều lệ.

- b. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống trực tuyến ghi nhận kết quả.
3. Một số quy định khác khi thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử:
 - a. Việc thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử được thực hiện sau khi Đại biểu đã đăng nhập Hệ thống trực tuyến để tham dự ĐHĐCĐ.

Đối với trường hợp biểu quyết khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện sau khi đã đăng nhập thành công vào Hệ thống trực tuyến.
 - b. Đại biểu thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu các vấn đề cần biểu quyết, bỏ phiếu đã được cài đặt trên Hệ thống trực tuyến và có thể biểu quyết, bỏ phiếu trong thời gian Hệ thống trực tuyến mở đến thời điểm Hệ thống trực tuyến đã được đóng theo thông báo tại cuộc họp/thông báo tại Phiếu lấy ý kiến.
 - c. Trường hợp Đại biểu không biểu quyết hết các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội trực tuyến và khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì các vấn đề chưa được biểu quyết được xem như Đại biểu không tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - d. Trường hợp Đại biểu tham dự trực tuyến dừng kết nối trước thời điểm kết thúc biểu quyết, bỏ phiếu mà chưa hoàn tất việc biểu quyết, bỏ phiếu thì nội dung biểu quyết, bỏ phiếu nào đã được Đại biểu xác nhận sẽ được Hệ thống trực tuyến ghi nhận và được tính khi kiểm phiếu. Trường hợp Đại biểu kết nối lại trước thời điểm kết thúc biểu quyết, bỏ phiếu thì Đại biểu được tiếp tục biểu quyết, bỏ phiếu cho các vấn đề cần biểu quyết, bỏ phiếu chưa được biểu quyết, chưa được bỏ phiếu.

Điều 11. Thời gian biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử

Thời gian biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử thực hiện theo thông báo trực tiếp của Chủ tọa đại hội/theo tài liệu đại hội.

Thời gian biểu quyết bằng phương thức điện tử đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo thông báo tại Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản/tài liệu hướng dẫn khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Kết thúc thời gian biểu quyết, bỏ phiếu, Hệ thống trực tuyến không ghi nhận thêm kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử từ Đại biểu.

Điều 12. Cách thức kiểm phiếu

1. Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết theo hình thức Biểu quyết bằng phương thức điện tử, số phiếu biểu quyết được ghi nhận trên Hệ thống trực tuyến theo nguyên tắc số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến và Hệ thống trực tuyến sẽ kết xuất biên bản kiểm phiếu đối với các nội dung mà Đại biểu thực hiện biểu quyết.

2. Khi Đại biểu thực hiện bầu cử theo hình thức Bỏ phiếu bằng phương thức điện tử, kết quả bầu cử được ghi nhận trên Hệ thống trực tuyến theo số phiếu bầu của từng ứng cử viên được bầu cử và Hệ thống trực tuyến sẽ kết xuất biên bản bầu cử đối với từng ứng cử viên mà Đại biểu thực hiện bầu cử.
3. Trường hợp biểu quyết bằng Hệ thống trực tuyến, phương thức điện tử đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì kết quả biểu quyết được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Việc tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu biểu quyết được thực hiện dưới sự chứng kiến, giám sát của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý tại HDBank.

Điều 13. Thông báo kết quả kiểm phiếu, kết quả bầu cử

Căn cứ biên bản kiểm phiếu được ghi nhận như quy định tại Điều 12 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo chủ tọa/người điều hành biểu quyết thuộc đoàn chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội, kết quả bầu cử đối với từng ứng cử viên. Kết quả kiểm phiếu, kết quả bầu cử sẽ được chủ tọa/người điều hành biểu quyết thuộc đoàn chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.

Đối với trường hợp kiểm phiếu khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ sẽ được đăng tải lên trang thông tin điện tử của HDBank trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua.

Điều 14. Công thức xác định tỷ lệ biểu quyết, bầu cử và tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

1. Công thức xác định tỷ lệ biểu của ĐHĐCĐ tại Đại hội trực tuyến:
 - a. Đối với nội dung được biểu quyết:
$$\text{Tỷ lệ biểu quyết} = \frac{\text{Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành}}{\text{Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp}}$$
 - b. Đối với bầu cử:
$$\text{Tỷ lệ bầu cử} = \frac{\text{Tổng số phiếu bầu cử được bỏ cho mỗi ứng cử viên}}{\text{Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp}}$$

Trong đó: Tổng số phiếu bầu cử của mỗi cổ đông = Tổng số cổ phần sở hữu của mỗi cổ đông x (nhân với) số thành viên được bầu.
2. Công thức xác định tỷ lệ biểu quyết của ĐHĐCĐ khi lấy ý kiến bằng văn bản:
$$\text{Tỷ lệ biểu quyết} = \frac{\text{Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tán thành}}{\text{Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết}}$$
3. Tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCĐ trực tuyến đối với từng nội dung được biểu quyết, bỏ phiếu tương tự như tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCĐ trực tiếp được quy định tại Điều lệ.
4. Tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCĐ và khi lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều lệ.

Điều 15. Biên bản và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ

1. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản ĐHĐCĐ trực tuyến là địa điểm chủ tọa đại hội có mặt để điều khiển đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Biên bản họp và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ trực tuyến được lập và thông qua tương tự như biên bản họp và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ trực tiếp theo quy định tại Điều lệ.
3. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và được biểu quyết bằng phương thức điện tử có các nội dung theo quy định tại Điều lệ.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ, Đại biểu có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử khi tham dự họp trực tuyến hoặc khi biểu quyết các vấn đề được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Bảo mật thông tin đăng nhập, OTP và các yếu tố định danh khác (nếu có) để đảm bảo chỉ có Đại biểu mới có quyền tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, quyền thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử. Mọi kết quả biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử được xem là quyết định cuối cùng của Đại biểu và Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước HDBank về kết quả biểu quyết, bỏ phiếu.
3. Thông báo ngay cho HDBank để kịp thời xử lý khi phát hiện thông tin đăng nhập, OTP và các yếu tố định danh khác (nếu có) bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm HDBank nhận được thông báo của Đại biểu.
4. Thực hiện theo các tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội liên quan đến Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, khi thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.
5. Đồng ý để HDBank cung cấp các dữ liệu thông tin của Đại biểu cho bên thứ ba có liên quan khi cung cấp dịch vụ hỗ trợ việc tổ chức Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và triển khai thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.

Điều 17. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc:
 - a. Việc thảo luận được thực hiện trong thời gian chủ tọa hướng dẫn và thuộc phạm vi các nội dung được trình bày trong chương trình Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.
 - b. Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận.
 - c. Đại biểu có thể phát biểu, góp ý trực tiếp với đại hội thông qua hệ thống hình ảnh, âm thanh được kết nối với Ban tổ chức đại hội hoặc thông qua hệ thống tiếp nhận ý kiến khác.
 - d. Ban thư ký đại hội sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu và chuyển lên cho chủ tọa.
2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:
 - a. Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, chủ tọa đại hội hoặc thành viên do chủ tọa đại hội chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu.

- b. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được HDBank trả lời sau.

Điều 18. Trường hợp xảy ra Sự kiện bất khả kháng

1. Trong thời gian diễn ra việc tổ chức Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử, có thể xảy ra những Sự kiện bất khả kháng (ngoài tầm kiểm soát của chủ tọa điều hành đại hội) tại địa điểm chủ tọa điều hành đại hội (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số Đại biểu tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm chủ tọa điều hành đại hội, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác...
2. Trường hợp xảy ra các Sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để Cuộc họp ĐHĐCĐ có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng đại hội, những vấn đề đã được biểu quyết, bỏ phiếu và Hệ thống trực tuyến đã ghi nhận trước khi tạm dừng sẽ có giá trị và thông báo đến Đại biểu theo cách thức do HĐQT quyết định. Những vấn đề chưa được biểu quyết/chưa đạt tỷ lệ thông qua sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập gần nhất hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Trường hợp xảy ra các Sự kiện bất khả kháng đối với trường hợp biểu quyết các vấn đề khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Đại biểu tiếp tục đăng nhập lại để biểu quyết trong thời gian biểu quyết hoặc thực hiện theo tài liệu hướng dẫn biểu quyết.

Điều 19. Lưu hồ sơ cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và kết quả biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử

HDBank lưu tất cả các hồ sơ, chứng từ có liên quan phát sinh trong Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến toàn phần/một phần và kết quả biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử theo quy định pháp luật và quy định nội bộ hiện hành của HDBank, bao gồm các số liệu, dữ liệu, những hồ sơ/chứng từ được thực hiện bằng bản điện tử được truy xuất từ Hệ thống trực tuyến và bằng bản giấy (nếu có)...

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024 sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và HĐQT ban hành.
2. Quy chế này thay thế Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử của HDBank số 01/2021/QC-ĐHĐCĐ ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/9/2021.
3. Những vấn đề về tổ chức Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng và các văn bản khác của HDBank. Trong trường hợp có thay đổi về quy định pháp luật dẫn đến các nội dung tại Quy chế này không còn phù hợp thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành tại thời điểm thay đổi.
4. Giao HĐQT thực hiện các nội dung sau:
 - a. Phối hợp với Tổng Giám đốc triển khai thực hiện trong toàn hệ thống HDBank và toàn bộ cổ đông của HDBank.
 - b. Phối hợp với Tổng Giám đốc ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể, chi tiết nội dung Quy chế này trong trường hợp cần thiết.

- c. Quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này trong các trường hợp cần thiết phải điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu trong công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử nhằm phù hợp với thực tế thực hiện hoặc đề cập nhật các quy định mới, các thay đổi có liên quan của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - d. Lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ cũng như việc áp dụng phần mềm/hệ thống công nghệ, cung cấp dữ liệu để hỗ trợ việc tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử của HDBank trong trường hợp cần thiết.
5. Toàn thể cổ đông HDBank, thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành, các đơn vị và các cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống HDBank có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

KIM BYOUNGHO

PHỤ LỤC 03
NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG
(Căn cứ tình hình thực tế, Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và các quy định pháp luật điều chỉnh liên quan)

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Điểm i khoản 1 Điều 3 về Giải thích từ ngữ và viết tắt	i. “ <i>Người Có Liên Quan</i> ” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp quy định tại <u>Khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật các tổ chức tín dụng), khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.</u>	d. “ <i>Người có liên quan</i> ” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp quy định tại <u>Khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.</u>	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.
	Không quy định	a. “ <i>Ban kiểm phiếu</i> ” là những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. b. “ <i>Đại diện theo ủy quyền</i> ” có nghĩa là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức. f. “ <i>Người phụ trách quản trị Ngân hàng</i> ”	- Bổ sung giải thích từ ngữ cho những thuật ngữ được sử dụng và lặp lại trong Quy chế căn cứ theo các nội dung được quy định liên quan trong Thông tư 116/2020/TT-BTC. - Bổ sung thêm định nghĩa về các Quy chế có liên quan mà nội dung Quy

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>là người được HĐQT bổ nhiệm với các quyền và nghĩa vụ như được quy định tại Điều 17 Quy chế này.</p> <p>i. “<i>Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT</i>” là Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT hiện hành đang được áp dụng của Ngân hàng.</p> <p>j. “<i>Quy chế hoạt động của BKS</i>” là Quy chế hoạt động của BKS hiện hành đang được áp dụng của Ngân hàng.</p> <p>k. “<i>Quy chế hoạt động của TGD</i>” là Quy chế hoạt động của TGD hiện hành đang được áp dụng của Ngân hàng.</p> <p>m. “<i>Trưởng BKS</i>” là chức danh do BKS bầu trong số các thành viên BKS theo nguyên tắc đa số.</p> <p>n. “<i>Website</i>” là trang thông tin điện tử của Ngân hàng.</p>	chế này có tham chiếu đến.
Khoản 7 Điều 4 về Các nguyên tắc quản trị cơ bản của Ngân hàng	7. Công khai, minh bạch trong hoạt động của Ngân hàng	7. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch trong hoạt động của Ngân hàng; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.	Sửa đổi, bổ sung để cụ thể hơn và phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 40 Luật Chứng khoán.
Khoản 2 Điều 5 về Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	2. Cổ Đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình theo cách thức phù hợp quy định pháp luật. <u>Trong trường hợp các nghị quyết,</u>	2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình theo cách thức phù hợp quy định pháp luật; <u>đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định</u>	Ghi nhận chung dẫn chiếu đến Điều lệ và quy định pháp luật để áp dụng.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<u><i>quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm pháp luật, Điều Lệ hoặc nghị quyết, quyết định của HĐQT trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Ngân hàng, Cổ Đông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ; yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định của HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.</i></u>	<u><i>của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của Điều lệ và quy định pháp luật.</i></u>	
Ý thứ hai của tiết (iii) điểm a khoản 6, khoản 8, khoản 9 và khoản 14 Điều 7 về Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, bất thường và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	<p>6. Thẻ thức biểu quyết thông qua các nội dung của cuộc họp:</p> <p>a. Đối với ĐHĐCĐ trực tiếp:</p> <p>iii. Cách thức biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ:</p> <p>- Cách thức kiểm phiếu:</p> <p>Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ, số thẻ tán thành được thu/kiểm trước, số thẻ không tán thành được thu/kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu biểu quyết tán thành hay không tán thành để quyết định.</p>	<p>6. Thẻ thức biểu quyết thông qua các nội dung của cuộc họp:</p> <p>a. Đối với ĐHĐCĐ trực tiếp:</p> <p>iii. Cách thức biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ:</p> <p>- Cách thức kiểm phiếu:</p> <p>Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ, số thẻ tán thành được thu/kiểm trước, số thẻ không tán thành <u><i>và không có ý kiến</i></u> được thu/kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành <u><i>và không có ý kiến</i></u> để quyết định.</p> <p>8. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ: Biên bản</p>	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại Điều 68 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, khoản 5 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020 và phù hợp với thực tế thực hiện.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>8. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ: Biên bản họp ĐHĐCĐ phải thể hiện rõ các nội dung theo quy định tại Điều lệ và diễn biến của cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được <u>công bố thông tin trên Website của Ngân hàng trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ</u> hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; việc gửi <u>biên bản kiểm phiếu</u> có thể thay thế bằng việc đăng tải lên Website của Ngân hàng.</p> <p>9. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ: Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến Cổ Đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản bằng việc đăng tải lên Website của Ngân hàng và phải được <u>gửi đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính</u>.</p> <p>14. Các trường hợp được lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản và nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được quy định tại</p>	<p>họp ĐHĐCĐ phải thể hiện rõ các nội dung theo quy định tại Điều lệ và diễn biến của cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin <u>theo Quy chế công bố thông tin</u>; và phải gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp, việc gửi <u>biên bản họp</u> có thể thay thế bằng việc đăng tải lên Website của Ngân hàng.</p> <p>9. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ: Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được <u>công bố thông tin theo Quy chế công bố thông tin</u>; và phải được gửi đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ (hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải lên Website của Ngân hàng) và <u>gửi đến NHNN</u> trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.</p> <p>14. Các trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ, <u>việc công bố thông tin và gửi đến cổ đông, NHNN biên bản</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	Điều Lệ, trường hợp thực hiện biểu quyết bằng phương thức điện tử khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì thực hiện theo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.	<u>kiểm phiếu và nghị quyết ĐHĐCĐ</u> được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và <u>Quy chế công bố thông tin</u> ; trường hợp thực hiện biểu quyết bằng phương thức điện tử khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.	
Khoản 3 Điều 9 về Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT	<p>3. Các vấn đề khác liên quan đến việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT được thực hiện theo các quy định có liên quan của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều Lệ, cụ thể gồm các nội dung chính sau:</p> <p>a. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT: <u>chi tiết tại điểm a khoản 3 Điều 36 Điều Lệ.</u></p> <p>b. Điều kiện, cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị: <u>chi tiết tại điểm c khoản 1 Điều 23 Điều Lệ.</u></p> <p>c. Cách thức bầu thành viên HĐQT: <u>chi tiết tại Khoản 6 Điều</u></p>	<p>3. Cách thức giới thiệu ứng cử viên HĐQT: Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm (các) ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử <u>theo quyết định của HĐQT.</u> Cơ chế HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Các vấn đề khác liên quan đến việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT (tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT; điều kiện, cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT; cách thức bầu thành viên HĐQT; các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung</p>	Ghi nhận dẫn chiếu chung đến Điều lệ để tránh trường hợp khi Điều lệ thay đổi, các thứ tự điều khoản được dẫn chiếu không còn phù hợp.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p><u>29 Điều Lệ và khoản 5 Điều 6 Quy chế này.</u></p> <p>d. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT: <u>chi tiết tại khoản 1 Điều 40 và khoản 4 Điều 49 Điều Lệ.</u></p> <p>e. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, các quy định pháp luật có liên quan và Quy chế công bố thông tin.</p> <p>f. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT: Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm (các) ứng viên hoặc tổ chức đề cử <u>theo quy định tại Điều Lệ.</u> Cơ chế HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.</p> <p>g. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT: <u>thực hiện theo các quy định tại Điều 40, Điều 49 và</u></p>	<p>thành viên HĐQT; thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT...) được thực hiện theo các quy định có liên quan của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Điều lệ, <u>Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT</u> và Quy chế công bố thông tin.</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<u>khoản 1 Điều 50 Điều Lệ.</u>		
Điều 10 về Tư cách thành viên HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều Lệ cấm làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là Cổ Đông của Ngân hàng. <u>Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.</u> Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác. 	<ol style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT <u>phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện</u> và là những người không thuộc đối tượng không được làm thành viên HĐQT theo quy định pháp luật, Điều lệ <u>và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.</u> Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Ngân hàng. <u>Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, thành viên HĐQT không được đồng thời cùng đảm nhiệm các chức vụ nhất định theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.</u> <u>Trong trường hợp được cùng đảm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị tại công ty khác theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT</u> thì Thành viên HĐQT chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác. 	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với các quy định mới về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên HĐQT quy định tại khoản 2 và 3 Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.
Khoản 1, khoản 2, khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 11 về Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và không nhiều hơn mười một (11) người. Cơ cấu HĐQT cần đảm bảo sự cân 	<ol style="list-style-type: none"> Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu là năm (05) thành viên và không quá mười một (11) thành viên. <u>Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định.</u> 	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 50, khoản 1 và 2 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; <u>đồng thời đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên độc lập</u>, trong đó có <u>tối thiểu một (01) thành viên độc lập</u> và <u>tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng</u>.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của HĐQT <u>là 05 năm</u>. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.</p>	<p>2. Cơ cấu HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; đảm bảo phải có <u>tối thiểu hai (02) thành viên độc lập HĐQT</u> và phải có <u>ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập HĐQT và thành viên không phải là Người điều hành Ngân hàng</u>.</p> <p>3. <u>Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhân chuyển giao bắt buộc</u>.</p> <p>4. Nhiệm kỳ của HĐQT <u>không quá 05 năm</u>. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của HĐQT. <u>Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản</u></p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số thành viên HĐQT <u><i>bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên HĐQT hoặc không đủ số thành viên HĐQT tối thiểu theo quy định tại Điều Lệ.</i></u> Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ <u><i>trong thời hạn 60 ngày</i></u>, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) hoặc không đủ số thành viên HĐQT tối thiểu theo quy định tại Điều Lệ;</p>	<p><u><i>công việc.</i></u></p> <p>5. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số thành viên HĐQT <u><i>ít hơn số thành viên HĐQT tối thiểu theo quy định tại Điều lệ và khoản 1 Điều này.</i></u> Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung đủ thành viên HĐQT trong thời hạn <u><i>chín mươi (90) ngày</i></u>, kể từ ngày không đủ số thành viên HĐQT tối thiểu theo quy định tại Điều lệ và khoản 1 Điều này;</p>	
Khoản 2 Điều 12 về Quyền của thành viên HĐQT	<p>2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác <u><i>theo quyết định của ĐHĐCĐ.</i></u> Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT được quy định tại Điều 48 Điều Lệ.</p>	<p>2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác <u><i>theo quyết định của HĐQT trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT do ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.</i></u> Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ <u><i>và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.</i></u></p>	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với thực tế thực hiện.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Khoản 3 và 4 Điều 15 về Cuộc họp HĐQT	<p>3. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.</p> <p>4. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.</p>	<p>3. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp. <u>Sau 02 (hai) lần triệu tập họp HĐQT mà không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên HĐQT.</u></p> <p>4. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. <u>Trong trường hợp chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ các nội dung bắt buộc theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc</u></p>	<p>Bổ sung thêm nội dung để có phương án xử lý trong trường hợp triệu tập họp HĐQT hai lần mà vẫn không đủ số lượng thành viên tham dự để tiến hành cuộc họp.</p> <p>Bổ sung để đầy đủ các nội dung được quy định tại khoản 2 và 4 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p><u>chủ toạ, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Chủ toạ, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng do từ chối ký biên bản họp theo quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. Chủ toạ, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung Biên bản họp HĐQT.</u></p> <p>5. Biên bản họp HĐQT <u>và tài liệu sử dụng trong cuộc họp</u> phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</p>	
Khoản 1 Điều 17 về Người phụ trách quản trị Ngân hàng	1. HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của người phụ trách quản trị Ngân hàng (“Người Phụ Trách Quản Trị Ngân hàng”). Người Phụ Trách Quản Trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm làm <u>thư ký HĐQT</u> /Thư ký Ngân hàng theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh Nghiệp	1. HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Ngân hàng theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.	Bãi bỏ nội dung “Thư ký HĐQT” để phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.
Khoản 1 và 6 Điều 18 về Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký Hợp đồng, chấm dứt hợp đồng,	1. HĐQT <u>bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm TGD</u> . Chủ tịch HĐQT hoặc Phó Chủ tịch (được Chủ tịch ủy quyền) thay	1. HĐQT <u>bổ nhiệm TGD</u> . Chủ tịch HĐQT hoặc Phó Chủ tịch (được Chủ tịch ủy quyền) thay mặt HĐQT và đại diện cho Ngân hàng ký hợp đồng lao	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 46 và Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
đương nhiên mất tư cách, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc	<p>mặt HĐQT và đại diện cho Ngân hàng ký hợp đồng lao động/chấm dứt Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.</p> <p>6. HĐQT gửi văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm TGD theo quy định của Điều Lệ và quy định pháp luật có liên quan.</p>	<p>động/chấm dứt Hợp đồng lao động với TGD.</p> <p>5. HĐQT gửi văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước <u>trong thời hạn 10 ngày</u>, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm TGD theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>6. <u>HĐQT phải bổ nhiệm TGD trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết TGD.</u></p>	
Khoản 2 Điều 19 về Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của TGD được quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và <u>Điều 55 Điều Lệ</u>, ngoài ra Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>Không quy định</p>	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của TGD:</p> <p>h. <u>Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.</u></p> <p>i. <u>Các quyền và nghĩa vụ khác</u> theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Điều lệ, <u>Quy chế hoạt động của TGD và theo các nghị quyết, quyết định của HĐQT.</u></p>	Bổ sung thêm theo quy định tại điểm h và i khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Điều 20 về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS	<p>1. Số lượng Thành viên BKS <u>ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 05 người</u>. Thành viên BKS có thể không phải là Cổ Đông của Ngân hàng.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. <u>Thành viên BKS có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế</u>.</p> <p>3. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>điểm b khoản 3 Điều 36 Điều Lệ</u> và quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>4. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp Điều Lệ có</p>	<p><u>1.</u> Số lượng thành viên BKS <u>tối thiểu là năm (05) người, số lượng cụ thể do Điều lệ quy định</u>. Trong đó <u>phải có hơn một nửa số thành viên BKS thường trú tại Việt Nam</u>. Thành viên BKS có thể không phải là cổ đông của Ngân hàng.</p> <p><u>2.</u> Nhiệm kỳ của BKS không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. <u>Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc</u>.</p> <p><u>3.</u> Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>Điều lệ, Quy chế hoạt động của BKS</u> và quy định pháp luật có liên quan.</p> <p><u>4. Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm</u>.</p> <p><u>5. Trường hợp số thành viên BKS ít hơn</u></p>	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 41, khoản 2, 4 và 6 Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.	<u>số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn không quá chín mươi (90) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên BKS, đảm bảo số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.</u>	
Khoản 1 và khoản 3 Điều 21 về Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên BKS	<p>1. Thông tin liên quan đến các ứng viên BKS (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên Website của Ngân hàng để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên BKS được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <p>Không quy định</p> <p>3. Các vấn đề khác liên quan đến việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên BKS, gồm các nội dung chính sau:</p> <p>a. Cách thức Cổ Đông, nhóm Cổ</p>	<p>1. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên BKS (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng cử viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên Website của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên BKS được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <p><u>g. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên đó (nếu có).</u></p> <p>3. Cách thức giới thiệu ứng cử viên BKS: Trường hợp số lượng các ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm (các)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC. - Ghi nhận dẫn chiếu chung đến Điều lệ để tránh trường hợp khi Điều lệ thay đổi, các thứ tự điều khoản được dẫn chiếu không còn phù hợp.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>Đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Thành viên BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ: <u>chi tiết tại điểm c khoản 1 Điều 23 Điều Lệ.</u></p> <p>b. Cách thức bầu Thành viên BKS: <u>chi tiết tại khoản 6 Điều 29 Điều Lệ và khoản 5 Điều 6 Quy chế này.</u></p> <p>c. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên BKS: <u>chi tiết tại khoản 1 Điều 40 Điều Lệ.</u></p> <p>d. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, các quy định pháp luật có liên quan và Quy chế công bố thông tin.</p> <p>e. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên BKS: Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm (các) ứng viên hoặc tổ chức đề cử <u>theo quy định tại Điều Lệ.</u> Cơ chế BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo</p>	<p>ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử <u>theo quyết định của BKS.</u> Cơ chế BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên BKS phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Các vấn đề khác liên quan đến việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên BKS (tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên BKS; điều kiện, cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên BKS; cách thức bầu thành viên BKS; các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên BKS; thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS...) được thực hiện theo các quy định có liên quan của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Điều lệ, <u>Quy chế hoạt động của BKS</u> và Quy chế công bố thông tin.</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>quy định của pháp luật.</p> <p>f. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Trưởng BKS: <u>thực hiện theo các quy định tại Điều 40, Điều 59 và khoản 3 Điều 60 Điều Lệ.</u></p>		
<p>Điểm e khoản 1, điểm e, f và điểm i khoản 2 Điều 22 về Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS và thành viên BKS</p>	<p>1. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên BKS:</p> <p>Không quy định</p> <p>e. Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác <u>theo quyết định của ĐHĐCĐ.</u> Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên BKS được quy định tại</p>	<p>1. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên BKS:</p> <p>e. <u>Trường hợp thành viên BKS vi phạm các nghĩa vụ trên mà gây thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác thì thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS có được do vi phạm phải hoàn trả lại Ngân hàng.</u></p> <p>f. <u>Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.</u></p> <p>g. Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác <u>theo quyết định của BKS trên cơ sở tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 và 6 Điều 173 Luật Doanh nghiệp 2020; khoản 2, 7 và 10 Điều 52 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và phù hợp với thực tế vận hành tại HDBank.</p>

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>Điều 38 và khoản 3 Điều 58 Điều Lệ.</p> <p>2. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của BKS:</p> <p>e. Kiểm tra <u>từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng theo đề nghị của Cổ Đông.</u></p> <p>f. Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ; thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo đúng quy định pháp luật và Điều Lệ.</p> <p>i. Xây dựng Quy chế hoạt động của</p>	<p><u>của BKS do ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.</u> Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên BKS được quy định tại Điều lệ và <u>Quy chế hoạt động của BKS.</u></p> <p>2. Vai trò, quyền hạn và nhiệm vụ của BKS:</p> <p>e. Kiểm tra <u>sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS.</u></p> <p>f. Đề nghị <u>HĐQT họp bất thường</u> hoặc đề nghị HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường <u>theo các trường hợp quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của BKS và quy định pháp luật;</u> thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ <u>và Quy chế hoạt động của BKS.</u></p> <p>i. Xây dựng Quy chế hoạt động của</p>	

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua.	BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua; <u>ban hành quy định nội bộ của BKS.</u>	
Khoản 2 và 3 Điều 23 về cuộc họp của Ban kiểm soát	<p>2. BKS họp định kỳ ít nhất <u>mỗi quý một lần</u> và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất, <u>số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là ba phần tư (3/4) số thành viên BKS.</u></p> <p>3. <u>Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào các biên bản họp.</u> Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.</p>	<p>2. BKS họp định kỳ ít nhất <u>hai (02) lần trong một năm</u> và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. <u>Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên BKS trở lên dự họp.</u></p> <p>3. <u>Cuộc họp BKS phải được ghi biên bản. Biên bản họp BKS được lập bằng tiếng Việt và phải được người ghi biên bản và tất cả các thành viên BKS tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản.</u> Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.</p>	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 14 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 24 về Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và Người quản lý, điều hành khác	Điều khoản này quy định áp dụng chung cho cả Người điều hành ngân hàng khác (ngoài Tổng Giám đốc).	Bãi bỏ và không áp dụng cho các đối tượng là Người điều hành ngân hàng khác (ngoài Tổng Giám đốc).	Điều chỉnh nhằm phù hợp với quy định tại Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Khoản 1, 2 và 3 Điều 26 về Giao dịch với cổ đông, Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng và Người có liên quan của các đối tượng này	<ol style="list-style-type: none"> Ngân hàng được <u>cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh</u> cho Cổ Đông là cá nhân, tổ chức và Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó là cá nhân, tổ chức khi đáp ứng các điều kiện cấp tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, quy định của Ngân hàng và các điều kiện, giới hạn, các hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng. Ngân hàng không được <u>cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh</u> cho các đối tượng sau đây, trừ trường hợp quy định pháp luật cho phép bằng quy định cụ thể: <ol style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, PTGD và các chức danh tương đương của Ngân hàng, pháp nhân là cổ đông có người đại diện phần vốn góp là thành viên HĐQT, thành viên BKS của Ngân hàng. Cha, mẹ, vợ, chồng, con của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, PTGD và các chức danh tương đương. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, giao dịch giữa Ngân hàng với các đối tượng sau 	<ol style="list-style-type: none"> Ngân hàng được <u>cấp tín dụng</u> cho cổ đông là cá nhân, tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, tổ chức khi đáp ứng các điều kiện cấp tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, quy định của Ngân hàng và các điều kiện, giới hạn, các hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng. Ngân hàng không được <u>cấp tín dụng</u> cho các đối tượng sau đây, trừ trường hợp quy định pháp luật cho phép bằng quy định cụ thể: <ol style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, PTGD và các chức danh tương đương <u>theo quy định tại Điều lệ</u> của Ngân hàng, pháp nhân là cổ đông có người đại diện phần vốn góp là thành viên HĐQT, thành viên BKS của Ngân hàng. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, <u>anh, chị, em</u> của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, PTGD và các chức danh tương đương <u>theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng</u>. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, giao dịch giữa Ngân hàng với các đối tượng sau được thực hiện theo quy định có liên quan tại Điều lệ: 	Sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và cụ thể hóa các doanh nghiệp được nêu theo khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020 là các doanh nghiệp mà Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng khác phải kê khai theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng 2024 và Điều lệ.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Điều Lệ:</p> <p>a. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người Quản Lý, Điều Hành Ngân hàng khác và Người Có Liên Quan của các đối tượng này.</p> <p>b. Cổ đông lớn, Đại Diện Theo Ủy Quyền của cổ đông lớn và Người Có Liên Quan của họ.</p> <p>c. Doanh nghiệp <u><i>có liên quan đến Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người Quản Lý, Điều Hành khác theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh Nghiệp.</i></u></p>	<p>a. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng khác và Người có liên quan của các đối tượng này.</p> <p>b. Cổ đông lớn, Đại diện theo ủy quyền của cổ đông lớn và Người có liên quan của họ.</p> <p>c. Doanh nghiệp <u><i>mà Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng khác phải kê khai theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ.</i></u></p>	
Khoản 1 Điều 28 về Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Ngân hàng	1. Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Ngân hàng theo quy định tại <u><i>Điều 137 Luật Doanh Nghiệp.</i></u>	1. Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Ngân hàng theo quy định tại <u><i>Điều 40 Luật Các tổ chức tín dụng.</i></u>	Điều chỉnh phù hợp theo Điều 40 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.
Điều 30 về Công bố thông tin về thu nhập của thành viên HĐQT, TGD, Người quản lý	<p>Điều 30. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên HĐQT, TGD, Người quản lý và <u>Người điều hành khác</u></p> <p>Thù lao của từng thành viên HĐQT và</p>	<p>Điều 30. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên HĐQT, TGD, Người quản lý ngân hàng khác</p> <p>Thù lao của từng thành viên HĐQT và tiền lương của TGD và Người quản lý</p>	Điều chỉnh phù hợp theo Điều 298 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
và Người điều hành khác	tiền lương của TGD, Người quản lý, <u>Người điều hành khác</u> được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng và báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.	ngân hàng khác được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.	
Điều khoản về chuyển chuyển tiếp	Không quy định	<p><u>Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp</u></p> <p>1. <u>Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng và chức danh khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định pháp luật và Điều lệ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng và các chức danh khác, quy định về những trường hợp không được và không cùng đảm nhiệm chức vụ được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.</u></p> <p>2. <u>HĐQT của Ngân hàng được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Quy chế này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ HĐQT.</u></p> <p>3. <u>Đến ngày Quy chế này có hiệu lực, BKS của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định</u></p>	Bổ sung để áp dụng phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH MỚI	CƠ SỞ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<u>tại khoản 1 Điều 20 Quy chế này được tiếp tục duy trì số lượng thành viên BKS theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của BKS, thành viên BKS, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên BKS.</u>	

- Nội dung được in nghiêng đậm, gạch chân là các nội dung thay đổi, điều chỉnh, bổ sung.

Số:/2024/QĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng của
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về việc cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Nghị quyết số/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày/...../2023 của ĐHĐCĐ v/v thông qua Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ tình hình thực tế,

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)”.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.
- Điều 3.** Toàn thể cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, các Đơn vị và cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống HDBank có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website HDBank – Nhà đầu tư;
- Lưu VP.HĐQT.

KIM BYOUNGHO

QUY CHẾ
Nội bộ về quản trị ngân hàng của
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số/2024/QĐ-HĐQT ngày/...../2024
của Hội đồng Quản trị HDBank)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa, Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Ý nghĩa: Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (Ngân hàng) được xây dựng nhằm đảm bảo cho Ngân hàng được định hướng điều hành và được kiểm soát theo những nguyên tắc, quy định pháp luật về quản trị ngân hàng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Ngân hàng, giảm thiểu rủi ro cho Ngân hàng.
2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng của Ngân hàng quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ và các quy định hiện hành khác của pháp luật có liên quan.
3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho toàn bộ cổ đông của Ngân hàng, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Tài liệu liên quan

1. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (“Luật Các tổ chức tín dụng”).
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng khoán”).
3. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (“Luật Doanh nghiệp”).
4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
5. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về việc cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
7. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Điều lệ hiện hành của Ngân hàng.

9. Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử hiện hành của Ngân hàng.
10. Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT hiện hành của Ngân hàng.
11. Quy chế hoạt động của BKS hiện hành của Ngân hàng.
12. Quy chế hoạt động của TGD hiện hành của Ngân hàng.
13. Quy chế công bố thông tin hiện hành của Ngân hàng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt

1. Giải thích từ ngữ:

- a. **“Ban kiểm phiếu”** là những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
 - b. **“Đại diện theo ủy quyền”** có nghĩa là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
 - c. **“Điều lệ”** là Điều lệ hoạt động hiện hành đang được áp dụng của Ngân hàng.
 - d. **“Người có liên quan”** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.
 - e. **“Người điều hành ngân hàng”** bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ (nếu có).
 - f. **“Người phụ trách quản trị Ngân hàng”** là người được HĐQT bổ nhiệm với các quyền và nghĩa vụ như được quy định tại Điều 17 Quy chế này.
 - g. **“Người quản lý ngân hàng”** bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của HĐQT, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ (nếu có).
 - h. **“Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử”** là Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử hiện hành đang được áp dụng của Ngân hàng.
 - i. **“Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT”** là Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT hiện hành đang được áp dụng của Ngân hàng.
 - j. **“Quy chế hoạt động của BKS”** là Quy chế hoạt động của BKS hiện hành đang được áp dụng của Ngân hàng.
 - k. **“Quy chế hoạt động của TGD”** là Quy chế hoạt động của TGD hiện hành đang được áp dụng của Ngân hàng.
 - l. **“Quy chế công bố thông tin”** là Quy chế công bố thông tin hiện hành đang được áp dụng của Ngân hàng.
 - m. **“Trưởng BKS”** là chức danh do BKS bầu trong số các thành viên BKS theo nguyên tắc đa số.
 - n. **“Website”** là trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
2. Trong Quy chế này các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó. Các

thuật ngữ được viết hoa nhưng không được định nghĩa tại Quy chế này có nghĩa như được quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS, Quy chế hoạt động của TGD, Quy chế công bố thông tin và văn bản khác có liên quan.

3. Các từ viết tắt:

- a. **BKS:** Ban kiểm soát của Ngân hàng.
- b. **ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.
- c. **HQĐT:** Hội đồng quản trị của Ngân hàng.
- d. **Ngân hàng/HDBank:** Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.
- e. **TGD:** Tổng giám đốc của Ngân hàng.

Điều 4. Các nguyên tắc quản trị cơ bản của Ngân hàng

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau đây:

- 1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ.
- 2. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Ngân hàng hiệu quả và hướng tới chuẩn mực quốc tế.
- 3. Tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của các cổ đông.
- 4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.
- 5. Ngăn ngừa xung đột lợi ích.
- 6. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.
- 7. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch trong hoạt động của Ngân hàng; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

- 1. Cổ đông có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, ngoài ra các cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các văn bản của ĐHĐCĐ.
 - b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Ngân hàng có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua.
 - c. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Ngân hàng do Ngân hàng công bố theo quy định.
 - d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại diện theo ủy quyền hoặc thông qua hợp trực

tuyến, bỏ phiếu, biểu quyết điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc biểu quyết bằng phương tiện khác (nếu có áp dụng)¹.

- e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Ngân hàng.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình theo cách thức phù hợp quy định pháp luật; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của Điều lệ và quy định pháp luật.
3. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Ngân hàng và của các cổ đông khác. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế công bố thông tin.

Điều 6. Vai trò, quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng.
2. ĐHĐCĐ có các quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các văn bản do ĐHĐCĐ ban hành, thông qua.
3. ĐHĐCĐ thực hiện quyền của mình thông qua các cuộc họp ĐHĐCĐ, thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc hình thức khác được pháp luật cho phép trong từng thời kỳ.

Điều 7. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, bất thường và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hình thức tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ: HĐQT quyết định lựa chọn hình thức tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ phù hợp với quy định pháp luật, tình hình và điều kiện thực tế, bao gồm hình thức họp trực tiếp, hình thức họp trực tuyến hoặc hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến hoặc hình thức họp ĐHĐCĐ khác.
2. Trình tự, thủ tục triệu tập họp, tiến hành họp, biểu quyết và thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ tại cuộc họp được thực hiện theo quy định tại Điều này, Điều lệ và Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử, gồm các nội dung sau:
 - a. Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ.
 - b. Thông báo về việc chốt danh sách và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.
 - c. Thông báo triệu tập/mời họp, chương trình họp và nội dung, tài liệu họp ĐHĐCĐ.
 - d. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ.
 - e. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ.
 - f. Điều kiện tiến hành.
 - g. Hình thức biểu quyết thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ tại cuộc họp (cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu).
 - h. Điều kiện để nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua.
 - i. Cách thức phản đối nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.

¹ Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 6 Điều 13 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

- j. Lập Biên bản họp ĐHĐCĐ.
 - k. Công bố nghị quyết, quyết định ĐHĐCĐ ra công chúng.
 - l. Các vấn đề khác.
3. Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá (không sớm hơn) **mười (10)** ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ².

Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu **20 ngày**³ trước ngày đăng ký cuối cùng trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và trên Website của Ngân hàng.

Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu và yêu cầu sửa đổi, cập nhật những thông tin cần thiết của mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ để đảm bảo thực hiện các quyền của mình tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và trên Website của Ngân hàng.

Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi chậm nhất hai mươi một (**21**) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp⁴ (tính từ ngày Thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ được gửi cho các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ và/hoặc đăng trên Website của Ngân hàng. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ Website để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS.
 - c. Mẫu Phiếu biểu quyết.
 - d. Mẫu Văn bản ủy quyền trong trường hợp cổ đông ủy quyền dự họp.
 - e. Dự thảo nghị quyết, quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
 - f. Tài liệu hướng dẫn về cách thức đăng ký dự họp, biểu quyết tại ĐHĐCĐ.
5. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ:
- a. Cổ đông, Đại diện theo ủy quyền có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác tham dự họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.

Trường hợp cổ đông ủy quyền cho nhiều người đại diện thì việc ủy quyền phải xác định cụ thể số cổ phần, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người

² Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp, điểm a khoản 2 Điều 18 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

³ Điểm a khoản 2 Điều 18 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

⁴ Khoản 1 và 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 18 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

đại diện.

- b. Vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ, Ngân hàng phải thực hiện thủ tục đăng ký tham dự cho các cổ đông có quyền dự họp có mặt (đối với họp ĐHĐCĐ trực tiếp) và hệ thống trực tuyến sẽ ghi nhận việc cổ đông đăng ký tham dự họp theo cách thức được hướng dẫn trong Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử và các tài liệu hướng dẫn khác, nếu có (đối với họp ĐHĐCĐ trực tuyến).
 - c. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ muộn có quyền tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ ngay sau khi đăng ký theo các phương thức phù hợp với hình thức tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông tham dự muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông tham dự muộn đăng ký tham dự không bị ảnh hưởng.
6. Thẻ thức biểu quyết thông qua các nội dung của cuộc họp:
- a. Đối với ĐHĐCĐ trực tiếp:
 - (i) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng cấp cho từng cổ đông hoặc Đại diện theo ủy quyền hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên Đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết, phiếu bầu của cổ đông đó. Tất cả cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình ĐHĐCĐ.
 - (ii) ĐHĐCĐ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
 - (iii) Cách thức biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ:
 - Việc biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu:

Các nội dung biểu quyết được ghi trong thẻ biểu quyết sẽ được cổ đông, Đại diện theo ủy quyền hoặc người được ủy quyền dự họp của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến vào từng nội dung cần lấy ý kiến.
 - Cách thức kiểm phiếu:

Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ, số thẻ tán thành được thu/kiểm trước, số thẻ không tán thành và không có ý kiến được thu/kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến để quyết định.
 - Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả kiểm phiếu từng vấn đề trong nội dung chương trình họp của ĐHĐCĐ được Trưởng Ban kiểm phiếu báo cho Chủ tọa cuộc họp/Người điều hành biểu quyết thuộc Đoàn chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 - (iv) Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu với các nguyên tắc sau:
 - Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS. Cổ đông

có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một (01) hoặc một số ứng cử viên.

- Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ phê duyệt theo từng thời kỳ (nếu có).

(v) Các nội dung khác có liên quan được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ.

(vi) Trường hợp sử dụng phương tiện điện tử để biểu quyết tại ĐHĐCĐ trực tiếp, cách thức biểu quyết, kiểm phiếu được thực hiện theo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.

b. Đối với ĐHĐCĐ trực tuyến:

Cách thức biểu quyết, cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu được thực hiện theo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.

7. Cách thức phản đối nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ: Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết, quyết định về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình.

Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết, quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

8. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ: Biên bản họp ĐHĐCĐ phải thể hiện rõ các nội dung theo quy định tại Điều lệ và diễn biến của cuộc họp ĐHĐCĐ.

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo Quy chế công bố thông tin; và phải gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp, việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên Website của Ngân hàng.

9. Công bố nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ: nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo Quy chế công bố thông tin; và phải được gửi đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ (hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải lên Website của Ngân hàng) và gửi đến NHNN trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

10. HĐQT hoặc người triệu tập họp ĐHĐCĐ sắp xếp chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ một cách hợp lý, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ.

11. Kiểm toán viên hoặc đại diện tổ chức kiểm toán có thể được mời dự họp ĐHĐCĐ để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề kiểm toán.

12. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp ĐHĐCĐ, Ngân hàng cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia các cuộc họp

ĐHĐCĐ.

13. Hàng năm, Ngân hàng phải tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
14. Các trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, việc công bố thông tin và gửi đến cổ đông, NHNN biên bản kiểm phiếu và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế công bố thông tin; trường hợp thực hiện biểu quyết bằng phương thức điện tử khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT⁵:

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định Điều lệ và quy định của pháp luật liên quan.
- b. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- c. Báo cáo về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp của công ty đó trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT.
- e. Hoạt động của các ủy ban thuộc HĐQT.
- f. Kết quả giám sát đối với TGD.
- g. Kết quả giám sát đối với Người điều hành ngân hàng khác.
- h. Các kế hoạch trong tương lai.

2. Báo cáo hoạt động của BKS⁶

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật liên quan, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật liên quan.
- b. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS.
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng.
- d. Báo cáo đánh giá về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Người điều hành ngân hàng khác và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT, TGD, Người điều

⁵ Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

⁶ Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

hàng ngân hàng khác là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp của công ty đó trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- e. Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và Người điều hành ngân hàng khác.
- f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông.

CHƯƠNG III

CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT⁷

1. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng cử viên) được công bố tối thiểu mười **(10) ngày** trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên Website của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày tháng năm sinh.
 - b. Trình độ chuyên môn.
 - c. Quá trình công tác.
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT tại công ty khác).
 - e. Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng.
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ.
 - g. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên đó (nếu có).
2. Các ứng cử viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên HĐQT.
3. Cách thức giới thiệu ứng cử viên HĐQT: Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm (các) ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quyết định của HĐQT. Cơ chế HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.
4. Các vấn đề khác liên quan đến việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT (tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT; điều kiện, cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT; cách thức bầu thành viên HĐQT; các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT; thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT...) được thực hiện theo các quy định có liên quan của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế công bố thông tin.

Điều 10. Tư cách thành viên HĐQT⁸

⁷ Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 10 Phụ lục III của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

⁸ Điều 41, 42 và 43 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện và là những người không thuộc đối tượng không được làm thành viên HĐQT theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Ngân hàng.
2. Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, thành viên HĐQT không được đồng thời cùng đảm nhiệm các chức vụ nhất định theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.
3. Trong trường hợp được cùng đảm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị tại công ty khác theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT thì Thành viên HĐQT chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác.

Điều 11. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu là năm (05) thành viên và không quá mười một (11) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định.
2. Cơ cấu HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; HĐQT phải có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập, hai phần ba (2/3) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành ngân hàng
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên HĐQT của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.
4. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên HĐQT ít hơn số thành viên HĐQT tối thiểu theo quy định tại Điều lệ và khoản 1 Điều này. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung đủ thành viên HĐQT trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên HĐQT tối thiểu theo quy định tại Điều lệ và khoản 1 Điều này;
 - b. Số lượng thành viên độc lập giảm và không đảm bảo số lượng tối thiểu, hoặc số lượng thành viên độc lập và thành viên HĐQT không phải là Người điều hành ngân hàng giảm và không đảm bảo tỷ lệ tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều này.
 - c. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên HĐQT mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 12. Quyền của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính,

hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị trong Ngân hàng.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT do ĐHĐCĐ xem xét, quyết định. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT⁹

1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT:
 - a. Tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các văn bản pháp luật liên quan.
 - b. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi cao nhất của cổ đông và của Ngân hàng.
 - c. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT (trừ lý do bất khả kháng hoặc công tác) và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
 - d. Báo cáo kịp thời và đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác.
 - e. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Ngân hàng, Công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp của công ty đó trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - f. Các thành viên HĐQT và người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và thực hiện công bố thông tin về giao dịch này theo quy định của pháp luật.
 - g. Các trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
2. Thành viên độc lập HĐQT phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

Điều 14. Vai trò, quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT¹⁰

HĐQT là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, ngoài ra HĐQT có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

1. Tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Ngân hàng.
3. Chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng; đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông

⁹ Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

¹⁰ Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.

4. Xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT và trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ:
 - (i) Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên HĐQT.
 - (ii) Cách thức đề cử và ứng cử thành viên HĐQT của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
 - (iii) Cách thức bầu thành viên HĐQT.
 - (iv) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT.
 - (v) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.
 - b. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT:
 - (i) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm của HĐQT.
 - (ii) Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường.
 - (iii) Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các vấn đề thảo luận và quyết định).
 - (iv) Quyền dự họp HĐQT của thành viên BKS.
 - (v) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT.
 - (vi) Điều kiện tổ chức họp HĐQT.
 - (vii) Cách thức biểu quyết.
 - (viii) Cách thức thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT.
 - (ix) Ghi biên bản họp HĐQT.
 - (x) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp HĐQT.
 - (xi) Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT.
5. Xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT với BKS và TGD, gồm các nội dung chính sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ:
 - (i) Các tiêu chuẩn và điều kiện để lựa chọn TGD.
 - (ii) Việc bổ nhiệm TGD.
 - (iii) Ký hợp đồng lao động với TGD.
 - (iv) Các trường hợp miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với TGD.
 - (v) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với TGD.
 - b. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và TGD:

- (i) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và TGD.
 - (ii) Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho BKS và TGD.
 - (iii) Các trường hợp BKS và TGD đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT.
 - (iv) Báo cáo của TGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
 - (v) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết, quyết định và các vấn đề được giao của HĐQT đối với TGD;
 - (vi) Các vấn đề TGD phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT và BKS.
 - (vii) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, thành viên BKS và TGD theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên này.
- c. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua và công bố trên website của Ngân hàng.
 - d. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người quản lý ngân hàng khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Ngân hàng sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với các bên liên quan.
 - e. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng.
 - f. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị ngân hàng và các kỹ năng cần thiết cho thành viên HĐQT, TGD và Người quản lý ngân hàng khác.
 - g. Xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, TGD và Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng khác.
 - h. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

Điều 15. Cuộc họp HĐQT

- 1. Cuộc họp HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật khác có liên quan, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT trong từng thời kỳ.
- 2. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
- 3. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp. Sau 02 (hai) lần triệu tập họp HĐQT mà không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên HĐQT.
- 4. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Trong trường hợp chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông

qua biên bản họp ký và có đầy đủ các nội dung bắt buộc theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng do từ chối ký biên bản họp theo quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung Biên bản họp HĐQT.

5. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 16. Các Ủy ban thuộc HĐQT

1. HĐQT phải thành lập các ủy ban để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có 02 ủy ban là: Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. HĐQT quy định nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế làm việc và cơ chế phán quyết đối với các đề xuất của hai ủy ban này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
2. Ngoài ra, HĐQT có thể thành lập các ủy ban khác để giúp HĐQT phụ trách về chính sách phát triển, lương thưởng... theo quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng¹¹.
3. Việc thành lập và hoạt động của các ủy ban thuộc HĐQT do HĐQT quyết định phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, gồm các nội dung chính sau đây:
 - a. Các ủy ban thuộc HĐQT.
 - b. Số lượng thành viên tối thiểu, cơ cấu của các ủy ban.
 - c. Tiêu chuẩn thành viên của các ủy ban, chủ tịch ủy ban.
 - d. Việc thành lập các ủy ban.
 - e. Chức năng, nhiệm vụ của các ủy ban và quyền, nghĩa vụ của từng thành viên ủy ban.
 - f. Cơ chế hoạt động của các ủy ban.

Điều 17. Người phụ trách quản trị Ngân hàng¹²

1. HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Ngân hàng theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.
3. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông.
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS.
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

¹¹ Khoản 1 Điều 31 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹² Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều 32 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

- d. Tham dự các cuộc họp.
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp với quy định của luật pháp.
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS.
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng.
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ.
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

CHƯƠNG IV

TỔNG GIÁM ĐỐC¹³

Điều 18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, đương nhiên mất tư cách, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc

- 1. HĐQT bổ nhiệm TGD. Chủ tịch HĐQT hoặc Phó Chủ tịch (được Chủ tịch ủy quyền) thay mặt HĐQT và đại diện cho Ngân hàng ký hợp đồng lao động/chấm dứt Hợp đồng lao động với TGD.
- 2. Nhiệm kỳ của TGD do HĐQT quyết định nhưng không quá 05 năm và TGD có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với TGD và các trường hợp TGD đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ quyền điều hành: thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của TGD và quy định pháp luật có liên quan.
- 4. HĐQT có thể miễn nhiệm TGD khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm TGD mới thay thế.
- 5. HĐQT gửi văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm TGD theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan.
- 6. HĐQT phải bổ nhiệm TGD trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết TGD.

Điều 19. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

- 1. TGD là người điều hành cao nhất công việc kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của TGD:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng.
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng.

¹³ Điều 35 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế/quy định quản lý nội bộ của Ngân hàng.
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
 - f. Quyết định tiền lương, thưởng và lợi ích khác đối với người lao động trong Ngân hàng, kể cả Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của TGD.
 - g. Tuyển dụng lao động.
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Điều lệ, Quy chế hoạt động của TGD và theo các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
3. TGD được trả tiền lương, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của HĐQT. Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của TGD được quy định tại Điều lệ.

CHƯƠNG V

BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS

1. Số lượng thành viên BKS tối thiểu là năm (05) người, số lượng cụ thể do Điều lệ quy định. Trong đó phải có hơn một nửa số thành viên BKS thường trú tại Việt Nam. Thành viên BKS có thể không phải là cổ đông của Ngân hàng.
2. Nhiệm kỳ của BKS không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
3. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của BKS và quy định pháp luật có liên quan.
4. Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
5. Trường hợp số thành viên BKS ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn không quá chín mươi (90) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên BKS, đảm bảo số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.

Điều 21. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên BKS¹⁴

1. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên BKS (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng cử viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên Website của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên BKS được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.

¹⁴ Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 10 Phụ lục IV của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

- b. Trình độ chuyên môn.
 - c. Quá trình công tác.
 - d. Các chức danh quản lý khác.
 - e. Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng.
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ.
 - g. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên đó (nếu có).
2. Các ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên BKS.
3. Cách thức giới thiệu ứng cử viên BKS: Trường hợp số lượng các ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm (các) ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quyết định của BKS. Cơ chế BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên BKS phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.
4. Các vấn đề khác liên quan đến việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên BKS (tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên BKS; điều kiện, cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên BKS; cách thức bầu thành viên BKS; các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên BKS; thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS...) được thực hiện theo các quy định có liên quan của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Điều lệ, Quy chế hoạt động của BKS và Quy chế công bố thông tin.

Điều 22. Vai trò, quyền hạn và nhiệm vụ của BKS, quyền và nghĩa vụ của thành viên BKS¹⁵

1. Quyền và nghĩa vụ của thành viên BKS:
- a. Quyền tiếp cận và yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và Người điều hành ngân hàng khác cung cấp kịp thời và đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Ngân hàng.
 - b. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
 - c. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng.
 - d. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - e. Trường hợp thành viên BKS vi phạm các nghĩa vụ trên mà gây thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác thì thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS có được

¹⁵ Điều 287 và Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Điều 3 và Điều 11 Phụ lục IV của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

do vi phạm phải hoàn trả lại Ngân hàng.

- f. Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
 - g. Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của BKS trên cơ sở tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của BKS do ĐHĐCĐ xem xét, quyết định. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên BKS được quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS.
 - h. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS.
2. Vai trò, quyền hạn và nhiệm vụ của BKS:

BKS là cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

BKS có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông và ĐHĐCĐ về hoạt động giám sát của mình.
- b. Giám sát tình hình tài chính Ngân hàng, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng khác.
- c. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng.
- d. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Ngân hàng.
- e. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS.
- f. Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo các trường hợp quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của BKS và quy định pháp luật; thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS.
- g. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và cổ đông.
- h. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của thành viên HĐQT, TGD và Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng khác, phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- i. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua; ban hành quy định nội bộ của BKS.
- j. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.
- k. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Luật

Doanh nghiệp, các quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS.

Điều 23. Cuộc họp của BKS

1. Cuộc họp của BKS được thực hiện theo quy định tại Điều lệ.
2. BKS họp định kỳ ít nhất hai (02) lần trong một năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên BKS trở lên dự họp.
3. Cuộc họp BKS phải được ghi biên bản. Biên bản họp BKS được lập bằng tiếng Việt và phải được người ghi biên bản và tất cả các thành viên BKS tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.
4. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD, Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng khác và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của BKS và trả lời các vấn đề cần được làm rõ theo yêu cầu của BKS.

CHƯƠNG VI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN NGÂN HÀNG¹⁶

Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người quản lý ngân hàng khác

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người quản lý ngân hàng khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ.
2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người quản lý ngân hàng khác và những người có liên quan của các cá nhân này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Ngân hàng.
3. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người quản lý ngân hàng khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Ngân hàng, Công ty con, Công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính cá nhân đó hoặc với những người có liên quan của các cá nhân đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết, quyết định này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều lệ.
5. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người quản lý ngân hàng khác và những người có liên quan của các cá nhân này không được sử dụng hoặc tiết lộ các thông tin nội bộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

¹⁶ Mục 6 Chương VIII Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Điều 25. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với Người có liên quan, Ngân hàng phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.
2. Ngân hàng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Ngân hàng.

Điều 26. Giao dịch với cổ đông, Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng và người có liên quan của các đối tượng này

1. Ngân hàng được cấp tín dụng cho cổ đông là cá nhân, tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, tổ chức khi đáp ứng các điều kiện cấp tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, quy định của Ngân hàng và các điều kiện, giới hạn, các hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.
2. Ngân hàng không được cấp tín dụng cho các đối tượng sau đây, trừ trường hợp quy định pháp luật cho phép bằng quy định cụ thể:
 - a. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, PTGD và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, pháp nhân là cổ đông có người đại diện phần vốn góp là thành viên HĐQT, thành viên BKS của Ngân hàng.
 - b. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, PTGD và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
3. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, giao dịch giữa Ngân hàng với các đối tượng sau được thực hiện theo quy định có liên quan tại Điều lệ:
 - a. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng khác và người có liên quan của các đối tượng này.
 - b. Cổ đông lớn, Đại diện theo ủy quyền của cổ đông lớn và người có liên quan của họ.
 - c. Doanh nghiệp mà Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng khác phải kê khai theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ.

CHƯƠNG VII

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN¹⁷

Điều 27. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Ngân hàng có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin, Điều lệ và Quy chế công bố thông tin.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện trên Website của Ngân hàng và các phương tiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 28. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Ngân hàng

1. Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng

¹⁷ Mục 7 Chương VIII Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

khoản Thành phố Hồ Chí Minh và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Ngân hàng theo quy định tại Điều 40 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Trong trường hợp Ngân hàng thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động, Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi ĐHĐCĐ có quyết định thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Ngân hàng.

Điều 29. Công bố thông tin về quản trị Ngân hàng

1. Ngân hàng phải báo cáo về tình hình quản trị Ngân hàng tại các kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên và công bố thông tin trong báo cáo thường niên của Ngân hàng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
2. Ngân hàng có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị Ngân hàng định kỳ 06 tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 30. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên HĐQT, TGD, Người quản lý ngân hàng khác

Thù lao của từng thành viên HĐQT và tiền lương của TGD và Người quản lý ngân hàng khác được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 31. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 24 Quy chế này, thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD có trách nhiệm báo cáo HĐQT, BKS trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp của công ty đó trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
2. Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, TGD hoặc cổ đông lớn của công ty đó.

Điều 32. Tổ chức công bố thông tin

1. Ngân hàng phải xây dựng và ban hành Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Ngân hàng có trách nhiệm sau:
 - a. Công bố các thông tin của Ngân hàng với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế công bố thông tin.
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG VIII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 33. Quy định về đánh giá khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và TGD

1. Căn cứ vào nội quy của Ngân hàng, quy định về khen thưởng và kỷ luật của Ngân hàng và căn cứ theo kết quả đánh giá của hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Ngân hàng, Ngân

hàng sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể và cá nhân thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng khác có thành tích trong công tác quản lý, điều hành.

2. Khi phát sinh các sự việc sai phạm, vi phạm nội quy của Ngân hàng, tùy theo mức độ vi phạm của từng cá nhân, hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Ngân hàng xem xét hình thức kỷ luật và ban hành quyết định kỷ luật.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Quy Chế này gồm 9 Chương, 35 Điều và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024 sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và HĐQT ban hành.
2. Quy chế này thay thế Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng số 02/2021/QC-ĐHĐCĐ ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/9/2021 của ĐHĐCĐ.
3. Những nội dung khác về quản trị ngân hàng, nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của HDBank. Trong trường hợp có thay đổi về quy định pháp luật dẫn đến các nội dung tại Quy chế này không còn phù hợp thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm thay đổi.
4. HĐQT cùng TGD triển khai thực hiện, ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể, các biểu mẫu cần thiết theo nội dung của Quy chế này, cập nhật các thay đổi của pháp luật để sửa đổi, bổ sung tương ứng nội dung Quy chế này cho phù hợp với tình hình thực tế, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam và của Pháp luật.
5. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT ký ban hành sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.
6. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Phó TGD, Giám đốc các Khối/Trung tâm/Trưởng Phòng nghiệp vụ tại Hội sở, Trưởng các Đơn vị Kinh doanh trên toàn hệ thống, toàn thể cán bộ nhân viên Ngân hàng và các pháp nhân, cá nhân có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp

1. Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng và chức danh khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định pháp luật và Điều lệ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng và các chức danh khác, quy định về những trường hợp không được và không cùng đảm nhiệm chức vụ được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
2. HĐQT của Ngân hàng được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Quy chế này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ HĐQT.
3. Đến ngày Quy chế này có hiệu lực, BKS của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 20 Quy chế này được tiếp tục duy trì số lượng thành viên BKS theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho

đến hết nhiệm kỳ của BKS, thành viên BKS, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên BKS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

KIM BYOUNGHO

TỔNG HỢP NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HDBANK

(Căn cứ Luật các Tổ chức dụng 2024, tình hình thực tế về cơ cấu tổ chức bộ máy giúp việc cho HĐQT và đồng bộ hóa hệ thống quy định nội bộ HDBank)

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	
	1. Quy chế này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế tổ chức hoạt động của Hội đồng Quản trị (viết tắt HĐQT) và các thành viên HĐQT, các Ủy ban, Bộ phận giúp việc trực thuộc HĐQT, Thư ký HĐQT/Thư ký Ngân hàng, đồng thời điều chỉnh trách nhiệm của HĐQT đối với Ban Kiểm soát và Ban Điều hành.	1. Quy chế này quy định về việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank” hoặc “Ngân hàng”).	Sửa đổi liên quan đến kỹ thuật soạn thảo, cụ thể QC 2024 chỉ nêu tên quy chế và không còn tóm tắt nội dung chính.
	2. Quy chế này áp dụng cho HĐQT, các thành viên HĐQT và các đơn vị, cá nhân có liên quan.	2. Quy chế này áp dụng cho các đối tượng sau: a. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Điều hành, Ban Kiểm soát; và b. Các đơn vị, cá nhân có liên quan và hỗ trợ, giúp việc cho HĐQT của HDBank.	Sửa đổi liên quan đến kỹ thuật soạn thảo, cụ thể QC 2024 bổ sung và làm rõ thêm đối tượng áp dụng là các bộ phận, tổ chức, cá nhân khác trong Ngân hàng.
Tài liệu liên quan	Điều 2. Tài liệu liên quan	Điều 2. Tài liệu liên quan	
	1. Luật Các tổ chức tín dụng <u>số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017</u> (“Luật Các tổ chức tín dụng”).	1. Luật Các Tổ chức tín dụng <u>số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024</u>	
	3. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.	3. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và <u>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt Và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QĐ15 ngày 11/01/2022 (“Luật Doanh nghiệp”)</u> .	
	5. Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về việc cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và <u>các văn bản sửa đổi, bổ sung.</u>	5. Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về việc cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20/11/2017, Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14/8/2018, Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30/11/2018, Thông tư số 25/2019/TT-NHNN ngày 02/12/2019 và Thông tư số 28/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 (“Thông tư 40”)</u> .	Bổ sung thêm cụ thể các văn bản sửa đổi, bổ sung của các văn bản pháp luật được dẫn chiếu nhằm đáp ứng yêu cầu và tinh thần quán triệt tại buổi tập huấn của cơ quan thanh tra theo yêu cầu của HDBank.
	6. Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài <u>và các văn bản sửa đổi, bổ sung.</u>	6. Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 và Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30/8/2019 (“Thông tư 13”)</u> .	Ngoài ra, bổ sung Thông tư 22/2018/TT-NHNN vào danh sách Tài liệu liên quan (cụ thể, Điều 51.2 của Luật Các TCTD) và bổ sung tên viết tắt cho mỗi văn bản nhằm thuận tiện cho việc dẫn chiếu đến trong QC 2023.
	Không quy định	<u>7. Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/9/2018 hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2019/TT-NHNN ngày 21/8/2019 và Thông tư 13/2020/TT-NHNN ngày 13/11/2020 (“Thông tư 22”)</u> .	
	Không quy định	<u>10. Quy chế nội bộ quản trị ngân hàng hiện hành</u>	
	Không quy định	<u>11. Các văn bản pháp luật khác và văn bản nội bộ khác của HDBank có liên quan.</u>	
Giải thích từ ngữ	Điều 3. Giải thích từ ngữ	Điều 3. Giải thích từ ngữ	
	a. Luật Các Tổ chức Tín dụng 2010 là Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 16/6/2010. b. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức Tín dụng 2017 là Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức Tín dụng số 17/2017/QH14 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 20/11/2017.	Không quy định	Sửa đổi liên quan đến kỹ thuật soạn thảo (do các văn bản quy phạm pháp luật đã được quy ước viết tắt tại Điều 2).

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Giải thích từ ngữ (tiếp theo)	c. Người quản lý ngân hàng bao gồm Chủ tịch và thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác do Điều lệ HDBank quy định.	a. Người quản lý ngân hàng bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; <u>Tổng Giám đốc</u> và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ HDBank (nếu có) .	Theo khoản 26 Điều 4 Luật các TCTD 2024
	Không quy định	<u>b. Người phụ trách quản trị ngân hàng là người do HĐQT bổ nhiệm để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại ngân hàng, trách nhiệm và quyền hạn của Người phụ trách quản trị ngân hàng được quy định tại Điều 25 của Quy chế này.</u>	Bổ sung mới do có sử dụng thuật ngữ này trong QC 2024.
	e. Thành viên HĐQT độc lập là thành viên HĐQT đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật.	<u>d. Thành viên độc lập của HĐQT là thành viên HĐQT đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện của Thành viên độc lập của HĐQT theo quy định pháp luật, nằm trong danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) chấp thuận và được bổ nhiệm hợp lệ bởi ĐHĐCĐ của HDBank theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.</u>	Bổ sung để phù hợp với luật, cụ thể Điều 51 của Luật Các TCTD.
	e. Cổ đông lớn của HDBank <u>là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của HDBank.</u>	a. Cổ đông lớn <u>là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của HDBank, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.</u>	Điều chỉnh theo khoản 8 Điều 4 Luật các TCTD 2024
	g. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật các Tổ chức Tín dụng 2010 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức Tín dụng 2017).	<u>f. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:</u> <u>(i) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;</u> <u>(ii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên thành viên Ban Kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;</u> <u>(iii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;</u> <u>(iv) Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;</u> <u>(v) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại tiết (iv) điểm này với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;</u> <u>(vi) Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết (i), (ii), (iii), (iv) và (v) điểm này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau; và</u> <u>(vii) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN thông qua hoạt động thanh tra, giám sát.</u>	Khoản 2 Điều 4 Luật các TCTD 2024
		<u>g. Ban Điều hành bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc Khối, Giám đốc Khu vực và/hoặc các thành viên khác do HĐQT quyết định bổ nhiệm. Đứng đầu Ban Điều hành là Tổng Giám đốc.</u>	
	Không quy định		Bổ sung do có sử dụng thuật ngữ này trong QC 2023, có tham khảo từ Quy chế tổ chức và hoạt động của HDBank.

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Giải thích từ ngữ (tiếp theo)	h. Công ty con của HDBank là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 30 Điều 4 Luật các Tổ chức Tín dụng 2010.	Không quy định	Sửa đổi để thống nhất cách trình bày do Công ty con của HDBank đã được định nghĩa trong Điều lệ (Lưu ý rằng QC 2023 có quy định các thuật ngữ được viết hoa nhưng không được định nghĩa sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ).
Áp dụng văn bản	Không quy định	<u>Điều 4. Áp dụng văn bản</u> <u>1. Trường hợp có bất kỳ nội dung nào không được quy định tại Quy chế này, thì các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ sẽ được áp dụng cho các nội dung đó.</u> <u>2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ và quy định của pháp luật dẫn đến Quy chế này khác với Điều lệ và quy định của pháp luật thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ và quy định mới của pháp luật.</u> <u>3. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bất kỳ quy định nào của Quy chế này và quy định tương ứng của Điều lệ thì quy định của Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.</u>	Bổ sung để quy định về việc áp dụng văn bản đề nắm khi thực hiện.
Cơ cấu tổ chức của HĐQT	Điều 9. Cơ cấu tổ chức của HĐQT	Điều 5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy giúp việc của HĐQT	
	3. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT: thực hiện theo quy định tại Điều 45 Điều lệ HDBank.	<u>1. HĐQT của HDBank phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. HĐQT phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành ngân hàng. Chủ tịch HĐQT được HĐQT bầu trong số thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.</u>	Căn cứ khoản 1 Điều 69 Luật các TCTD 2024
	Không quy định	<u>2.b. Bộ máy giúp việc cho HĐQT</u> <u>(i) Thường trực HĐQT;</u> <u>(ii) Các Ủy ban chuyên môn;</u> <u>(iii) Văn phòng HĐQT; và</u> <u>(iv) Các đơn vị khác được thành lập trong từng thời kỳ theo quy định pháp luật hoặc theo nhu cầu phát sinh.</u>	
	2. Chủ tịch HĐQT, các Phó Chủ tịch HĐQT được các Thành viên HĐQT bầu, miễn nhiệm và bãi miễn theo nguyên tắc biểu quyết thông qua các vấn đề của HĐQT.	Quy định chi tiết tại Điều 19 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	
Chức năng của HĐQT	Điều 4. Chức năng của Hội đồng quản trị	Điều 7. Chức năng của Hội đồng quản trị	
	1. HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông (viết tắt là ĐHĐCĐ) HDBank, có toàn quyền nhân danh HDBank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HDBank, ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.	1. HĐQT là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.	Sửa đổi để phù hợp với luật, cụ thể Điều 43.1 của Luật Các TCTD.

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Nghĩa vụ của thành viên HĐQT	Điều 6. Nghĩa vụ của Thành viên HĐQT	Được điều chỉnh, quy định cả các nghĩa vụ của thành viên HĐQT tại Điều 12 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên HĐQT .	
	1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ HDBank, quyết định của ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.		
	2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của HDBank, cổ đông HDBank.		
	3. Trung thành với lợi ích của HDBank và cổ đông HDBank. Không được sử dụng những cơ hội kinh doanh của HDBank và không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ đang nắm giữ để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.		
	4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho HDBank về quyền lợi có thể gây xung đột mà Thành viên HĐQT có thể có ở các Tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi HĐQT HDBank đã xem xét và chấp thuận.		
	5. Không được mua, bán hoặc giao dịch cổ phiếu của HDBank hoặc của các Công ty trực thuộc khi Thành viên HĐQT có thông tin nhờ vị trí của mình có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.		
	6. Không được: (1) cạnh tranh với HDBank; (2) đòi hỏi để nhận quà tặng của HDBank cho riêng mình hoặc cho người liên quan của mình; (3) tạo điều kiện thuận lợi cho bên thứ ba gây tổn hại tới HDBank.		
Nguyên tắc làm việc của HĐQT	Không quy định	<u>Điều 8. Nguyên tắc làm việc của HĐQT</u>	Phù hợp với thực tiễn hoạt động của HDBank
		<u>1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, kết hợp sự lãnh đạo, chủ trì của Chủ tịch HĐQT và trách nhiệm của mỗi thành viên HĐQT.</u>	
		<u>2. Tất cả các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình được phân công và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước ĐHĐCĐ.</u>	
		<u>3. Thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch HĐQT phân công, phải chịu trách nhiệm cá nhân về những ý kiến nhân xét, đánh giá, phát biểu và tham gia biểu quyết của mình.</u>	
		<u>4. HĐQT sử dụng con dấu của HDBank để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</u>	
		<u>5. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.</u>	

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT	Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT	Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT	
	<u>17. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ HDBank.</u>	Không quy định (Phù hợp với Điều 70 Luật Các TCTD 2024)	
	27. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, <i>trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.</i>	1. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, <u>gồm:</u>	Bổ sung theo quy định tại Luật Các TCTD 2024, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn (Điều 11.2, Phụ lục III, Thông tư 116/2020/TT-NHNN; Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP) và Điều 153.2 của Luật Doanh nghiệp trên tinh thần liệt kê tất cả các thẩm quyền của HĐQT được quy định trong các văn bản luật nêu trên; sắp xếp phân loại theo 3 nhóm nhiệm vụ quản trị của HĐQT: Kinh doanh, tài chính và quản trị nội bộ; đồng thời cũng điều chỉnh về mặt câu từ để rõ nghĩa hơn. Việc liệt kê này giúp HĐQT nắm hết tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định có liên quan.
	Điều 8. Những vấn đề HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua	<u>a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;</u> <u>b. Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;</u> <u>c. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</u> <u>d. Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;</u> <u>e. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;</u> <u>f. Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp HDBank được can thiệp sớm theo quy định tại Điều 143 Luật Các tổ chức tín dụng.</u> <u>g. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán; thông qua phương án phân phối lợi nhuận và mức cổ tức được trả sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;</u> <u>h. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của HDBank;</u> <u>i. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, tổ chức lại, giải thể (thanh lý và chỉ định người thanh lý) hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;</u> <u>j. Phê chuẩn/phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế/quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát;</u> <u>k. Quyết định số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ;</u> <u>l. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát;</u> <u>m. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của HĐQT, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;</u> <u>n. Quyết định cơ cấu tổ chức, quản lý của Ngân hàng;</u> <u>o. Thông qua báo cáo của HĐQT, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thông qua báo cáo quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật có liên quan;</u> <u>p. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</u> <u>q. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</u>	
	Những vấn đề HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ HDBank.		

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT (tiếp theo)		<p><u>r. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 10 của Quy chế này, trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;</u></p> <p><u>s. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;</u></p> <p><u>t. Quyết định lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập theo đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; và</u></p> <p><u>u. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</u></p>	Bổ sung theo quy định tại Luật Các TCTD 2024, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn (Điều 11.2, Phụ lục III, Thông tư 116/2020/TT-NHNN; Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP) và Điều 153.2 của Luật Doanh nghiệp trên tinh thần liệt kê tất cả các thẩm quyền của HĐQT được quy định trong các văn bản luật nêu trên; sắp xếp phân loại theo 3 nhóm nhiệm vụ quản trị của HĐQT: Kinh doanh, tài chính và quản trị nội bộ; đồng thời cũng điều chỉnh về mặt câu từ để rõ nghĩa hơn. Việc liệt kê này giúp HĐQT nắm hết tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định có liên quan.
	Không quy định	<p><u>2. Quản lý Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ và vì lợi ích của Ngân hàng, cổ đông và người gửi tiền;</u></p>	
	Không quy định	<p><u>3. Đảm bảo hoạt động của HDBank tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế, quy định nội bộ của HDBank.</u></p>	
	Không quy định	<p><u>4. Đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến HDBank.</u></p>	
	7. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng <u>từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 27 của Điều lệ HDBank.</u>	9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản <u>cổ định</u> của Ngân hàng <u>mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% đến dưới 20% so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</u>	
	Không quy định	<p><u>10. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.</u></p>	
	32. Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng <u>với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của HDBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất</u> . Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.	13. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng <u>với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 10 của Quy chế này có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất phát sinh trong trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc hoặc hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của HDBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất</u> . Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.	
	Không quy định	<p><u>14. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của HDBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</u></p>	
	9. Giám sát phê duyệt tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt cấp cho Khách hàng hoặc Khách hàng và Người có liên quan <u>có giá trị từ 5% vốn điều lệ của HDBank và/hoặc tương đương 500 tỷ đồng trở lên</u> hoặc mức giá trị khác theo quyết định của HĐQT.	15. Giám sát phê duyệt tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng do cấp phê duyệt tín dụng thuộc Ban Điều hành phê duyệt cấp cho khách hàng hoặc khách hàng và người có liên quan <u>ở mức từ 1% vốn tư có của HDBank trở lên hoặc 5% vốn điều lệ của HDBank trở lên hoặc tương đương 500 tỷ đồng trở lên</u> hoặc giá trị khác theo quy định của HĐQT trong từng thời kỳ.	

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT (tiếp theo)	35. Thông qua các khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 127 của Luật các tổ chức tín dụng; Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ HDBank.	<u>16.. Thông qua các khoản cấp tín dụng cho các đối tượng sau:</u> <u>Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại HDBank; người ra quyết định thanh tra, thành viên đoàn thanh tra, người giám sát hoạt động đoàn thanh tra đang thanh tra tại HDBank;</u> <u>b. Kế toán trưởng của HDBank;</u> <u>c. Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập của HDBank;</u> <u>d. Doanh nghiệp có một trong những đối tượng sau, sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó:</u> <u>(i) Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của HDBank, pháp nhân là cổ đông có người đại diện phần vốn góp là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát của HDBank; và</u> <u>(ii) Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của HDBank.</u> <u>e. Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng;</u> <u>f. Các công ty con, công ty liên kết của HDBank (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ).</u> <u>g. Quyết định cấp tín dụng trong trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa đáp ứng được yêu cầu vay vốn của một khách hàng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về mức cấp tín dụng tối đa vượt quá các giới hạn theo quy định của pháp luật, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.</u>	Bổ sung theo quy định tại Luật Các TCTD 2024, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn (Điều 11.2, Phụ lục III, Thông tư 116/2020/TT-NHNN; Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP) và Điều 153.2 của Luật Doanh nghiệp trên tinh thần liệt kê tất cả các thẩm quyền của HĐQT được quy định trong các văn bản luật nêu trên; sắp xếp phân loại theo 3 nhóm nhiệm vụ quản trị của HĐQT: Kinh doanh, tài chính và quản trị nội bộ; đồng thời cũng điều chỉnh về mặt câu từ để rõ nghĩa hơn. Việc liệt kê này giúp HĐQT nắm hết tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định có liên quan.
	18. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.	17 Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán. <u>Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác, trừ trường hợp huy động vốn thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và Tổng Giám đốc.</u>	
	<u>22. Đề xuất việc phát hành cổ phần, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền.</u>	<u>18. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại.</u>	
	19. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của HDBank <u>trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền.</u>	19. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của HDBank <u>theo phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.</u>	
	20. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của Ngân hàng.	20. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của Ngân hàng, <u>trừ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ.</u>	
	21. Quyết định mua lại cổ phần của HDBank <u>theo quy định của Pháp luật, gồm cả quyết định về giá.</u>	<u>21. Triển khai, thực hiện việc mua lại cổ phần của HDBank theo Nghị quyết/Quyết định mua lại cổ phần đã được ĐHĐCĐ thông qua .</u> <u>22. Quyết định mua lại cổ phần của HDBank theo phương án được duyệt.</u>	
	25. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.	23. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; Quyết định thủ tục và thời hạn trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong quá trình kinh doanh; <u>Quyết định việc tạm ứng cổ tức cần cứ theo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính gần nhất của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ điều kiện được phép chi trả cổ tức theo quy định pháp luật.</u>	
	31. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác <u>có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của HDBank</u> ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	26. Thông qua phương án góp vốn, mua, <u>bán</u> cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác <u>mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của HDBank</u> ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT (tiếp theo)	8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, <u>Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT và các chức danh quản lý, điều hành khác theo quy định nội bộ do HĐQT ban hành</u> . Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.	27. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm người phụ trách quản trị ngân hàng</u> ; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, <u>Người điều hành ngân hàng khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của HĐQT. Ký kết, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị ngân hàng và các kỹ năng cần thiết cho thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác.</u>	Bổ sung theo quy định tại Luật Các TCTD 2024, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn (Điều 11.2, Phụ lục III, Thông tư 116/2020/TT-NHNN; Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP) và Điều 153.2 của Luật Doanh nghiệp trên tinh thần liệt kê tất cả các thẩm quyền của HĐQT được quy định trong các văn bản luật nêu trên; sắp xếp phân loại theo 3 nhóm nhiệm vụ quản trị của HĐQT: Kinh doanh, tài chính và quản trị nội bộ; đồng thời cũng điều chỉnh về mặt câu từ để rõ nghĩa hơn. Việc liệt kê này giúp HĐQT nắm hết tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định có liên quan.
	33. Cử người đại diện vốn góp của HDBank <u>tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông</u> tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, <u>quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đại diện đó.</u>	28. Cử người đại diện vốn góp của HDBank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, <u>Cử nhân sự tham gia vào các cơ quan quản trị, điều hành, kiểm soát tại các công ty con, công ty liên kết của HDBank.</u>	
	Không quy định	<u>30. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác, bao gồm việc sử dụng tài sản HDBank sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.</u>	
	10. Phối hợp với Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với HĐQT; thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với HĐQT tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban Kiểm soát về kết quả thực hiện các kiến nghị này.	31. Phối hợp với <u>Ban Kiểm soát</u> , bộ phận Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với HĐQT; thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với HĐQT tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban Kiểm soát về kết quả thực hiện các kiến nghị này.	
	11. Ban hành quy chế tài chính, các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của HDBank phù hợp với các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, của Ban Kiểm soát hoặc của ĐHĐCĐ.	32. Ban hành quy chế tài chính, các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của HDBank phù hợp với các quy định của pháp luật, của NHNN, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, của Ban Kiểm soát hoặc của ĐHĐCĐ. <u>Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng và trình ĐHĐCĐ thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.</u>	
	Không quy định	<u>34. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật.</u>	
	<u>16. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.</u>	Không quy định (Phù hợp với Điều 70 Luật Các TCTD 2024)	
	Không quy định	<u>35. Lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các công ty kiểm toán độc lập được ĐHĐCĐ phê chuẩn để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT theo ủy quyền của ĐHĐCĐ.</u>	
	24. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu tại Công ty con của Ngân hàng, quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty con.	36. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu tại Công ty con của Ngân hàng, quyết định cơ cấu tổ chức, <u>quy chế quản lý nội bộ</u> của Công ty con của Ngân hàng.	
	Không quy định	<u>42. Quyết định mức bồi thường mà người gây ra tổn thất về tài sản đối với khoản nợ có trách nhiệm phải bồi thường cho HDBank trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh các tổn thất này theo quy định pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng. Quyết định việc phân cấp thẩm quyền về quyết định mức bồi thường mà người gây ra tổn thất về tài sản khác (ngoài tổn thất về tài sản đối với khoản nợ) có trách nhiệm phải bồi thường cho Ngân hàng theo quy định pháp luật.</u>	
	23. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.	43. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng. <u>Phê duyệt và triển khai các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu theo quy định pháp luật và NHNN.</u>	
	Không quy định	<u>45. Quản lý và sử dụng con dấu của HDBank để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của HDBank.</u>	

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT (tiếp theo)	1. Quyết định các vấn đề liên quan tới mục đích, quyền lợi, mọi quyền và nghĩa vụ của HDBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.	46. Quyết định các vấn đề khác liên quan tới mục đích, quyền lợi, mọi quyền và nghĩa vụ của HDBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ <u>theo quy định pháp luật và Điều lệ.</u>	
	2. Chịu trách nhiệm <u>trước pháp luật</u> , trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.	47. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.	
	Không quy định	<u>48. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của HDBank.</u>	
	39. Thực hiện các nhiệm vụ <u>và công việc đã được ĐHĐCĐ ủy quyền.</u>	49. Các nhiệm vụ, <u>quyền hạn khác theo ủy quyền, phân công, phân cấp, giao thực hiện theo Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ.</u>	
	41. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác <u>mà HĐQT xét thấy cần thiết trong khuôn khổ quy định của Điều lệ HDBank, quy định của pháp luật.</u>	50. Các nhiệm vụ khác <u>theo quy định của Điều lệ và pháp luật.</u>	
	Không quy định	<p>Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch khác</p> <p><u>1. HĐQT thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất phát sinh trong trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc hoặc hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của HDBank ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất giữa HDBank và các đối tượng sau:</u></p> <p><u>a. Công ty con, Công ty liên kết của HDBank;</u></p> <p><u>b. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý ngân hàng khác và Người có liên quan của họ;</u></p> <p><u>c. Cổ đông lớn và Người có liên quan của họ; và</u></p> <p><u>d. Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác phải công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quy chế này và Điều lệ.</u></p> <p><u>2. Người đại diện HDBank ký hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT xem xét thông qua hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Trong trường hợp này, thành viên HĐQT có liên quan không có quyền biểu quyết.</u></p>	Bổ sung để phù hợp với quy định của luật, cụ thể khoản 3 Điều 67 của Luật Các TCTD 2024, Điều 167.2 của Luật Doanh nghiệp, Điều 291.4 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Điều 12 Phụ lục III của Thông tư 116/2020/TT-NHNN.
Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT	Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT	Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT	Sửa đổi để phù hợp với quy định của luật (cụ thể Khoản 1, khoản 3 Điều 71 Luật các TCTD 2024, Điều 156.4 của Luật Doanh nghiệp, Điều 29.5 Phụ lục I và Điều 7.4 Phụ lục III của Thông tư 116/2020/TT-NHNN) và bổ sung làm rõ để phù hợp với thực tiễn hoạt động
		1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT:	
	2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.	a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT. <u>Chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;</u>	
	3. Triệu tập các cuộc họp HĐQT.	b. Triệu tập <u>và chủ toạ</u> cuộc họp HĐQT;	
		<u>c. Thay mặt HĐQT ký văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;</u>	
	1. <u>Thay mặt HĐQT triệu tập và</u> chủ toạ họp ĐHĐCĐ.	f. Làm chủ toạ cuộc họp ĐHĐCĐ;	

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT (tiếp theo)	7. <u>Lập chương trình công tác và</u> phân công nhiệm vụ cho <u>các Phó Chủ tịch, các thành viên HĐQT khác thực hiện việc quản trị hoạt động của HDBank</u> . Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.	h. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên HĐQT phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT;	Sửa đổi để phù hợp với quy định của luật (cụ thể Khoản 1, khoản 3 Điều 71 Luật các TCTD 2024, Điều 156.4 của Luật Doanh nghiệp, Điều 29.5 Phụ lục I và Điều 7.4 Phụ lục III của Thông tư 116/2020/TT-NHNN) và bổ sung làm rõ để phù hợp với thực tiễn hoạt động
	8. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được phân công <u>và các nhiệm vụ, quyền hạn chung</u> .	i. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công;	
	11. Chủ tịch HĐQT ủy quyền bằng văn bản <u>cho một trong số các Phó Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT khác</u> đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt. <u>Nếu Chủ tịch HĐQT vắng mặt mà không ủy quyền hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch Thường trực tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch đều vắng mặt hoặc không thể làm việc được</u> thì các thành viên HĐQT còn lại bầu (theo nguyên tắc đa số quá bán) một người khác trong số họ để tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT.	2. Chủ tịch HĐQT, trong các trường hợp tạm thời vắng mặt <u>hoặc tạm thời không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình</u> , sẽ ủy quyền bằng văn bản cho <u>Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT</u> thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của pháp luật. <u>Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền cho các Phó Chủ tịch HĐQT khác thay mặt HĐQT ký các văn bản trong các lĩnh vực được phân công phụ trách. Các văn bản ủy quyền này có thể là văn bản ủy quyền chung được lập và ký trước một lần cho cả nhiệm kỳ hoặc là các văn bản ủy quyền cụ thể cho từng thời hạn nhất định. Trong thời gian văn bản ủy quyền cụ thể có hiệu lực thì không áp dụng văn bản ủy quyền chung đã ký trước đó về cùng một nội dung (nếu có).</u> <u>Trường hợp Chủ tịch HĐQT hoàn toàn không còn khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình</u> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán <u>cho đến khi có quyết định mới của HĐQT</u> .	
	Không quy định	<u>3. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của HDBank, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</u>	
Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên HĐQT	Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên HĐQT	Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên HĐQT	
	2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HĐQT theo đúng quy chế, quy định nội bộ của HĐQT và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của HDBank và cổ đông	2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HĐQT theo đúng quy chế, quy định nội bộ của HĐQT và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của HDBank và cổ đông; <u>phát huy tính độc lập của thành viên độc lập của HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình</u> .	Bổ sung mới theo Khoản 1 Điều 72 Luật Các TCTD 2024
	<u>4. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của HDBank trong từng thời kỳ.</u>	Không quy định	Sửa đổi phù hợp với tình hình thực tế.
	6. Tham dự các phiên họp của HĐQT; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, trừ trường hợp không được quyền biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó; <u>không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc, trừ trường hợp thành viên HĐQT là Tổng Giám đốc</u> ; chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về quyết định của mình.	6. Tham dự các cuộc họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những quyết định của mình.	Sửa đổi liên quan đến kỹ thuật soạn thảo.
	Không quy định	<u>7. Thành viên HĐQT không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT để quyết định nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT.</u>	Bổ sung mới theo khoản 5 Điều 72 Luật các TCTD 2024 và thực tế HDBank
	7. Tham gia thực hiện chức năng giám sát phê duyệt tín dụng đối với các khoản tín dụng do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt cấp cho Khách hàng hoặc Khách hàng và Người có liên quan có giá trị từ 5% vốn điều lệ của HDBank và/hoặc tương đương 500 tỷ đồng trở lên hoặc mức giá trị khác theo quyết định của HĐQT.	8. Tham gia thực hiện chức năng giám sát phê duyệt tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng do cấp phê duyệt tín dụng thuộc Ban Điều hành phê duyệt cấp cho khách hàng hoặc khách hàng và Người có liên quan ở mức <u>từ 1% vốn tự có của HDBank trở lên</u> hoặc 5% vốn điều lệ của HDBank trở lên hoặc tương đương 500 tỷ đồng trở lên hoặc giá trị khác theo quy định của HĐQT trong từng thời kỳ.	Bổ sung ngưỡng 1% vốn tự có để giám sát khoản cấp tín dụng với khách hàng hoặc khách hàng và Người có liên quan phù hợp với luật, cụ thể Điều 4.1(b) của Thông tư 22/2019/TT-NHNN.
	14. Có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của HDBank và của các Đơn vị.	<u>12. Thành viên HĐQT, trong quá trình thực hiện chức năng giám sát, cần chủ động phối hợp và hỗ trợ Tổng Giám đốc, các đơn vị và bộ phận chức năng xử lý các vấn đề có tính chất quan trọng và cấp bách phát sinh trong hoạt động của Ngân hàng</u> , đồng thời có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý ngân hàng khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị, bộ phận chức năng thuộc Ngân hàng.	Bổ sung phù hợp với tình hình thực tế.
	Không quy định	<u>13. Thành viên HĐQT có trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</u>	Bổ sung để phù hợp với luật, cụ thể Điều 41.6(a) của Luật Chứng khoán.

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT	Điều 13. Phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT	Điều 13. Phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT	Tách riêng phân công và ủy quyền, viết lại cho phù hợp thực tiễn hoạt động
	1. Chủ tịch HĐQT phân công, <u>ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐQT và</u> từng thành viên HĐQT trực tiếp theo dõi, phụ trách một hoặc một số mặt công tác của HDBank. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các thành viên HĐQT về các mặt công tác được quy định trong các văn bản thuộc từng lĩnh vực hoạt động của HDBank. Trường hợp các nội dung công việc chưa được quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn xử lý, thì thành viên HĐQT được phân công trực tiếp phụ trách có trách nhiệm báo cáo với Chủ tịch HĐQT để thống nhất hướng giải quyết.	1. Chủ tịch HĐQT phân công cho từng thành viên HĐQT trực tiếp theo dõi, phụ trách một hoặc một số mặt công tác của HDBank. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các thành viên HĐQT về các mặt công tác được quy định trong các văn bản thuộc từng lĩnh vực hoạt động của HDBank. Trường hợp các nội dung công việc chưa được quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn xử lý, thì thành viên HĐQT được phân công trực tiếp phụ trách có trách nhiệm báo cáo với Chủ tịch HĐQT để thống nhất hướng giải quyết.	
	2. <u>Các Phó Chủ tịch HĐQT</u> trợ giúp Chủ tịch HĐQT trong việc điều hành các hoạt động của HĐQT. Trong đó, Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT được giao thẩm quyền điều hành và quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của HDBank trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc <u>Chủ tịch HĐQT ủy quyền.</u>	2. <u>Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT và các Phó Chủ tịch HĐQT khác</u> trợ giúp Chủ tịch HĐQT trong việc điều hành các hoạt động của HĐQT theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT. 3. Khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt <u>hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình</u> , Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT được giao thẩm quyền điều hành và quyết định các công việc và vấn đề liên quan đến hoạt động của HDBank trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT <u>theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Quy chế này.</u>	
Công khai các lợi ích có liên quan	Điều 14. Công khai các lợi ích có liên quan	Điều 14. Nghĩa vụ công khai các lợi ích có liên quan của thành viên HĐQT	Nêu cụ thể chi tiết quy định theo nguyên tắc đã thống nhất (không dẫn chiếu đến quy định tại Điều lệ) và bổ sung thêm một số quy định có liên quan tại Điều 49 của Luật Các TCTD 2024, Điều 164 của Luật Doanh nghiệp, Điều 20 Phụ lục III của Thông tư 116/2020/TT-NHNN để đảm bảo HDBank tuân thủ các quy định pháp luật có điều chỉnh HDBank.
	Việc công khai các lợi ích có liên quan của Thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ HDBank.	<u>1. Thành viên HĐQT phải cung cấp, công khai với HDBank các thông tin sau đây:</u> <u>a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;</u> <u>b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);</u> <u>c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;</u> <u>d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</u>	
		<u>2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</u> <u>3. HDBank phải lưu giữ, niêm yết công khai, xem xét, trích lục, sao chép các thông tin về lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 Điều này như sau:</u> <u>a. HDBank phải thông báo thông tin về lợi ích có liên quan của thành viên HĐQT cho ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên;</u> <u>b. Thông tin về lợi ích có liên quan của thành viên HĐQT được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của HDBank; trường hợp cần thiết có thể niêm yết, lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung thông tin nói trên tại các chi nhánh của HDBank;</u> <u>c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;</u>	

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Công khai các lợi ích có liên quan (tiếp theo)		<p><u>d. HDBank phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép thông tin về lợi ích có liên quan của thành viên HĐQT một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai về lợi ích có liên quan của thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều lệ.</u></p> <p><u>4. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho NHNN các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.</u></p> <p><u>5. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của HDBank đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Ngân hàng.</u></p> <p><u>6. Thành viên HĐQT phải bảo đảm việc cung cấp, công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công khai các thông tin đó.</u></p>	
Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và thay thế thành viên HĐQT của HDBank	Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và thay thế thành viên HĐQT của HDBank	Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	Nêu cụ thể chi tiết quy định theo nguyên tắc đã thống nhất (không dẫn chiếu đến quy định tại Điều lệ) và bổ sung thêm một số quy định có liên quan tại khoản 3 Điều 69 của Luật Các TCTD 2024, Điều 155.1(a) của Luật Doanh nghiệp
	1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập: thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều 36 Điều lệ HDBank.	<p><u>1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</u></p> <p><u>a. Không thuộc đối tượng không được là thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này;</u></p> <p><u>b. Có trình độ từ đại học trở lên;</u></p> <p><u>c. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; và</u></p> <p><u>d. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN và trung thực.</u></p> <p><u>2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của HDBank, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc theo quy định pháp luật.</u></p> <p><u>3. Thành viên độc lập của HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</u></p> <p><u>a. Không phải là người đang làm việc cho HDBank hoặc Công ty con của HDBank hoặc đã làm việc cho HDBank hoặc Công ty con của HDBank trong 03 (ba) năm liền kề trước đó;</u></p>	

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và thay thế thành viên HĐQT của HDBank (tiếp theo)		<p><u>b. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của HDBank, trừ các khoản thù lao của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;</u></p> <p><u>c. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của HDBank, là Người quản lý ngân hàng hoặc thành viên Ban Kiểm soát của HDBank hoặc Công ty con của HDBank;</u></p> <p><u>d. Không đại diện sở hữu từ cổ phần của HDBank; không cùng với người có liên quan sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của HDBank; và</u></p> <p><u>e. Không phải là Người quản lý ngân hàng, thành viên Ban Kiểm soát của HDBank tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.</u></p>	<p>Nêu cụ thể chi tiết quy định theo nguyên tắc đã thống nhất (không dẫn chiếu đến quy định tại Điều lệ) và bổ sung thêm một số quy định có liên quan tại khoản 3 Điều 69 của Luật Các TCTD 2024, Điều 155.1(a) của Luật Doanh nghiệp</p>
		<p><u>4. Thành viên độc lập của HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là Thành viên độc lập của HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo đáp trường hợp Thành viên độc lập của HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên độc lập của HĐQT đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Thành viên độc lập của HĐQT có liên quan.</u></p>	<p>Bổ sung để phù hợp với luật, cụ thể Điều 155.3 của Luật Doanh nghiệp, Điều 6.3 Phụ lục III của Thông tư 116/2020/TT-NHNN</p>
Không quy định		<p><u>Điều 16. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT</u></p> <p><u>1. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</u></p> <p><u>a. Người điều hành HDBank, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của HDBank;</u></p> <p><u>b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của HDBank hoặc của công ty mẹ của HDBank hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</u></p> <p><u>c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.</u></p> <p><u>2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của HDBank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</u></p> <p><u>a. Người điều hành HDBank;</u></p> <p><u>b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;</u></p> <p><u>c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.</u></p> <p><u>3. Chủ tịch HĐQT của HDBank không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát của HDBank và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.</u></p>	<p>Bổ sung để phù hợp với khoản 1,2,3 Điều 43 của Luật Các TCTD 2024</p>

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và thay thế thành viên HĐQT của HDBank (tiếp theo)	Không quy định	<u>Điều 17. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT</u>	Bổ sung để phù hợp với Điều 42 của Luật Các TCTD 2024
		<u>1. Những người sau đây không được đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của Ngân hàng:</u>	
		<u>a. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.</u>	
		<u>b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.</u>	
		<u>c. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.</u>	
		<u>d. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích.</u>	
		<u>e. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát Ngân hàng theo yêu cầu nhiệm vụ.</u>	
		<u>f. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng.</u>	
		<u>g. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.</u>	
		<u>h. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ.</u>	
		<u>i. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên khác của HĐQT, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên khác của Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.</u>	
		<u>j. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.</u>	
		<u>k. Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy chế này.</u>	
		<u>l. Trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ của HDBank.</u>	
		<u>2. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc của HDBank và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng.</u>	

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và thay thế thành viên HĐQT của HDBank (tiếp theo)	<u>4. Đình chỉ, tạm đình chỉ thành viên HĐQT: thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ HDBank.</u>	Không quy định	Quy định về đình chỉ, tạm đình chỉ thành viên HĐQT không phải một trong những quy định bắt buộc của Quy chế HĐQT. Đồng thời, Điều lệ HDBank đã quy định về vấn đề đình chỉ, tạm đình chỉ các chức danh quản lý một cách đầy đủ, do đó không cần thiết phải quy định lại trong QC 2024.
	5. Thay thế thành viên HĐQT: thực hiện theo quy định tại Điều 49 Điều lệ HDBank.	<u>3. Trường hợp số thành viên HĐQT ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật và/hoặc quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên HĐQT tối thiểu, trừ trường hợp HDBank được kiểm soát đặc biệt.</u> <u>4. Chủ tịch HĐQT, các Phó Chủ tịch HĐQT được các thành viên HĐQT bầu trong số các thành viên HĐQT, và bị miễn nhiệm và bãi nhiệm theo nguyên tắc biểu quyết thông qua các vấn đề của HĐQT.</u> <u>5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT thì các thành viên còn lại của HĐQT bầu một người trong số họ tạm thay thế và đảm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT trong thời hạn chậm nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện trên.</u> <u>6. HĐQT phải (i) có văn bản báo cáo kèm tài liệu liên quan gửi NHNN trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này và (ii) sau đó, thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm số thành viên HĐQT bị khuyết theo khoản 3 Điều này và quy định của pháp luật.</u> <u>7. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</u>	Nêu cụ thể chi tiết quy định theo nguyên tắc đã thống nhất (không dẫn chiếu đến quy định tại Điều lệ) và bổ sung thêm một số quy định có liên quan tại Điều 50 của Luật Các TCTD 2024, Điều 160.4 Luật Doanh nghiệp, Điều 7.4 và Điều 8.4 Phụ lục III Thông tư 116/2020/TT-NHNN.
Danh sách dự kiến nhân sự và thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	Không quy định	<u>Điều 20. Danh sách dự kiến nhân sự và thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</u> <u>1. HDBank lập 01 (một) bộ hồ sơ bao gồm các tài liệu dưới đây gửi NHNN để đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự:</u> <u>a. Văn bản đề nghị NHNN chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự, trong đó có tối thiểu các nội dung sau:</u> <u>(i) Lý do của việc bầu, bổ nhiệm nhân sự;</u> <u>(ii) Danh sách dự kiến nhân sự, trong đó nêu rõ: họ và tên, chức danh, đơn vị công tác hiện tại; chức danh dự kiến được bầu, bổ nhiệm tại HDBank; tên cá nhân, tổ chức đề cử; tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp mà nhân sự dự kiến làm người đại diện theo ủy quyền của tổ chức đề cử (nếu có);</u> <u>(iii) Cơ cấu, danh sách các thành viên của HĐQT hiện tại và dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm của HDBank, trong đó nêu rõ số lượng thành viên HĐQT, số lượng Thành viên độc lập của HĐQT, thành viên không phải là Người điều hành ngân hàng, số lượng thành viên là Người có liên quan;</u> <u>(iv) Đánh giá về việc nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn tại Điều 15 của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó đánh giá cụ thể việc đáp ứng đối với từng điều kiện; và</u>	Theo yêu cầu của HDBank, bổ sung chi tiết quy định về thủ tục bầu nhân sự dự kiến (Điều 6, 8, và 11 của Thông tư 22/2019/TT-NHNN, Điều 10 Phụ lục III của Thông tư 116/2020/TT-NHNN).

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Danh sách dự kiến nhân sự và thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT (tiếp theo)		<p><u>(v) Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ tại Điều 17 của Quy chế này;</u></p> <p><u>b. Nghị quyết của HĐQT thông qua danh sách dự kiến nhân sự của HDBank, có nêu rõ nhiệm kỳ của thành viên HĐQT;</u></p> <p><u>c. Lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu luật định;</u></p> <p><u>d. Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm được cấp trước thời điểm HDBank nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng;</u></p> <p><u>(i) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;</u></p> <p><u>(ii) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì cổ đông, nhóm cổ đông, HĐQT đề cử nhân sự dự kiến phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này;</u></p> <p><u>e. Bản kê khai Người có liên quan của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu luật định;</u></p> <p><u>f. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó văn bằng của người có quốc tịch Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan;</u></p> <p><u>g. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 15 của Quy chế này.</u></p> <p><u>2. HDBank phải kịp thời thông báo bằng văn bản đến Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng về những thay đổi liên quan đến việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm phát sinh trong quá trình NHNN xem xét hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự hoặc kể từ ngày NHNN có văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự cho đến khi nhân sự được bầu, bổ nhiệm.</u></p> <p><u>3. Trường hợp đã xác định được ứng viên HĐQT và đã được NHNN chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự, HDBank phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của HDBank để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của HDBank nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:</u></p> <p><u>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</u></p> <p><u>b. Trình độ chuyên môn;</u></p> <p><u>c. Quá trình công tác;</u></p>	

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Danh sách dự kiến nhân sự và thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT (tiếp theo)		<div><div><i>d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác); và</i></div><div><i>e. Lợi ích có liên quan tới HDBank và Người có liên quan của HDBank.;</i></div><div><i>HDBank phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).</i></div><div></div><div><i>4. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên khác của HĐQT, HDBank phải có văn bản thông báo gửi đến NHNN về danh sách những người được bầu, bổ nhiệm theo mẫu luật định.</i></div><div></div></div>	
Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐQT	Không quy định	<div><div><i>Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐQT</i></div><div></div><div><i>1. Thường trực HĐQT do HĐQT thành lập để giúp HĐQT giải quyết những công việc thường xuyên trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của HĐQT, cụ thể hóa chủ trương, chính sách của HĐQT bằng các chỉ đạo, quyết định thuộc thẩm quyền.</i></div><div></div><div><i>2. Thường trực HĐQT, có ít nhất 3 (ba) thành viên, gồm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT theo quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ.</i></div><div></div><div><i>3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐQT:</i></div><div><i>a. Đưa ra kiến nghị giúp triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quyết định của HĐQT;</i></div><div><i>b. Thảo luận và đưa ra kiến nghị giúp HĐQT xử lý những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc những vấn đề được HĐQT giao;</i></div><div><i>c. Giúp HĐQT kiểm tra, giám sát Ban Điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, các thông báo chỉ đạo của HDBank và các nhiệm vụ được phân công; giúp HĐQT trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh đã được HĐQT thông qua; và</i></div><div><i>d. Thực hiện các công việc khác theo phân công của HĐQT nhằm để hỗ trợ HĐQT trong việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của HĐQT.</i></div><div></div><div><i>4. Chế độ làm việc của Thường trực HĐQT:</i></div><div><i>a. Thường trực HĐQT hoạt động theo nguyên tắc kết hợp chế độ tập thể với trách nhiệm cá nhân. Ngoài Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT điều hành công việc hàng ngày, các thành viên khác phụ trách theo lĩnh vực được phân công; và</i></div><div><i>b. Thường trực HĐQT họp giữa hai kỳ họp của HĐQT, được tổ chức họp đột xuất tùy theo yêu cầu công việc hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT hoặc Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT/thành viên HĐQT khác (trong trường hợp được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) sẽ chủ trì phiên họp Thường trực HĐQT.</i></div><div></div><div><i>5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐQT do HĐQT quyết định.</i></div><div></div></div>	Bổ sung mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn của HDBank, cụ thể cần có Thường trực HĐQT để giúp việc cho HDBank.

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Các Ủy ban chuyên môn thuộc HĐQT	Điều 30. Các Ủy ban chuyên môn thuộc HĐQT	Điều 22. Các Ủy ban chuyên môn thuộc HĐQT	
	1. Để tăng cường khả năng quản trị, HĐQT quyết định thành lập các Ủy ban chuyên môn giúp việc nhằm giải quyết một cách hiệu quả nhất các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT; trong đó có các Ủy ban là Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự, Ủy ban Công nghệ ngân hàng, <u>Ủy ban Tín dụng và Ủy ban Chiến lược và Đầu tư.</u>	1. Để tăng cường khả năng quản trị, HĐQT quyết định thành lập các Ủy ban chuyên môn nhằm giúp HĐQT giải quyết một cách hiệu quả nhất các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, bao gồm: Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý Rủi ro, <u>Ủy ban Giám sát Tín dụng, Ủy ban Phát triển bền vững</u> và Ủy ban Công nghệ ngân hàng.	Sửa tên "Ủy ban Tín dụng" thành "Ủy ban Giám sát Tín dụng"; "Ủy ban Chiến lược và Đầu tư" thành "Ủy ban Phát triển bền vững" phù hợp với theo nhu cầu thực tiễn.
	Không quy định	<u>3. Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Quản lý Rủi ro phải đảm bảo mỗi ủy ban có ít nhất trên ½ (một phần hai) số thành viên có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ủy ban đó là thành viên không phải Người điều hành ngân hàng.</u>	Bổ sung để phù hợp với luật, cụ thể Điều 9.1(a) của Thông tư 13.
	Không quy định	<u>4. Các Ủy ban chuyên môn có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của HĐQT, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của HĐQT và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước HĐQT.</u>	Bổ sung theo thực tiễn và theo quy định của luật, cụ thể Điều 43.6 của Luật Các TCTD.
	<u>2. Chủ tịch HĐQT ban hành Quyết định thành lập các Ủy ban giúp việc trên cơ sở thống nhất của HĐQT.</u>	5. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban chuyên môn được thực hiện như sau:	Sửa đổi người có thẩm quyền thành lập Ủy ban chuyên môn (cụ thể là HĐQT chứ không phải Chủ tịch HĐQT) để phù hợp với quy định của luật, cụ thể Điều 43.6 Luật Các TCTD, Điều 31.1 Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-NHNN, và Điều 25.1 của Thông tư 40/2011/TT-NHNN.
	3. Cơ cấu của các Ủy ban:	<u>a. HĐQT ra quyết định thành lập các Ủy ban chuyên môn và quyết định thành viên của các Ủy ban chuyên môn.</u>	
	a. Số lượng thành viên của mỗi Ủy ban do HĐQT quyết định tại từng thời điểm, nhưng phải đảm bảo trong mọi trường hợp, mỗi Ủy ban phải có ít nhất ba (03) thành viên.	<u>b. Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý Rủi ro, và các Ủy ban chuyên môn khác phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên, gồm Chủ tịch là thành viên HĐQT và các thành viên khác do HĐQT quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của các quy chế, quy định, quyết định có liên quan do HĐQT ban hành. Một thành viên HĐQT chỉ được làm Chủ tịch của một Ủy ban Nhân sự hoặc Ủy ban Quản lý Rủi ro. Ủy ban Quản lý Rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là Thành viên độc lập của HĐQT.</u>	Sửa đổi theo quy định của luật, cụ thể Điều 25.2 của Thông tư 40/2011/TT-NHNN.
	b. Thành phần nhân sự các Ủy ban chỉ bao gồm các Thành viên HĐQT. Riêng Ủy ban QLRR phải có ít nhất 01 thành viên là thành viên HĐQT độc lập theo quy định của pháp luật.		
	c. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên HĐQT trong Ủy ban làm Chủ tịch Ủy ban.		
	<u>d. Các bên liên quan khác, nhất là các cán bộ quản lý, những người không phải là thành viên của các Ủy ban trực thuộc HĐQT, có thể được mời dự họp để bàn về các vấn đề cụ thể, được quyền nêu ý kiến nhưng không có quyền quyết định đối với các vấn đề được dự bàn.</u>	Không quy định	Bỏ quy định này theo tình hình thực tế.
	Không quy định	<u>c. Các Ủy ban chuyên môn hoạt động trên tinh thần chủ động, sáng tạo, đảm bảo trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực được giao và chịu trách nhiệm trước HĐQT về các nội dung báo cáo, khuyến nghị, kiến nghị của mình.</u>	Bổ sung theo yêu cầu thực tiễn.
	4. Cơ chế hoạt động, làm việc của các Ủy ban: thực hiện theo quy định tại Quyết định thành lập các Ủy ban do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ.	<u>d. HĐQT, khi thành lập các Ủy ban chuyên môn, phải ban hành Quy chế về chức năng, nhiệm vụ và chế độ làm việc của các Ủy ban chuyên môn. Quy chế về chức năng, nhiệm vụ và chế độ làm việc của các Ủy ban chuyên môn tối thiểu gồm các nội dung sau:</u> <u>(i) Chức năng, nhiệm vụ;</u> <u>(ii) Số lượng thành viên của Ủy ban chuyên môn và trách nhiệm của thành viên;</u> <u>(iii) Chế độ làm việc, các kỳ họp định kỳ, họp bất thường của Ủy ban chuyên môn; và</u> <u>(iv) Trình tự đưa ra các báo cáo, văn bản khuyến nghị, kiến nghị của Ủy ban chuyên môn.</u> <u>Ngay sau khi ban hành, HDBank sẽ gửi các Quy chế về chức năng, nhiệm vụ và chế độ làm việc của Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Quản lý Rủi ro tới NHNN để báo cáo.</u>	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định tại Điều 26.1 và 26.2(a) của Thông tư 40 và theo tình hình thực tiễn.

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Các Ủy ban chuyên môn thuộc HĐQT (tiếp theo)		<p><u><i>e. Sau khi được thành lập, Chủ tịch Ủy ban chuyên môn của mỗi Ủy ban chuyên môn triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban chuyên môn phù hợp với Quy chế về chức năng, nhiệm vụ và chế độ làm việc của Ủy ban chuyên môn do HĐQT ban hành.</i></u></p> <p><u><i>f. Các báo cáo, văn bản khuyến nghị, kiến nghị của Ủy ban chuyên môn chỉ có hiệu lực khi đa số các thành viên Ủy ban chuyên môn tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản của Ủy ban chuyên môn, trước khi trình lên HĐQT chấp thuận hoặc phê duyệt.</i></u></p>	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định tại Điều 26.1 và 26.2(a) của Thông tư 40 và theo tình hình thực tiễn.
	Không quy định	<p><u><i>6. Thành viên Ủy ban chuyên môn được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp của Ủy ban chuyên môn trong các trường hợp sau đây:</i></u></p> <p><u><i>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</i></u></p> <p><u><i>b. Ủy quyền cho thành viên khác của Ủy ban tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</i></u></p> <p><u><i>c. Tham dự và biểu quyết thông qua cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; và</i></u></p> <p><u><i>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, hoặc bằng phương tiện khác được quy định tại Quy chế về chức năng, nhiệm vụ và chế độ làm việc của từng Ủy ban chuyên môn (nếu có).</i></u></p>	Bổ sung mới phù hợp với yêu cầu thực tế để tạo cơ chế cho thành viên Ủy ban chuyên môn tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
	<u><i>5. Cơ chế báo cáo của các Ủy ban: Các Ủy ban chuyên môn báo cáo cho HĐQT tối thiểu 01 lần/quý và/hoặc đột xuất khi có phát sinh hồ sơ/vụ việc cần giải quyết sau khi đã có ý kiến đề xuất thống nhất của Ủy ban.</i></u>	Không quy định	Bỏ các quy định này khỏi QC 2024 do các vấn đề này sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế về chức năng, nhiệm vụ và chế độ làm việc của từng Ủy ban chuyên môn.
	<u><i>6. Tiêu chuẩn thành viên các Ủy ban:</i></u>	Không quy định	
	<u><i>Thành viên của các Ủy ban phải có kinh nghiệm, năng lực và chuyên môn trong lĩnh vực mà thành viên đó tham gia trong Ủy ban, cụ thể:</i></u>		
	<u><i>a. Các thành viên trong Ủy ban Nhân sự được xác định phải nắm vững những nguyên tắc cơ bản về đạo đức kinh doanh, quản lý, Luật doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Lao động và các quy định khác có liên quan.</i></u>		
	<u><i>b. Các thành viên trong Ủy ban Tín dụng, Ủy ban Quản lý rủi ro phải nắm vững những nguyên tắc cơ bản về kinh tế, tài chính ngân hàng, Luật doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.</i></u>		
	<u><i>c. Các thành viên của Ủy ban Công nghệ ngân hàng phải có kiến thức, am hiểu về hoạt động Ngân hàng và có kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin.</i></u>		
	<u><i>d. Các thành viên của Ủy ban Chiến lược và Đầu tư phải có kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động tài chính ngân hàng.</i></u>		
	<u><i>7. Nhiệm vụ và quyền hạn của từng thành viên trong các Ủy ban</i></u>	Không quy định	
<u><i>a. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban:</i></u>			
<u><i>i. Chịu trách nhiệm chung trước HĐQT về các công việc của Ủy ban.</i></u>			
<u><i>ii. Có các nhiệm vụ và quyền hạn như Thành viên của Ủy ban quy định tại điểm b khoản này.</i></u>			
<u><i>iii. Tổ chức và vận hành Ủy ban hoạt động phù hợp với yêu cầu hoạt động của HDBank; điều phối nhân lực, phân công nhiệm vụ, theo dõi và đôn đốc các thành viên trong Ủy ban thực hiện nhiệm vụ của mình; thực hiện những biện pháp quản lý cần thiết để đảm bảo rằng Ủy ban hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.</i></u>			

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Các Ủy ban chuyên môn thuộc HĐQT (tiếp theo)	<u>iv. Điều khiển các cuộc họp của Ủy ban để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban.</u>	Không quy định	Bỏ các quy định này khỏi QC 2024 do các vấn đề này sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế về chức năng, nhiệm vụ và chế độ làm việc của từng Ủy ban chuyên môn.
	<u>v. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ủy ban. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, phải có văn bản ủy quyền cho một trong số các thành viên còn lại của Ủy ban triệu tập và chủ trì cuộc họp.</u>		
	<u>vi. Thay mặt các thành viên trong Ủy ban ký các văn bản báo cáo HĐQT và các văn bản liên quan khác.</u>		
	<u>vii. Báo cáo HĐQT về tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến công việc của Ủy ban và báo cáo kết quả công việc thực hiện lên Chủ tịch HĐQT.</u>		
	<u>viii. Gửi cho HĐQT tất cả những hồ sơ, tài liệu mà HĐQT yêu cầu.</u>		
	<u>ix. Tham dự các cuộc họp ĐHCĐ để giải đáp các thắc mắc của cổ đông (nếu có).</u>		
	<u>x. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do HĐQT giao hoặc phân công thực hiện.</u>		
	<u>b. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Ủy ban:</u>		
	<u>i. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của thành viên Ủy ban được Chủ tịch Ủy ban phân công, phân nhiệm.</u>		
	<u>ii. Tùy theo trách nhiệm được phân công, thành viên Ủy ban khi có thông báo mời họp phải nghiên cứu trước tài liệu, hồ sơ và tham gia phát biểu tại các cuộc họp của Ủy ban, cuộc họp HĐQT khi tham gia họp. Mọi thành viên tham gia các cuộc họp nêu trên đều có quyền đưa ra các ý kiến đối với vấn đề cần xem xét và tự chịu trách nhiệm về ý kiến của mình.</u>		
	<u>iii. Thành viên Ủy ban được quyền yêu cầu các Đơn vị, Khối/Trung tâm/Phòng/Ban có liên quan cung cấp các báo cáo, tài liệu, số liệu cần thiết phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Ủy ban giao.</u>		
	<u>iv. Các thành viên Ủy ban có trách nhiệm thực hiện đầy đủ mọi chỉ đạo, phân công của Chủ tịch Ủy ban; thực thi nhiệm vụ trên cơ sở có sự phối hợp, hỗ trợ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời được quyền yêu cầu mọi sự trợ giúp cần thiết khác từ các cấp lãnh đạo, Ban Điều hành, Khối/Trung tâm/Phòng/Ban có liên quan tại Hội sở.</u>		
	<u>v. Các thành viên Ủy ban có trách nhiệm lập các báo cáo liên quan do mình phụ trách và báo cáo Chủ tịch Ủy ban xem xét giải quyết theo đúng thẩm quyền.</u>		
	<u>vi. Các thành viên Ủy ban có trách nhiệm giải trình trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.</u>		
	<u>vii. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do HĐQT, Chủ tịch Ủy ban giao hoặc phân công thực hiện.</u>		
	<u>c. Trách nhiệm của Thư ký Ủy ban:</u>		
	<u>i. Thực hiện lập lịch họp và thủ tục triệu tập cuộc họp Ủy ban theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban.</u>		
	<u>ii. Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ cuộc họp Ủy ban hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Ủy ban;</u>		
	<u>iii. Tiếp nhận, gửi các tài liệu cho các thành viên Ủy ban để dự họp cuộc họp Ủy ban/cho ý kiến bằng văn bản hoặc theo yêu cầu;</u>		
	<u>iv. Ghi chép Biên bản cuộc họp, tổng hợp các ý kiến, quyết định của Ủy ban;</u>		
	<u>v. Đầu mối chuyển hồ sơ trình, báo cáo HĐQT kết quả cuộc họp Ủy ban theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban.</u>		

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
	8. Chức năng, nhiệm vụ của từng Ủy ban	Điều 23. Vai trò, nhiệm vụ chính của từng Ủy ban	
Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Nhân sự	a. Ủy ban Nhân sự:	1. Vai trò và nhiệm vụ chính của Ủy ban Nhân sự:	Sửa đổi theo thực tiễn và theo quy định của luật, cụ thể Điều 26.2(b)(ii) của Thông tư 40/2011/TT-NHNN.
	Không quy định	a. Tham mưu, giúp HĐQT chỉ đạo xây dựng và phê duyệt chiến lược nhân sự và phát triển tổ chức.	
	ii. Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành ngân hàng và cán bộ quản lý cấp cao theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng.	c. Tham mưu cho HĐQT trong việc xem xét, đánh giá và đề xuất việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, công tác quy hoạch cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT và chế độ đãi ngộ đối với đối tượng này đảm bảo phù hợp với định hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.	
	iii. Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với các thành viên HĐQT và người lao động của ngân hàng.	d. Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế/quy định tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với cán bộ, nhân viên của Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ.	
	iv. Đưa ra khuyến nghị để HĐQT phê chuẩn về việc lựa chọn nhân sự đảm nhiệm các vị trí Chủ tịch Ủy ban, thành viên các Ủy ban.	Không quy định	
	v. Soát xét, xác định và khuyến nghị để HĐQT phê chuẩn các chương trình đào tạo phù hợp cho các thành viên HĐQT.		
	vi. Soạn lập các tiêu chí đánh giá và thực hiện đánh giá kết quả công việc hàng năm của HĐQT, các Ủy ban thuộc HĐQT, từng thành viên HĐQT và báo cáo kết quả cho HĐQT.		
	vii. Soát xét các chương trình hoạch định nhân sự kế thừa và quản trị nhân tài và các đối tượng của các chương trình này.		
	viii. Tìm kiếm các cá nhân có đủ năng lực, đề cử cho HĐQT các ứng viên để đảm nhiệm các vị trí mới và/hoặc các vị trí chưa có nhân sự phụ trách.		
	ix. Xây dựng trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử thành viên HĐQT.		
	x. Phụ trách các công tác liên quan đến việc bãi nhiệm, miễn nhiệm, từ nhiệm.... thành viên HĐQT.		
	xi. Định kỳ soát xét và đề xuất HĐQT phê chuẩn chính sách, mức thù lao, thưởng đối với thành viên HĐQT;		
	xii. Soát xét việc công bố thông tin về thù lao và các khoản lợi ích của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành.		
	xiii. Đề xuất cho HĐQT phê chuẩn các kế hoạch khen thưởng ngắn và dài hạn.		
	xiv. Soát xét, đề xuất cho HĐQT phê chuẩn việc áp dụng, sửa đổi các kế hoạch lương thưởng bằng tiền và các hình thức phi tiền tệ khác.		
	xv. Đề xuất để HĐQT phê chuẩn các tiêu chuẩn bổ nhiệm Tổng Giám đốc và đề xuất để HĐQT phê chuẩn về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc và các quản lý cấp cao.		
	xvi. Đánh giá kết quả công việc của Tổng Giám đốc.		
	xvii. Soát xét về lương thưởng và phúc lợi của Tổng Giám đốc.		
	xviii. Định kỳ soát xét kết quả công việc và đề xuất cho HĐQT phê chuẩn lương và các thu nhập khác của Cán bộ quản lý cấp cao. Giám sát việc đánh giá các Cán bộ quản lý cấp cao của Tổng Giám đốc.		
	xix. Soát xét và khuyến nghị để HĐQT phê chuẩn những thay đổi đối với những quy định của Ngân hàng về Quản trị nhằm nâng cao hiệu quả quản trị ngân hàng.		
	xx. Soát xét Điều lệ và đề xuất cho HĐQT phê chuẩn các thay đổi trong Điều lệ (nếu cần thiết).		

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý rủi ro	b. Ủy ban Quản lý rủi ro i. Tham mưu cho HĐQT <u>trong việc xây dựng, trình ban hành và tổ chức thực hiện</u> chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng;	2. Vai trò và nhiệm vụ chính của Ủy ban Quản lý Rủi ro: a. Đề xuất, tham mưu cho HĐQT trong các việc sau: (i) <u>Ban hành các quy chế, quy định, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến</u> chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ; và (ii) <u>Giám sát Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro; xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro</u> theo các yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác	Điều chỉnh nhỏ ở một số câu chữ để phù hợp với Điều 26.2(b)(i) của Thông tư 40/2011/TT-NHNN và phù hợp với thực tiễn.
	ii. Tham mưu cho HĐQT trong việc <u>tổ chức xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo chỉ đạo của HĐQT</u> , theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, của tổ chức kiểm toán độc lập và của các cơ quan chức năng khác.		
Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Giám sát Tín dụng	c. Ủy ban Tín dụng iii. Tham mưu cho HĐQT trong việc giám sát Ban Tổng Giám đốc trong công tác phê duyệt tín dụng đối với các khoản tín dụng do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt cấp cho Khách hàng hoặc Khách hàng và Người có liên quan có giá trị từ 5% vốn điều lệ của HDBank và/hoặc tương đương 500 tỷ đồng trở lên hoặc mức giá trị khác theo quyết định của HĐQT.	3. Vai trò và nhiệm vụ chính của Ủy ban Giám sát Tín dụng: c. Giúp HĐQT trong việc giám sát cấp phê duyệt tín dụng thuộc Ban Điều hành trong công tác phê duyệt tín dụng đối với các khoản tín dụng cấp cho khách hàng hoặc khách hàng và Người có liên quan có giá trị ở mức <u>từ 1% vốn tự có của HDBank trở lên hoặc</u> 5% vốn điều lệ của HDBank trở lên hoặc tương đương 500 tỷ đồng trở lên hoặc giá trị khác theo quy định của HĐQT trong từng thời kỳ.	Bổ sung thêm ngưỡng 1% vốn tự có để phù hợp với quy định của luật, cụ thể Điều 4.1(b) của Thông tư 22/2019/TT-NHNN.
Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Phát triển bền vững	d. Ủy ban Chiến lược và Đầu tư i. Đề xuất tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược trung và dài hạn của Ngân hàng.	4. Vai trò và nhiệm vụ chính của Ủy ban Phát triển bền vững a. Đề xuất tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược trung và dài hạn của Ngân hàng <u>theo hướng phát triển bền vững</u> .	Sửa đổi phù hợp với thực tiễn hoạt động.
	ii. Giám sát việc lập, triển khai và thực thi chiến lược.	b. <u>Giúp HĐQT</u> giám sát việc lập, triển khai và thực thi chiến lược, <u>chính sách đầu tư, mục tiêu và chính sách về quản trị, môi trường và xã hội để HDBank phát triển bền vững</u>	
	iii. Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến chiến lược, định hướng và chính sách đầu tư, Quy chế đầu tư, tiêu chí đầu tư trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng.	c. Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến chiến lược, định hướng và chính sách đầu tư, quy chế/quy định đầu tư, tiêu chí đầu tư trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật, Điều lệ và <u>chính sách về môi trường, xã hội và quản trị HDBank</u>	
	Không quy định	<u>d. Tham mưu cho HĐQT ban hành bộ tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị ngân hàng trong quá trình vận hành của HDBank.</u>	
	iv. Tham mưu và hỗ trợ cho HĐQT liên quan đến việc hợp tác với các đối tác chiến lược, kế hoạch và mục tiêu chiến lược của HDBank trong ngắn hạn và dài hạn.	e. Tham mưu và hỗ trợ cho HĐQT liên quan đến việc hợp tác với các đối tác chiến lược, thực hiện kế hoạch, mục tiêu chiến lược <u>theo định hướng phát triển bền vững của HDBank</u> trong ngắn hạn và dài hạn .	
	v. Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT theo quy định pháp luật có liên quan và/hoặc ban hành các quyết định có liên quan đến hoạt động đầu tư.	f. Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT theo quy định pháp luật có liên quan và/hoặc ban hành các quyết định có liên quan đến hoạt động đầu tư <u>thuộc thẩm quyền của HĐQT</u> .	
	x. Giám sát việc tuân thủ chính sách, quy chế đầu tư của Tổng Giám đốc/Ban Điều hành, báo cáo HĐQT <u>nếu cần thiết</u> .	k. <u>Giúp HĐQT</u> giám sát Tổng Giám đốc/ Ban Điều hành trong việc thực hiện và tuân thủ chính sách, quy chế/quy định đầu tư. <u>bộ tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị HDBank và thực hiện báo cáo cho HĐQT</u> .	
Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Công nghệ ngân hàng	e. Ủy ban Công nghệ ngân hàng: ii. Tham mưu cho HĐQT về mức độ an toàn đối với hoạt động vận hành liên tục hệ thống Công nghệ thông tin của Ngân hàng trước những nguy cơ và rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến hoạt động ngân hàng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn;	5. Vai trò và nhiệm vụ chính của Ủy ban Công nghệ ngân hàng: b. Tham mưu, <u>phân tích và đưa ra các cảnh báo cho HĐQT</u> về mức độ an toàn đối với hoạt động vận hành liên tục hệ thống Công nghệ thông tin của Ngân hàng trước những nguy cơ và rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến hoạt động ngân hàng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.	Sửa đổi phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
	iii. Tham mưu cho HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động của hệ thống Công nghệ thông tin hiện hành;	<u>c. Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy định, chính sách đối với hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin hiện hành của ngân hàng</u> để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy định, chính sách hiện hành và chiến lược hoạt động.	

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Thư ký HĐQT/Thư ký Ngân hàng	<u>Điều 32. Thư ký HĐQT/Thư ký Ngân hàng</u>	Không quy định	Luật các TCTD 2024 không quy định Chức danh Thư ký HĐQT
	<u>Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm thư ký HĐQT/Thư ký ngân hàng. Thư ký HĐQT/Thư ký Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau đây:</u>		
	<u>1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;</u>		
	<u>2. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</u>		
	<u>3. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị ngân hàng;</u>		
	<u>4. Hỗ trợ HDBank trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</u>		
	<u>5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ HDBank và quy định pháp luật có liên quan.</u>		
Người phụ trách quản trị ngân hàng	Không quy định	<u>Điều 25. Người phụ trách quản trị ngân hàng</u>	Bổ sung quy định mới theo quy định của luật, cụ thể Điều 32 Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-NHNN và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
		<u>1. HĐQT quyết định bổ nhiệm Người phụ trách quản trị ngân hàng theo quy định của pháp luật.</u> <u>2. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị ngân hàng thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng.</u>	
Cơ quan giúp việc của HĐQT	Điều 17. Cơ quan giúp việc của HĐQT	Điều 26. Văn phòng HĐQT	Sửa đổi tên Văn phòng Lãnh đạo thành Văn phòng HĐQT theo tình hình thực tế. Tuy nhiên, các cơ quan thuộc HĐQT mà giúp việc cho HĐQT cơ bản vẫn như quy định ở Quy chế 2021.
	1. HĐQT có cơ quan giúp việc chuyên trách là <u>Văn phòng Lãnh đạo (gồm Chánh văn phòng, các Phó Chánh văn phòng, Trợ lý, Thư ký, Chuyên viên và các chức danh khác do cấp có thẩm quyền phê duyệt). Văn phòng Lãnh đạo đồng thời giúp việc cho Tổng Giám đốc và Ban Điều hành.</u>	1. HĐQT có cơ quan giúp việc chuyên trách là <u>Khăn phòng HĐQT (gồm Chánh văn phòng, các Phó Chánh văn phòng, Giám đốc Ban, Phó Giám đốc Ban, Trợ lý, Chuyên viên và các chức danh khác do cấp có thẩm quyền phê duyệt).</u>	Sửa đổi, bổ sung câu chữ để làm rõ Văn phòng HĐQT chỉ là cơ quan giúp việc, hỗ trợ cho HĐQT.
	2. Chức năng giúp việc cho HĐQT do <u>Văn phòng Lãnh đạo</u> chịu trách nhiệm bao gồm:	2. Chức năng giúp việc cho HĐQT do <u>Văn phòng HĐQT</u> chịu trách nhiệm bao gồm:	
	Không quy định	<u>a. Giúp HĐQT tổ chức họp ĐHĐCĐ và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo nghị quyết/quyết định của HĐQT;</u>	
	b. Thông báo việc triệu tập các cuộc họp HĐQT theo đề nghị <u>của Chủ tịch HĐQT hoặc của Ban Kiểm soát.</u>	c. <u>Giúp HĐQT</u> thông báo việc triệu tập các cuộc họp HĐQT theo đề nghị <u>của các chủ thể được quyền đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Quy chế này;</u>	
	c. Chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên HĐQT để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên HĐQT; ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT.	<u>d. Giúp HĐQT</u> chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên HĐQT để phục vụ các cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên HĐQT <u>đối với các vấn đề được nêu ra tại cuộc họp</u> ; hỗ trợ ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, các buổi làm việc, đàm phán của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT;	
	Không quy định	<u>g. Đề xuất và giúp HĐQT triển khai kế hoạch công tác quan hệ nhà đầu tư hàng năm;</u>	
	Không quy định	<u>i. Giúp HĐQT giám sát và đảm bảo việc tuân thủ quy định của các cơ quan quản lý và quy định pháp luật áp dụng đối với công ty đại chúng và tổ chức tín dụng, bao gồm nhưng không giới hạn ở các quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng, tổ chức phát hành chứng khoán, quy định về tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;</u>	
	g. Tham gia chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất và công tác hậu cần phục vụ các cuộc họp và làm việc của ĐHĐCĐ, HĐQT <u>và Chủ tịch HĐQT.</u>	k. Tham gia chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất và công tác hậu cần phục vụ các cuộc họp và làm việc của ĐHĐCĐ, HĐQT <u>và các thành viên HĐQT;</u>	
		Điều 27. Các đơn vị khác thuộc HĐQT:	
	3. HĐQT thành lập thêm cơ quan giúp việc <u>hoặc sắp xếp, tổ chức lại Văn phòng Lãnh đạo phù hợp với tổ chức hoạt động của HĐQT trong từng thời kỳ.</u>	<u>Tùy theo yêu cầu pháp luật hoặc nhu cầu quản trị của HDBank trong từng thời kỳ, HĐQT có thể thành lập các đơn vị giúp việc khác để tham mưu, tư vấn, giúp HĐQT thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Thành phần, chức năng, nhiệm vụ và cơ chế làm việc của các đơn vị này do HĐQT quy định.</u>	

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Cuộc họp HĐQT	Điều 18. Cuộc họp của HĐQT	Điều 28. Cuộc họp của HĐQT	
	2. HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường <u>để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.</u>	2. HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý 1 (một) lần và có thể được triệu tập họp bất thường <u>khi xét thấy cần thiết để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.</u>	Sửa đổi nhỏ về mặt câu chữ.
	3. Chủ tịch HĐQT triệu tập và chủ trì các cuộc họp HĐQT, trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì <u>ủy quyền</u> cho Phó Chủ tịch Thường trực <u>hoặc một trong số Thành viên HĐQT</u> chủ trì cuộc họp.	1. Chủ tịch HĐQT triệu tập và chủ trì các cuộc họp HĐQT, trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì <u>Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT chủ trì cuộc họp theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Quy chế này.</u>	Sửa đổi nhỏ về mặt câu chữ.
	4. Cuộc họp bất thường của HĐQT được tiến hành theo đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn của:	4. Cuộc họp bất thường của HĐQT được tiến hành theo đề nghị của các chủ thể dưới đây bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:	Điều chỉnh, bỏ đối tượng (a) Chủ tịch HĐQT và điều chỉnh đối tượng (f) từ "Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh" thành "Ngân hàng Nhà nước" phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 157.3 Luật Doanh nghiệp; Điều 279.1 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 15, Phụ lục III, Thông tư 116/2020/TT-NHNN
	<u>a. Chủ tịch HĐQT;</u>	Không quy định	
	f. Ngân hàng Nhà nước <u>Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;</u>	e. Ngân hàng Nhà nước	
Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT	Điều 19. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT	Điều 29. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT	
	1. Thông báo họp HĐQT:	1. Thông báo mời họp HĐQT:	
	a. Thông báo họp HĐQT sẽ được Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT gửi đến các thành viên HĐQT chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp bằng giấy mời, điện thoại, fax thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Ngân hàng.	a. Thông báo mời họp HĐQT sẽ được Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT gửi đến các thành viên HĐQT chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác <u>do Điều lệ quy định</u> , nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại HDBank.	Sửa đổi nhỏ về mặt câu chữ.
	b. Thông báo mời họp HĐQT sẽ bao gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, kèm theo các tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp, các phiếu biểu quyết cho những thành viên HĐQT, <u>bao gồm cả phiếu biểu quyết cho thành viên HĐQT không thể dự họp.</u>	b. Thông báo mời họp HĐQT sẽ bao gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, kèm theo các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và các tài liệu cần thiết khác về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp, các phiếu biểu quyết để sử dụng biểu quyết tại cuộc họp.	Sửa đổi về nhỏ mặt câu chữ.
	c. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp hoặc một phần nội dung chương trình họp bằng cách gửi thư điện tử hoặc phương tiện khác đến HĐQT.	c. Thành viên HĐQT có thể từ chối tham dự họp HĐQT hoặc phản đối một phần hoặc toàn bộ nội dung chương trình họp bằng cách gửi thư điện tử hoặc phương tiện khác <u>do Điều lệ quy định</u> đến HĐQT.	Sửa đổi nhỏ về mặt câu chữ.
	d. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT.	d. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Trưởng Ban Kiểm soát <u>và Tổng Giám đốc</u> như đối với các thành viên HĐQT.	QC 2024 quy định chỉ gửi thông báo họp và các tài liệu kèm theo cho Trưởng Ban Kiểm soát và chỉ Trưởng Ban Kiểm soát mới có quyền dự họp, thay vì tất cả cá thành viên BKS để phù hợp với nhu cầu thực tiễn.
	<u>Thành viên Ban Kiểm soát</u> có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	e. <u>Trưởng Ban Kiểm soát</u> có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	
	2. Điều kiện tổ chức cuộc họp HĐQT:	2. Điều kiện tổ chức cuộc họp HĐQT:	
	a. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, nếu vắng mặt phải báo cáo bằng văn bản và có ủy quyền biểu quyết cho một Thành viên HĐQT khác được tham dự và biểu quyết các vấn đề phát sinh tại cuộc họp hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. <u>Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên HĐQT dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.</u>	a. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, nếu vắng mặt phải (i) báo cáo HĐQT bằng văn bản và (ii) gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản về cuộc họp hoặc ủy quyền cho một thành viên HĐQT khác tham dự và biểu quyết.	Theo QC 2024, khi thành viên HĐQT không thể tham gia họp, thành viên đó chỉ được ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự cuộc họp và biểu quyết.
	<u>c. HĐQT mời Tổng Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát dự các phiên họp của HĐQT.</u>	Nêu tại Điều 28.1(d)	Sửa đổi nhỏ về câu chữ
	d. Trong một số trường hợp, HĐQT có thể mời các cán bộ quản lý, chuyên gia khác tham dự toàn bộ hoặc một phần cuộc họp HĐQT.	d. Trong một số trường hợp, HĐQT có thể mời các cán bộ quản lý, chuyên gia khác tham dự toàn bộ hoặc một phần cuộc họp HĐQT. <u>Các cán bộ quản lý, chuyên gia này được phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết tại phiên họp HĐQT. Các ý kiến phát biểu của các cán bộ quản lý, chuyên gia được mời dự họp được ghi đầy đủ vào biên bản của cuộc họp.</u>	Nêu rõ đối tượng cán bộ quản lý, chuyên gia chỉ có quyền tham dự, phát biểu ý kiến mà không được quyền biểu quyết.

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT (tiếp theo)	3. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự, biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:	3. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự, biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:	Sửa đổi theo nhu cầu thực tiễn, QC 2023 chỉ cho phép thành viên HĐQT ủy quyền cho một người khác là thành viên HĐQT tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
	b. Ủy quyền <i>cho người khác</i> đến dự họp, biểu quyết theo quy định tại Điều này;	b. Ủy quyền <i>cho thành viên HĐQT khác</i> đến dự họp, biểu quyết theo điểm a khoản 2 Điều này;	
	4. Công tác chuẩn bị tổ chức cuộc họp của HĐQT:	4. Công tác chuẩn bị tổ chức cuộc họp của HĐQT:	Sửa đổi về mặt câu chữ và sửa đổi, bổ sung theo nhu cầu thực tiễn, cụ thể, QC 2023 sửa đổi (i) tên gọi từ Văn phòng Lãnh đạo sang Văn phòng HĐQT; (ii) thời hạn các bộ phận có nội dung được trình bày trong phiên họp phải gửi hồ sơ, tài liệu về Văn phòng HĐQT (từ 7 ngày làm việc thành 7 ngày); và (iii) thời hạn phải gửi giấy mời và tài liệu họp tới thành viên HĐQT và các đại biểu được mời họp (từ 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc).
	a. <i>Văn phòng Lãnh đạo</i> gửi yêu cầu và đơn đốc các bộ phận có nội dung trình trong phiên họp gửi hồ sơ, tài liệu liên quan. Tài liệu phải được gửi về chậm nhất <i>07 (bảy) ngày làm việc</i> trước ngày phiên họp bắt đầu để <i>Văn phòng Lãnh đạo</i> tổng hợp và trình ra phiên họp.	a. <i>Văn phòng HĐQT</i> gửi yêu cầu và đơn đốc các bộ phận có nội dung được trình bày trong phiên họp gửi hồ sơ, tài liệu liên quan đến Văn phòng HĐQT. Tài liệu phải được gửi về chậm nhất <i>07 (bảy) ngày (trừ trường hợp bất thường sẽ theo yêu cầu thực tế)</i> trước ngày phiên họp bắt đầu để Văn phòng HĐQT tổng hợp và trình ra phiên họp.	
	b. <i>Văn phòng Lãnh đạo</i> chuẩn bị chương trình nghị sự phiên họp, các điều kiện phục vụ phiên họp và trình Chủ tịch HĐQT quyết định chính thức nội dung, chương trình, thời gian họp, thành phần tham dự phiên họp.	b. <i>Văn phòng HĐQT</i> chuẩn bị chương trình nghị sự phiên họp, các điều kiện phục vụ phiên họp và trình Chủ tịch HĐQT quyết định chính thức nội dung, chương trình, thời gian họp, thành phần tham dự phiên họp.	
	c. <i>Văn phòng Lãnh đạo</i> có trách nhiệm gửi giấy mời và tài liệu, hồ sơ của các nội dung cuộc họp đến các thành viên HĐQT và đại biểu được mời họp, ít nhất là <i>05 ngày làm việc</i> trước ngày họp (trừ trường hợp họp bất thường).	c. <i>Văn phòng HĐQT</i> có trách nhiệm gửi thông báo mời họp và tài liệu, hồ sơ của các nội dung được sử dụng trong cuộc họp đến các thành viên HĐQT và đại biểu được mời họp, <i>ít nhất 03 (ba) ngày</i> làm việc trước ngày họp (trừ trường hợp họp bất thường).	
	d. Trường hợp thay đổi ngày họp, <i>Văn phòng Lãnh đạo</i> thông báo cho Thành viên HĐQT và các đại biểu được mời họp ít nhất 01 ngày, trước ngày phiên họp bắt đầu.	d. Trường hợp thay đổi ngày họp, <i>Văn phòng HĐQT</i> thông báo cho thành viên HĐQT và các đại biểu được mời họp ít nhất 01 (một) ngày, trước ngày phiên họp bắt đầu.	
Họp HĐQT bằng hình thức trực tuyến	Điều 20. Họp HĐQT bằng hình thức trực tuyến	Điều 30. Họp HĐQT bằng hình thức trực tuyến	Sửa đổi (i) về mặt câu chữ và cấu trúc điều luật và (ii) quy định về địa điểm cuộc họp (cụ thể chỉ còn địa điểm do chủ tọa cuộc họp quyết định và không còn địa điểm mà có đồng nhất thành viên HĐQT) theo nhu cầu thực tiễn.
	2. Việc thảo luận giữa các thành viên HĐQT có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo hình thức này <i>là địa điểm mà có đồng nhất thành viên HĐQT có mặt hoặc địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</i>	Việc các thành viên HĐQT tham gia cuộc họp bằng hình thức trực tuyến như trên được coi là “tham dự” cuộc họp. 2. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo hình thức này <i>là địa điểm do Chủ tọa cuộc họp quyết định.</i>	
Trình tự phiên họp HĐQT	Điều 21. Trình tự phiên họp HĐQT	Điều 31. Trình tự phiên họp HĐQT	Sửa đổi tên gọi từ Văn phòng lãnh đại thành Văn phòng HĐQT và sửa đổi phù hợp với tình hình thực tế (cụ thể là quy định "các vấn đề do Chủ tọa trình ra phiên họp" thay vì "các vấn đề do Chủ tịch HĐQT trình ra phiên họp" để phù hợp với trường hợp Chủ tịch HĐQT không tham dự phiên họp); bổ sung quy định "Chủ tọa biểu quyết thông qua chương trình phiên họp".
	1. Cán bộ thuộc <i>Văn phòng Lãnh đạo</i> được cử tham dự làm thư ký phiên họp HĐQT báo cáo số thành viên HĐQT có mặt, vắng mặt và đại biểu tham dự; thông báo chương trình phiên họp. 2. Chủ tọa điều khiển phiên họp theo nội dung đã thông qua. Chủ tọa phiên họp trình ra phiên họp các nội dung công việc để HĐQT xem xét, quyết định. Các thành viên HĐQT dự họp báo cáo nội dung công việc được phân công và tham gia thảo luận biểu quyết các vấn đề do <i>Chủ tịch HĐQT trình ra phiên họp.</i>	1. Cán bộ thuộc <i>Văn phòng HĐQT</i> được cử tham dự làm thư ký phiên họp HĐQT báo cáo số thành viên HĐQT có mặt, vắng mặt và đại biểu tham dự. 2. Chủ tọa <i>biểu quyết thông qua chương trình phiên họp và</i> điều khiển phiên họp theo nội dung đã thông qua. Chủ tọa phiên họp trình ra phiên họp các nội dung công việc để HĐQT xem xét, quyết định. Các thành viên HĐQT dự họp báo cáo nội dung công việc được phân công và tham gia thảo luận biểu quyết các vấn đề do <i>Chủ tọa trình ra phiên họp.</i>	
Biểu quyết tại phiên họp HĐQT	Điều 22. Biểu quyết tại phiên họp HĐQT	Điều 32. Biểu quyết tại phiên họp HĐQT	
	1. Mỗi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT. Nếu thành viên HĐQT không thể tham dự cuộc họp thì có thể <i>ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện quyền biểu quyết.</i>	1. Mỗi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp HĐQT sẽ có 1 (một) phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT. Nếu thành viên HĐQT không thể tham dự cuộc họp thì có thể <i>ủy quyền theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 của Quy chế này</i> hoặc có thể gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản tới Chủ tịch HĐQT/Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. <i>Phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì dán kín và</i> được mở trước sự chứng kiến của những người dự họp.	Sửa đổi (i) theo quy định pháp luật tại Điều 157.10 Luật Doanh nghiệp về thời hạn gửi phiếu biểu quyết và (ii) quy định về yêu cầu dán kín và mở phiếu biểu quyết.
	2. Thành viên không dự họp có thể gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản tới Chủ tọa cuộc họp trước giờ khai mạc và được mở trước sự chứng kiến của các thành viên HĐQT dự họp.		

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Biểu quyết tại phiên họp HĐQT (tiếp theo)	4. Tuyên bố quyền lợi và lợi ích liên quan	3. Tuyên bố quyền lợi và lợi ích liên quan	Sửa đổi và bổ sung nhỏ theo thực tiễn, cụ thể đó là bổ sung yêu cầu thành viên HĐQT phải thông báo cho HĐQT ngay lập tức sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan chứ không đợi tới cuộc họp HĐQT đầu tiên sau khi thành viên đó biết được mình đã có quyền lợi liên quan mới thông báo như được quy định tại QC 2021.
	Thành viên HĐQT nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến giao kết với HDBank, phải công bố bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT, tại đây <u>HDQT sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không.</u> Trường hợp nếu sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó <u>phải thông báo tại cuộc họp HDQT đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan</u> để HĐQT có quyết định phù hợp.	Trước khi thực hiện biểu quyết, nếu thành viên HĐQT theo sự hiểu biết của mình, thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận đang dự kiến ký kết hoặc đã được ký kết với HDBank, phải công bố bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT <u>để HDQT xem xét việc có quyền lợi, lợi ích liên quan tại các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không và quyết định về quyền biểu quyết của thành viên đó.</u> Trường hợp nếu sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó <u>phải thông báo cho HDQT ngay lập tức sau khi biết được đã có quyền lợi liên quan và việc này sẽ được thảo luận tại cuộc họp HDQT đầu tiên sau khi HDQT nhận được thông báo về việc có mối liên hệ giữa quyền lợi liên quan của thành viên HDQT với một thỏa thuận hay một hợp đồng mà HDBank là một bên giao kết</u> để HĐQT có quyết định phù hợp.	
	5. Biểu quyết đa số	4. Biểu quyết đa số	
	HDQT thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của <u>đa số thành viên HDQT có mặt (trên 50%), bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và phiếu biểu quyết theo ủy quyền.</u> Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT. <u>Trường hợp Chủ tịch HDQT không biểu quyết/không dự họp và không có ủy quyền thì ý kiến cuối cùng thuộc về ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.</u>	HDQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của <u>quá bán thành viên HDQT dự họp</u> . Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT <u>hoặc Chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch HDQT không tham gia cuộc họp, không ủy quyền biểu quyết hoặc không gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản).</u>	Sửa đổi về mặt câu từ
Biên bản họp HĐQT	Điều 23. Biên bản họp HĐQT	Điều 33. Biên bản họp HĐQT	Bổ sung theo quy định tại Điều 158.2 Luật Doanh nghiệp (Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm cá nhân do việc những người này từ chối ký biên bản họp)
	2. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký, trừ trường hợp chủ tọa hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều lệ HDBank thì biên bản này có hiệu lực. Chủ tọa, thư ký và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung Biên bản họp HĐQT.	2. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký, trừ trường hợp chủ tọa hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp. Trường hợp chủ tọa hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều lệ thì biên bản này có hiệu lực. <u>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa, thư ký chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với HDBank do việc từ chối ký biên bản họp theo quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.</u> Chủ tọa, thư ký và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung Biên bản họp HĐQT.	
Thông qua các Nghị quyết, quyết định HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	Điều 24. Thông qua các Nghị quyết, quyết định HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	Điều 34. Thông qua các Nghị quyết, quyết định HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	Sửa đổi và bổ sung về mặt câu chữ; sửa đổi tên gọi từ Văn phòng Lãnh đạo thành Văn phòng HĐQT và sửa đổi theo nhu cầu thực tiễn vì luật không quy định chi tiết việc thông qua NQ/QĐ của HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
	1. Trong những trường hợp do yêu cầu cấp bách hoặc xét thấy không cần thiết phải tổ chức phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT, hoặc Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT (khi được ủy quyền) sẽ chỉ đạo <u>Văn phòng Lãnh đạo</u> tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản qua các phương tiện gửi bưu điện, thư điện tử, phương tiện điện tử khác,...	1. Trong những trường hợp do yêu cầu cấp bách hoặc xét thấy không cần thiết phải tổ chức phiên họp HĐQT, <u>HDQT quyết định việc tổ chức lấy ý kiến thành viên HDQT bằng văn bản để thông qua nghị quyết/quyết định của HDQT.</u> Theo đó, Chủ tịch HĐQT, hoặc Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT/ <u>thành viên HDQT khác</u> (trong trường hợp được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) sẽ chỉ đạo <u>Văn phòng HĐQT</u> tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản qua các phương tiện gửi bưu điện, thư điện tử, phương tiện điện tử khác <u>do Chủ tịch HĐQT, hoặc Phó Chủ tịch Thường trực HDQT/thành viên HDQT khác (trong trường hợp được Chủ tịch HDQT ủy quyền) quy định.</u>	
	<u>2. Trên cơ sở Tờ trình của Đơn vị chuyên môn đã có ý kiến đề trình của Tổng Giám đốc lên HDQT. Văn phòng Lãnh đạo lập Phiếu lấy ý kiến</u> (trong đó tóm tắt nội dung cần xin ý kiến HĐQT).	<u>2. Trên cơ sở chỉ đạo của Chủ tịch HDQT, Phó Chủ tịch Thường trực HDQT/thành viên HDQT khác (trong trường hợp được Chủ tịch HDQT ủy quyền), và căn cứ theo Tờ trình của Tổng Giám đốc lên HDQT, Văn phòng HDQT lập Phiếu lấy ý kiến</u> (trong đó tóm tắt nội dung cần xin ý kiến HĐQT).	
	4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	
	f. Họ và tên, chữ ký của <u>Chánh/Phó Chánh Văn phòng Lãnh đạo.</u>	f. Họ và tên, chữ ký của <u>Chánh/Phó Chánh Văn phòng HĐQT.</u>	

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Thông qua các Nghị quyết, quyết định HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (tiếp theo)	5. <u>Văn phòng Lãnh đạo</u> thu thập thêm thông tin, tài liệu để phản hồi, giải đáp các yêu cầu, nội dung thắc mắc của Ủy ban chuyên môn (nếu có).	5. <u>Văn phòng HĐQT</u> thu thập thêm thông tin, tài liệu để phản hồi, giải đáp các yêu cầu, nội dung thắc mắc của Ủy ban chuyên môn (nếu có).	Sửa đổi và bổ sung về mặt câu chữ; sửa đổi tên gọi từ Văn phòng Lãnh đạo thành Văn phòng HĐQT và sửa đổi theo nhu cầu thực tiễn vì luật không quy định chi tiết việc thông qua NQ/QĐ của HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
	6. Ý kiến tham mưu của Ủy ban chuyên môn phải được gửi về <u>Văn phòng Lãnh đạo</u> chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu lấy ý kiến và tài liệu đính kèm.	6. Ý kiến tham mưu của Ủy ban chuyên môn phải được gửi về <u>Văn phòng HĐQT</u> chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu lấy ý kiến và tài liệu đính kèm.	
	7. Ngay sau khi có ý kiến tham mưu của Ủy ban chuyên môn, <u>Văn phòng Lãnh đạo</u> thực hiện:	7. Ngay sau khi có ý kiến tham mưu của Ủy ban chuyên môn, <u>Văn phòng HĐQT</u> thực hiện:	
	a. Thông báo cho Đơn vị trình hồ sơ về việc HĐQT <u>không phê duyệt Tờ trình, trong trường hợp Ủy ban chuyên môn không đồng ý với nội dung Tờ trình</u> ; hoặc	a. <u>Thông báo cho Tổng Giám đốc</u> về việc Ủy ban chuyên môn <u>chưa đồng thuận nội dung Tờ trình để Tổng Giám đốc chỉ đạo bổ sung, sửa đổi hoặc giải trình thêm</u> ; hoặc	
	b. Tiếp tục gửi Phiếu lấy ý kiến đề xin ý kiến bằng văn bản của các Thành viên HĐQT qua các phương tiện thư điện tử, hoặc tài liệu trao tay..., trong trường hợp Ủy ban chuyên môn chấp thuận nội dung Tờ trình.	b. Tiếp tục gửi đến các thành viên HĐQT Phiếu lấy ý kiến đề xin ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT qua các phương tiện thư điện tử, hoặc tài liệu trao tay <u>theo quyết định của Chủ tịch HĐQT, hoặc Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT/thành viên HĐQT khác (khi được Chủ tịch HĐQT ủy quyền)</u> , trong trường hợp Ủy ban chuyên môn đồng thuận nội dung Tờ trình.	
	8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Thành viên HĐQT hoặc được gửi từ địa chỉ email của Thành viên HĐQT về Văn phòng Lãnh đạo bằng văn bản, fax, hoặc thư điện tử, hoặc phương thức khác <u>chậm nhất là 03 (ba) ngày, kể từ ngày nhận được tài liệu</u> . Nếu sau thời hạn yêu cầu trả lời, Thành viên nào không trả lời, xem như Thành viên đó đồng thuận với nội dung trình.	8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và được gửi về Văn phòng HĐQT bằng thư bảo đảm, fax, hoặc thư điện tử/email của thành viên HĐQT, hoặc phương thức khác <u>trong thời hạn quy định ghi trong phiếu lấy ý kiến</u> . Nếu sau thời hạn yêu cầu trả lời, thành viên nào không trả lời, xem như thành viên đó đã gửi phiếu biểu quyết tán thành với nội dung trình.	
	9. <u>Văn phòng Lãnh đạo</u> sẽ tổng hợp những ý kiến trả lời của Thành viên HĐQT và lập thành biên bản kiểm phiếu với sự chứng kiến của <u>Chánh Văn phòng Lãnh đạo</u> .	9. <u>Văn phòng HĐQT</u> sẽ tổng hợp những ý kiến trả lời của thành viên HĐQT và lập thành biên bản kiểm phiếu với sự chứng kiến của <u>Chánh Văn phòng HĐQT</u> .	
	a. Số lượng Thành viên HĐQT tham gia biểu quyết đạt tối thiểu ¾ số Thành viên HĐQT (<u>số thành viên HĐQT không tham gia biểu quyết là có lý do bất khả kháng</u>), trường hợp không đạt tỷ lệ này do có số thành viên HĐQT không được quyền biểu quyết thì phải đạt tỷ lệ đủ các thành viên có quyền biểu quyết còn lại tham gia biểu quyết; và	a. Số lượng Thành viên HĐQT gửi lại ý kiến biểu quyết đạt tối thiểu ¾ số thành viên HĐQT, trường hợp không đạt được tỷ lệ này do có số thành viên HĐQT không được quyền biểu quyết thì phải đạt tỷ lệ đủ các thành viên có quyền biểu quyết còn lại gửi lại ý kiến biểu quyết; và	
	13. Nghị quyết/Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT khi:	13. Nghị quyết/Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT khi:	
	b. Đa số Thành viên tham gia biểu quyết tán thành thông qua <u>theo nguyên tắc đa số quy định tại khoản 5 Điều 22 Chương IV của Quy chế này</u> .	b. Đa số Thành viên tán thành <u>theo nguyên tắc tương tự như quy định tại khoản 4 Điều 32 của Quy chế này áp dụng tương ứng phù hợp cho trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản (trong đó, thành viên HĐQT không gửi ý kiến biểu quyết trong thời hạn quy định được xem là tán thành với vấn đề được lấy ý kiến)</u> .	
Nghị quyết/quyết định của HĐQT	Điều 25. Nghị quyết/Quyết định của HĐQT	Điều 35. Nghị quyết/Quyết định của HĐQT	Sửa đổi để phù hợp với quy định Điều 33.2 của QC 2024, người chịu trách nhiệm về Tờ trình là Tổng Giám đốc, không phải là Ban Điều hành.
	2. Trong vòng 12 giờ làm việc kể từ khi hoàn tất cuộc họp hay kiểm phiếu lấy ý kiến, Văn phòng Lãnh đạo có trách nhiệm gửi đến các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các bộ phận có liên quan về những Nghị quyết/Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện.	2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc kết thúc kiểm phiếu, Văn phòng HĐQT có trách nhiệm gửi đến các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các bộ phận có liên quan về các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đã được thông qua để triển khai thực hiện.	
Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT	Điều 16. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên HĐQT	Điều 37. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên HĐQT	Sửa đổi để phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 163.2(b) Luật Doanh nghiệp, Điều 28.5 của Phụ lục I, Điều 19.5 của Phụ lục III, Thông tư 116/2020/TT-NHNN - Bổ sung thêm căn cứ xác định mức thù lao cụ thể cho từng thành viên HĐQT (vị trí công việc) theo nhu cầu thực tiễn.
	1. HĐQT quyết định mức thù lao cho từng thành viên HĐQT theo nguyên tắc nhất trí và trong tổng mức thù lao được duyệt. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.	1. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.	
	2. Thù lao và thưởng của HĐQT được ĐHCĐ phê chuẩn sẽ được phân chia cho các thành viên HĐQT theo nguyên tắc: a. Thù lao của các thành viên HĐQT được xác định trên cơ sở trách nhiệm, phạm vi và mức độ công việc.	2. HĐQT quyết định mức thù lao cho từng thành viên HĐQT <u>theo nguyên tắc nhất trí</u> và trong tổng mức thù lao được duyệt. Mức thù lao cụ thể được xác định dựa trên mức độ trách nhiệm, <u>vị trí</u> , phạm vi và khối lượng công việc của từng thành viên.	

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT	b. Một phần thù lao HĐQT sẽ trang trải cho chi phí dự họp và kết quả đánh giá hoạt động năm.	3. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT sử dụng cho các mục đích sau: a. Trả thù lao cho các thành viên HĐQT. b. Thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí hợp lý khác chi trả cho các thành viên HĐQT trong quá trình thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình. c. Khen thưởng cho các tập thể, cá nhân của các Ủy ban chuyên môn thuộc HĐQT có thành tích xuất sắc trong năm. d. Các chi phí khác cho hoạt động của HĐQT theo quy chế tài chính của ngân hàng.	(i) Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 163.2(b) Luật Doanh nghiệp, Điều 28.5 của Phụ lục I, Điều 19.5 của Phụ lục III, Thông tư 116/2020/TT-NHNN và (ii) bổ sung chi tiết các hạng mục được chi trả trích từ tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT theo nhu cầu thực tiễn.
	3. Thành viên HĐQT được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các Ủy ban giúp việc của HĐQT.	4. <u>Thành viên HĐQT không đồng thời là Người điều hành ngân hàng và thành viên độc lập của HĐQT</u> được hưởng thù lao và tiền thưởng. <u>Thành viên HĐQT chuyên trách</u> được hưởng lương và tiền thưởng theo Quy chế tiền lương của Ngân hàng. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các Ủy ban giúp việc của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, <u>hoa hồng, phần trăm lợi nhuận</u> hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.	-Làm rõ đối tượng được hưởng thù lao và tiền thưởng sẽ gồm (i) thành viên HĐQT không đồng thời là Người điều hành ngân hàng và (ii) thành viên độc lập của HĐQT -Điều chỉnh về câu từ
	Không quy định	<u>6. Thành viên HĐQT có thể được HDBank mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ.</u>	Bổ sung theo quy định tại Điều 19.6, Phụ lục III, Thông tư 116/2020/TT-NHNN.
Phân công, giao nhiệm vụ của HĐQT	Điều 35. Đối với Tổng Giám đốc/Ban Điều hành. 2. HĐQT <u>thực hiện phân cấp, phân quyền</u> , giao nhiệm vụ với phạm vi, nội dung, hạn mức cụ thể cho Tổng Giám đốc để thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động thường xuyên của Ngân hàng. Việc phân cấp, phân quyền, giao nhiệm vụ được lập bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp không được HĐQT phân cấp, giao nhiệm vụ cụ thể thì phạm vi, nội dung, hạn mức tối đa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc trong điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng là mức cao nhất do pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ của Ngân hàng đã quy định.	Điều 38. Phân công, giao nhiệm vụ của HĐQT 1. HĐQT <u>phân công</u> , giao nhiệm vụ có phạm vi, nội dung, hạn mức cụ thể cho Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Việc phân công, giao nhiệm vụ được lập bằng văn bản dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp không được HĐQT phân công, giao nhiệm vụ thì phạm vi, nội dung, hạn mức tối đa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc trong điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng là mức cao nhất do pháp luật, NHNN và Điều lệ quy định. <u>2. Việc phân công, giao nhiệm vụ của HĐQT trong một số trường hợp được thực hiện như sau:</u> <u>a. Quyết định phân công, giao nhiệm vụ về đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định: thực hiện theo quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trong hệ thống HDBank và quy chế tài chính của HDBank do HĐQT ban hành và theo các nghị quyết, quyết định có liên quan của HĐQT;</u> <u>b. Quyết định phân công, giao thực hiện các hợp đồng liên quan tới hoạt động cấp tín dụng, hoạt động huy động vốn được thực hiện theo quy chế tài chính, các quy định có liên quan của HDBank do HĐQT ban hành và các quy định có liên quan của pháp luật;</u> <u>c. Quyết định về công tác cán bộ: thực hiện theo quy chế/quy định quản lý cán bộ, các quy định khác có liên quan của HDBank do HĐQT ban hành; và</u> <u>d. Các nội dung phân công, giao nhiệm vụ khác trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của HĐQT được thực hiện theo các quy định có liên quan của HĐQT.</u> <u>3. HĐQT quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của HDBank và phê duyệt đề Tổng Giám đốc giao kế hoạch kinh doanh hàng năm cho từng đơn vị trong hệ thống.</u>	Bổ sung theo nhu cầu chi tiết hóa quy định pháp luật và để phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Việc phân công này vẫn đảm bảo tuân thủ theo quy định của luật liên quan đến thẩm quyền của HĐQT và Tổng Giám đốc.

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập ĐHĐCĐ	Điều 27. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập ĐHĐCĐ	Điều 40. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập ĐHĐCĐ	
	1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường theo quy định tại Điều 25 Điều lệ HDBank	2. HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:	Nêu cụ thể chi tiết quy định theo nguyên tắc đã thống nhất (không dẫn chiếu đến quy định tại Điều lệ) và theo quy định pháp luật tại Điều 140.1 Luật Doanh nghiệp; Điều 59.1 Luật Các TCTD, và Điều 14.3 Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-NHNN về các trường hợp HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.
		a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;	
		b. Số thành viên Ban Kiểm soát, thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và/hoặc Điều lệ, bao gồm cả trường hợp vi phạm về số Thành viên độc lập của HĐQT, thành viên không phải là Người điều hành ngân hàng tối thiểu theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;	
		c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập họp được quy định tại Điều lệ;	
		d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;	
		e. Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng; hoặc	
		f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	
		HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập của HĐQT hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu họp lệ quy định tại điểm c, điểm d và điểm e khoản 2 Điều này.	
		3. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng.	Bổ sung theo quy định pháp luật tại Điều 140.2 Luật Doanh nghiệp
Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ	Điều 29. Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ	Điều 42. Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ	
	1. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc kết thúc kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT phải thông qua biện pháp triển khai thực hiện các nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ, đồng thời cũng trong thời gian này <u>phải trình Chi nhánh NHNN nơi HDBank đặt trụ sở chính</u> và gửi đến cổ đông các nghị quyết của ĐHĐCĐ <u>hoặc kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông.</u>	1. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc kết thúc việc kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT phải thông qua biện pháp triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ, đồng thời cũng trong thời gian này phải <u>gửi NHNN</u> và gửi đến cổ đông các nghị quyết của ĐHĐCĐ. <u>Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT còn phải gửi đến cổ đông Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</u>	Sửa đổi về mặt câu chữ và bổ sung theo quy định pháp luật tại Điều 149.6 Luật Doanh nghiệp; Điều 22.6, Phụ lục I, Thông tư 116/2020/TT-NHNN; Điều 61 Luật Các TCTD
Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT	Điều 33. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT	Điều 43. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT	Sửa đổi và bổ sung về mặt câu chữ.
	1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.	1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công <u>trên tinh thần trách nhiệm cao nhất, luôn vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.</u>	
Mối quan hệ của HĐQT với Ban Kiểm soát	Điều 34. Đối với Ban Kiểm soát	Điều 44. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	Sửa đổi và bổ sung nhỏ về mặt câu chữ.
	2. Phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi, có cơ chế và biện pháp để Ban Kiểm soát <u>và hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ của Ban Kiểm soát</u> thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó có quyền và nhiệm vụ giám sát của quản lý cấp cao đối với HĐQT.	2. Phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi, có cơ chế và biện pháp để Ban Kiểm soát, <u>Bộ phận kiểm toán nội bộ</u> thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó có quyền và nhiệm vụ giám sát của quản lý cấp cao đối với HĐQT.	

NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Mối quan hệ của HĐQT với Tổng Giám đốc/Ban Điều hành	Điều 35. Đối với Tổng Giám đốc/Ban Điều hành	Điều 45. Đối với Tổng Giám đốc <u>và những Người điều hành ngân hàng khác</u>	Sửa đổi và bổ sung về mặt câu chữ để thống nhất với các quy định xuyên suốt QC 2024
	Không quy định	<u>1. HĐQT bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Tổng Giám đốc và những Người điều hành ngân hàng khác hoàn thành được nhiệm vụ được giao.</u>	
	1. Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết/quyết định để Tổng giám đốc/ <u>Ban điều hành</u> thực hiện, đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết/quyết định này của Tổng giám đốc/ <u>Ban điều hành</u> .	2. Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết/quyết định để Tổng Giám đốc <u>và những Người điều hành ngân hàng khác</u> thực hiện, đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết/quyết định này của Tổng Giám đốc <u>và những Người điều hành ngân hàng khác. Trường hợp có ý kiến khác, Tổng Giám đốc được phép kiến nghị HĐQT xem xét điều chỉnh lại các nghị quyết, quyết định đã ban hành.</u>	
	Không quy định	<u>4. Thực hiện việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt, giám sát theo các quy chế nội bộ của ngân hàng trong các lĩnh vực hoạt động (phê duyệt tín dụng, quản lý nhân sự, chỉ tiêu tài chính, phát triển mạng lưới, công nghệ thông tin....).</u>	
	Không quy định	<u>5. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành kinh doanh của HDBank tại các kỳ họp của HĐQT.</u>	
	4. Các thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp của Ban Điều hành (nếu thấy cần thiết)/theo đề nghị của Tổng Giám đốc) để kịp thời nắm bắt tình hình, <u>xử lý các kiến nghị của Ban Điều hành.</u>	6. Các thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp <u>giao ban định kỳ hoặc đột xuất do Tổng Giám đốc chủ trì (theo phân công của Chủ tịch/Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT hoặc</u> theo đề nghị của Tổng Giám đốc) để kịp thời nắm bắt tình hình; <u>có trách nhiệm chủ động phối hợp và hỗ trợ xử lý các vấn đề có tính chất quan trọng, cấp bách phát sinh trong hoạt động của Ngân hàng.</u>	
	5. Kiểm tra thường xuyên/đột xuất tình hình hoạt động, công tác chỉ đạo của Tổng Giám đốc, <u>Ban Điều hành và các Đơn vị kinh doanh</u> (nếu thấy cần thiết).	7. Kiểm tra thường xuyên/đột xuất tình hình hoạt động, công tác chỉ đạo của Tổng Giám đốc <u>và những Người điều hành ngân hàng khác, của các Đơn vị kinh doanh và các bộ phận chức năng thuộc Ngân hàng</u> (nếu thấy cần thiết).	
	Không quy định	<u>8. Thường trực HĐQT định kỳ hàng tháng tổ chức trao đổi, hội ý với Tổng Giám đốc để phối hợp chỉ đạo, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong công tác điều hành của Tổng Giám đốc.</u>	
	7. HĐQT thực hiện giám sát Tổng Giám đốc trong các công tác, nhiệm vụ sau:	9. HĐQT thực hiện giám sát Tổng Giám đốc <u>và Người điều hành ngân hàng khác</u> trong các công tác, nhiệm vụ sau:	
	d. Phê duyệt các khoản tín dụng có giá trị từ 5% vốn điều lệ của HDBank và/hoặc tương đương 500 tỷ đồng trở lên hoặc mức giá trị khác theo quyết định của HĐQT do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt cấp cho Khách hàng hoặc Khách hàng và Người có liên quan trên cơ sở tham mưu của <u>Ủy ban Tín dụng</u> /Đơn vị chuyên môn.	d. Phê duyệt các khoản tín dụng có giá trị ở mức <u>từ 1% (một phần trăm) vốn tư có của HDBank trở lên</u> hoặc 5% vốn điều lệ của HDBank trở lên hoặc tương đương 500 tỷ đồng trở lên hoặc giá trị khác theo quy định của HĐQT trong từng thời kỳ do cấp phê duyệt tín dụng thuộc Ban Điều hành phê duyệt cấp cho khách hàng hoặc khách hàng và người có liên quan trên cơ sở tham mưu của <u>Ủy ban Giám sát Tín dụng</u> và/hoặc các đơn vị chuyên môn khác; và	
	Không quy định	<u>11. Trường hợp phát hiện rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc và những Người điều hành ngân hàng khác phải báo cáo ngay cho HĐQT biết để chỉ đạo kịp thời.</u>	
	9. Các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, <u>Ban Điều hành</u> cung cấp các thông tin, tài liệu, các báo cáo trong thời gian nhanh nhất.	12. Các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, <u>những Người điều hành ngân hàng khác và các bộ phận chức năng, các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng</u> cung cấp các thông tin, tài liệu, các báo cáo trong thời gian nhanh nhất.	
	10. Đánh giá định kỳ hàng năm kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổng Giám đốc/ <u>Ban Điều hành</u> .	13. Đánh giá định kỳ hàng năm kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổng Giám đốc <u>và những Người điều hành ngân hàng khác.</u>	

NỘI DUNG		QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH ("QC 2021")	QUY ĐỊNH MỚI ("QC 2024")	CƠ SỞ THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH
Mối quan hệ của HĐQT với Tổng Giám đốc/Ban Điều hành (tiếp theo)	Không quy định		14. HĐQT phải thật nghiêm khắc, kịp thời và công minh trong việc chỉ đạo xử lý các sai phạm của cán bộ và nhân viên các cấp thuộc bộ máy điều hành trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT để qua đó duy trì và giữ vững kỷ cương nề nếp trong HDBank, bảo vệ uy tín HDBank trước khách hàng và trước cổ đông.	
	Không quy định		15. Bằng tất cả trách nhiệm, nghĩa vụ, sự bao dung và tính gương mẫu đi đầu trong việc chấp hành pháp luật Nhà nước, Điều lệ, nội quy, quy chế và mọi quy định khác của HDBank, cũng như trong mọi tình huống khó khăn nhất, HĐQT và các thành viên HĐQT phải luôn là trung tâm đoàn kết, là chỗ dựa vững chắc và đáng tin cậy nhất của bộ máy điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên HDBank.	
Trách nhiệm báo cáo của HĐQT đối với ĐHĐCĐ	Điều 36. Trách nhiệm thông tin, báo cáo		Điều 46. Trách nhiệm thông tin, báo cáo	Bổ sung theo quy định tại Điều 18 Phụ lục III của Thông tư 116/2020/TT-NHNN và Điều 175 của Luật Doanh nghiệp.
	Không quy định		1. Trách nhiệm báo cáo của HĐQT đối với ĐHĐCĐ	
		a. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ các báo cáo sau đây:		
		(i) Báo cáo kết quả kinh doanh của HDBank;		
		(ii) Báo cáo tài chính;		
		(iii) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành HDBank; và		
		(iv) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.		
b. Báo cáo quy định tại các mục (i), (ii) và (iii) của điểm (a) khoản này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.				
c. Báo cáo quy định tại các điểm (a) và (b) khoản này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của HDBank chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông sở hữu cổ phần của HDBank liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.				
Điều khoản thi hành	Điều 37. Điều khoản thi hành		Điều 47. Điều khoản thi hành	Bổ sung thời điểm quy chế có hiệu lực thi hành Luật các TCTD 2024 và kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua và HĐQT ban hành. Các văn bản bị thay thế đã được nêu tại Quyết định ban hành QC 2024
	1. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT HDBank ban hành kèm theo Quyết định số 405/2018/QĐ-HĐQT ngày 28/12/2018 và Quyết định sửa đổi, bổ sung số 05/2021/QĐ-HĐQT ngày 11/01/2021 của HĐQT.	1. Quy chế này có hiệu lực thi hành <u>kể từ ngày 01/07/2024</u> sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và HĐQT ban hành.		
	4. Các thành viên HĐQT, <u>Ban điều hành</u> và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.	4. Các thành viên HĐQT, <u>Tổng Giám đốc, những Người điều hành ngân hàng và các đơn vị</u> , cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.	Theo quy định tại Khoản 8, Điều 210 Luật các TCTD 2024	
	Không quy định	Điều 48. Điều khoản chuyển tiếp		
<u>1. Chủ tịch HĐQT và các thành viên khác của HĐQT của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại Điều 15, Điều 16 và Điều 17 Quy chế này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.</u>				
		<u>2. HĐQT của Ngân hàng được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 5 và khoản 2 Điều 15 Quy chế này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ HĐQT.</u>		

Số/2024/QĐ-HĐQT

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP. HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về việc cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/9/2018 hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Nghị quyết số...../2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày...../...../2024 của Đại hội đồng Cổ đông về việc thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)”.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.
- Điều 3.** Quy chế được ban hành theo Quyết định này thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị số 03/2021/QC-ĐHĐCĐ ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/09/2021 và Quyết định sửa đổi, bổ sung số 01/2022/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022.
- Điều 4.** Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Giám đốc/Phó Giám đốc các Khối/Trung tâm, Trưởng Phòng/Ban Hội sở, Trưởng các Đơn vị kinh doanh và các Cán bộ nhân viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- BKS, KTNB (để biết);
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Website HDBank – Nhà đầu tư;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

KIM BYOUNGHO



QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP. HỒ CHÍ MINH

Số công văn/2024/QĐ-HĐQT
Mã hiệu văn bản	08.QC/VP.HĐQT
Lần và ngày ban hành	04 –/...../2024

I. PHẦN KIỂM SOÁT BAN HÀNH

	Họ và tên	Chức vụ	Ngày	Chữ ký
Phụ trách soạn thảo	Lê Thị Khuyên	Phó Chánh VP HĐQT/...../2024	
Kiểm soát nghiệp vụ	Trần Xuân Huy	Chánh VP HĐQT/...../2024	
Kiểm soát tuân thủ Pháp luật	Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng Phòng Pháp chế/...../2024	
Kiểm soát Quản lý rủi ro	Lê Thanh Hải	Giám đốc Khối QLRR/...../2024	
Kiểm soát thể thức, ban hành	Lê Thị Kim Anh	Trưởng Phòng Quản lý Chất lượng/...../2024	
Kiểm soát chung	Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch HĐQT/...../2024	

II. PHẦN THEO DÕI CÁC LẦN BAN HÀNH

Ngày	Tóm tắt nội dung xét sửa đổi/ thêm mới
26/06/2013	Ban hành lần 01
28/12/2018	Ban hành lần 02
16/09/2021	Ban hành lần 03
...../...../2024	Ban hành lần 04, với một số nội dung chính như sau: Sửa đổi toàn bộ nội dung so với ban hành lần 03.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	5
Điều 2. Tài liệu liên quan	5
Điều 3. Giải thích từ ngữ	6
Điều 4. Áp dụng văn bản	7
CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA HĐQT	7
Điều 5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy giúp việc của HĐQT	7
Điều 6. Nhiệm kỳ của HĐQT	8
CHƯƠNG III. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐQT VÀ THÀNH VIÊN HĐQT	8
Điều 7. Chức năng của HĐQT	8
Điều 8. Nguyên tắc làm việc của HĐQT	8
Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT	8
Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch khác... ..	13
Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT	13
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên HĐQT	14
Điều 13. Phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT	15
Điều 14. Nghĩa vụ công khai các lợi ích có liên quan của thành viên HĐQT	16
CHƯƠNG IV. ĐỀ CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT	17
Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	17
Điều 16. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT	18
Điều 17. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT	18
Điều 18. Đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT	19
Điều 19. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT	20
Điều 20. Danh sách dự kiến nhân sự và thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ..	20
CHƯƠNG V. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN CHUYÊN MÔN, BỘ PHẬN GIÚP VIỆC CHO HĐQT	22
Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐQT	22
Điều 22. Các Ủy ban chuyên môn thuộc HĐQT	23
Điều 23. Vai trò, nhiệm vụ chính của từng Ủy ban	24
Điều 24. Trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân có liên quan đến hoạt động của các Ủy ban chuyên môn thuộc HĐQT	26
Điều 25. Người phụ trách quản trị ngân hàng	26
Điều 26. Văn phòng HĐQT	27
Điều 27. Các đơn vị khác thuộc HĐQT	28

CHƯƠNG VI. CUỘC HỌP HĐQT, THỂ THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH HĐQT	28
Điều 28. Cuộc họp của HĐQT	28
Điều 29. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT.....	29
Điều 30. Họp HĐQT bằng hình thức trực tuyến	30
Điều 31. Trình tự phiên họp HĐQT	30
Điều 32. Biểu quyết tại phiên họp HĐQT	30
Điều 33. Biên bản họp HĐQT	31
Điều 34. Thông qua nghị quyết, quyết định HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	32
Điều 35. Nghị quyết/Quyết định của HĐQT	33
CHƯƠNG VII. CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC VÀ QUY ĐỊNH PHÂN CẤP, GIAO NHIỆM VỤ CỦA HĐQT.....	34
Điều 36. Chương trình hoạt động của HĐQT	34
Điều 37. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên HĐQT	34
Điều 38. Phân công, giao nhiệm vụ của HĐQT	35
CHƯƠNG VIII. CỔ ĐÔNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN	36
Điều 39. Quản lý cổ đông, cổ phiếu, cổ phần, cổ tức và vốn điều lệ	36
Điều 40. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập ĐHĐCĐ.....	36
Điều 41. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	36
Điều 42. Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ.....	37
CHƯƠNG IX. MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HĐQT	37
Điều 43. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT	37
Điều 44. Mối quan hệ đối với Ban Kiểm soát	37
Điều 45. Mối quan hệ đối với Tổng Giám đốc và những Người điều hành ngân hàng khác	38
CHƯƠNG X. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO	39
Điều 46. Trách nhiệm thông tin, báo cáo	39
CHƯƠNG XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	40
Điều 47. Điều khoản thi hành.....	40
Điều 48. Điều khoản chuyển tiếp	40

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank” hoặc “Ngân hàng”).
2. Quy chế này áp dụng cho các đối tượng sau:
 - a. Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Điều hành, Ban Kiểm soát; và
 - b. Các đơn vị, cá nhân có liên quan và hỗ trợ, giúp việc cho HĐQT của HDBank.

Điều 2. Tài liệu liên quan

1. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (“**Luật Các tổ chức tín dụng**”).
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (“**Luật Chứng khoán**”).
3. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QĐ15 ngày 11/01/2022 (“**Luật Doanh nghiệp**”).
4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định 155**”).
5. Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về việc cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20/11/2017, Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14/08/2018, Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30/11/2018, Thông tư số 25/2019/TT-NHNN ngày 02/12/2019 và Thông tư số 28/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 (“**Thông tư 40**”).
6. Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 và Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30/08/2019 (“**Thông tư 13**”).
7. Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/09/2018 hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2019/TT-NHNN ngày 21/08/2019 và Thông tư số 13/2020/TT-NHNN ngày 13/11/2020 (“**Thông tư 22**”).
8. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Thông tư 116**”).
9. Điều lệ HDBank.
10. Quy chế nội bộ quản trị ngân hàng hiện hành.
11. Các văn bản pháp luật và văn bản nội bộ khác của HDBank có liên quan.
12. Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) của các văn bản nêu tại Điều này tại từng thời điểm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. **Người quản lý ngân hàng** bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của HĐQT; Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ HDBank (nếu có).
- b. **Người phụ trách quản trị ngân hàng** là người do HĐQT bổ nhiệm để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại ngân hàng, trách nhiệm và quyền hạn của Người phụ trách quản trị ngân hàng được quy định tại Điều 25 của Quy chế này.
- c. **Người điều hành ngân hàng** bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương khác theo quy định Điều lệ (nếu có).
- d. **Thành viên độc lập của HĐQT** là thành viên HĐQT đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện của Thành viên độc lập của HĐQT theo quy định pháp luật, nằm trong danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“**NHNN**”) chấp thuận và được bổ nhiệm hợp lệ bởi Đại hội đồng Cổ đông (“**DHĐCĐ**”) của HDBank theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.
- e. **Cổ đông lớn** là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của HDBank, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
- f. **Người có liên quan** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - i. Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - ii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên thành viên Ban Kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - iii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - iv. Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;
 - v. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại tiết (iv) điểm này với Người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

- vi. Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết (i), (ii), (iii), (iv) và (v) điểm này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau; và
 - vii. Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN thông qua hoạt động thanh tra, giám sát.
 - g. **Ban Điều hành** bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc Khối, Giám đốc Khu vực và/hoặc các thành viên khác do HĐQT quyết định bổ nhiệm. Đứng đầu Ban Điều hành là Tổng Giám đốc.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó. Các thuật ngữ được viết hoa nhưng không được định nghĩa tại Quy chế này có nghĩa như được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng và văn bản có liên quan.

Điều 4. Áp dụng văn bản

- 1. Trường hợp có bất kỳ nội dung nào không được quy định tại Quy chế này, thì các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ sẽ được áp dụng cho các nội dung đó.
- 2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ và quy định của pháp luật dẫn đến Quy chế này khác với Điều lệ và quy định của pháp luật thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ và quy định mới của pháp luật.
- 3. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bất kỳ quy định nào của Quy chế này và quy định tương ứng của Điều lệ thì quy định của Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.

CHƯƠNG II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy giúp việc của HĐQT

- 1. HĐQT của HDBank phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. HĐQT phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành ngân hàng. Chủ tịch HĐQT được HĐQT bầu trong số thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 2. Cơ cấu tổ chức của HĐQT và bộ máy giúp việc cho HĐQT:
 - a. Cơ cấu tổ chức của HĐQT:

HĐQT của HDBank được tổ chức theo cơ cấu sau:

 - i. Chủ tịch HĐQT;
 - ii. Các Phó Chủ tịch HĐQT (bao gồm Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT); và
 - iii. Các thành viên HĐQT.
 - b. Bộ máy giúp việc cho HĐQT:
 - i. Thường trực HĐQT;
 - ii. Các Ủy ban chuyên môn;
 - iii. Văn phòng HĐQT; và
 - iv. Các đơn vị khác thuộc HĐQT được thành lập theo yêu cầu của pháp luật hoặc theo nhu cầu quản trị của HDBank trong từng thời kỳ.

Điều 6. Nhiệm kỳ của HĐQT

Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

CHƯƠNG III

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Chức năng của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT là cơ quan chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước ĐHĐCĐ trong việc quản trị ngân hàng. Chức năng quản trị ngân hàng bao gồm các nhiệm vụ như sau:
 - a. Hoạch định và lãnh đạo bộ máy thực hiện định hướng, các mục tiêu và các chính sách phát triển; xây dựng hành lang các quy định, quy chế để thiết lập kỷ cương nề nếp trong quản lý điều hành HDBank.
 - b. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định và thực hiện các chủ trương, chính sách của HĐQT, của ĐHĐCĐ.
 - c. Tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự và phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng các mục tiêu phát triển của HDBank.

Điều 8. Nguyên tắc làm việc của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, kết hợp sự lãnh đạo, chủ trì của Chủ tịch HĐQT và trách nhiệm của mỗi thành viên HĐQT.
2. Tất cả các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình được phân công và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước ĐHĐCĐ.
3. Thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch HĐQT phân công, phải chịu trách nhiệm cá nhân về những ý kiến nhận xét, đánh giá, phát biểu và tham gia biểu quyết của mình.
4. HĐQT sử dụng con dấu của HDBank để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
5. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT

1. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, gồm:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
 - b. Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - c. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - d. Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;
 - e. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;

- f. Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp HDBank được can thiệp sớm theo quy định tại Điều 143 Luật Các tổ chức tín dụng.
- g. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán; thông qua phương án phân phối lợi nhuận và mức cổ tức được trả sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
- h. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của HDBank;
- i. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, tổ chức lại, giải thể (thanh lý và chỉ định người thanh lý) hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
- j. Phê chuẩn/phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế/quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát;
- k. Quyết định số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- l. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát;
- m. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của HĐQT, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
- n. Quyết định cơ cấu tổ chức, quản lý của Ngân hàng;
- o. Thông qua báo cáo của HĐQT, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thông qua báo cáo quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật có liên quan;
- p. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- q. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- r. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 10 của Quy chế này, trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;
- s. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
- t. Quyết định lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập theo đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; và
- u. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Quản lý Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ và vì lợi ích của Ngân hàng, cổ đông và người gửi tiền;
3. Đảm bảo hoạt động của HDBank tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế, quy định nội bộ của HDBank.
4. Đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến HDBank.
5. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng.
6. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua.
7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
8. Quyết định việc thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp.
9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% đến dưới 20% so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
10. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
11. Phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch ngân sách, kế hoạch xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản, kế hoạch lao động và tiền lương hàng năm.
12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của HDBank.
13. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 10 của Quy chế này có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất phát sinh trong trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc hoặc hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của HDBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
14. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của HDBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
15. Giám sát phê duyệt tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng do cấp phê duyệt tín dụng thuộc Ban Điều hành phê duyệt cấp cho khách hàng hoặc khách hàng và người có liên quan ở mức từ 1% vốn tự có của HDBank trở lên hoặc 5% vốn điều lệ của HDBank trở lên hoặc tương đương 500 tỷ đồng trở lên hoặc giá trị khác theo quy định của HĐQT trong từng thời kỳ.
16. Thông qua các khoản cấp tín dụng cho các đối tượng sau:
 - a. Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại HDBank; người ra quyết định thanh tra, thành viên đoàn thanh tra, người giám sát hoạt động đoàn thanh tra đang thanh tra tại HDBank;
 - b. Kế toán trưởng của HDBank;
 - c. Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập của HDBank;
 - d. Doanh nghiệp có một trong những đối tượng sau, sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó:

- i. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của HDBank, pháp nhân là cổ đông có người đại diện phần vốn góp là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát của HDBank; và
 - ii. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của HDBank.
- e. Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng;
- f. Các công ty con, công ty liên kết của HDBank (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ).
- g. Quyết định cấp tín dụng trong trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa đáp ứng được yêu cầu vay vốn của một khách hàng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về mức cấp tín dụng tối đa vượt quá các giới hạn theo quy định của pháp luật, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
17. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán. Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác, trừ trường hợp huy động vốn thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và Tổng Giám đốc.
18. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại.
19. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của HDBank theo phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
20. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của Ngân hàng, trừ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ.
21. Triển khai, thực hiện việc mua lại cổ phần của HDBank theo Nghị quyết/Quyết định mua lại cổ phần đã được ĐHĐCĐ thông qua.
22. Quyết định mua lại cổ phần của HDBank theo phương án được duyệt.
23. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; Quyết định thủ tục và thời hạn trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong quá trình kinh doanh; Quyết định việc tạm ứng cổ tức căn cứ theo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính gần nhất của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ điều kiện được phép chi trả cổ tức theo quy định pháp luật.
24. Quyết định việc điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong nội bộ Ngân hàng hoặc giữa các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng.
25. Trích lập và sử dụng các Quỹ, chia lợi tức cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ.
26. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của HDBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
27. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm người phụ trách quản trị ngân hàng; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Người điều hành ngân hàng khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của HĐQT. Ký kết, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị ngân hàng và các kỹ năng cần thiết cho thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác.

28. Cử người đại diện vốn góp của HDBank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác. Cử nhân sự tham gia vào các cơ quan quản trị, điều hành, kiểm soát tại các công ty con, công ty liên kết của HDBank.
29. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người điều hành ngân hàng khác trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của HDBank; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
30. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác, bao gồm việc sử dụng tài sản HDBank sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
31. Phối hợp với Ban Kiểm soát, bộ phận Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với HĐQT; thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với HĐQT tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban Kiểm soát về kết quả thực hiện các kiến nghị này.
32. Ban hành quy chế tài chính, các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của HDBank phù hợp với các quy định của pháp luật, của NHNN, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, của Ban Kiểm soát hoặc của ĐHĐCĐ. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng và trình ĐHĐCĐ thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
33. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của HDBank theo quy định của pháp luật.
34. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật.
35. Lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các công ty kiểm toán độc lập được ĐHĐCĐ phê chuẩn để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT theo ủy quyền của ĐHĐCĐ.
36. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu tại Công ty con của Ngân hàng, quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty con của Ngân hàng.
37. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết; quyết định của ĐHĐCĐ.
38. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc của HĐQT.
39. HĐQT thành lập các Ủy ban chuyên môn và/hoặc cơ quan giúp việc thuộc HĐQT để đề xuất, tham mưu, giúp HĐQT thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định pháp luật và Điều lệ HDBank. HĐQT quyết định về việc thành lập, giải thể, quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của các Ủy ban và/hoặc cơ quan giúp việc này.
40. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
41. Giải quyết các khiếu nại của Ngân hàng đối với Người điều hành ngân hàng cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Ngân hàng để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành ngân hàng đó.
42. Quyết định mức bồi thường mà người gây ra tổn thất về tài sản đối với khoản nợ có trách nhiệm phải bồi thường cho HDBank trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh các tổn thất này theo quy định pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Quyết định việc phân cấp thẩm quyền về quyết định mức bồi thường mà người gây ra tổn thất về tài sản khác (ngoài tổn thất về tài sản đối với khoản nợ) có trách nhiệm phải bồi thường cho Ngân hàng theo quy định pháp luật.

43. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng. Phê duyệt và triển khai các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu theo quy định pháp luật và NHNN.
44. Tổ chức công tác theo dõi quản lý cổ đông của Ngân hàng.
45. Quản lý và sử dụng con dấu của HDBank để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của HDBank.
46. Quyết định các vấn đề khác liên quan tới mục đích, quyền lợi, mọi quyền và nghĩa vụ của HDBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật và Điều lệ.
47. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
48. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của HDBank.
49. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền, phân công, phân cấp, giao thực hiện theo Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ.
50. Các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch khác

1. HĐQT thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất phát sinh trong trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc hoặc hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của HDBank ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất giữa HDBank và các đối tượng sau:
 - a. Công ty con, Công ty liên kết của HDBank;
 - b. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý ngân hàng khác và Người có liên quan của họ;
 - c. Cổ đông lớn và Người có liên quan của họ; và
 - d. Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác phải công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quy chế này và Điều lệ.
2. Người đại diện HDBank ký hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT xem xét thông qua hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Trong trường hợp này, thành viên HĐQT có liên quan không có quyền biểu quyết.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;
 - b. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c. Thay mặt HĐQT ký văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;

- d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - e. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - f. Làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - g. Đảm bảo các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét;
 - h. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên HĐQT phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT;
 - i. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công;
 - j. Định kỳ hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban chuyên môn của HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả đánh giá này; và
 - k. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Chủ tịch HĐQT, trong các trường hợp tạm thời vắng mặt hoặc tạm thời không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, sẽ ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của pháp luật. Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền cho các Phó Chủ tịch HĐQT khác thay mặt HĐQT ký các văn bản trong các lĩnh vực được phân công phụ trách. Các văn bản ủy quyền này có thể là văn bản ủy quyền chung được lập và ký trước một lần cho cả nhiệm kỳ hoặc là các văn bản ủy quyền cụ thể cho từng thời hạn nhất định. Trong thời gian văn bản ủy quyền cụ thể có hiệu lực thì không áp dụng văn bản ủy quyền chung đã ký trước đó về cùng một nội dung (nếu có).
- Trường hợp Chủ tịch HĐQT hoàn toàn không còn khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
3. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của HDBank, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên HĐQT

1. Cùng với các thành viên khác của HĐQT thực hiện quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ, các quy chế và quy định nội bộ của HDBank.
2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HĐQT theo đúng quy chế, quy định nội bộ của HĐQT và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của HDBank và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập của HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
3. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
4. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT theo quy định của Điều lệ và pháp luật.
5. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

6. Tham dự các cuộc họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ, trừ trường hợp không được tham gia biểu quyết vì có xung đột lợi ích với thành viên đó, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những quyết định của mình.
7. Thành viên HĐQT không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT để quyết định nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT.
8. Tham gia thực hiện chức năng giám sát phê duyệt tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng do cấp phê duyệt tín dụng thuộc Ban Điều hành phê duyệt cấp cho khách hàng hoặc khách hàng và Người có liên quan ở mức từ 1% vốn tự có của HDBank trở lên hoặc 5% vốn điều lệ của HDBank trở lên hoặc tương đương 500 tỷ đồng trở lên hoặc giá trị khác theo quy định của HĐQT trong từng thời kỳ.
9. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT.
10. Có trách nhiệm giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được (nếu có) từ Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng và các tổ chức khác.
11. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa HDBank, Công ty con, công ty khác do HDBank nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa HDBank với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. Thực hiện báo cáo và công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của HDBank theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
12. Thành viên HĐQT, trong quá trình thực hiện chức năng giám sát, cần chủ động phối hợp và hỗ trợ Tổng Giám đốc, các đơn vị và bộ phận chức năng xử lý các vấn đề có tính chất quan trọng và cấp bách phát sinh trong hoạt động của Ngân hàng, đồng thời có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý ngân hàng khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị, bộ phận chức năng thuộc Ngân hàng.
13. Thành viên HĐQT có trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
14. Thành viên độc lập của HĐQT phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động hàng năm của HĐQT.
15. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 13. Phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT phân công cho từng thành viên HĐQT trực tiếp theo dõi, phụ trách một hoặc một số mặt công tác của HDBank. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các thành viên HĐQT về các mặt công tác được quy định trong các văn bản thuộc từng lĩnh vực hoạt động của HDBank. Trường hợp các nội dung công việc chưa được quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn xử lý, thì thành viên HĐQT được phân công trực tiếp phụ trách có trách nhiệm báo cáo với Chủ tịch HĐQT để thống nhất hướng giải quyết.
2. Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT và các Phó Chủ tịch HĐQT khác trợ giúp Chủ tịch HĐQT trong việc điều hành các hoạt động của HĐQT theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.
3. Khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình, Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT được giao thẩm quyền điều hành và quyết định các công việc và vấn đề liên quan đến hoạt động của HDBank trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Quy chế này.

Điều 14. Nghĩa vụ công khai các lợi ích có liên quan của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải cung cấp, công khai với HDBank các thông tin sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc);
 - c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. HDBank phải lưu giữ, niêm yết công khai, xem xét, trích lục, sao chép các thông tin về lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 Điều này như sau:
 - a. HDBank phải thông báo thông tin về lợi ích có liên quan của thành viên HĐQT cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;
 - b. Thông tin về lợi ích có liên quan của thành viên HĐQT được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của HDBank; trường hợp cần thiết có thể niêm yết, lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung thông tin nói trên tại các chi nhánh của HDBank;
 - c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
 - d. HDBank phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép thông tin về lợi ích có liên quan của thành viên HĐQT một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai về lợi ích có liên quan của thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều lệ.
4. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho NHNN các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.
5. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của HDBank đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Ngân hàng.

6. Thành viên HĐQT phải bảo đảm việc cung cấp, công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công khai các thông tin đó.

CHƯƠNG IV

ĐỀ CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Không thuộc đối tượng không được là thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này;
 - b. Có trình độ từ đại học trở lên;
 - c. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; và
 - d. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN và trung thực.
2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của HDBank, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc theo quy định pháp luật.
3. Thành viên độc lập của HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho HDBank hoặc Công ty con của HDBank hoặc đã làm việc cho HDBank hoặc Công ty con của HDBank trong 03 (ba) năm liền kề trước đó;
 - b. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của HDBank, trừ các khoản thù lao của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của HDBank, là Người quản lý ngân hàng hoặc thành viên Ban Kiểm soát của HDBank hoặc Công ty con của HDBank;
 - d. Không đại diện sở hữu cổ phần của HDBank; không cùng với người có liên quan sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của HDBank; và
 - e. Không phải là Người quản lý ngân hàng, thành viên Ban Kiểm soát của HDBank tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.
4. Thành viên độc lập của HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là Thành viên độc lập của HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp Thành viên độc lập của HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên độc lập của HĐQT đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Thành viên độc lập của HĐQT có liên quan.

Điều 16. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT

1. Thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a. Người điều hành HDBank, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc của HDBank;
 - b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của HDBank hoặc của công ty mẹ của HDBank hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
 - c. Kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
2. Thành viên độc lập của HĐQT HDBank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a. Người điều hành HDBank;
 - b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
 - c. Kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
3. Chủ tịch HĐQT của HDBank không được đồng thời là Người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát của HDBank và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.

Điều 17. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT

1. Những người sau đây không được đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của Ngân hàng:
 - a. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.
 - c. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.
 - d. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích.
 - e. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát Ngân hàng theo yêu cầu nhiệm vụ.
 - f. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng.
 - g. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

- h. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ.
 - i. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên khác của HĐQT, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên khác của Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
 - j. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
 - k. Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy chế này.
 - l. Trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ của HDBank.
2. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc của HDBank và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng.

Điều 18. Đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 17 của Quy chế này;
 - b. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
 - c. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - d. Chết;
 - e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. HDBank bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động; hoặc
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. HĐQT phải (i) có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các nhân sự đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi NHNN trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày xác định được nhân sự đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT, và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này và (ii) sau đó, thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm số thành viên HĐQT bị khuyết theo khoản 3 Điều 19 của Quy chế này và quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 19. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT và được chấp thuận;
 - c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ; hoặc
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - c. Không bảo đảm tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT quy định tại Điều 15 của Quy chế này;
 - d. Khi thành viên độc lập của HĐQT không đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 của Quy chế này;
 - e. Bị các cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai các lợi ích có liên quan và quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT; hoặc
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
3. Trường hợp số thành viên HĐQT ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật và/hoặc quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên HĐQT tối thiểu, trừ trường hợp HDBank được kiểm soát đặc biệt.
4. Chủ tịch HĐQT, các Phó Chủ tịch HĐQT được các thành viên HĐQT bầu trong số các thành viên HĐQT, và bị miễn nhiệm và bãi nhiệm theo nguyên tắc biểu quyết thông qua các vấn đề của HĐQT.
5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT thì các thành viên còn lại của HĐQT bầu một người trong số họ tạm thay thế và đảm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT trong thời hạn chậm nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện trên.
6. HĐQT phải (i) có văn bản báo cáo kèm tài liệu liên quan gửi NHNN trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này và (ii) sau đó, thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm số thành viên HĐQT bị khuyết theo khoản 3 Điều này và quy định của pháp luật.
7. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 20. Danh sách dự kiến nhân sự và thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. HDBank lập 01 (một) bộ hồ sơ bao gồm các tài liệu dưới đây gửi NHNN để đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự:
 - a. Văn bản đề nghị NHNN chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự, trong đó có tối thiểu các nội dung sau:
 - i. Lý do của việc bầu, bổ nhiệm nhân sự;

- ii. Danh sách dự kiến nhân sự, trong đó nêu rõ: họ và tên, chức danh, đơn vị công tác hiện tại; chức danh dự kiến được bầu, bổ nhiệm tại HDBank; tên cá nhân, tổ chức đề cử; tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp mà nhân sự dự kiến làm người đại diện theo ủy quyền của tổ chức đề cử (nếu có);
 - iii. Cơ cấu, danh sách các thành viên của HĐQT hiện tại và dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm của HDBank, trong đó nêu rõ số lượng thành viên HĐQT, số lượng Thành viên độc lập của HĐQT, thành viên không phải là Người điều hành ngân hàng, số lượng thành viên là Người có liên quan;
 - iv. Đánh giá về việc nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn tại Điều 15 của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó đánh giá cụ thể việc đáp ứng đối với từng điều kiện; và
 - v. Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ tại Điều 17 của Quy chế này;
- b. Nghị quyết của HĐQT thông qua danh sách dự kiến nhân sự của HDBank, có nêu rõ nhiệm kỳ của thành viên HĐQT;
 - c. Lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu luật định;
 - d. Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm được cấp trước thời điểm HDBank nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng:
 - i. Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;
 - ii. Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì cổ đông, nhóm cổ đông, HĐQT đề cử nhân sự dự kiến phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này.
 - e. Bản kê khai Người có liên quan của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu luật định;
 - f. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó văn bằng của người có quốc tịch Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - g. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 15 của Quy chế này.

2. HDBank phải kịp thời thông báo bằng văn bản đến Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng về những thay đổi liên quan đến việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm phát sinh trong quá trình NHNN xem xét hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự hoặc kể từ ngày NHNN có văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự cho đến khi nhân sự được bầu, bổ nhiệm.
3. Trường hợp đã xác định được ứng viên HĐQT và đã được NHNN chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự, HDBank phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của HDBank để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của HDBank nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác); và
 - e. Lợi ích có liên quan tới HDBank và Người có liên quan của HDBank.

HDBank phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

4. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên khác của HĐQT, HDBank phải có văn bản thông báo gửi đến NHNN về danh sách những người được bầu, bổ nhiệm theo mẫu luật định.

CHƯƠNG V

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN CHUYÊN MÔN, BỘ PHẬN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐQT

1. Thường trực HĐQT do HĐQT thành lập để giúp HĐQT giải quyết những công việc thường xuyên trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của HĐQT, cụ thể hóa chủ trương, chính sách của HĐQT bằng các chỉ đạo, quyết định thuộc thẩm quyền.
2. Thường trực HĐQT có ít nhất 3 (ba) thành viên, gồm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT theo quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ.
3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐQT:
 - a. Đưa ra kiến nghị giúp triển khai các Nghị quyết của ĐHCĐ và các quyết định của HĐQT;
 - b. Thảo luận và đưa ra kiến nghị giúp HĐQT xử lý những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc những vấn đề được HĐQT giao;

- c. Giúp HĐQT kiểm tra, giám sát Ban Điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, các thông báo chỉ đạo của HĐQT và các nhiệm vụ được phân công; giúp HĐQT trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh đã được HĐQT thông qua; và
 - d. Thực hiện các công việc khác theo phân công của HĐQT nhằm để hỗ trợ HĐQT trong việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của HĐQT.
4. Chế độ làm việc của Thường trực HĐQT:
- a. Thường trực HĐQT hoạt động theo nguyên tắc kết hợp chế độ tập thể với trách nhiệm cá nhân. Ngoài Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT điều hành công việc hàng ngày, các thành viên khác phụ trách theo lĩnh vực được phân công; và
 - b. Thường trực HĐQT họp giữa hai kỳ họp của HĐQT, được tổ chức họp đột xuất tùy theo yêu cầu công việc hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT hoặc Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT/thành viên HĐQT khác (trong trường hợp được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) sẽ chủ trì phiên họp Thường trực HĐQT.
5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐQT do HĐQT quyết định.

Điều 22. Các Ủy ban chuyên môn thuộc HĐQT

- 1. Để tăng cường khả năng quản trị, HĐQT quyết định thành lập các Ủy ban chuyên môn nhằm giúp HĐQT giải quyết một cách hiệu quả nhất các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, bao gồm: Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Giám sát Tín dụng, Ủy ban Phát triển bền vững và Ủy ban Công nghệ ngân hàng.
- 2. Tùy theo nhu cầu công việc, quản trị từng thời kỳ HĐQT có thể quyết định thành lập thêm các Ủy ban chuyên môn khác.
- 3. Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Quản lý Rủi ro phải đảm bảo mỗi ủy ban có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số thành viên có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ủy ban đó là thành viên không phải Người điều hành ngân hàng.
- 4. Các Ủy ban chuyên môn có chức năng chính là tham mưu, tư vấn và giúp việc cho HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp, ủy quyền hoặc phân công của HĐQT trong từng lĩnh vực cụ thể.
- 5. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban chuyên môn được thực hiện như sau:
 - a. HĐQT ra quyết định thành lập các Ủy ban chuyên môn và quyết định thành viên của các Ủy ban chuyên môn.
 - b. Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý Rủi ro, và các Ủy ban chuyên môn khác phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên, gồm Chủ tịch là thành viên HĐQT và các thành viên khác do HĐQT quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của các quy chế, quy định, quyết định có liên quan do HĐQT ban hành. Một thành viên HĐQT chỉ được làm Chủ tịch của một Ủy ban Nhân sự hoặc Ủy ban Quản lý Rủi ro. Ủy ban Quản lý Rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là Thành viên độc lập của HĐQT.
 - c. Các Ủy ban chuyên môn hoạt động trên tinh thần chủ động, sáng tạo, đảm bảo trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực được giao và chịu trách nhiệm trước HĐQT về các nội dung báo cáo, khuyến nghị, kiến nghị của mình.
 - d. HĐQT, khi thành lập các Ủy ban chuyên môn, phải ban hành Quy chế về chức năng, nhiệm vụ và chế độ làm việc của các Ủy ban chuyên môn. Quy chế về chức năng, nhiệm vụ và chế độ làm việc của các Ủy ban chuyên môn tối thiểu gồm các nội dung sau:
 - i. Chức năng, nhiệm vụ;

- ii. Số lượng thành viên của Ủy ban chuyên môn và trách nhiệm của thành viên;
 - iii. Chế độ làm việc, các kỳ họp định kỳ, họp bất thường của Ủy ban chuyên môn; và
 - iv. Trình tự đưa ra các báo cáo, văn bản khuyến nghị, kiến nghị của Ủy ban chuyên môn.
- Ngay sau khi ban hành, HDBank sẽ gửi các Quy chế về chức năng, nhiệm vụ và chế độ làm việc của Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Quản lý Rủi ro tới NHNN để báo cáo.
- e. Sau khi được thành lập, Chủ tịch Ủy ban chuyên môn của mỗi Ủy ban chuyên môn triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban chuyên môn phù hợp với Quy chế về chức năng, nhiệm vụ và chế độ làm việc của Ủy ban chuyên môn do HĐQT ban hành.
 - f. Các báo cáo, văn bản khuyến nghị, kiến nghị của Ủy ban chuyên môn chỉ có hiệu lực khi đa số các thành viên Ủy ban chuyên môn tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản của Ủy ban chuyên môn, trước khi trình lên HĐQT chấp thuận hoặc phê duyệt.
6. Thành viên Ủy ban chuyên môn được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp của Ủy ban chuyên môn trong các trường hợp sau đây:
- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho thành viên khác của Ủy ban tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; và
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, hoặc bằng phương tiện khác được quy định tại Quy chế về chức năng, nhiệm vụ và chế độ làm việc của từng Ủy ban chuyên môn (nếu có).

Điều 23. Vai trò, nhiệm vụ chính của từng Ủy ban

1. Vai trò và nhiệm vụ chính của Ủy ban Nhân sự:

- a. Tham mưu, giúp HĐQT chỉ đạo xây dựng và phê duyệt chiến lược nhân sự và phát triển tổ chức.
- b. Tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT, Người điều hành ngân hàng phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng.
- c. Tham mưu cho HĐQT trong việc xem xét, đánh giá và đề xuất việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, công tác quy hoạch cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT và chế độ đãi ngộ đối với đối tượng này đảm bảo phù hợp với định hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- d. Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế/quy định tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với cán bộ, nhân viên của Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ.
- e. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quyết định của HĐQT, các quy định khác của HDBank và quy định pháp luật có liên quan.

2. Vai trò và nhiệm vụ chính của Ủy ban Quản lý Rủi ro:

- a. Đề xuất, tham mưu cho HĐQT trong các việc sau:
 - i. Ban hành các quy chế, quy định, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ; và

- ii. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro; xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
- b. Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- c. Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy chế, quy định, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy chế, quy định, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.
- d. Tham mưu cho HĐQT về quản lý rủi ro trong việc phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do HĐQT giao.
- e. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quyết định của HĐQT, các quy định khác của HDBank và quy định pháp luật có liên quan.

3. Vai trò và nhiệm vụ chính của Ủy ban Giám sát Tín dụng:

- a. Tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt chính sách tín dụng, kế hoạch phát triển sản phẩm mới, hoạt động trên thị trường mới khi phát sinh nhu cầu.
- b. Tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT theo quy định.
- c. Giúp HĐQT trong việc giám sát cấp phê duyệt tín dụng thuộc Ban Điều hành trong công tác phê duyệt tín dụng đối với các khoản tín dụng cấp cho khách hàng hoặc khách hàng và Người có liên quan có giá trị ở mức từ 1% vốn tự có của HDBank trở lên hoặc 5% vốn điều lệ của HDBank trở lên hoặc tương đương 500 tỷ đồng trở lên hoặc giá trị khác theo quy định của HĐQT trong từng thời kỳ.
- d. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quyết định của HĐQT, các quy định khác của HDBank và quy định pháp luật có liên quan.

4. Vai trò và nhiệm vụ chính của Ủy ban Phát triển bền vững:

- a. Đề xuất tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược trung và dài hạn của Ngân hàng theo hướng phát triển bền vững.
- b. Giúp HĐQT giám sát việc lập, triển khai và thực thi chiến lược, chính sách đầu tư, mục tiêu và chính sách về quản trị, môi trường và xã hội để HDBank phát triển bền vững.
- c. Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến chiến lược, định hướng và chính sách đầu tư, quy chế/quy định đầu tư, tiêu chí đầu tư trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật, Điều lệ và chính sách về môi trường, xã hội và quản trị HDBank
- d. Tham mưu cho HĐQT ban hành bộ tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị ngân hàng trong quá trình vận hành của HDBank.
- e. Tham mưu và hỗ trợ cho HĐQT liên quan đến việc hợp tác với các đối tác chiến lược, thực hiện kế hoạch, mục tiêu chiến lược theo định hướng phát triển bền vững của HDBank trong ngắn hạn và dài hạn.
- f. Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT theo quy định pháp luật có liên quan và/hoặc ban hành các quyết định có liên quan đến hoạt động đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- g. Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định danh mục đầu tư hằng năm, thứ tự ưu tiên, hạn mức đầu tư và tỷ lệ sinh lời kỳ vọng trong danh mục đầu tư.
- h. Đánh giá chiến lược và việc hoạch định chiến lược đối với các hoạt động bao gồm nhưng không giới hạn ở việc soát xét định hướng, phân tích thị trường, lợi thế cạnh tranh, môi trường, nguồn lực.
- i. Đo lường việc thực thi chiến lược dưới các góc độ khác nhau.
- j. Định kỳ báo cáo cho HĐQT về các danh mục đầu tư, hướng xử lý các khoản đầu tư và định hướng chiến lược đầu tư trong kỳ.
- k. Giúp HĐQT giám sát Tổng Giám đốc/ Ban Điều hành trong việc thực hiện và tuân thủ chính sách, quy chế/quy định đầu tư, bộ tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị HDBank và thực hiện báo cáo cho HĐQT.
- l. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quyết định của HĐQT, các quy định khác của HDBank và quy định pháp luật có liên quan.

5. Vai trò và nhiệm vụ chính của Ủy ban Công nghệ ngân hàng:

- a. Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chính sách, chiến lược phát triển Công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến hoạt động an toàn và tin cậy của hệ thống công nghệ thông tin đối với hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
- b. Tham mưu, phân tích và đưa ra các cảnh báo cho HĐQT về mức độ an toàn đối với hoạt động vận hành liên tục hệ thống Công nghệ thông tin của Ngân hàng trước những nguy cơ và rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến hoạt động ngân hàng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- c. Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy định, chính sách đối với hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin hiện hành của ngân hàng để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy định, chính sách hiện hành và chiến lược hoạt động.
- d. Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định phê duyệt ngân sách đầu tư công nghệ thông tin hàng năm, các khoản đầu tư, các xu hướng và giải pháp công nghệ theo chiến lược phát triển công nghệ thông tin của ngân hàng.
- e. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quyết định của HĐQT, các quy định khác của HDBank và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 24. Trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân có liên quan đến hoạt động của các Ủy ban chuyên môn thuộc HĐQT

Tùy thuộc vào chức năng và nhiệm vụ thực hiện của từng Ủy ban chuyên môn mà các đơn vị và cá nhân có liên quan được chỉ định có trách nhiệm cung cấp, giải trình các thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến các hồ sơ/vụ việc cần giải quyết, để phục vụ cho việc tham mưu, đề xuất của từng Ủy ban chuyên môn cho HĐQT.

Điều 25. Người phụ trách quản trị ngân hàng

1. HĐQT quyết định bổ nhiệm Người phụ trách quản trị ngân hàng theo quy định của pháp luật.
2. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị ngân hàng thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng.

Điều 26. Văn phòng HĐQT

1. HĐQT có cơ quan giúp việc chuyên trách là Văn phòng HĐQT (gồm Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng, Giám đốc Ban, Phó Giám đốc Ban, Trợ lý, Chuyên viên và các chức danh khác do cấp có thẩm quyền phê duyệt).
2. Chức năng giúp việc cho HĐQT do Văn phòng HĐQT chịu trách nhiệm bao gồm:
 - a. Giúp HĐQT tổ chức họp ĐHĐCĐ và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo nghị quyết/quyết định của HĐQT;
 - b. Giúp HĐQT xây dựng, theo dõi chương trình hoạt động của HĐQT và lịch công tác của Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT;
 - c. Giúp HĐQT thông báo việc triệu tập các cuộc họp HĐQT theo đề nghị của các chủ thể được quyền đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Quy chế này;
 - d. Giúp HĐQT chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên HĐQT để phục vụ các cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên HĐQT đối với các vấn đề được nêu ra tại cuộc họp; hỗ trợ ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, các buổi làm việc, đàm phán của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT;
 - e. Giúp HĐQT soạn thảo các văn bản, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT; giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo cho HĐQT kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT;
 - f. Giúp HĐQT nghiên cứu, tham mưu, tư vấn và đề xuất trình HĐQT và Chủ tịch HĐQT phương án xử lý các đề nghị, văn bản, tài liệu do Tổng Giám đốc trình cũng như các văn bản của NHNN và các cơ quan, đơn vị khác gửi đến;
 - g. Đề xuất và giúp HĐQT triển khai kế hoạch công tác quan hệ nhà đầu tư hàng năm;
 - h. Giúp HĐQT tổ chức theo dõi, quản lý tình hình cổ đông, cổ phần, cổ phiếu và vốn điều lệ của HDBank; là đầu mối tiếp nhận ý kiến, chất vấn của các cổ đông, đồng thời tổng hợp và tham mưu cho HĐQT các vấn đề liên quan;
 - i. Giúp HĐQT giám sát và đảm bảo việc tuân thủ quy định của các cơ quan quản lý và quy định pháp luật áp dụng đối với công ty đại chúng và tổ chức tín dụng, bao gồm nhưng không giới hạn ở các quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng, tổ chức phát hành chứng khoán, quy định về tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
 - j. Thực hiện công tác văn thư cho HĐQT; bảo quản, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của HĐQT;
 - k. Tham gia chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất và công tác hậu cần phục vụ các cuộc họp và làm việc của ĐHĐCĐ, HĐQT và các thành viên HĐQT;
 - l. Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của HDBank và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm trước HĐQT và Chủ tịch HĐQT về công việc được giao; và
 - m. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do HĐQT và Chủ tịch HĐQT/Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT giao.

Điều 27. Các đơn vị khác thuộc HĐQT

Tùy theo yêu cầu pháp luật hoặc nhu cầu quản trị của HDBank trong từng thời kỳ, HĐQT có thể thành lập các đơn vị giúp việc khác để tham mưu, tư vấn, giúp HĐQT thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Thành phần, chức năng, nhiệm vụ và cơ chế làm việc của các đơn vị này do HĐQT quy định.

CHƯƠNG VI

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THỂ THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Cuộc họp của HĐQT

1. HĐQT mới được bầu phải tổ chức cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó để bầu Chủ tịch và ban hành các quyết định, quy chế, quy định khác thuộc thẩm quyền. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên HĐQT bầu theo nguyên tắc đa số quá bán, chọn 01 (một) người trong số họ để triệu tập họp HĐQT.
2. HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý 1 (một) lần và có thể được triệu tập họp bất thường khi xét thấy cần thiết để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
3. Chủ tịch HĐQT triệu tập và chủ trì các cuộc họp HĐQT, trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT chủ trì cuộc họp theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Quy chế này.
4. Cuộc họp bất thường của HĐQT được tiến hành theo đề nghị của các chủ thể dưới đây bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:
 - a. Thành viên độc lập của HĐQT;
 - b. Ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT;
 - c. Ban Kiểm soát;
 - d. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý ngân hàng khác;
 - e. Ngân hàng Nhà nước; hoặc
 - f. Các trường hợp khác theo Điều lệ.
5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp HĐQT bất thường của một trong những người đề nghị họp HĐQT nêu tại khoản 4 Điều này, Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền phải triệu tập và tiến hành cuộc họp HĐQT bất thường. Trường hợp Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị, thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập được vì lý do bất khả kháng. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp HĐQT, người đề nghị họp HĐQT có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT, các thành viên HĐQT dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp. Công tác chuẩn bị, tổ chức họp và các nội dung khác liên quan đến cuộc họp bất thường được thực hiện như đối với cuộc họp định kỳ.

Điều 29. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. Thông báo mời họp HĐQT:

- a. Thông báo mời họp HĐQT sẽ được Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT gửi đến các thành viên HĐQT chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác do Điều lệ quy định, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại HDBank.
- b. Thông báo mời họp HĐQT sẽ bao gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, kèm theo các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và các tài liệu cần thiết khác về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp, các phiếu biểu quyết để sử dụng biểu quyết tại cuộc họp.
- c. Thành viên HĐQT có thể từ chối tham dự họp HĐQT hoặc phản đối một phần hoặc toàn bộ nội dung chương trình họp bằng cách gửi thư điện tử hoặc phương tiện khác do Điều lệ quy định đến HĐQT.
- d. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Trưởng Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với các thành viên HĐQT.
- e. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

2. Điều kiện tổ chức cuộc họp HĐQT:

- a. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, nếu vắng mặt phải (i) báo cáo HĐQT bằng văn bản và (ii) gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản về cuộc họp hoặc ủy quyền cho một Thành viên HĐQT khác tham dự và biểu quyết.
- b. Cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT dự họp. Trường hợp triệu tập họp HĐQT định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần hai trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên HĐQT dự họp. Sau 02 (hai) lần triệu tập họp HĐQT mà không đủ số thành viên tham dự, thì Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên HĐQT.
- c. Trong một số trường hợp, HĐQT có thể mời các cán bộ quản lý, chuyên gia khác tham dự toàn bộ hoặc một phần cuộc họp HĐQT. Các cán bộ quản lý, chuyên gia này được phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết tại phiên họp HĐQT. Các ý kiến phát biểu của các cán bộ quản lý, chuyên gia được mời dự họp được ghi đầy đủ vào biên bản của cuộc họp.

3. Thành viên HĐQT được coi là tham dự, biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự, biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho thành viên HĐQT khác đến dự họp, biểu quyết theo điểm a khoản 2 Điều này;
- c. Tham dự, biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo tài liệu do Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT gửi;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; hoặc
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo hướng dẫn của người triệu tập họp.

4. Công tác chuẩn bị tổ chức cuộc họp của HĐQT:

- a. Văn phòng HĐQT gửi yêu cầu và đơn đốc các bộ phận có nội dung được trình bày trong phiên họp gửi hồ sơ, tài liệu liên quan đến Văn phòng HĐQT. Tài liệu phải được gửi về chậm nhất 07 (bảy) ngày (trừ trường hợp bất thường sẽ theo yêu cầu thực tế) trước ngày phiên họp bắt đầu để Văn phòng HĐQT tổng hợp và trình ra phiên họp.
- b. Văn phòng HĐQT chuẩn bị chương trình nghị sự phiên họp, các điều kiện phục vụ phiên họp và trình Chủ tịch HĐQT quyết định chính thức nội dung, chương trình, thời gian họp, thành phần tham dự phiên họp.
- c. Văn phòng HĐQT có trách nhiệm gửi thông báo mời họp và tài liệu, hồ sơ của các nội dung được sử dụng trong cuộc họp đến các thành viên HĐQT và đại biểu được mời họp, ít nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp (trừ trường hợp họp bất thường).
- d. Trường hợp thay đổi ngày họp, Văn phòng HĐQT thông báo cho thành viên HĐQT và các đại biểu được mời họp ít nhất 01 (một) ngày, trước ngày phiên họp bắt đầu.

Điều 30. Hợp HĐQT bằng hình thức trực tuyến

1. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến qua điện thoại hoặc/và các phương thức trực tuyến khác giữa các thành viên HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên HĐQT đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham dự phát biểu trong cuộc họp; và
 - b. Phát biểu được các ý kiến của mình thông qua hội nghị trực tuyến.Việc các thành viên HĐQT tham gia cuộc họp bằng hình thức trực tuyến như trên được coi là “tham dự” cuộc họp.
2. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo hình thức này là địa điểm do Chủ tọa cuộc họp quyết định.
3. Các vấn đề được thông qua trong cuộc họp qua trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ có hiệu lực tương tự như các cuộc họp các thành viên trực tiếp cùng có mặt tại một địa điểm.

Điều 31. Trình tự phiên họp HĐQT

1. Cán bộ thuộc Văn phòng HĐQT được cử tham dự làm thư ký phiên họp HĐQT báo cáo số thành viên HĐQT có mặt, vắng mặt và đại biểu tham dự.
2. Chủ tọa biểu quyết thông qua chương trình phiên họp và điều khiển phiên họp theo nội dung đã thông qua. Chủ tọa phiên họp trình ra phiên họp các nội dung công việc để HĐQT xem xét, quyết định. Các thành viên HĐQT dự họp báo cáo nội dung công việc được phân công và tham gia thảo luận biểu quyết các vấn đề do Chủ tọa trình ra phiên họp.
3. HĐQT thảo luận và biểu quyết từng vấn đề.
4. Chủ tọa phiên họp kết luận phiên họp HĐQT.

Điều 32. Biểu quyết tại phiên họp HĐQT

1. Mỗi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp HĐQT sẽ có 1 (một) phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT. Nếu thành viên HĐQT không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 của Quy chế này hoặc có thể gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản tới Chủ tịch HĐQT/Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì dán kín và được mở trước sự chứng kiến của những người dự họp.

2. Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan đến vấn đề được đưa ra biểu quyết không được tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không tính vào số lượng thành viên tham gia biểu quyết, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

3. Tuyên bố quyền lợi và lợi ích liên quan:

Trước khi thực hiện biểu quyết, nếu Thành viên HĐQT theo sự hiểu biết của mình, thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận đang dự kiến ký kết hoặc đã được ký kết với HDBank, phải công bố bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT để HĐQT xem xét việc có quyền lợi, lợi ích liên quan tại các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không và quyết định về quyền biểu quyết của thành viên đó.

Trường hợp nếu sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo cho HĐQT ngay lập tức sau khi biết được đã có quyền lợi liên quan và việc này sẽ được thảo luận tại cuộc họp HĐQT đầu tiên sau khi HĐQT nhận được thông báo về mối liên hệ giữa quyền lợi liên quan của thành viên HĐQT với một thỏa thuận hay một hợp đồng mà HDBank là một bên giao kết để HĐQT có quyết định phù hợp.

4. Biểu quyết đa số:

HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của quá bán thành viên HĐQT dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc Chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không tham gia cuộc họp, không ủy quyền biểu quyết hoặc không gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản).

Điều 33. Biên bản họp HĐQT

1. Thư ký phiên họp sẽ thực hiện ghi biên bản diễn biến cuộc họp HĐQT một cách đầy đủ, chi tiết, rõ ràng. Thư ký có thể ghi âm cuộc họp để đảm bảo tính chính xác nội dung, diễn tiến, kết quả cuộc họp hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
2. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký, trừ trường hợp chủ tọa hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp. Trường hợp chủ tọa hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều lệ thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa, thư ký chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với HDBank do việc từ chối ký biên bản họp theo quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Chủ tọa, thư ký và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung Biên bản họp HĐQT.

3. Biên bản cuộc họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
5. Các nội dung Biên bản họp được quy định tại Điều lệ.

Điều 34. Thông qua nghị quyết, quyết định HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Trong những trường hợp do yêu cầu cấp bách hoặc xét thấy không cần thiết phải tổ chức phiên họp HĐQT, HĐQT quyết định việc tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua nghị quyết/quyết định của HĐQT. Theo đó, Chủ tịch HĐQT, hoặc Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT/thành viên HĐQT khác (trong trường hợp được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) sẽ chỉ đạo Văn phòng HĐQT tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản qua các phương tiện gửi bưu điện, thư điện tử, phương tiện điện tử khác do Chủ tịch HĐQT, hoặc Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT/thành viên HĐQT khác (trong trường hợp được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) quy định.
2. Trên cơ sở chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT/thành viên HĐQT khác (trong trường hợp được Chủ tịch HĐQT ủy quyền), và căn cứ theo Tờ trình của Tổng Giám đốc lên HĐQT, Văn phòng HĐQT lập Phiếu lấy ý kiến (trong đó tóm tắt nội dung cần xin ý kiến HĐQT).
3. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo liên quan đến nội dung cần lấy ý kiến phải được Văn phòng HĐQT gửi trước đến các Ủy ban chuyên môn giúp việc của HĐQT để có ý kiến tham mưu.
4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Mục đích lấy ý kiến;
 - b. Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT;
 - c. Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - d. Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - e. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Văn phòng HĐQT; và
 - f. Họ và tên, chữ ký của Chánh/Phó Chánh Văn phòng HĐQT.
5. Văn phòng HĐQT thu thập thêm thông tin, tài liệu để phản hồi, giải đáp các yêu cầu, nội dung thắc mắc của Ủy ban chuyên môn (nếu có).
6. Ý kiến tham mưu của Ủy ban chuyên môn phải được gửi về Văn phòng HĐQT chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu lấy ý kiến và tài liệu đính kèm.
7. Ngay sau khi có ý kiến tham mưu của Ủy ban chuyên môn, Văn phòng HĐQT thực hiện:
 - a. Thông báo cho Tổng Giám đốc về việc Ủy ban chuyên môn chưa đồng thuận nội dung Tờ trình để Tổng Giám đốc chỉ đạo bổ sung, sửa đổi hoặc giải trình thêm; hoặc
 - b. Tiếp tục gửi đến các thành viên HĐQT Phiếu lấy ý kiến để xin ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT qua các phương tiện thư điện tử, hoặc tài liệu trao tay theo quyết định của Chủ tịch HĐQT, hoặc Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT/thành viên HĐQT khác (khi được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) trong trường hợp Ủy ban chuyên môn đồng thuận nội dung Tờ trình.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và được gửi về Văn phòng HĐQT bằng thư bảo đảm, fax, hoặc thư điện tử của thành viên HĐQT, hoặc phương thức khác trong thời hạn quy định ghi trong phiếu lấy ý kiến. Nếu sau thời hạn yêu cầu trả lời, thành viên nào không trả lời, xem như thành viên đó đã gửi phiếu biểu quyết tán thành với nội dung trình.
9. Văn phòng HĐQT sẽ tổng hợp những ý kiến trả lời của thành viên HĐQT và lập thành biên bản kiểm phiếu với sự chứng kiến của Chánh Văn phòng HĐQT.

10. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - b. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết;
 - c. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến; và
 - d. Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người chứng kiến.
11. Người phụ trách kiểm phiếu và người chứng kiến kiểm phiếu trong việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
12. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
13. Nghị quyết/Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT khi:
 - a. Số lượng Thành viên HĐQT gửi lại ý kiến biểu quyết đạt tối thiểu $\frac{3}{4}$ số thành viên HĐQT, trường hợp không đạt được tỷ lệ này do có số thành viên HĐQT không được quyền biểu quyết thì phải đạt tỷ lệ đủ các thành viên có quyền biểu quyết còn lại gửi lại ý kiến biểu quyết; và
 - b. Đa số Thành viên HĐQT tán thành theo nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 32 của Quy chế này áp dụng tương ứng phù hợp cho trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản (trong đó, thành viên HĐQT không gửi ý kiến biểu quyết trong thời hạn quy định được xem là tán thành với vấn đề được lấy ý kiến).
14. Để kịp thời giải quyết trong một số trường hợp cấp bách thuộc thẩm quyền của HĐQT, các thành viên HĐQT có thể ghi ý kiến trực tiếp, phản hồi trực tiếp ý kiến của mình đối với từng nội dung trình của Tổng Giám đốc để Văn phòng HĐQT tổng hợp.

Điều 35. Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

1. Căn cứ vào biên bản cuộc họp HĐQT hoặc Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.
2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc kết thúc kiểm phiếu, Văn phòng HĐQT có trách nhiệm gửi đến các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các bộ phận có liên quan về các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đã được thông qua để triển khai thực hiện.
3. Căn cứ vào Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể thực hiện trích sao Nghị quyết/Quyết định thể hiện một hoặc một số nội dung riêng lẻ có nội dung đúng theo Nghị quyết/Quyết định gốc. Văn bản trích Nghị quyết/Quyết định có giá trị pháp lý như những Nghị quyết/Quyết định thông thường.
4. Các nội dung Nghị quyết/Quyết định thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC VÀ QUY ĐỊNH PHÂN CẤP, GIAO NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Chương trình hoạt động của HĐQT

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm xây dựng chương trình hoạt động của HĐQT.

1. Chương trình hoạt động của HĐQT được xây dựng theo kế hoạch hàng năm, trên cơ sở Nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo các kỳ họp HĐQT và yêu cầu công tác của HDBank.
2. Chương trình hoạt động của HĐQT thể hiện (i) tổng quát các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu của HĐQT trên tất cả các lĩnh vực công tác; (ii) nội dung các phiên họp thường kỳ của HĐQT và danh mục các báo cáo, đề án, dự thảo văn bản và những vấn đề cần trình HĐQT trong năm.
3. HĐQT thảo luận và giải quyết những nội dung công việc có trong chương trình hoạt động của HĐQT và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
4. Căn cứ vào Nghị quyết, chương trình hoạt động của HĐQT và nhiệm vụ cụ thể được phân công, mỗi thành viên HĐQT phải có kế hoạch và biện pháp thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
5. Xây dựng Chương trình hoạt động của HĐQT:
 - a. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hàng năm, HĐQT xem xét phê duyệt kế hoạch công tác, danh mục những đề án, dự thảo văn bản HĐQT sẽ phê duyệt trong năm tới (do Văn phòng HĐQT tổng hợp đệ trình).
 - b. Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày HĐQT thông qua chương trình hoạt động năm, Văn phòng HĐQT trình Chủ tịch HĐQT/Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT ký ban hành văn bản về chương trình hoạt động của HĐQT và gửi các thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Trưởng các đơn vị/bộ phận có liên quan biết, thực hiện.
 - c. Việc điều chỉnh chương trình hoạt động của HĐQT do Chủ tịch HĐQT/Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT quyết định.
6. Văn phòng HĐQT có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc đôn đốc các cá nhân/bộ phận chuyên môn thực hiện các chỉ đạo trong chương trình hoạt động của HĐQT. Khi có sự điều chỉnh chương trình hoạt động, Văn phòng HĐQT phải thông báo kịp thời cho các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cá nhân/bộ phận có liên quan được biết.
7. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình hoạt động:
 - a. Định kỳ hàng năm, Chủ tịch HĐQT tổ chức, đánh giá việc thực hiện các công việc thực hiện trong chương trình hoạt động; báo cáo với HĐQT kết quả thực hiện các công việc thực hiện, nêu rõ các tồn đọng, hướng xử lý tiếp theo.
 - b. Thành viên HĐQT tự kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện công việc thuộc phần công tác của mình được giao.
 - c. Qua việc đánh giá kết quả thực hiện, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc có thể đề nghị điều chỉnh, bổ sung công việc cho chương trình hoạt động trong thời gian tới.

Điều 37. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên HĐQT

1. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

2. HĐQT quyết định mức thù lao cho từng thành viên HĐQT theo nguyên tắc nhất trí và trong tổng mức thù lao được duyệt. Mức thù lao cụ thể được xác định dựa trên mức độ trách nhiệm, vị trí, phạm vi và khối lượng công việc của từng thành viên HĐQT.
3. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT sử dụng cho các mục đích sau:
 - a. Trả thù lao cho các thành viên HĐQT;
 - b. Thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí hợp lý khác chi trả cho các thành viên HĐQT trong quá trình thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình;
 - c. Khen thưởng cho các tập thể, cá nhân của các Ủy ban chuyên môn thuộc HĐQT có thành tích xuất sắc trong năm; và
 - d. Các chi phí khác cho hoạt động của HĐQT theo quy chế tài chính của ngân hàng.
4. Thành viên HĐQT không đồng thời là Người điều hành ngân hàng và thành viên độc lập của HĐQT được hưởng thù lao và tiền thưởng. Thành viên HĐQT có kiêm nhiệm Người điều hành ngân hàng được hưởng lương và tiền thưởng theo Quy chế tiền lương của Ngân hàng. Thành viên HĐQT làm việc tại các Ủy ban chuyên môn của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, phụ cấp công việc hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
5. Thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.
6. Thành viên HĐQT có thể được HDBank mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ.

Điều 38. Phân công, giao nhiệm vụ của HĐQT

1. HĐQT phân công, giao nhiệm vụ có phạm vi, nội dung, hạn mức cụ thể cho Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng hoặc tổ chức thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT. Việc phân công, giao nhiệm vụ được lập bằng văn bản dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp không được HĐQT phân công, giao nhiệm vụ thì phạm vi, nội dung, hạn mức tối đa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc trong điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng là mức cao nhất do pháp luật, NHNN và Điều lệ quy định.
2. Việc phân công, giao nhiệm vụ của HĐQT trong một số trường hợp được thực hiện như sau:
 - a. Quyết định phân công, giao nhiệm vụ về đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định: thực hiện theo quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trong hệ thống HDBank và quy chế tài chính của HDBank do HĐQT ban hành và theo các nghị quyết, quyết định có liên quan của HĐQT;
 - b. Quyết định phân công, giao thực hiện các hợp đồng liên quan tới hoạt động cấp tín dụng, hoạt động huy động vốn được thực hiện theo quy chế tài chính, các quy định có liên quan của HDBank do HĐQT ban hành và các quy định có liên quan của pháp luật;
 - c. Quyết định về công tác cán bộ: thực hiện theo quy chế/quy định quản lý cán bộ, các quy định khác có liên quan của HDBank do HĐQT ban hành; và
 - d. Các nội dung phân công, giao nhiệm vụ khác trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của HĐQT được thực hiện theo các quy định có liên quan của HĐQT.

3. HĐQT quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của HDBank và phê duyệt đề Tổng Giám đốc giao kế hoạch kinh doanh hàng năm cho từng đơn vị trong hệ thống.

CHƯƠNG VIII

CỔ ĐÔNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN

Điều 39. Quản lý cổ đông, cổ phiếu, cổ phần, cổ tức và vốn điều lệ

HĐQT thực hiện nhiệm vụ theo dõi quản lý cổ đông, cổ phiếu, cổ phần, cổ tức, vốn điều lệ của HDBank theo đúng quy định của NHNN, Điều lệ và theo quy định pháp luật, kể cả quá trình chuyển nhượng vốn cổ phần.

Điều 40. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập ĐHĐCĐ

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường theo quy định pháp luật và Điều lệ.
2. HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;
 - b. Số thành viên Ban Kiểm soát, thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và/hoặc Điều lệ, bao gồm cả trường hợp vi phạm về số Thành viên độc lập của HĐQT, thành viên không phải là Người điều hành ngân hàng tối thiểu theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập họp được quy định tại Điều lệ;
 - d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - e. Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng; hoặc
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập của HĐQT hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu họp lệ quy định tại điểm c, điểm d và điểm e khoản 2 Điều này.

3. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên khác của HĐQT phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng.
4. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phải đồng thời được thực hiện theo các quy định sau:
 - a. HĐQT phải thông qua chương trình, tài liệu họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày dự định khai mạc ĐHĐCĐ thường niên hoặc ĐHĐCĐ bất thường theo đề nghị của HĐQT;
 - b. Trường hợp ĐHĐCĐ bất thường do các nơi khác đề nghị triệu tập thì nơi nào đề nghị nơi ấy phải chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu gửi đến HĐQT chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày dự định khai mạc ĐHĐCĐ bất thường; và
 - c. Chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được HĐQT gửi hoặc công bố cho tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc phiên họp.

Điều 41. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ.

Điều 42. Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

1. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc kết thúc việc kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT phải thông qua biện pháp triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ, đồng thời cũng trong thời gian này phải gửi NHNN và gửi đến cổ đông các nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT còn phải gửi đến cổ đông Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. HĐQT có trách nhiệm phổ biến quán triệt, theo dõi chỉ đạo, giám sát và kiểm tra quá trình triển khai thực hiện nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
3. HĐQT có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ trong phiên họp ĐHĐCĐ gần nhất, đồng thời phải lắng nghe ý kiến cổ đông đóng góp và chất vấn của ĐHĐCĐ (nếu có).

CHƯƠNG IX

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 43. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công trên tinh thần trách nhiệm cao nhất, luôn vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu công việc đó có liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan cho thành viên tiếp quản. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo lại cho Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 44. Mối quan hệ đối với Ban Kiểm soát

1. Tiếp nhận kế hoạch hoạt động và các Báo cáo của Ban Kiểm soát, có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát thực hiện các công tác kiểm tra, kiểm toán theo các chuyên đề, nội dung mà HĐQT xét thấy cần thiết.
2. Phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi, có cơ chế và biện pháp để Ban Kiểm soát, Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó có quyền và nhiệm vụ giám sát của quản lý cấp cao đối với HĐQT.
3. Thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với HĐQT tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban Kiểm soát về kết quả thực hiện (các) kiến nghị.
4. Chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HDBank, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT cũng như việc triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định ĐHĐCĐ của HĐQT trên thực tế.
5. Chỉ đạo cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin cần thiết để Ban Kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Điều 45. Mối quan hệ đối với Tổng Giám đốc và những Người điều hành ngân hàng khác

1. HĐQT bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Tổng Giám đốc và những Người điều hành ngân hàng khác hoàn thành được nhiệm vụ được giao.
2. Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết/quyết định để Tổng Giám đốc và những Người điều hành ngân hàng khác thực hiện, đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết/quyết định này của Tổng Giám đốc và những Người điều hành ngân hàng khác. Trường hợp có ý kiến khác, Tổng Giám đốc được phép kiến nghị HĐQT xem xét điều chỉnh lại các nghị quyết, quyết định đã ban hành.
3. Chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc trong việc xây dựng một mô hình tổ chức bộ máy tinh gọn, bố trí cán bộ điều hành các cấp một cách hợp lý, có biện pháp theo dõi, giám sát, chỉ đạo và kiểm tra thật khoa học, có quy chế/quy định đánh giá cán bộ sau từng kỳ và trong từng lĩnh vực công tác, đồng thời có chính sách tiền lương, tiền thưởng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm nhân sự một cách rõ ràng, minh bạch.
4. Thực hiện việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt, giám sát theo các quy chế nội bộ của ngân hàng trong các lĩnh vực hoạt động (phê duyệt tín dụng, quản lý nhân sự, chi tiêu tài chính, phát triển mạng lưới, công nghệ thông tin....)
5. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành kinh doanh của HDBank tại các kỳ họp của HĐQT.
6. Các thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ hoặc đột xuất do Tổng Giám đốc chủ trì (theo phân công của Chủ tịch/Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT hoặc theo đề nghị của Tổng Giám đốc) để kịp thời nắm bắt tình hình; có trách nhiệm chủ động phối hợp và hỗ trợ xử lý các vấn đề có tính chất quan trọng, cấp bách phát sinh trong hoạt động của Ngân hàng.
7. Kiểm tra thường xuyên/đột xuất tình hình hoạt động, công tác chỉ đạo của Tổng Giám đốc và những Người điều hành ngân hàng khác, của các Đơn vị kinh doanh và các bộ phận chức năng thuộc Ngân hàng (nếu thấy cần thiết).
8. Thường trực HĐQT định kỳ hàng tháng tổ chức trao đổi, hội ý với Tổng Giám đốc để phối hợp chỉ đạo, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong công tác điều hành của Tổng Giám đốc.
9. HĐQT thực hiện giám sát Tổng Giám đốc và Người điều hành ngân hàng khác trong các công tác, nhiệm vụ sau:
 - a. Kiểm soát nội bộ;
 - b. Quản lý rủi ro (trên cơ sở đề xuất, tham mưu của Ủy ban Quản lý Rủi ro);
 - c. Đánh giá nội bộ về mức đủ vốn;
 - d. Phê duyệt các khoản tín dụng có giá trị ở mức từ 1% vốn tự có của HDBank trở lên hoặc 5% vốn điều lệ của HDBank trở lên hoặc tương đương 500 tỷ đồng trở lên hoặc giá trị khác theo quy định của HĐQT trong từng thời kỳ do cấp phê duyệt tín dụng thuộc Ban Điều hành phê duyệt cấp cho khách hàng hoặc khách hàng và người có liên quan trên cơ sở tham mưu của Ủy ban Giám sát Tín dụng và/hoặc các đơn vị chuyên môn khác; và
 - e. Các công tác, nhiệm vụ khác được HĐQT phân công thực hiện.
10. Giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Tổng Giám đốc.

11. Trường hợp phát hiện rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc và những Người điều hành ngân hàng khác phải báo cáo ngay cho HĐQT biết để chỉ đạo kịp thời.
12. Các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, những Người điều hành ngân hàng khác và các bộ phận chức năng, các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu, các báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
13. Đánh giá định kỳ hàng năm kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổng Giám đốc và những Người điều hành ngân hàng khác.
14. HĐQT phải thật nghiêm khắc, kịp thời và công minh trong việc chỉ đạo xử lý các sai phạm của cán bộ và nhân viên các cấp thuộc bộ máy điều hành trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT để qua đó duy trì và giữ vững kỷ cương nề nếp trong HDBank, bảo vệ uy tín HDBank trước khách hàng và trước cổ đông.
15. Bằng tất cả trách nhiệm, nghĩa vụ, sự bao dung và tính gương mẫu đi đầu trong việc chấp hành pháp luật Nhà nước, Điều lệ, nội quy, quy chế và mọi quy định khác của HDBank, cũng như trong mọi tình huống khó khăn nhất, HĐQT và các thành viên HĐQT phải luôn là trung tâm đoàn kết, là chỗ dựa vững chắc và đáng tin cậy nhất của bộ máy điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên HDBank.

CHƯƠNG X

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

Điều 46. Trách nhiệm thông tin, báo cáo

1. Trách nhiệm báo cáo của HĐQT đối với ĐHĐCĐ:
 - a. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ các báo cáo sau đây:
 - i. Báo cáo kết quả kinh doanh của HDBank;
 - ii. Báo cáo tài chính;
 - iii. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành HDBank; và
 - iv. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
 - b. Báo cáo quy định tại các mục (i), (ii) và (iii) của điểm (a) khoản này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
 - c. Báo cáo quy định tại các điểm (a) và (b) khoản này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của HDBank chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông sở hữu cổ phần của HDBank liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.
2. Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT
 - a. Chỉ đạo công tác báo cáo, công bố thông tin của HDBank theo quy định của pháp luật, của NHNN, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
 - b. Báo cáo chuyên đề, đột xuất theo quy định của các cơ quan pháp luật, đồng thời gửi các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
3. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với việc thực hiện báo cáo, thông tin của HĐQT
 - a. Định kỳ có báo cáo, công bố thông tin của HDBank theo quy định của pháp luật, của NHNN, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

- b. Xây dựng hệ thống thông tin nội bộ, để giúp HĐQT nắm được tình hình, công việc chủ yếu diễn ra hằng ngày trong toàn hệ thống HDBank.
- c. Thực hiện gửi HĐQT các báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của HĐQT.

CHƯƠNG XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2024 sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và HĐQT ban hành.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT ban hành sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.
3. Những nội dung khác về tổ chức và hoạt động của HĐQT, nếu chưa đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của HDBank. Trong trường hợp có thay đổi về quy định pháp luật dẫn đến các nội dung tại Quy chế này không còn phù hợp thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm thay đổi.
4. Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, những Người điều hành ngân hàng và các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 48. Điều khoản chuyển tiếp

1. Chủ tịch HĐQT và các thành viên khác của HĐQT của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại Điều 15, Điều 16 và Điều 17 Quy chế này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
2. HĐQT của Ngân hàng được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 5 và khoản 2 Điều 15 Quy chế này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- BKS, KTNB (để biết);
- Như Khoản 4 Điều 47 (để thực hiện);
- Lưu VP. HĐQT.

KIM BYOUNGHO

PHỤ LỤC 05

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRỌNG YẾU TRONG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Căn cứ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng 32/2024/QH15; Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14; Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Thông tư 116/2020/TT-BTC và tình hình thực tế tại HDBank)

A. Các nội dung sửa đổi (nội dung in nghiêng, gạch chân là các nội dung thay đổi, điều chỉnh)

STT	Điều khoản sửa đổi	Quy định hiện hành	Quy định mới	Cơ sở pháp lý
1	Điều 3.5. Giải thích từ ngữ	Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại.	Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; <u>công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại</u> ; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; <u>tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại</u> ; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; <u>các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau</u> ; người quản lý, <u>kiểm soát viên</u> , thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại.	

STT	Điều khoản sửa đổi	Quy định hiện hành	Quy định mới	Cơ sở pháp lý
2	Điều 3.5. Giải thích từ ngữ	Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;	Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, <u>kiểm soát viên</u> , thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại	Điều 4.24 Luật Các tổ chức tín dụng.
3	Điều 3.5. Giải thích từ ngữ	Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này.	Cá nhân với vợ, chồng, cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); <u>ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột</u> ;	
4	Điều 5.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	Ban kiểm soát có ít nhất 03(ba) thành viên, trong đó phải có ít nhất 1/2 tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại HDBank hoặc doanh nghiệp khác.	Ban kiểm soát có ít nhất <u>05 (năm)</u> thành viên, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát thường trú tại Việt Nam.	Điều 51.1 Luật Các tổ chức tín dụng.

STT	Điều khoản sửa đổi	Quy định hiện hành	Quy định mới	Cơ sở pháp lý
5	Điều 8.1. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát.	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của HDBank</u> có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát.	Điều 61.10 Luật Các tổ chức tín dụng.
6	Điều 11.1. Đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát	Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức (mà người đó là đại diện vốn góp) chấm dứt.	Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của HDBank <i>khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại.</i>	Điều 45.1 Luật Các tổ chức tín dụng.
7	Điều 12.5. Thay thế thành viên Ban kiểm soát	Trường hợp bị giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên Ban kiểm soát trên tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Quy chế này thì trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.	Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định khoản 1 Điều 5 Quy chế này thì trong thời hạn <u>không quá chín mươi (90) ngày</u> kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, đảm bảo số thành viên tối thiểu, <u>trừ trường hợp HDBank được kiểm soát đặc biệt.</u>	Điều 51.6 Luật Các tổ chức tín dụng.
8	Điều 15.6 Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của HDBank, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	<u>Giám sát thực trạng tài chính</u> , thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng đầu năm của Ngân hàng, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định các báo cáo này; đánh giá	Điều 52.4 Luật Các tổ chức tín dụng.

STT	Điều khoản sửa đổi	Quy định hiện hành	Quy định mới	Cơ sở pháp lý
			tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.	
9	Điều 15.10. b Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của HDBank, công việc quản lý, điều hành hoạt động của HDBank khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.	Kiểm tra sổ sách kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của HDBank, công việc quản lý, điều hành hoạt động của HDBank khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>hoặc theo yêu cầu của Ngân hàng nhà nước hoặc của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật.</u>	Điều 52.7 Luật Các tổ chức tín dụng
10	Điều 19.1. Cuộc họp của Ban kiểm soát	Cuộc họp thường kỳ: Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.	Cuộc họp thường kỳ: Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất <u>02 lần/năm</u> và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.	Điều 289.1 Nghị định 155; Điều 14 Phụ lục IV Thông tư 116.
11	Điều 19. 5 Số thành viên tham dự họp Ban kiểm soát	Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Ban kiểm soát có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Ban kiểm soát khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành	Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ <u>hai phần ba (2/3)</u> tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Ban kiểm soát có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Ban kiểm soát khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến	Điều 289.1 Nghị định 155 và Điều 14.1 Phụ lục IV Thông tư 116

STT	Điều khoản sửa đổi	Quy định hiện hành	Quy định mới	Cơ sở pháp lý
		viên trực tiếp dự họp.	chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.	

B. Các nội dung bổ sung

STT	Điều khoản bổ sung	Nội dung chi tiết	Cơ sở pháp lý
1	Điều 4.1 Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định nội bộ của Ban kiểm soát, đạo đức nghề nghiệp và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.	Điều 54.1 Luật Các tổ chức tín dụng.
2	Điều 4.6. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	Được quyền yêu cầu Người quản lý ngân hàng báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành HDBank.	Điều 54.5 Luật Các tổ chức tín dụng
3	Điều 6.8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của HDBank.	Điều 4.2 Phụ lục IV Thông tư 116; Điều 286.1 Nghị định 155.
4	Điều 7.2. Trưởng Ban kiểm soát	Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.	Điều 41.3 Luật Các tổ chức tín dụng
5	Điều 15.7. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của HDBank thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	Điều 52.5 Luật Các tổ chức tín dụng
6	Điều 15.8. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	Giám sát việc chấp hành các quy định về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của HDBank theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.	Điều 52.6 Luật Các tổ chức tín dụng

C. Các nội dung bãi bỏ

STT	Điều khoản bãi bỏ	Nội dung chi tiết	Cơ sở pháp lý
1	Điều 6.10. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.	Điều 41.3 Luật Các tổ chức tín dụng
2	Điều 7.2. Trưởng Ban kiểm soát	Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của Tổ chức tín dụng khác.	Điều 43.4 Luật Các tổ chức tín dụng
3	Điều 18.2. Nguyên tắc làm việc của Ban kiểm soát	Trưởng Ban kiểm soát trực tiếp chủ trì, kiểm tra những vụ việc phức tạp và có trách nhiệm phân công cho từng thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ được giao trước Trưởng Ban kiểm soát.	Điều 2 Phụ lục IV Thông tư 116.
4	Điều 18.3. Nguyên tắc làm việc của Ban kiểm soát	Ban kiểm soát phải lập chương trình công tác hàng năm. Đối với những vụ việc cần kiểm tra, giám sát đột xuất để có thể phát hiện sớm những sai sót và không làm ảnh hưởng đến hoạt động của HDBank thì Trưởng Ban kiểm soát có quyền cho phép thành viên Ban kiểm soát được trực tiếp thực hiện.	
5	Điều 18.4. Nguyên tắc làm việc của Ban kiểm soát	Các ý kiến của Ban kiểm soát trước khi báo cáo Đại hội đồng cổ đông phải đưa ra bàn bạc tập thể trong cuộc họp của Ban kiểm soát. Trường hợp chưa thống nhất, mỗi thành viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình.	

Số: .../2024/QĐ-BKS

Tp.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh

BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh (HDBank);
- Căn cứ Nghị quyết số .../2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày .../.../2024 về việc thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh”.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2024 và thay thế Quyết định số 01/2021/QĐ-BKS ngày 16/09/2021 của Ban kiểm soát v/v ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát HDBank.
- Điều 3.** Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc/Phó Giám đốc các Khối/Trung tâm, Trưởng/Phó Kiểm toán nội bộ, Trưởng Phòng/Ban Hội sở, Trưởng các Đơn vị kinh doanh và các Cán bộ nhân viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website HDBank – Thông tin cổ đông
- Lưu BKS.

TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

ĐÀO DUY TƯỜNG



QUY CHẾ

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Số công văn:/2024/QĐ-BKS
Mã hiệu văn bản:	01.QC/BKS
Lần và ngày ban hành:	03 –/...../2024

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank” hoặc Ngân hàng) đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ có liên quan của HDBank.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và các đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Các tài liệu có liên quan

1. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (“Luật Các tổ chức tín dụng”);
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (“Luật chứng khoán”);
3. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 (“Luật Doanh nghiệp”);
4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định 155”);
5. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Thông tư 116”);
6. Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 và Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30/8/2019 (“Thông tư 13”);
7. Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/9/2018 hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2019/TT-NHNN ngày 21/8/2019, Thông tư số 13/2020/TT-NHNN ngày 13/11/2020 và Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 (“Thông tư 22”);
8. Điều lệ hoạt động Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh (“Điều lệ HDBank”);
9. Các văn bản pháp luật và văn bản nội bộ của HDBank khác có liên quan;
10. Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) của các văn bản nêu tại Điều này tại từng thời điểm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của HDBank¹.
2. Người quản lý ngân hàng bao gồm Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ HDBank (nếu có)².
3. Người điều hành ngân hàng bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ HDBank (nếu có).³
4. Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.⁴
5. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:⁵
 - a. Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - b. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - c. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - d. Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;
 - e. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, kiểm soát viên, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;

¹ Điều 4.3 Luật Doanh nghiệp.

² Điều 4.26 Luật Các tổ chức tín dụng.

³ Điều 4.25 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁴ Điều 4.22 Luật Doanh nghiệp.

⁵ Điều 4.24 Luật Các tổ chức tín dụng.

- g. Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát.
- 6. Công ty mẹ của HDBank là công ty hoặc tổ chức tín dụng thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Sở hữu hoặc cùng với người có liên quan sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của HDBank;
 - b. Có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của HDBank;
 - c. Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của HDBank;
 - d. Có quyền trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát hoặc cùng với người có liên quan kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của HDBank.
- 7. Công ty con của HDBank là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:⁶
 - a. HDBank hoặc HDBank và người có liên quan của HDBank sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
 - b. HDBank có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
 - c. HDBank có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó;
 - d. HDBank hoặc HDBank và người có liên quan của HDBank trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó.
- 8. Các thuật ngữ được viết hoa nhưng không được định nghĩa tại Quy chế này có nghĩa như được quy định tại Điều lệ và văn bản có liên quan.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát⁷

- 1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định nội bộ của Ban kiểm soát, đạo đức nghề nghiệp và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
- 2. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 3. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng ban kiểm soát.
- 4. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.

⁶ Điều 4.9 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁷ Điều 54 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 173 Luật Doanh nghiệp.

5. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
6. Yêu cầu Người quản lý ngân hàng báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty con của HDBank, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.
7. Yêu cầu Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
8. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.
9. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
10. Thành viên Ban kiểm soát được thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những Người điều hành ngân hàng cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát; được Văn phòng Hội đồng quản trị cung cấp tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ HDBank và của pháp luật.
12. Trường hợp vi phạm các quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho HDBank hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho HDBank.⁸
13. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.⁹

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ít nhất 05 (năm) thành viên, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát thường trú tại Việt Nam.¹⁰
2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát.¹¹
3. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.¹²

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

⁸ Điều 3.5 Phụ lục IV Thông tư 116; Điều 173.5 Luật Doanh nghiệp

⁹ Điều 3.6 Phụ lục IV Thông tư 116; Điều 173.6 Luật Doanh nghiệp.

¹⁰ Điều 51.1 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 168.2 Luật Doanh nghiệp; Điều 4.3 Phụ lục IV Thông tư 116.

¹¹ Điều 51.4 Luật Các tổ chức tín dụng.

¹² Điều 4.4 Phụ lục IV Thông tư 116; Điều 168.3 Luật Doanh nghiệp.

1. Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều lệ HDBank;
2. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của HDBank;¹³
3. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của HDBank trong 03 (ba) năm liền trước đó;¹⁴
4. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN;¹⁵
5. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán¹⁶;
6. Không phải là người có quan hệ gia đình của Người quản lý ngân hàng, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại HDBank;¹⁷
7. Không phải là người có liên quan của Người quản lý ngân hàng;¹⁸
8. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của HDBank;¹⁹
9. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ HDBank (nếu có).

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.²⁰
2. Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;²¹
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát: ²²
 - a. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 15 Quy chế này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
 - b. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
 - c. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
 - d. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Điều 15 Quy chế này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
 - e. Điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.²³

¹³ Điều 286.2(a) Nghị định 155; Điều 5.1(đ) Phụ lục IV Thông tư 116.

¹⁴ Điều 286.2(b) Nghị định 155; Điều 5.1(e) Phụ lục IV Thông tư 116.

¹⁵ Điều 41.3(a) Luật các tổ chức tín dụng.

¹⁶ Điều 41.3 (b và c) Luật các tổ chức tín dụng.

¹⁷ Điều 169.2 Luật doanh nghiệp.

¹⁸ Điều 41.3(d) Luật các tổ chức tín dụng.

¹⁹ Điều 4.2 Phụ lục IV Thông tư 116; Điều 286.1 Nghị định 155.

²⁰ Điều 168.2 Luật Doanh nghiệp; Điều 6.2 Phụ lục IV Thông tư 116.

²¹ Điều 41.3 Luật Các tổ chức tín dụng.

²² Điều 53 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 115.5 Luật Doanh nghiệp.

²³ Điều 11.24 Phụ lục IV Thông tư 116.

- f. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
- g. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
- h. Chuẩn bị kế hoạch làm việc Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban kiểm soát.
- i. Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
- j. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
- k. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
- l. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ HDBank (nếu có).

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của HDBank có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:²⁴
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do các cổ đông khác đề cử, hoặc do Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ HDBank, Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng HDBank và Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.²⁵
2. Danh sách dự kiến bầu thành viên Ban kiểm soát phải được Ngân hàng nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu. Những người được bầu làm thành viên Ban kiểm soát phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng nhà nước chấp thuận.²⁶
3. HDBank phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách người được bầu làm thành viên Ban kiểm soát trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu.²⁷

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.²⁸

²⁴ Điều 61.10 Luật Các tổ chức tín dụng.

²⁵ Điều 285.2 Nghị định 155; Điều 7.2 Phụ lục IV Thông tư 116.

²⁶ Điều 44.1 Luật Các tổ chức tín dụng.

²⁷ Điều 44.3 Luật Các tổ chức tín dụng

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu,²⁹ theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ HDBank. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử được thông qua tại đại hội hoặc tại Điều lệ HDBank.³⁰

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát, thành viên khác của Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát và thành viên khác của Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Quy chế này;³¹
 - b. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị HDBank;³²
 - c. Bãi nhiệm khi không tham gia các hoạt động của Ban kiểm soát trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;³³
 - d. Bãi nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công, vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 4 Quy chế này;
 - e. Bãi nhiệm khi cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 22 Quy chế này và vi phạm các quy định khác theo Điều lệ HDBank (nếu có);³⁴
 - f. Miễn nhiệm/bãi nhiệm khi cơ quan có thẩm quyền bầu xét thấy cần thiết;³⁵
 - g. Các trường hợp khác do pháp luật, Điều lệ HDBank quy định (nếu có) hoặc theo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Trưởng Ban kiểm soát/thành viên khác của Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của HDBank phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu Trưởng Ban kiểm soát/thành viên khác của Ban kiểm soát bị khuyết theo các quy định của pháp luật.³⁶

²⁸ Điều 67.3(d) Luật Các tổ chức tín dụng.

²⁹ Điều 67.4(đ) Luật Các tổ chức tín dụng.

³⁰ Điều 148.3 Luật Doanh nghiệp; Điều 8.2 Phụ lục IV, Thông tư 116.

³¹ Điều 46.1(c) Luật Các TCTD.

³² Điều 46.1(a) Luật Các TCTD.

³³ Điều 46.1(b) Luật Các TCTD.

³⁴ Điều 174.2(c) Luật Doanh nghiệp; Điều 9.2(c) Phụ lục IV Thông tư 116.

³⁵ Điều 174.2(d) Luật Doanh nghiệp; Điều 9.2(d) Phụ lục IV Thông tư 116.

³⁶ Điều 46.3 Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Trưởng Ban kiểm soát và thành viên khác của Ban kiểm soát sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.³⁷

Điều 11. Đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát³⁸

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Chết;
 - b. Vi phạm quy định tại Điều lệ HDBank về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của HDBank khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
 - d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. HDBank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - g. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật, Điều lệ HDBank (nếu có).
2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của HDBank phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu thành viên Ban kiểm soát bị khuyết theo các quy định của pháp luật.³⁹
3. Thành viên Ban kiểm soát sau khi bị xác định đương nhiên mất tư cách vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.⁴⁰

Điều 12. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Quy chế này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị Ngân hàng nhà nước chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Ngân hàng nhà nước.
2. Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này làm Trưởng Ban kiểm soát.
3. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức thì phải gửi đơn đến Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ HDBank.
4. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị để trình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

³⁷ Điều 46.2 Luật Các tổ chức tín dụng.

³⁸ Điều 45 Luật Các tổ chức tín dụng.

³⁹ Điều 45.2 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁴⁰ Điều 45.3 Luật Các tổ chức tín dụng.

5. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này thì trong thời hạn không quá chín mươi (90) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, đảm bảo số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp HDBank được kiểm soát đặc biệt.⁴¹
6. Trong các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu tại cuộc họp gần nhất.

Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, HDBank thực hiện công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của HDBank để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của HDBank nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:⁴²
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới HDBank và các bên có liên quan của HDBank;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ HDBank.
 - g. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin của HDBank.

Điều 14. Đình chỉ, tạm đình chỉ Trưởng Ban kiểm soát, thành viên khác của Ban kiểm soát⁴³

1. Trường hợp HDBank bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng nhà nước thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên khác của Ban kiểm soát nếu xét thấy cần thiết.
2. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên khác của Ban kiểm soát vi phạm quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều lệ HDBank, vi phạm quy định khác của pháp luật và Điều lệ HDBank có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, hoặc không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 6 và khoản 2 Điều 7 Quy chế này, Ngân hàng nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát và

⁴¹ Điều 51.6 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁴² Điều 10.1 Phụ lục IV Thông tư 116.

⁴³ Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng.

các thành viên khác của Ban kiểm soát; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của HDBank miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

3. Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên khác của Ban kiểm soát có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng nhà nước và Ban kiểm soát của HDBank hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định pháp luật và Điều lệ HDBank.
3. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của HDBank về kế toán và báo cáo. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
5. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
6. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng đầu năm của Ngân hàng, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định các báo cáo này; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
7. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

8. Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.
9. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng.
10. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

11. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
12. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ này, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
13. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
14. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ HDBank.
15. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ HDBank.
16. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
17. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Ngân hàng.
18. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ của Ngân hàng và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
19. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng, tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết.

20. Kịp thời báo cáo NHNN về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 8, 12 và 15 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
21. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
22. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
23. Ban kiểm soát có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.
24. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày tiếp theo trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ HDBank và khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.⁴⁴
25. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ HDBank và của pháp luật.

Điều 16. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát⁴⁵

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát và/hoặc Trưởng Ban kiểm soát (trong trường hợp gửi thông báo mời tham gia cuộc họp Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo) cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do HDBank phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của HDBank lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng và cán bộ nhân viên của HDBank trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của HDBank theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 17. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:⁴⁶
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ HDBank, bao gồm cả trường hợp vi phạm về số

⁴⁴ Điều 11.14 Phụ lục IV Thông tư 116.

⁴⁵ Điều 171 Luật Doanh nghiệp; Điều 12 Phụ lục IV Thông tư 116.

⁴⁶ Điều 13.1 Phụ lục IV Thông tư 116; Điều 140.1(b), 140.1(c), 140.1(d) Luật Doanh nghiệp.

- thành viên độc lập của Hội đồng quản trị, thành viên không phải là Người điều hành ngân hàng tối thiểu theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;
- b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ HDBank;
 - c. Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng;
 - d. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
 - e. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ HDBank.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Trưởng Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho HDBank.⁴⁷
 3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được HDBank hoàn lại.⁴⁸ Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Chương IV

NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Nguyên tắc làm việc của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.⁴⁹

Điều 19. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. **Cuộc họp thường kỳ:** Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất 02 lần/năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. **Cuộc họp bất thường:**
 - a. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát hoặc bất kỳ thành viên Ban kiểm soát.
 - b. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường theo điểm a khoản này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện và tiêu chuẩn giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát, trình Ngân hàng nhà nước chấp thuận nhân sự dự kiến được bầu theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

⁴⁷ Điều 140.3 Luật Doanh nghiệp; Điều 13.2 Phụ lục IV Thông tư 116.

⁴⁸ Điều 13.3 Phụ lục IV Thông tư 116.

⁴⁹ Điều 2 Phụ lục IV Thông tư 116.

3. **Địa điểm họp:** Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đăng ký của HDBank.
4. **Thông báo và Chương trình họp:** Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau năm (05) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được gửi qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc phương tiện khác do Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền triệu tập cuộc họp quyết định, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát.

5. **Số thành viên tham dự họp Ban kiểm soát**

Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Ban kiểm soát có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Ban kiểm soát khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản về cuộc họp. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì được dán kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

6. **Biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát**

- a. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản về cuộc họp.
- b. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng thành viên yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- c. Nếu có nghi ngờ nào phát sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
- d. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp hoặc các nội dung tương tự tại những văn bản kế thừa Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn khác sẽ được coi là có quyền lợi liên quan đối với hợp đồng đó.
- e. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát dự họp có quyền tham gia biểu quyết chấp thuận (bao gồm cả trường hợp ủy quyền biểu quyết và gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản về cuộc họp). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên khác của Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).

7. **Lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản**

Trường hợp lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

- a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
- b. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

8. Biên bản họp Ban kiểm soát

- a. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được người ghi Biên bản và tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí người lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và Biên bản đó được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi Biên bản.
- b. Các Biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 20. Báo cáo hàng năm

1. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của HDBank.⁵⁰
 - b. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Ngân hàng, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.⁵¹
 - c. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.⁵²
 - d. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.⁵³
 - e. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa HDBank, Công ty con của HDBank, công ty khác do HDBank nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành ngân hàng khác và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa HDBank với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành ngân hàng

⁵⁰ Điều 290.2 và 290.3 Nghị định 155; Điều 16.4 Phụ lục IV Thông tư 116.

⁵¹ Điều 16.1 Phụ lục IV Thông tư 116.

⁵² Điều 16.2 Phụ lục IV Thông tư 116.

⁵³ Điều 290.1 Nghị định 155; Điều 16.3 Phụ lục IV Thông tư 116.

- khác của HDBank là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp của công ty đó trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.⁵⁴
- f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng khác.⁵⁵
 - g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.⁵⁶
2. Báo cáo hằng năm về kiểm toán nội bộ theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 13 gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.⁵⁷

Điều 21. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ HDBank và theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác trong tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.⁵⁸
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.⁵⁹
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của HDBank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của HDBank.⁶⁰

Điều 22. Cung cấp, công bố công khai thông tin

1. Thành viên Ban kiểm soát phải cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng văn bản cho với HDBank các thông tin sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, kiểm soát viên, Tổng giám đốc;⁶¹
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên.⁶²

⁵⁴ Điều 290.4 Nghị định 155; Điều 16.5 Phụ lục IV Thông tư 116.

⁵⁵ Điều 290.5 Nghị định 155; Điều 16.6 Phụ lục IV Thông tư 116.

⁵⁶ Điều 290.6 Nghị định 155; Điều 16.7 Phụ lục IV Thông tư 116.

⁵⁷ Điều 7.1, Điều 7.2(d) và Điều 7.3(b)(i) Thông tư 13.

⁵⁸ Điều 17.1 Phụ lục IV Thông tư 116; Điều 67.3(đ) Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 172.1 Luật Doanh nghiệp.

⁵⁹ Điều 17.2 Phụ lục IV Thông tư 116; Điều 172.2 Luật Doanh nghiệp.

⁶⁰ Điều 17.3 Phụ lục IV Thông tư 116; Điều 172.2 Luật Doanh nghiệp.

⁶¹ Điều 49.1(b) Luật Các tổ chức tín dụng.

⁶² Điều 49.1(a) Luật Các tổ chức tín dụng.

- c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;⁶³
- d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.⁶⁴
2. Việc công khai thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.⁶⁵
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của HDBank.⁶⁶
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa HDBank, Công ty con của HDBank, công ty khác do HDBank nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.⁶⁷
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.⁶⁸

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ HDBank. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.⁶⁹

Điều 24. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành HDBank, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.⁷⁰

Điều 25. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

⁶³ Điều 49.1(c) Luật Các tổ chức tín dụng.

⁶⁴ Điều 49.1(d) Luật Các tổ chức tín dụng.

⁶⁵ Điều 49.3 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁶⁶ Điều 18.3 Phụ lục IV Thông tư 116.

⁶⁷ Điều 18.4 Phụ lục IV Thông tư 116.

⁶⁸ Điều 18.5 Phụ lục IV Thông tư 116.

⁶⁹ Điều 19 Phụ lục IV Thông tư 116.

⁷⁰ Điều 20 Phụ lục IV Thông tư 116.

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị HDBank, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.⁷¹

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Ban kiểm soát ban hành.
2. Quy chế này thay thế Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát HDBank ban hành kèm theo Quyết định số 01/2021/QĐ-BKS ngày 16/09/2021.
3. Những nội dung khác về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của HDBank. Trong trường hợp có thay đổi về quy định pháp luật dẫn đến các nội dung tại Quy chế này không còn phù hợp thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm thay đổi.
4. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định tại Quy chế này do Ban Kiểm soát ban hành sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai Quy chế này.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc/Phó Giám đốc các Khối/Trung tâm, Trưởng/Phó Kiểm toán nội bộ, Trưởng Phòng/Ban Hội sở, Trưởng các Đơn vị kinh doanh và các Cán bộ nhân viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

Đến ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, Ban kiểm soát của HDBank có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế này được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ban hành kèm theo Quyết định số 01/2021/QĐ-BKS ngày 16/09/2021 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp HDBank bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.

Nơi nhận:

- Như Điều 26 (để thực hiện);
- Website HDBank – Thông tin cổ đông
- Lưu BKS.

TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

ĐÀO DUY TƯỜNG

⁷¹ Điều 21 Phụ lục IV Thông tư 116.